VỊ SỰ BÌNH ĐẲNG VÀ DÂN CHỦ TRONG GIÁO DỤC

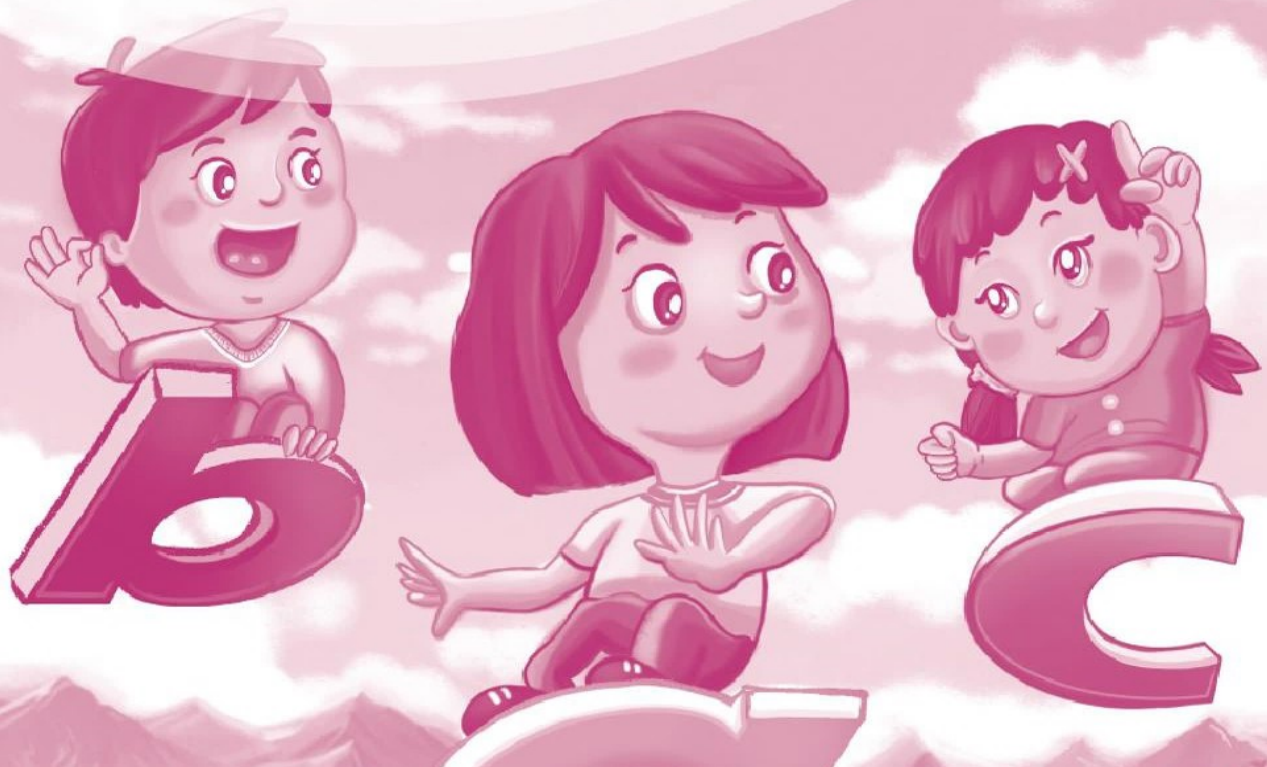
ĐỖ VIỆT HÙNG (Tổng Chủ biên) - **LÊ PHƯƠNG NGA** (Chủ biên)
THẠCH THỊ LAN ANH - LƯƠNG THỊ HIỀN

Tiếng Việt

SÁCH GIÁO VIÊN

1

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐỖ VIỆT HÙNG (Tổng Chủ biên) – LÊ PHƯƠNG NGA (Chủ biên)
THẠCH THỊ LAN ANH – LƯƠNG THỊ HIỀN

TIẾNG VIỆT 1

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐK	:	Đường kẻ
GV	:	Giáo viên
HS	:	Học sinh
MB	:	Miền Bắc
MN	:	Miền Nam
MRVT	:	Mở rộng vốn từ
SGK	:	Sách giáo khoa
tr.	:	trang
TV1/2	:	*Tập viết 1 – Tập hai*
VBT1/2	:	*Vở bài tập Tiếng Việt 1 – Tập hai*

EBD
VÌ SỰ BÌNH ĐẲNG VÀ DÂN CHỦ TRONG GIÁO DỤC

VẦN (Tiếp theo)

TUẦN 19

Bài 91. iêu yêu ươu

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **iêu, yêu, ươu**; các tiếng/ chữ có **iêu, yêu, ươu**; MRVT có tiếng chứa **iêu, yêu, ươu**.

– Đọc – hiểu bài *Hộp điều ước*; đặt và trả lời được câu hỏi về cách thể hiện tình yêu mẹ.

– Biết thể hiện tình cảm yêu thương người thân trong gia đình.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **cánh diều, yêu thương, con hươu**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **iêu, yêu, ươu, con hươu, yểu điệu**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

***Giới thiệu vần* iêu, yêu, ươu**

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **iêu**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***iê*** (đọc là ***ia*)*-u-iêu***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **iêu**: ***iê*** (đọc là ***ia*)*-u-iêu; iêu***; *vần **iêu** gồm có âm **iê** đứng trước, âm **u** đứng sau./ vần **iêu** gồm có âm **iê** và âm **u**.*

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **diều**: ***dờ-iêu-diêu-huyền-diều***; ***diều***; *tiếng **diều** gồm có âm **d**, vần **iêu** và **thanh huyền**.*

***Vần* yêu, ươu**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***yê*** (đọc là ***ia*)-*u*-*yêu*./ *ươ*** (đọc là ***ưa*)-*u*-*ươu***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **yêu**: ***yê*** (đọc là ***ia*)-*u*-*yêu***; ***yêu***; *vần **yêu** gồm có âm **yê** đứng trước, âm **u** đứng sau. (Vần **yêu** gồm có âm **yê** và âm **u**.)*/ vần **ươu**: ***ươ*** (đọc là ***ưa*)-*u*-*ươu***; ***ươu***; *vần **ươu** gồm có âm **ươ** đứng trước, âm **u** đứng sau. (Vần **ươu** gồm có âm **ươ** và âm **u**.)*

– HS đọc trơn, phân tích tiếng **yêu**: ***yêu***; *tiếng **yêu** gồm có vần **yêu**./* đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **hươu**: ***hờ-ươu-hươu***; ***hươu***; *tiếng **hươu** gồm có âm **h** và vần **ươu**.*

***Vần* iêu, yêu, ươu**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	cánh diều – diều – iêu
⬇	iê-u-iêu

⬇	yêu thương – yêu – yêu
⬇	yê-u-yêu

⬇	con hươu – hươu – ươu
⬇	ươ-u-ươu

Đọc từ ứng dụng

HS đọc các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần **iêu** là **siêu**, **phiếu**, **điệu**; tiếng chứa vần **yêu** là **yểu**; tiếng chứa vần **ươu** là **bươu***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*yểu điệu*: (phụ nữ) có dáng người mềm mại, thướt tha).

Tạo tiếng mới chứa vần *iêu, yêu, ươu*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **iêu** (sau đó là **ươu)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa. Riêng với vần **yêu,** GV hướng dẫn HS chỉ thay thanh.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *chiêu, chiều, điều, điệu, kiều, liễu, liệu, miêu, miều, miếu,...; yếu; bướu, khướu, nướu,...*).

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **iêu**. GV lưu ý HS nét nối giữa **i** và **ê**, **ê** và **u**.

– HS viết vào bảng con: **iêu**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **yêu**, **ươu**, **con hươu**, **yểu điệu**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Hộp điều ước*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ những ai? Trên tay bé đang cầm gì?* GV nói: *Để biết tay bé đang cầm gì, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **iêu**, **yêu**, **ươu**: **Kiều**, **niêu**, **hươu**, **điều**, **yêu**, **nhiều**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Bé Kiều ước điều gì? (*Bé Kiều ước được mẹ ôm.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Bạn thể hiện tình yêu mẹ như thế nào?*** (*Mình ôm mẹ mỗi khi đi học về/ thơm tạm biệt mẹ mỗi sáng đi học...)*

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.3: **iêu, yêu, ươu, yểu điệu, con hươu** (chữ cỡ vừa).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***iêu***, ***yêu***, ***ươu***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***iêu***, ***yêu***, ***ươu*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 92. oa oe

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **oa, oe**; các tiếng/ chữ có **oa**, **oe**; MRVT có tiếng chứa **oa**, **oe**.

– Đọc – hiểu bài *Tô màu cho đúng;* đặt và trả lời được câu đố về tên những loài hoa có màu đỏ.

– Có ý thức quan sát màu sắc trong tự nhiên, chăm chỉ, cẩn thận trong học tập, làm việc.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **hoạ sĩ**, **múa xoè**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **oa**, **oe**, **hoạ sĩ**, **múa xoè**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

***Giới thiệu vần* oa, oe**

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **oa**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-a-oa***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oa**: ***o-a-oa***; ***oa***; *vần* ***oa*** *gồm có âm* ***o*** *đứng trước, âm* ***a*** *đứng sau./ vần* ***oa*** *gồm có âm* ***o*** *và âm* ***a***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **hoạ**: ***hờ-oa-hoa-nặng-hoạ***; ***hoạ***; *tiếng* ***hoạ*** *gồm có âm* ***h***, *vần* ***oa*** *và* ***thanh nặng***.

Vần **oe**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-e-oe***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oe**: ***o-e-oe***; ***oe***; *vần* ***oe*** *gồm có âm* ***o*** *đứng trước, âm* ***e*** *đứng sau./ vần* ***oe*** *gồm có âm* ***o*** *và âm* ***e***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **xoè**: ***xờ-oe-xoe-huyền-xoè***; ***xoè***; *tiếng* ***xoè*** *gồm có âm* ***x***, *vần* ***oe*** *và* ***thanh huyền***.

Vần **oa, oe**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	hoạ sĩ – hoạ – oa
⬇	o-a-oa

⬇	múa xoè – xoè – oe
⬇	o-e-oe

Đọc từ ứng dụng

HS đọc các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần **oa** là **hoa**, **loa**, **hoả**; tiếng chứa vần **oe** là **loè**, **choè***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*lập loè*: ánh sáng phát ra từ điểm nhỏ, lúc loé lên, lúc mờ đi, lúc ẩn lúc hiện; ví dụ: *Đom đóm lập loè trong đêm.*).

Tạo tiếng mới chứa vần *oa, oe*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **oa** (sau đó là **oe)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *đoá, goá, hoà, hoá, hoả, khoa, khoá, loà, loá, ngoa, nhoà, toa, toà,...; choé, hoe, hoè, hoẹ, khoe, khoé, khoẻ, loe, loé, ngoe, ngoé, nhoe, nhoè,...*).

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **oa**. GV lưu ý HS nét nối giữa **o** và **a**.

– HS viết vào bảng con: **oa**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **oe**, **hoạ sĩ**, **múa xoè**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh (dấu nặng đặt dưới **a** trong **hoạ**, dấu huyền đặt trên **e** trong **xoè)**.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Tô màu cho đúng*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ ai? Bạn nhỏ đang làm gì?* GV nói: *Để biết bạn nhỏ đang làm gì, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **oa**, **oe**: **choè**, **hoe, hoa**, **hoè**, **toả**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Khi vẽ tranh, em cần chú ý điều gì? (*Em cần chú ý tô màu cho đúng.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Hoa gì cần tô màu đỏ?*** (*Hoa phượng, hoa dâm bụt, hoa hồng,...*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.3-4: **oa, oe, hoạ sĩ, múa xoè** (chữ cỡ vừa).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***oa***, ***oe***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***oa***, ***oe*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 93. uê uy uya

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **uê, uy, uya**; các tiếng/ chữ có **uê**, **uy**, **uya**; MRVT có tiếng chứa **uê**, **uy**, **uya**.

– Đọc – hiểu bài *Cây vạn tuế;* đặt và trả lời được câu đố về tên những loài cây có rễ buông xuống như cái mành che.

– Biết quan sát, ghi nhớ đặc điểm của cây; yêu quý, chăm sóc cây cối trong vườn nhà.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **hoa huệ**, **huy hiệu**, **đêm khuya**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **uê**, **uy**, **uya**, **hoa huệ, huy hiệu, đêm khuya**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

Giới thiệu vần uê, uy, uya

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **uê**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-ê-uê***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **uê**: ***u-ê-uê***; ***uê***; *vần **uê** gồm có âm **u** đứng trước, âm **ê** đứng sau./ vần **uê** gồm có âm **u** và âm **ê**.*

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **huệ**: ***hờ-uê-huê-nặng-huệ***; ***huệ***; *tiếng **huệ** gồm có âm **h**, vần **uê** và **thanh nặng**.*

***Vần* uy, uya**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-y-uy***./ ***u-ya*** (đọc là ***ia*)-*uya***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **uy**: ***u-y-uy***; ***uy***; *vần **uy** gồm có âm **u** đứng trước, âm **y** đứng sau. (Vần **uy** gồm có âm **u** và âm **y**.)*/ vần **uya**: ***u-ya*** (đọc là ***ia*)-*uya***; ***uya***; *vần **uya** gồm có âm **u** đứng trước, âm **ya** đứng sau. (Vần **uya** gồm có âm **u** và âm **ya**.)*

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **huy**: ***hờ-uy-huy***; ***huy***; *tiếng **huy** gồm có âm **h** và vần **uy**./* tiếng **khuya**: ***khờ-uya-khuya***; ***khuya***; *tiếng **khuya** gồm có âm **kh** và vần **uya**.*

***Vần* uê, uy, uya**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	hoa huệ – huệ – uê
⬇	u-ê-uê

⬇	huy hiệu – huy – uy
⬇	u-y-uy

⬇	đêm khuya – khuya – uya
⬇	u-ya-uya

Đọc từ ứng dụng

HS đọc các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần **uê** là **Khuê**; tiếng chứa vần **uy** là **thuỷ**, **khuy**; tiếng chứa vần **uya** là **tuya***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*Khuê Văn Các*: tên một lầu vuông tám mái nằm trong khu di tích lịch sử Văn Miếu – Quốc Tử Giám; *phéc mơ tuya*: dây khoá kéo).

Tạo tiếng mới chứa vần *uê, uy, uya*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **uê** (sau đó là **uy, uya)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *huê, huề, huế, nhuệ, suê, tuế, tuệ, thuê, thuế, xuê, xuề, xuể,...; chuỳ, huỷ, khuy, luỹ, luỵ, nhuy, phuy, suy, suý, tuy, tuỳ, tuý, tuỷ,...; tuya.*). GV có thể lưu ý HS các từ ngữ có tiếng chứa vần **uya** thường hay sử dụng: *đêm khuya, khuya khoắt, phéc mơ tuya.*

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **uê**. GV lưu ý HS nối nét giữa **u** và **ê**.

– HS viết vào bảng con: **uê**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **uy**, **uya**, **hoa huệ, huy hiệu, đêm khuya**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh (dấu nặng đặt dưới **ê** trong **huệ**, dấu nặng đặt dưới **ê** trong **hiệu**).

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Cây vạn tuế*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Trong tranh có cây gì?* GV nói: *Để biết rõ hơn về cây và nhân vật trong tranh, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **uê**, **uy**, **uya**: **Thuỷ**, **tuế**, **khuya**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Cây vạn tuế như thế nào? (*Cây vạn tuế rất đẹp./ Thân cây to, lá mọc thành vòng tròn tựa như chim công đang xoè đuôi.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Cây gì có rễ buông mành?*** (*cây đa, cây si*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.4: **uê, uy, uya, hoa huệ, huy hiệu, đêm khuya** (chữ cỡ vừa).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***uê***, ***uy***, ***uya***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***uê***, ***uy***, ***uya*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 94. oan oat

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **oan, oat**; các tiếng/ chữ có **oan**, **oat**; MRVT có tiếng chứa **oan**, **oat**.

– Đọc – hiểu bài *Cò và vạc;* đặt và trả lời được câu hỏi dự đoán về vạc sau bài đọc.

– Có ý thức chăm chỉ học hành, biết phê phán người lười.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **mũi khoan**, **hoạt hình**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **oan, oat, mũi khoan, hoạt hình**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

***Giới thiệu vần* oan, oat**

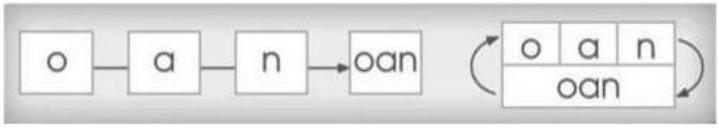
Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **oan**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-a-nờ-oan***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oan**: ***o-a-nờ-oan; oan;*** *vần* ***oan*** *gồm có 3 âm: âm* ***o****, âm* ***a*** *và âm* ***n***.

– HS đọc mô hình vần **oan**.



– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **khoan**: ***khờ-oan-khoan; khoan;*** *tiếng* ***khoan*** *gồm có âm* ***kh*** *và vần* ***oan***.

Vần **oat**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-a-tờ-oát***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oat**: ***o-a-tờ-oát***; ***oat***; *vần* ***oat*** *gồm có 3 âm: âm* ***o***, *âm* ***a*** *và âm* ***t***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **hoạt**: ***hờ-oát-hoát-nặng-hoạt***; ***hoạt***; *tiếng* ***hoạt*** *gồm có âm* ***h***, *vần* ***oat*** *và* ***thanh nặng***.

Vần **oan**, **oat**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	mũi khoan – khoan – oan
⬇	o-a-n-oan

⬇	hoạt hình – hoạt – oat
⬇	o-a-t-oat

Đọc từ ứng dụng

HS đọc các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần* ***oan*** *là* ***xoan***; *tiếng chứa vần* ***oat*** *là* ***soát***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*soát vé*: xem kĩ, kiểm tra thông tin trên vé).

Tạo tiếng mới chứa vần *oan, oat*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **oan** (sau đó là **oat)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *đoan, đoán, đoản, đoạn, hoan, hoàn, hoán, hoạn, loan, loạn,...; đoạt, khoát, loát, loạt, soạt, toát, thoát, thoạt,...*).

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **oan**. GV lưu ý HS nét nối giữa **o** và **a**, **a** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **oan**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **oat**, **mũi khoan, hoạt hình**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh (dấu nặng đặt dưới **a** trong **hoạt**).

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Cò và vạc*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS đọc tên bài và trả lời câu hỏi: *Tên bài nhắc đến những nhân vật nào?* GV nói: *Để biết rõ hơn về cò và vạc, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **oan**, **oat**: **hoàn toàn**, **ngoan ngoãn**, **(lưu) loát**, **toán**, **toát**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Cò và vạc khác nhau như thế nào? (*Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ và thông minh. Vạc thì lười biếng, ngủ suốt ngày, chả chịu học hành gì.*)

GV có thể gợi ý:

+ Cò thế nào?

+ Vạc thế nào?

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Bạn đoán xem vạc sẽ thế nào?*** (*Vạc sẽ học kém/ có kết quả không tốt/ không hiểu bài/ nhận ra mình sai và chăm học hơn...*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.4-5: **oan, oat, mũi khoan, hoạt hình** (chữ cỡ vừa).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***oan***, ***oat***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***oan***, ***oat*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 95. Ôn tập

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết được các vần, các tiếng/ chữ chứa vần đã học trong tuần: **iêu, yêu, ươu, oa, oe, uê, uy, uya, oan, oat**; MRVT có tiếng chứa: **iêu, yêu, ươu, oa, oe, uê, uy, uya, oan, oat**.

– Đọc – hiểu bài *Thăm bảo tàng;* ham thích tìm hiểu những hiện vật, tài liệu lịch sử, có tình cảm yêu kính, biết ơn Bác Hồ.

– Viết (tập viết) đúng kiểu chữ thường, cỡ vừa các từ ngữ ứng dụng; viết (chính tả nghe – viết) chữ cỡ vừa câu ứng dụng; viết (tập viết) đúng kiểu chữ thường, cỡ nhỏ: **c, x, o, a, đ, n, b, k, y, s**.

– Kể được câu chuyện ngắn *Việc tốt của Nam* bằng 4 – 5 câu; hiểu được ý nghĩa câu chuyện khuyên ta cần biết quan tâm, giúp đỡ những người xung quanh khi họ gặp khó khăn; bước đầu hình thành được phẩm chất nhân ái.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Bảng phụ viết sẵn: **vải thiều, hoan hô**; **c, x, o, a, đ, n, b, k, y, s**.

– *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập viết sẵn bài , (SGK tr.14).

– Tranh minh hoạ bài đọc *Thăm bảo tàng;* tranh minh hoạ câu chuyện *Việc tốt của Nam*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

GV có thể giới thiệu bài bằng các cách đã biết: khai thác hai tranh vẽ **cái loa, bé khóc oe oe** hoặc mô hình vần **oa, oe** hoặc yêu cầu HS đưa ra các vần đã học trong tuần **iêu, yêu, ươu, oa, oe, uê, uy, uya, oan, oat**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc *(ghép âm, vần, thanh thành tiếng)*

– HS quan sát, đọc thầm bài trong SGK tr.14.

– HS đọc cá nhân, nối tiếp các tiếng ghép được ở cột 4 (*niêu, yếu, bướu, toả, xoè, thuê, nhuỵ, khuya, hoãn, thoát*). GV chỉnh sửa phát âm cho HS và có thể hướng dẫn HS làm rõ nghĩa của tiếng vừa ghép được theo các cách đã biết (nếu thấy cần thiết).

– HS đọc lại các vần đã học ở cột 2: **iêu, yêu, ươu, oa, oe, uê, uy, uya, oan, oat**.

Tìm từ ngữ phù hợp với tranh

– HS đọc các từ ngữ ứng dụng ở bài trong SGK tr.14.

– HS tìm và nối tranh phù hợp với từ trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết.

Viết

Viết vào bảng con

– HS quan sát chữ mẫu: **vải thiều**.

– HS nhận xét về độ cao của các chữ cái, cách đặt dấu thanh, cách nối nét.

– HS quan sát GV viết mẫu: **vải thiều**.

– HS viết bảng con: **vải thiều**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **hoan hô**.

Viết vào vở Tập viết

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.5: **vải thiều, hoan hô** (chữ cỡ vừa).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Thăm bảo tàng*

Giới thiệu bài đọc

– GV có thể đặt câu hỏi để HS trả lời: *Tên bài đọc là gì? (Thăm bảo tàng)*

– GV nói: *Bảo tàng là nơi cất giữ các vật cho ta biết được những việc đã diễn ra trước đây. Chúng mình cùng tìm hiểu xem ai đi thăm bảo tàng và bảo tàng có gì nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo. GV chú ý ngắt hơi đúng:

Buổi tham quan/ giúp Loan và các bạn/ hiểu thêm về Bác Hồ/ và càng kính yêu Bác.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Cô giáo đưa Loan và các bạn đi đâu? (*Cô giáo đưa Loan và các bạn đi thăm bảo tàng.)*

Viết (vào vở Chính tả, nghe – viết)

Viết chữ dễ viết sai chính tả vào bảng con/ vở nháp

– GV đọc to một lần hai câu:

Cô hướng dẫn viên giới thiệu từng hiện vật. Các bạn chăm chú lắng nghe.

– GV đọc, HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả vào bảng con/ vở nháp, ví dụ: *hiện vật, lắng nghe*. 1 – 2 HS lên bảng viết. GV quan sát, yêu cầu HS đánh vần, viết lại nếu viết sai.

Viết vào vở Chính tả

– GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.

– GV lưu ý HS cách trình bày vào vở: *Viết lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu đặt dấu chấm.*

– GV đọc rõ ràng, chậm rãi từng từ/ cụm từ, mỗi từ/ cụm từ đọc 2 – 3 lần. HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, cầm bút chuẩn bị chữa bài.

– GV đọc lại một lần cả hai câu và yêu cầu HS rà soát lỗi. Nếu HS viết sai, GV hướng dẫn các em sửa lại.

– GV chữa trên bảng những lỗi phổ biến.

– HS đổi vở, rà soát và sửa lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có)[1].

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– Tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần đã học trong tuần và đặt câu với từ ngữ tìm được.

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Từ hôm nay, các em sẽ học viết chữ cỡ nhỏ. Trong bài học này, chúng ta sẽ tập viết một số chữ cái cỡ nhỏ.*

Viết vào bảng con

– GV treo bảng phụ/ slide viết sẵn chữ: **c, x** (cỡ vừa và nhỏ).

– HS đọc: **c, x**. HS so sánh độ cao, độ rộng của từng cặp chữ cỡ vừa và nhỏ.

– GV hướng dẫn HS viết chữ **c, x** cỡ nhỏ. GV viết mẫu.

– HS luyện viết vào bảng con. GV quan sát, sửa chữa cho HS.

Thực hiện tương tự với các chữ, nhóm chữ: **o, a, đ** (nét cong kín + nét móc + nét ngang); **n** (nét móc); **b, k, y** (nét khuyết + nét thắt + nét móc); **s** (nét xiên + nét xoắn + nét cong).

---

[1] Từ các bài Chính tả (Nghe – viết) sau, sách sẽ không nhắc lại quy trình đầy đủ như đã nêu trong bài này.

Viết vào vở Tập viết

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.5-6: **c, x, o, a, đ, n, b, k, y, s** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

Lưu ý: Sau tiết học này, từ tuần 20 đến tuần 22, GV cho HS luyện viết hạ cỡ chữ bằng cách viết từ ngữ song song hai cỡ chữ (chữ cỡ vừa và chữ cỡ nhỏ). Vở *TV1/2* đã thiết kế cụ thể, việc viết nhiều hay ít tuỳ thuộc vào khả năng của từng HS. GV giúp HS hình thành ý thức viết chữ rõ ràng, ngay ngắn, dễ đọc, đúng kiểu, không nên tạo áp lực luyện chữ cho các em.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Xem – kể: Việc tốt của Nam

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem tranh hình cụ già đang xách nặng (tranh đã được phóng to) và trả lời câu hỏi của GV: *Nếu em gặp cụ già này ở ngoài đường, em sẽ làm gì?*

a. Em hỏi thăm rồi xách đồ giúp cụ.

b. Em không hỏi gì vì cụ là người lạ.

– HS chọn đáp án tuỳ theo ý riêng của mình.

– GV: *Cậu bé Nam trong câu chuyện có ứng xử giống em không, chúng ta cùng nhau xem tranh và kể chuyện.*

2. Kể theo từng tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Bà cụ xách hai túi đồ như thế nào? (Bà cụ xách hai túi đồ nặng.)*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Nam nói gì với bà cụ?* (*Nam liền nói với bà: "Bà ơi! Bà để cháu xách giúp ạ!"*)

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Sau đó, Nam làm gì?* (*Sau đó, Nam xách túi đồ hộ bà.*)

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Câu chuyện kết thúc như thế nào?* (*Nam cùng bà về đến tận nhà, bà cảm ơn Nam.*)

– HS trả lời câu hỏi: *Nam cảm thấy thế nào?* (*Nam cảm thấy rất vui vì đã làm được một việc tốt.*)

3. Kể toàn bộ câu chuyện

3.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4 (hoặc nhóm 5)

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4; HS5 – Nói về cảm xúc của Nam.

3.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh và nói câu về lời cảm ơn của Nam trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Một hôm, Nam gặp một bà cụ xách hai túi đồ nặng. Nam liền nói với bà: "Bà ơi! Bà để cháu xách giúp ạ!". Thế rồi, Nam xách túi đồ hộ bà. Nam cùng bà về đến tận nhà, bà cảm ơn Nam. Nam cảm thấy rất vui vì đã làm được một việc tốt. (5 câu)

+ Một hôm, Nam gặp một bà cụ xách hai túi đồ nặng trĩu. Trông bà rất mệt nhọc, toát cả mồ hôi. Nam liền nói với bà: "Bà ơi! Bà để cháu xách giúp ạ!". Bà xoa đầu Nam và khen: "Cháu ngoan quá!". Rồi Nam đỡ lấy túi đồ từ tay bà. Hai bà cháu vừa đi vừa nói chuyện vui vẻ. Nam cùng bà về đến tận nhà. Cậu đặt túi đồ ở cửa rồi xin phép về. Bà cụ vui vẻ cảm ơn Nam. Nam (cũng) cảm thấy rất vui vì đã làm được một việc tốt. (11 câu)

3.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.

– 3 – 4 HS lên bảng, vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.

– Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

4. Mở rộng

GV: *Cậu bé Nam có gì đáng yêu?* (*Nam rất tốt bụng/ biết giúp đỡ người khác.*)

5. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

Bài 96. oăn oăt

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **oăn, oăt**; các tiếng/ chữ có **oăn, oăt**; MRVT có tiếng chứa **oăn, oăt**.

– Đọc – hiểu bài *Sáng kiến của bé*; nói được lời khen phù hợp với nhân vật trong bài.

– Biết thể hiện tình cảm yêu quý, chăm sóc các loài vật nuôi trong nhà.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **tóc xoăn, chỗ ngoặt**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **oăn, oăt, tóc xoăn, loắt choắt**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

***Giới thiệu vần* oăn, oăt**

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **oăn**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-á-nờ-oăn***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oăn**: ***o-á-nờ-oăn***; ***oăn***; *vần* ***oăn*** *gồm có 3 âm: âm* ***o****, âm* ***ă*** *và âm* ***n***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **xoăn**: ***xờ-oăn-xoăn***; ***xoăn***; *tiếng* ***xoăn*** *gồm có âm* ***x*** *và vần* ***oăn***.

Vần **oăt**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-á-tờ-oắt***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oăt**: ***o-á-tờ-oắt; oăt;*** *vần* ***oăt*** *gồm có 3 âm: âm* ***o****, âm* ***ă*** *và âm* ***t****.*

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **ngoặt**: ***ngờ-oắt-ngoắt-nặng-ngoặt; ngoặt;*** *tiếng* ***ngoặt*** *gồm có âm* ***ng,*** *vần* ***oăt*** *và* ***thanh nặng****.*

***Vần* oăn, oăt**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	tóc xoăn – xoăn – oăn
⬇	o-ă-n-oăn

⬇	chỗ ngoặt – ngoặt – oăt
⬇	o-ă-t-oăt

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần* ***oăn*** *là* ***khoăn, khoắn****; tiếng chứa vần* ***oăt*** *là* ***loắt, choắt, hoắt****.* GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*băn khoăn*: đang phải nghĩ ngợi, không biết nên làm thế nào).

Tạo tiếng mới chứa vần *oăn, oăt*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **oăn** (sau đó là **oăt)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *loăn, ngoằn, thoăn, xoắn,...; khoắt, ngoắt, thoắt,...*). GV có thể lưu ý HS các từ ngữ có tiếng chứa **oăn, oăt** thường hay sử dụng: *khoẻ khoắn, băn khoăn, xoăn tít, loắt choắt, chỗ/ bước ngoặt, nhọn hoắt, khuya khoắt, thoăn thoắt,...*

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **oăn**. GV lưu ý HS nét nối giữa **o** và **ă**, **ă** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **oăn**. GV chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **oăt, tóc xoăn, loắt choắt**. GV lưu ý HS: *Từ bài học này, các vần được viết cỡ vừa, từ ngữ ứng dụng viết cỡ vừa và cỡ nhỏ.*

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Sáng kiến của bé*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS đọc tên bài và nói: *Bé có sáng kiến gì nhỉ? Chúng mình cùng đọc bài để biết nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **oăn, oăt**: **thoăn thoắt, xoăn, (chạy) ngoắt**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Bé làm cách nào để mèo nhảy vào chậu nước? (*Bé đặt con chuột bằng nhựa vào chậu nước.*)

GV (*): *Nếu là bé, em sẽ làm gì để mèo nhảy vào chậu nước?* (*Em sẽ thả con cá vào chậu nước./ Em sẽ thả đồ chơi mèo thích vào chậu nước...*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Bạn hãy nói một câu khen bé.*** (*Bé thật thông minh/ sáng dạ/ nhanh trí/ nhiều sáng kiến,...*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.6-7: **oăn, oăt** (chữ cỡ vừa); **tóc xoăn, loắt choắt** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***oăn, oăt***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***oăn, oăt*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 97. oen oet

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **oen, oet**; các tiếng/ chữ có **oen, oet**; MRVT có tiếng chứa **oen, oet**.

– Đọc – hiểu bài *Bận việc*; đặt và trả lời được câu hỏi về tên các hoạt động chơi ở nhà.

– Ham muốn khám phá thế giới xung quanh thông qua các hoạt động vui chơi.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **nhoẻn cười, đục khoét**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **oen, oet, nhoẻn cười, loè loẹt**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

Giới thiệu vần oen, oet

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **oen**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-e-nờ-oen***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oen**: ***o-e-nờ-oen***; ***oen***; *vần* ***oen*** *gồm có 3 âm: âm* ***o,*** *âm* ***e*** *và âm* ***n***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **nhoẻn**: ***nhờ-oen-nhoen-hỏi-nhoẻn***; ***nhoẻn***; *tiếng* ***nhoẻn*** *gồm có âm* ***nh,*** *vần* ***oen*** *và* ***thanh hỏi***.

Vần **oet**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-e-tờ-oét***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oet**: ***o-e-tờ-oét***; ***oet***; *vần* ***oet*** *gồm có 3 âm: âm* ***o,*** *âm* ***e*** *và âm* ***t***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **khoét**: ***khờ-oét-khoét-sắc-khoét***; ***khoét***; *tiếng* ***khoét*** *gồm có âm* ***kh,*** *vần* ***oet*** *và* ***thanh sắc***.

Vần **oen, oet**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	nhoẻn cười – nhoẻn – oen
⬇	o-e-n-oen

⬇	đục khoét – khoét – oet
⬇	o-e-t-oet

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần* ***oen*** *là* ***xoèn***; *tiếng chứa vần* ***oet*** *là* ***loẹt, xoẹt, nhoẹt***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết.

Tạo tiếng mới chứa vần *oen, oet*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **oen** (sau đó là **oet**) để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *hoen, nhoen, xoen,...; loét, nhoét, toét, xoét,...*).

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **oen**. GV lưu ý HS nét nối giữa **o** và **e**, **e** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **oen**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **oet, nhoẻn cười, loè loẹt**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Bận việc*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát bốn tranh vẽ và trả lời câu hỏi: *Các bức tranh này vẽ ai? Bạn ấy đang làm gì?* GV nói: *Để biết rõ hơn về các việc bạn nhỏ làm, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **oen, oet**: **xoèn xoẹt, nhoen nhoét, khoét, (toe) toét**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Bi làm những việc gì? (*Bi xé giấy để làm tranh xé dán, chơi trò cưa gỗ, đổ nước vào khay, nhồi bột làm bánh, rung chuông, khoét lỗ để trồng cây.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Ở nhà, bạn hay chơi gì?*** *(Ở nhà, tớ hay chơi xếp hình, búp bê, đồ hàng,...)*

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.7: **oen, oet** (chữ cỡ vừa); **nhoẻn cười, loè loẹt** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***oen, oet***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***oen, oet*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 98. uân uât

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **uân, uât**; các tiếng/ chữ có **uân, uât**; MRVT có tiếng chứa **uân, uât**.

– Đọc – hiểu bài *Chim non chào đời*; đặt và trả lời được câu hỏi dự đoán về cảm xúc của sáo mẹ khi sáo con ra đời.

– Biết quan sát, yêu quý các loài vật xung quanh.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **tuần lộc, luật sư**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **uân, uât, tuần lộc, luật sư**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

Giới thiệu vần uân, uât

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **uân**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-ở-nờ-uân***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **uân**: ***u-ớ-nờ-uân***; ***uân***; *vần **uân** gồm có 3 âm: âm **u**, âm **â** và âm **n**.*

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **tuần**: ***tờ-uân-tuân-huyền-tuần***; ***tuần***; *tiếng **tuần** gồm có âm **t**, vần **uân** và **thanh huyền**.*

***Vần* uât**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-ớ-tờ-uất***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **uât**: ***u-ớ-tờ-uất***; ***uât***; *vần **uât** gồm có 3 âm: âm **u**, âm **â** và âm **t**.*

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **luật**: ***lờ-uất-luất-nặng-luật***; ***luật***; *tiếng **luật** gồm có âm **l**, vần **uât** và **thanh nặng**.*

***Vần* uân, uât**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	tuần lộc – tuần – uân
⬇	u-â-n-uân

⬇	luật sư – luật – uât
⬇	u-â-t-uât

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần **uân** là **xuân, thuận**; tiếng chứa vần **uât** là **xuất, thuật***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*tường thuật*: kể lại rõ ràng, chi tiết những sự việc đã và đang xảy ra (*tường thuật trực tiếp trận bóng đá*)).

Tạo tiếng mới chứa vần *uân, uât*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **uân** (sau đó là **uât)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *chuẩn, huân, huấn, khuân, luân, luận, nhuần, nhuận, tuân, tuấn, thuần, truân,...; khuất, suất, tuất, truất,...*).

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **uân**. GV lưu ý HS nét nối giữa **â** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **uân**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **uât, tuần lộc, luật sư**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Chim non chào đời*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ những gì?* (*Tranh vẽ tổ chim, chim mẹ đang ấp trứng, những quả trứng đang nở ra những chú chim non,...*). GV nói: *Để biết rõ hơn về chim mẹ và ổ trứng, chúng ta cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **uân, uât**: **khuất, tuần, (mùa) xuân, xuất (hiện)**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Sáo mẹ đang làm gì? (*Sáo mẹ đang chào đón những đứa con ra đời.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Bạn đoán xem: Khi sáo con ra đời, sáo mẹ cảm thấy như thế nào?*** (*Khi sáo con ra đời, sáo mẹ thấy hồi hộp, vui sướng/ vui mừng, phấn khởi,...*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.8: **uân, uât** (chữ cỡ vừa); **tuần lộc, luật sư** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***uân, uât***.

– Tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***uân, uât*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 99. uyn uyt

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **uyn, uyt**; các tiếng/ chữ có **uyn, uyt**; MRVT có tiếng chứa **uyn, uyt**.

– Đọc – hiểu bài *Giờ ngủ*; đặt và trả lời được câu hỏi về lí do phải đi ngủ đúng giờ.

– Có ý thức đi ngủ đúng giờ.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **màn tuyn, xe buýt**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **uyn, uyt, màn tuyn, xe buýt**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

***Giới thiệu vần* uyn, uyt**

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **uyn**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-y-nờ-uyn***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **uyn**: ***u-y-nờ-uyn; uyn***; *vần* ***uyn*** *gồm có 3 âm: âm* ***u****, âm* ***y*** *và âm* ***n***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **tuyn**: ***tờ-uyn-tuyn; tuyn;*** *tiếng* ***tuyn*** *gồm có âm* ***t*** *và vần* ***uyn***.

Vần **uyt**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-y-tờ-uýt***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **uyt**: ***u-y-tờ-uýt; uyt;*** *vần* ***uyt*** *gồm có 3 âm: âm* ***u****, âm* ***y*** *và âm* ***t***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **buýt**: ***bờ-uýt-buýt-sắc-buýt; buýt;*** *tiếng* ***buýt*** *gồm có âm* ***b,*** *vần* ***uyt*** *và* ***thanh sắc***.

***Vần* uyn, uyt**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	màn tuyn – tuyn – uyn
⬇	u-y-n-uyn

⬇	xe buýt – buýt – uyt
⬇	u-y-t-uyt

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần* ***uyn*** *là* ***luyn****; tiếng chứa vần* ***uyt*** *là* ***suỵt, huýt, xuýt***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết.

Tạo tiếng mới chứa vần *uyn, uyt*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **uyn** (sau đó là **uyt)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *tuyn, luyn; buýt, huýt, suỵt, suýt, xuýt,...*). GV có thể lưu ý HS các từ ngữ có tiếng chứa **uyn, uyt** thường hay sử dụng đã được nhắc đến trong bài học: *màn tuyn, dầu luyn, xe buýt, huýt sáo, xuýt xoa, suỵt,...*

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **uyn**. GV lưu ý HS nét nối giữa **u** và **y, y** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **uyn**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **uyt, màn tuyn, xe buýt**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Giờ ngủ*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Bác nông dân đang làm gì? Các con vật đang làm gì?* GV nói: *Để biết bác nông dân và các con vật đang làm gì, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **uyn, uyt**: **tuýt tuýt, huýt (còi), suỵt, (dầu) luyn, (màn) tuyn**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Bác nông dân làm gì? (*Bác nông dân huýt còi giục các bạn trong trang trại đi ngủ./ Bác nông dân rửa sạch bàn tay đầy dầu luyn máy kéo, chui vào màn tuyn.*)

Nói và nghe

HS thay nhau hỏi đáp theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Vì sao chúng ta phải đi ngủ đúng giờ?*** (*Chúng ta phải đi ngủ đúng giờ để cao lớn/ để cơ thể phát triển khoẻ mạnh/ để ngày hôm sau học tập tốt...*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.8-9: **uyn, uyt** (chữ cỡ vừa); **màn tuyn, xe buýt** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***uyn, uyt***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***uyn, uyt*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 100. Ôn tập

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết được các vần, các tiếng/ chữ chứa các vần đã học trong tuần: **oăn, oăt, oen, oet, uân, uât, uyn, uyt**; MRVT có tiếng chứa: **oăn, oăt, oen, oet, uân, uât, uyn, uyt**.

– Đọc – hiểu bài *Làm việc*; biết thể hiện tình yêu, tình cảm gắn bó với người thân thông qua việc quan tâm đến hoạt động của các thành viên trong gia đình.

– Viết (tập viết) đúng kiểu chữ thường, cỡ vừa và nhỏ từ ngữ ứng dụng; viết (chính tả nhìn – viết) chữ cỡ nhỏ câu ứng dụng; tô được chữ *A* hoa cỡ vừa và nhỏ.[1]

[1] Từ bài học này, HS luyện viết chính tả (nhìn – viết hoặc nghe – viết) chữ cỡ nhỏ, tô chữ hoa cỡ vừa và nhỏ. Sách sẽ không nhắc lại hướng dẫn này ở các bài học sau.

– Kể được câu chuyện ngắn *Chiếc bánh rán ngốc nghếch* bằng 4 – 5 câu; hiểu được ý nghĩa câu chuyện khuyên ta không nên kiêu ngạo, chủ quan, thích nghe những lời phỉnh nịnh dẫn đến những việc làm ngốc nghếch.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Bảng phụ viết sẵn: ***hoen rỉ, sản xuất***; *A* hoa đặt trong khung chữ mẫu, ***châu Á*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

– *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập viết sẵn bài , (SGK tr.24).

– Tranh minh hoạ bài đọc *Làm việc;* tranh minh hoạ câu chuyện *Chiếc bánh rán ngốc nghếch.*

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

GV có thể giới thiệu bài bằng các cách đã biết: khai thác hai tranh vẽ **hai bạn oẳn tù tì, khỉ chuyền cành thoăn thoắt** hoặc mô hình vần **oăn, oăt** hoặc yêu cầu HS đưa ra các vần đã học trong tuần: **oăn, oăt, oen, oet, uân, uât, uyn, uyt**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc *(ghép âm, vần, thanh thành tiếng)*

– HS quan sát, đọc thầm bài trong SGK tr.24.

– HS đọc cá nhân, nối tiếp các tiếng ghép được ở cột 4 (*xoắn, ngoặt, hoen, khoét, chuẩn, thuật, luyn, suyt*). GV chỉnh sửa phát âm cho HS và có thể hướng dẫn HS làm rõ nghĩa của tiếng vừa ghép được theo các cách đã biết (nếu thấy cần thiết).

– HS đọc lại các vần đã học ở cột 2: **oăn, oăt, oen, oet, uân, uât, uyn, uyt**.

Tìm từ ngữ phù hợp với tranh

– HS đọc các từ ngữ ứng dụng ở bài trong SGK tr.24.

– HS tìm và nối tranh phù hợp với từ trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*hoen rỉ*: sắt bị gỉ, ăn loang ra nhiều chỗ).

Viết

Viết vào bảng con

– HS quan sát chữ mẫu: **hoen rỉ**.

– HS nhận xét về độ cao của các chữ cái, cách đặt dấu thanh, cách nối nét.

– HS quan sát GV viết mẫu: **hoen rỉ**.

– HS viết bảng con: **hoen rỉ**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **sản xuất**.

Viết vào vở Tập viết

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.9: **hoen rỉ, sản xuất** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Làm việc*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS xem tranh và trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì?* GV nói: *Để biết rõ hơn việc các nhân vật đang làm, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Bố và bé là những người như thế nào? (*Bố và bé là những người chăm chỉ.*)

Viết (vào vở Chính tả, nhìn – viết)

– HS nhìn vào SGK tr.25, đọc câu:

Bố nhìn bé mỉm cười:

– Bố con mình chăm chỉ!

– GV giới thiệu: *Trong hai dòng thơ có sử dụng 3 dấu câu: dấu hai chấm, dấu gạch ngang, dấu chấm than.*

– GV lưu ý HS các chữ dễ viết sai chính tả: *mỉm cười, chăm chỉ.*

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở: *Viết lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu dòng thơ, đặt dấu chấm than khi kết thúc hai câu thơ.*

– HS nhìn – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, đọc chậm để soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

Lưu ý: Từ Tuần 20, HS luyện tô chữ viết hoa theo mẫu trong vở *TV1/2*. Vì vậy, khi thực hành viết chính tả cũng như viết câu sáng tạo, HS viết chữ viết hoa theo mẫu đã tô hoặc viết chữ in hoa đều được. Theo tinh thần mở của chương trình, SGK cũng không quy định chữ in hoa hay viết hoa. GV linh hoạt áp dụng, chú ý giúp HS có ý thức viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– Tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần đã học trong tuần và đặt câu với từ ngữ tìm được.

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

– GV nêu yêu cầu của các tiết Tập viết rời từ tuần 20 đến tuần 34: *Từ tuần 20 đến tuần 34, các em sẽ tập tô các chữ viết hoa cỡ vừa và nhỏ, tô chữ viết hoa trong các từ ngữ ứng dụng.*

– GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ A hoa.*

Hướng dẫn tô chữ A hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ A hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng (*cao 5 li, rộng 5 li rưỡi*). GV mô tả: *Chữ A hoa gồm 3 nét: nét 1 gần giống nét móc ngược trái nhưng hơi lượn sang bên phải ở phía trên, nét 2 là nét móc ngược phải, nét 3 là nét lượn ngang.*

– GV nêu quy trình tô chữ *A* hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình): *Đặt bút ở ĐK3, tô nét 1 đến ĐK6 thì dừng lại, chuyển hướng bút tô tiếp nét 2, đến ĐK2 thì dừng lại, lia bút lên khoảng giữa thân chữ, gần phía bên trái nét 1, tô nét lượn ngang thân chữ (từ trái qua phải).*

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ *A* hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ *A* hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng (*cao 2 li rưỡi, rộng gần 3 li*). GV giới thiệu: *Tương tự cách tô chữ A hoa cỡ vừa, các em tô chữ A hoa cỡ nhỏ.*

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***châu Á*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***châu Á*** *chỉ một phần của bề mặt trái đất được phân chia theo quy ước./ Bề mặt trái đất chia thành 5 châu,* ***châu Á*** *là một trong số các châu đó. Châu Á gồm nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***châu Á***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...[1]

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.9-10: **A** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **châu Á** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Nghe – kể: Chiếc bánh rán ngốc nghếch

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem hình ảnh bánh rán và sói, trả lời câu hỏi của GV: *Đây là nhân vật nào? (bánh rán, sói).*

– GV: *Bánh rán ngốc nghếch lại gặp một tên sói già ranh mãnh. Chuyện gì sẽ xảy ra? Các em cùng nghe câu chuyện.*

2. Nghe GV kể

– HS nghe GV kể 2 – 3 lần câu chuyện *Chiếc bánh rán ngốc nghếch*. Văn bản như sau:

CHIẾC BÁNH RÁN NGỐC NGHẾCH

1. Một hôm, nhân lúc ông bà không để ý, bánh rán liền nhảy tót ra đường chơi. Nó vừa đi vừa hát:

Ta là bánh rán ròn ròn ròn
Chân ta chạy lon ton
Bỏ ông ta đi
Bỏ bà ta đi

[1] Từ các tiết tập viết sau, quy trình dạy viết sẽ được thực hiện như ở tiết này, sách chỉ trình bày ngắn gọn.

2. Đi đến gần cửa rừng, bánh rán gặp sói, sói giả giọng ngọt ngào nịnh bánh rán:

– Ôi, bánh rán, em mới xinh đẹp và hát hay làm sao. Em hãy hát cho chị nghe nào!

Bánh rán tưởng thật, liền hát.

– Ôi em hát hay quá, nhưng tai chị nghễnh ngãng. Hãy nhảy lên mũi chị hát để chị nghe được rõ hơn.

Bánh rán tưởng thật, nhảy lên mũi sói, tiếp tục hát.

3. – Ôi, hay tuyệt vời. Em có thể trèo lên lưỡi của chị hát và nhảy múa không?

Bánh rán phỉnh mũi sung sướng khi được nịnh. Nó không kịp nghĩ ngợi gì, nhảy tót lên lưỡi sói. Nhưng chưa kịp cất câu hát "Ta là bánh rán ròn ròn ròn" thì sói đã há miệng ra định nuốt chửng bánh rán.

4. Bỗng một tiếng quát vang lên:

– Sói già, muốn chết không?

Ông của bán rán xuất hiện với một cái búa trong tay. Sói co cẳng chạy làm bánh rán rơi xuống đất.

Ông đỡ bánh rán dậy. Cậu ta được một phen hú vía.

– GV cần đọc kĩ văn bản để nhớ các chi tiết và xác định được kĩ thuật kể phù hợp. *Lưu ý*: Kĩ thuật kể gồm giọng kể, nhịp điệu kể, ngắt giọng tâm lí linh hoạt, phù hợp nội dung biểu hiện của chuyện. Đồng thời, GV phối hợp tư thế, cử chỉ, nét mặt khi kể chuyện hợp lí, tăng biểu cảm cho lời kể chuyện của mình. Bên cạnh đó, GV có thể sáng tạo bằng cách: dùng thủ pháp mở đầu câu chuyện để thu hút HS; thêm một số từ ngữ đánh giá, biểu cảm cho lời kể chuyện; thêm lời dẫn dắt kết nối giữa các đoạn kể;…Từ những bài học *Nói và nghe (Kể chuyện)* sau, GV chủ động xác định kĩ thuật kể phù hợp. Sách GV chỉ cung cấp một số gợi ý cơ bản về kĩ thuật kể.

Đối với câu chuyện này, GV chú ý kĩ thuật kể như sau:

+ Phân biệt giọng người dẫn chuyện và lời nhân vật

+ Lời hát bánh rán: kiêu căng, tự mãn

+ Lời sói: phỉnh nịnh, ngọt ngào

+ Giọng ông của bánh rán: đanh thép, rõ ràng

Hết đoạn 3, GV có thể dừng ngắt giọng tâm lí dừng lại hơi lâu để tạo sự hồi hộp.

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Bánh rán đã làm gì?* (*Bánh rán nhảy ra đường chơi.*)

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Nghe sói nịnh, bánh rán đã làm gì ngốc nghếch?* (*Nghe sói nịnh, bánh rán nhảy lên mũi, lên lưỡi sói mà hát.*)

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Sói đã làm gì với bánh rán?* (*Sói há miệng định nuốt chửng bánh rán.*)

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Câu chuyện kết thúc như thế nào?* (*Ông của bánh rán quát to làm sói bỏ chạy, bánh rán rơi xuống thoát nạn.*)

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Một hôm, bánh rán nhảy ra đường chơi. Nghe sói nịnh, bánh rán nhảy lên mũi, lên lưỡi sói mà hát. Sói há miệng định nuốt chửng bánh rán. Đúng lúc đó, ông của bánh rán quát to làm sói bỏ chạy, bánh rán rơi xuống thoát nạn. (4 câu)

+ Một hôm, nhân lúc ông bà không để ý, bánh rán nhảy ra đường chơi. Một tên sói ranh mãnh nhìn thấy bánh rán vừa đi vừa hát, liền rắp tâm ăn thịt bánh rán. Sói giả giọng ngọt ngào: "Ôi! Em bánh rán mới xinh đẹp và hát hay làm sao! Hãy nhảy lên mũi chị mà hát để chị nghe rõ đi!". Bánh rán thích quá, nhảy tót lên mũi sói mà hát. Sói lại bảo: "Hãy nhảy lên lưỡi chị mà hát để chị nghe rõ hơn nữa nào!". Bánh rán liền nhảy luôn vào lưỡi sói. Sói há miệng định nuốt chửng bánh rán. Đúng lúc đó, ông của bánh rán xuất hiện với cây búa trên tay quát to: "Sói già, muốn chết không?". Sói hoảng hồn co cẳng chạy thục mạng làm bánh rán rơi xuống đất. Bánh rán thoát nạn nhưng được một phen hú vía! (10 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.

– 3 – 4 HS lên bảng, vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.

– Với lớp HS khá – giỏi, GV có thể cho HS thi đóng vai. Phân vai: Bánh rán, sói già, ông của bánh rán. GV là người dẫn chuyện để giúp khớp nối các nhân vật nhịp nhàng.

– Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

5. Mở rộng

GV: *Bánh rán là nhân vật như thế nào?* (*Ngốc nghếch, ngây thơ, chủ quan, tin người,…*)

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

Bài 101. uyên uyêt

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **uyên, uyêt**; các tiếng/ chữ có **uyên, uyêt**; MRVT có tiếng chứa **uyên, uyêt**.

– Đọc – hiểu bài *Đố trăng*; đặt và trả lời được câu hỏi về thời gian trăng sáng nhất.

– Có ý thức quan sát, ham thích tìm hiểu thiên nhiên.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **kể chuyện, trăng khuyết**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **uyên, uyêt, kể chuyện, băng tuyết**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

***Giới thiệu vần* uyên, uyêt**

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **uyên**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-yê*** (đọc là ***ia***)***-nờ-uyên***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **uyên**: ***u-yê*** (đọc là ***ia***)***-nờ-uyên***; ***uyên***; *vần* ***uyên*** *gồm có 3 âm: âm* ***u,*** *âm* ***yê*** *và âm* ***n***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **chuyện**: ***chờ-uyên-chuyên-nặng-chuyện***; ***chuyện***; *tiếng* ***chuyện*** *gồm có âm* ***ch,*** *vần* ***uyên*** *và* ***thanh nặng***.

Vần **uyêt**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-yê*** (đọc là ***ia***)***-tờ-uyết***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **uyêt**: ***u-yê*** (đọc là ***ia*)-*tờ*-*uyết***; ***uyêt***; *vần* ***uyêt*** *gồm có 3 âm: âm* ***u,*** *âm* ***yê*** *và âm* ***t***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **khuyết**: ***khờ-uyết-khuyết-sắc-khuyết***; ***khuyết***; *tiếng* ***khuyết*** *gồm có âm* ***kh,*** *vần* ***uyêt*** *và* ***thanh sắc***.

***Vần* uyên, uyêt**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	kể chuyện – chuyện – uyên
⬇	u-yê-n-uyên

⬇	trăng khuyết – khuyết – uyêt
⬇	u-yê-t-uyêt

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần* ***uyên*** *là* ***chuyền, khuyên***; *tiếng chứa vần* ***uyêt*** *là* ***tuyết, duyệt***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết.

Tạo tiếng mới chứa vần *uyên, uyêt*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **uyên** (sau đó là **uyêt)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *chuyên, chuyển, duyên, huyên, huyền, huyện, luyến, luyện, nguyên, nguyền, nguyện,...; huyết, huyệt, nguyệt, tuyệt, thuyết, xuyết,...*).

Viết (vào bảng con)[1]

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **uyên**. GV lưu ý HS nối nét giữa **u** và **y**, **ê** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **uyên**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **uyêt, kể chuyện, băng tuyết**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Đố trăng*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ những ai? Các bạn ấy đang làm gì?* GV nói: *Để biết hai bạn trong tranh đang làm gì, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

---

[1] GV có thể cho HS sử dụng vở nháp để viết từ ngữ ứng dụng nếu viết bảng con không đủ chỗ. Sách sẽ không nhắc lại ở những bài sau.

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **uyên, uyêt**: **khuyết, thuyền**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Những hôm trăng khuyết, trăng giống cái gì? (*Trăng giống con thuyền, giống lưỡi liềm, giống quả chuối vàng tươi.*)

GV (*): *Những hôm trăng tròn, trăng giống cái gì? (Trăng giống cái mâm vàng, giống quả bóng.)*

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Hôm nào trăng sáng nhất?*** (*Hôm rằm/ đêm giữa tháng/ đêm ngày 15 Âm lịch hằng tháng, trăng sáng nhất.*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.10: **uyên, uyêt, kể chuyện, băng tuyết** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***uyên, uyêt***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***uyên, uyêt*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 102. oam oăm oap

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **oam, oăm, oap**; các tiếng/ chữ có **oam, oăm, oap**; MRVT có tiếng chứa **oam, oăm, oap**.

– Đọc – hiểu bài *Sóng biển*; đặt và trả lời được câu hỏi về các từ ngữ tả sóng.

– Ham thích quan sát, tìm hiểu về sóng biển và biển.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **ngoạm hàng, sâu hoắm, ì oạp**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **oam, oăm, oap, sâu hoắm, xồm xoàm, ì oạp**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

***Giới thiệu vần* oam, oăm, oap**

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **oam, oăm**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-a-mờ-oam***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oam**: ***o-a-mờ-oam***; ***oam***; *vần* ***oam*** *gồm có 3 âm: âm* ***o,*** *âm* ***a*** *và âm* ***m***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **ngoạm**: ***ngờ-oam-ngoam-nặng-ngoạm***; ***ngoạm***; *tiếng* ***ngoạm*** *gồm có âm* ***ng***, *vần* ***oam*** *và* ***thanh nặng***.

– GV hỏi: *Trong vần* ***oam***, *nếu thay âm* ***a*** *bằng âm* ***ă*** *thì em được vần gì?*

– HS trả lời: *Em được vần* ***oăm***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oăm**: ***o-á-mờ-oăm***; ***oăm***; *vần* ***oăm*** *gồm có 3 âm: âm* ***o,*** *âm* ***ă*** *và âm* ***m***.

– GV giới thiệu: *Như vậy, chúng ta có thêm vần mới:* ***oăm***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **hoắm**: ***hờ-oăm-hoăm-sắc-hoắm***; ***hoắm***; *tiếng hoắm gồm có âm* ***h***, *vần* ***oăm*** *và* ***thanh sắc***.

Vần **oap**

Thực hiện tương tự như với vần **oăm** (cho HS thay âm **m** bằng âm **p** trong vần **oam**).

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oap**: ***o-a-pờ-oáp***; ***oap***; *vần* ***oap*** *gồm có 3 âm: âm* ***o,*** *âm* ***a*** *và âm* ***p***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **oạp**: ***oáp-nặng-oạp***; ***oạp***; *tiếng* ***oạp*** *gồm có vần* ***oap*** *và* ***thanh nặng***.

Vần **oam, oăm, oap**

– HS nêu 3 vần mới vừa học: ***oam, oăm, oap***.

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK. Đọc theo thứ tự từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. Khi có bạn đọc thì các bạn khác đọc thầm và chỉ tay theo:

⬇	ngoạm hàng – ngoạm – oam
⬇	o-a-m-oam

⬇	sâu hoắm – hoắm – oăm
⬇	o-ă-m-oăm

⬇	ì oạp – oạp – oap
⬇	o-a-p-oap

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần **oam** là **xoàm**; tiếng chứa vần **oăm** là **khoằm***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*xồm xoàm*: nhiều tóc, râu, trông bờm xờm).

Tạo tiếng mới chứa vần *oam, oăm*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **oam** (sau đó là **oăm)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *ngoàm, nhoam, nhoàm, oàm,...; hoắm, khoằm,...*). GV có thể lưu ý HS các từ ngữ có tiếng chứa **oam, oăm** thường hay sử dụng: *xồm xoàm, nhồm nhoàm, ngoạm hàng, sâu hoắm, mũi khoằm,...*

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **oam**. GV lưu ý HS nét nối giữa **o** và **a, a** và **m**.

– HS viết vào bảng con: **oam**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **oăm, oap, sâu hoắm, xồm xoàm, ì oạp**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Sóng biển*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể đặt câu hỏi cho HS trả lời: *Em đã đi biển bao giờ chưa? Em nghe thấy tiếng sóng thế nào?* GV nói: *Bài đọc hôm nay có tên Sóng biển, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **oam, oăm, oap**: **oàm oạp, (mũi) khoằm**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Sóng kể chuyện gì cho Na nghe? (*Sóng kể chuyện về chú dã tràng tinh nghịch. Sóng kể chuyện về bà phù thuỷ có cái mũi khoằm.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Trong bài có một từ tả sóng. Bạn biết thêm từ nào nữa?*** (*Trong bài có một từ tả sóng: oàm oạp. Mình biết thêm từ rì rào, ào ạt, ì ầm, ầm ầm, ào ào, lao xao, thì thầm,...*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.11: **oam, oăm, oap** (chữ cỡ vừa); **xồm xoàm, sâu hoắm, ì oạp** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***oam, oăm, oap***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***oam, oăm, oap*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 103. oang oac

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **oang, oac**; các tiếng/ chữ có **oang, oac**; MRVT có tiếng chứa **oang, oac**.

– Đọc – hiểu bài *Cục tác*; đặt và trả lời được câu hỏi về những người đáng thương đã từng gặp.

– Hiểu được về các loài vật đáng thương xung quanh; biết thể hiện tình yêu thương loài vật.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **hoàng tử, xoạc chân**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **oang, oac, hoàng tử, xoạc chân**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

***Giới thiệu vần* oang, oac**

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **oang**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-a-ngờ-oang***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oang**: ***o-a-ngờ-oang***; ***oang***; *vần* ***oang*** *gồm có 3 âm: âm* ***o,*** *âm* ***a*** *và âm* ***ng***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **hoàng**: ***hờ-oang-hoang-huyền-hoàng***; ***hoàng***; *tiếng* ***hoàng*** *gồm có âm* ***h,*** *vần* ***oang*** *và* ***thanh huyền***.

Vần **oac**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-a-cờ-oác***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oac**: ***o-a-cờ-oác***; ***oac***; *vần* ***oac*** *gồm có 3 âm: âm* ***o****, âm* ***a*** *và âm* ***c***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **xoạc**: ***xờ-oác-xoác-nặng-xoạc***; ***xoạc***; *tiếng* ***xoạc*** *gồm có âm* ***x,*** *vần* ***oac*** *và* ***thanh nặng***.

Vần **oang, oac**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	hoàng tử – hoàng – oang
⬇	o-a-ng-oang

⬇	xoạc chân – xoạc – oac
⬇	o-a-c-oac

Đọc từ ứng dụng

HS đọc các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần* ***oang*** *là* ***loáng, hoàng***; *tiếng chứa vần* ***oac*** *là* ***khoác, toác***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết.

Tạo tiếng mới chứa vần *oang, oac*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **oang** (sau đó là **oac)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *choang, choàng, choáng, choảng, choạng, đoàng, đoảng, hoang, loang, loãng,...; choạc, hoác, ngoác, ngoạc, toạc,...).*

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **oang**. GV lưu ý HS nét nối giữa **o** và **a, a** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **oan**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **oac, hoàng tử, xoạc chân**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Cục tác*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ những con vật nào?* GV nói: *Để biết chuyện gì đang xảy ra với các con vật, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **oang, oac**: **toang toác, (mèo) hoang**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Vì sao chị gà kêu toang toác? (*Vì chị thấy một lão mèo hoang trông rất dữ tợn.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Bạn đã từng gặp ai đáng thương?*** (*Mình đã từng gặp những em bé mồ côi/ bạn nhỏ không có bố, mẹ/ những cụ già không có nhà cửa/ những em bé sinh ra đã hỏng mắt...*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.11-12: **oang, oac** (chữ cỡ vừa); **hoàng tử, xoạc chân** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***oang, oac***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***oang, oac*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 104. oăng oăc

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **oăng, oăc**; các tiếng/ chữ có **oăng, oăc**; MRVT có tiếng chứa **oăng, oăc**.

– Đọc – hiểu bài *Chuyện của sâu nhỏ*; nói được lời cảm ơn, thể hiện niềm vui phù hợp với nhân vật trong bài.

– Biết chia sẻ nỗi buồn của mình, thể hiện niềm vui, lòng biết ơn khi được giúp đỡ.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **con hoẵng, ngoặc tay**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **oăng, oăc, con hoẵng, ngoặc tay**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

Giới thiệu vần oăng, oăc

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **oăng**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-á-ngờ-oăng***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oăng**: ***o-á-ngờ-oăng***; ***oăng***; *vần* ***oăng*** *gồm có 3 âm: âm* ***o,*** *âm* ***ă*** *và âm* ***ng***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **hoẵng**: ***hờ-oăng-hoăng-ngã-hoẵng***; ***hoẵng***; *tiếng* ***hoẵng*** *gồm có âm* ***h,*** *vần* ***oăng*** *và* ***thanh ngã***.

***Vần* oăc**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-á-cờ-oắc***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oăc**: ***o-á-cờ-oắc***; ***oăc***; *vần* ***oăc*** *gồm có 3 âm: âm* ***o***, *âm* ***ă*** *và âm* ***c***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **ngoặc**: ***ngờ-oắc-ngoắc-nặng-ngoặc***; ***ngoặc***; *tiếng* ***ngoặc*** *gồm có âm* ***ng,*** *vần* ***oăc*** *và* ***thanh nặng***.

***Vần* oăng, oăc**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	con hoẵng – hoẵng – oăng
⬇	o-ă-ng-oăng

⬇	ngoặc tay – ngoặc – oăc
⬇	o-ă-c-oăc

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần* ***oăng*** *là* ***loằng, ngoằng, thoắng***; *tiếng chứa vần* ***oăc*** *là* ***ngoặc***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*nói liến thoắng*: nói liên tục, quá nhanh).

Tạo tiếng mới chứa vần *oăng, oăc*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **oăng** (sau đó là **oăc)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *ngoẵng, nhoằng,...; hoắc, hoặc, ngoắc,...*). GV có thể lưu ý HS các từ ngữ có tiếng chứa **oăng, oăc** thường hay sử dụng đã được nhắc đến trong bài học: *con hoẵng, loằng ngoằng, nói liến thoắng, ngoặc tay, dấu ngoặc,...*

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **oăng**. GV lưu ý HS nét nối giữa **o** và **ă**, **ă** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **oăng**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **oăc, con hoẵng, ngoặc tay**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Chuyện của sâu nhỏ*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát tranh và hỏi: *Tranh vẽ gì?* GV nói: *Để biết câu chuyện giữa hai chú sâu, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **oăng, oăc**: **ngoắc (tay), (dài) ngoằng, (liến) thoắng, (dài) ngoẵng**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Sâu nhỏ buồn bã vì điều gì? (*Sâu nhỏ buồn bã vì bị giun đất chê ngắn.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Sâu nhỏ sẽ nói gì với mẹ?*** (*Sâu nhỏ sẽ nói với mẹ: Con cảm ơn mẹ ạ!/ Mẹ ơi, mẹ thật tuyệt vời!...)*

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.12: **oăng, oăc** (chữ cỡ vừa); **con hoẵng, ngoặc tay** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***oăng, oăc***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***oăng, oăc*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 105. Ôn tập

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết được các vần, các tiếng/ chữ chứa vần đã học trong tuần: **uyên, uyêt, oam, oăm, oap, oang, oac, oăng, oăc**; MRVT có tiếng chứa: **uyên, uyêt, oam, oăm, oap, oang, oac, oăng, oăc**.

– Đọc – hiểu bài *Cò và cáo;* bước đầu hình thành được kĩ năng giải quyết tình huống sáng tạo, hiểu được cần có tấm lòng nhân ái, rộng mở với bạn bè.

– Viết (tập viết) đúng kiểu chữ thường, cỡ vừa và nhỏ từ ngữ ứng dụng; viết (chính tả nghe – viết) câu ứng dụng; tô được chữ *Ă, Â* hoa.

– Kể được câu chuyện ngắn *Quạ và công* bằng 4 – 5 câu; hiểu được ý nghĩa câu chuyện khuyên ta không nên hấp tấp, vội vàng và tham lam.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Bảng phụ viết sẵn: ***đàn nguyệt, áo choàng***; *Ă, Â* hoa đặt trong khung chữ mẫu, ***châu Âu*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2)*.

– *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập viết sẵn bài , (SGK tr.34).

– Tranh minh hoạ bài đọc *Cò và cáo;* tranh minh hoạ câu chuyện *Quạ và công.*

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

GV có thể giới thiệu bài bằng các cách đã biết: khai thác hai tranh vẽ **đôi khuyên tai, thùa khuyết** hoặc mô hình vần **uyên, uyêt** hoặc yêu cầu HS đưa ra các vần đã học trong tuần: ***uyên, uyêt, oam, oăm, oap, oang, oac, oăng, oăc***.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc (*ghép âm, vần, thanh thành tiếng*)

– HS quan sát, đọc thầm bài trong SGK tr.34.

– HS đọc cá nhân, nối tiếp các tiếng ghép được ở cột 4 (*khuyển, tuyệt, ngoạm, hoắm, oạp, choàng, toác, hoẵng, hoặc*). GV chỉnh sửa phát âm cho HS và có thể hướng dẫn HS làm rõ nghĩa của tiếng vừa ghép được theo các cách đã biết (nếu thấy cần thiết).

– HS đọc lại các vần đã học ở cột 2: **uyên, uyêt, oam, oăm, oap, oang, oac, oăng, oăc**.

Tìm từ ngữ phù hợp với tranh

– HS đọc các từ ngữ ứng dụng ở bài Q trong SGK tr.34.

– HS tìm và nối tranh phù hợp với từ trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*vòng xuyến*: vòng xoay ở ngã tư để chỉ hướng lưu thông của xe cộ).

Viết

Viết vào bảng con

– HS quan sát chữ mẫu: **đàn nguyệt**.

– HS nhận xét về độ cao của các chữ cái, cách đặt dấu thanh, cách nối nét.

– HS quan sát GV viết mẫu: **đàn nguyệt**.

– HS viết bảng con: **đàn nguyệt**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **áo choàng**.

Viết vào vở Tập viết

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.13: **đàn nguyệt, áo choàng** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Cò và cáo*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS đọc tên bài và trả lời câu hỏi: *Tên bài nhắc đến những ai?* GV nói: *Để biết rõ hơn về cò và cáo, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo cặp, theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Cò đã làm gì để dạy cáo một bài học? (*Cò bỏ thức ăn vào một cái lọ, mời cáo ăn. Cổ lọ hẹp, cáo không ăn được.)*

Viết (vào vở Chính tả, nghe – viết)

– GV đọc to một lần câu: **Cáo không ăn được, xấu hổ, cúp đuôi chuồn thẳng**.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *xấu hổ, cúp đuôi*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần đã học trong tuần và đặt câu với từ ngữ tìm được.

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ Ă, Â hoa.*

Hướng dẫn tô chữ Ă, Â hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***Ă, Â*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả: *Chữ **Ă, Â** hoa cỡ vừa và nhỏ có cấu tạo như chữ A đã học, chữ **Ă** có thêm nét cong dưới nhỏ (nét á), chữ **Â** có thêm nét gãy khúc tạo thành dấu mũ ở trên đầu (nét ớ).*

– GV nêu quy trình tô chữ ***Ă, Â*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***Ă, Â*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***Ă, Â*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***châu Âu*** (trên bảng phụ). GV giải thích thêm: ***châu Âu*** *chỉ một phần của bề mặt trái đất được phân chia theo quy ước./ Bề mặt trái đất chia thành 5 châu,* ***châu Âu*** *là một trong số các châu đó.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***châu Âu***, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr13-14): **Ă** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Â** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **châu Âu** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Nghe – kể: Quạ và công

1. Khởi động – Giới thiệu bài

– HS xem tranh nhân vật quạ và công (tranh đã được phóng to) và trả lời câu hỏi của GV: *Bộ lông quạ và công khác nhau thế nào? (Bộ lông quạ thì đen, bộ lông công thì nhiều màu.)*

– GV: *Để biết vì sao bộ lông của chúng khác nhau, các em cùng nghe câu chuyện.*

2. Nghe GV kể

– HS nghe GV kể 2 – 3 lần câu chuyện *Quạ và công*. Văn bản như sau:

QUẠ VÀ CÔNG

1. Ngày xưa, quạ và công đều có bộ lông xám xịt. Một hôm, hai bạn gặp nhau bàn bạc tìm màu vẽ lại bộ lông cho đẹp.

2. Đầu tiên, quạ vẽ cho công rất khéo léo. Quạ tô màu xanh óng ánh lên mình và cổ công. Trên mỗi chiếc lông đuôi màu xanh sẫm, quạ lại điểm thêm những đốm tròn lung linh như mặt trăng toả sáng. Công vô cùng hạnh phúc xoè chiếc đuôi như chiếc quạt, phơi cho màu chóng khô.

3. Đến lượt công vẽ cho quạ. Khi công mới vẽ xong cái cổ đen có khoang trắng thì nghe thấy tiếng đàn chim rủ nhau sang đám cỗ làng bên kiếm ăn. Đàn chim hối hả bay nhanh vì bên đó có nhiều gạo thịt ngon lành. Quạ háo hức muốn bay theo đàn chim ngay. Nó sốt ruột luôn miệng giục công:

– Mau lên! Mau lên! Đổ hết cả màu lên mình tớ cũng được.

Công khuyên quạ bình tĩnh nhưng quạ không nghe. Trong đầu quạ chỉ còn nghĩ đến khúc dồi lợn ở đám cỗ. Trong lúc hấp tấp, quạ hất vào tay công, làm công đổ cả chậu mực đen lên người quạ. Sau đó, quạ vội vã bay đi kiếm ăn.

4. Từ đó, quạ khoác trên mình bộ lông đen thui, xấu xí, khác hẳn bộ lông rực rỡ tuyệt đẹp của công.

Kĩ thuật kể chuyện: Giọng kể đoạn 1 và 2 chậm rãi, diễn tả vẻ đẹp hấp dẫn của bộ lông công; giọng quạ trong đoạn 3 sốt ruột, hấp tấp.

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao quạ và công bàn nhau vẽ bộ lông?* (*Quạ và công bàn nhau vẽ lại bộ lông vì bộ lông của chúng xám xịt.*)

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Đầu tiên quạ vẽ cho công bộ lông như thế nào?* (*Đầu tiên quạ vẽ cho công bộ lông rất đẹp.*)

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao công đổ hết mực đen lên người quạ?* (*Quạ vội bay đi kiếm ăn, hất vào tay công, làm đổ hết mực đen lên người.*)

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Từ đó, bộ lông của quạ và công khác nhau thế nào?* (*Từ đó, bộ lông của quạ đen thui, còn bộ lông của công lộng lẫy, nhiều màu sắc.*)

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Ngày xưa, quạ và công bàn nhau vẽ bộ lông vì bộ lông của chúng xám xịt. Đầu tiên quạ vẽ cho công bộ lông rất đẹp. Khi công bắt đầu vẽ cho quạ thì quạ vội bay đi kiếm ăn, hất vào tay công, làm đổ hết mực đen lên người. Từ đó, bộ lông của quạ đen thui, còn bộ lông của công nhiều màu sắc. (4 câu)

+ Ngày xưa, quạ và công đều có bộ lông xám xịt. Hai bạn bàn nhau tìm thuốc vẽ bộ lông cho đẹp hơn. Đầu tiên quạ vẽ cho công bộ lông nhiều màu sắc rực rỡ. Trên những chiếc lông đuôi xanh thẫm, quạ vẽ cho công những chấm tròn óng ánh như mặt trăng toả sáng. Khi công bắt đầu vẽ cho quạ thì quạ nghe thấy tiếng đàn chim rủ nhau sang đầm cỗ kiếm ăn. Nó sốt ruột luôn miệng giục công vẽ nhanh. Trong lúc vội vã, quạ hấp tấp hất vào tay công, làm đổ cả chậu mực đen lên người. Từ đó, bộ lông của quạ đen thui xấu xí, còn bộ lông của công nhiều màu sắc lộng lẫy. (8 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.

– 3 – 4 HS lên bảng, vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.

– Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

5. Mở rộng

GV: *Quạ có gì đáng chê?* (*Quạ hấp tấp, nóng vội, không bình tĩnh./ Quạ tham ăn.*)

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

TUẦN 22

Bài 106. oanh oach

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **oanh, oach**; các tiếng/ chữ có **oanh, oach**; MRVT có tiếng chứa **oanh, oach**.

– Đọc – hiểu bài *Tiếng chim;* đặt và trả lời được câu hỏi về những từ ngữ tả tiếng chim.

– Yêu mến, có ý thức lắng nghe và phát hiện những âm thanh khác nhau của tiếng chim.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **doanh trại, thu hoạch**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **oanh, oach, doanh trại, thu hoạch**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

Giới thiệu vần oanh, oach

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **oanh**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-a-nhờ-oanh***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oanh**: ***o-a-nhờ-oanh***; ***oanh***; *vần* ***oanh*** *gồm có 3 âm: âm* ***o,*** *âm* ***a*** *và âm* ***nh***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **doanh**: ***dờ-oanh-doanh***; ***doanh***; *tiếng* ***doanh*** *gồm có âm* ***d*** *và vần* ***oanh***.

Vần **oach**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-a-chờ-oách***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oach**: ***o-a-chờ-oách***; ***oach***; *vần* ***oach*** *gồm có 3 âm: âm* ***o,*** *âm* ***a*** *và âm* ***ch***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **hoạch**: ***hờ-oách-hoách-nặng-hoạch***; ***hoạch***; *tiếng* ***hoạch*** *gồm có âm* ***h,*** *vần* ***oach*** *và* ***thanh nặng***.

Vần **oanh, oach**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	doanh trại – doanh – oanh
⬇	o-a-nh-oanh

⬇	thu hoạch – hoạch – oach
⬇	o-a-ch-oach

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần* ***oanh*** *là* ***loanh, toanh***; *tiếng chứa vần* ***oach*** *là* ***hoạch***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*mới toanh*: mới tinh/ rất mới).

Tạo tiếng mới chứa vần *oanh, oach*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **oanh** (sau đó là **oach)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *hoành, hoảnh, hoạnh, khoanh, khoảnh, ngoảnh,...; choách, loạch, oách, oạch, xoạch,...).*

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **oanh.** GV lưu ý HS nét nối giữa **o** và **a, a** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **oanh**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **oach, doanh trại, thu hoạch**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Tiếng chim*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể đặt câu hỏi cho HS trả lời: *Em đã nghe tiếng chim hót bao giờ chưa? Em biết từ nào tả tiếng chim?* GV giới thiệu: *Bài đọc hôm nay nói về tiếng chim, chúng mình cùng đọc nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **oanh, oach**: **(chim) oanh, choanh choách, oách**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm. GV có thể cho HS đọc nối tiếp các khổ thơ theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Trong bài có những từ nào tả tiếng chim? (*Trong bài có những từ tả tiếng chim: lảnh lót, choanh choách, ríu rít, lao xao.)*

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Bạn biết thêm những từ nào tả tiếng chim?*** (*líu lo, lích rích,...*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.14: **oanh, oach** (chữ cỡ vừa); **doanh trại, thu hoạch** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***oanh, oach***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***oanh, oach*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 107. uynh uych

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **uynh, uych**; các tiếng/ chữ có **uynh, uych;** MRVT có tiếng chứa **uynh, uych.**

– Đọc – hiểu bài *Chơi với em*; đặt và trả lời được câu hỏi về những hoạt động thường làm cùng anh, chị, em của mình.

– Biết thể hiện tình cảm yêu thương em bé trong gia đình.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **đèn huỳnh quang, ngã huỵch**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **uynh, uych, phụ huynh, ngã huỵch**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

Giới thiệu vần uynh, uych

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **uynh**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-y-nhờ-uynh***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **uynh**: ***u-y-nhờ-uynh; uynh;*** *vần* ***uynh*** *gồm có 3 âm: âm* ***u****, âm* ***y*** *và âm* ***nh****.*

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **huỳnh**: ***hờ-uynh-huynh-huyền-huỳnh; huỳnh;*** *tiếng* ***huỳnh*** *gồm có âm* ***h,*** *vần* ***uynh*** *và* ***thanh huyền****.*

***Vần* uych**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-y-chờ-uých****.*

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **uych**: ***u-y-chờ-uých; uych;*** *vần* ***uych*** *gồm có 3 âm: âm* ***u****, âm* ***y*** *và âm* ***ch****.*

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **huỵch**: ***hờ-uých-huých-nặng-huỵch; huỵch;*** *tiếng* ***huỵch*** *gồm có âm* ***h,*** *vần* ***uych*** *và* ***thanh nặng****.*

***Vần* uynh, uych**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	đèn huỳnh quang – huỳnh – uynh
⬇	u-y-nh-uynh

⬇	ngã huỵch – huỵch – uych
⬇	u-y-ch-uych

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần* ***uynh*** *là* ***huynh, huỳnh****; tiếng chứa vần* ***uych*** *là* ***huých, huỵch****.* GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*huých tay*: hích nhẹ khuỷu tay vào sườn bạn).

Tạo tiếng mới chứa vần *uynh, uych*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **uynh** (sau đó là **uych)** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *khuynh, khuỳnh, huỳnh, huynh, huych, huých,...).* GV có thể lưu ý HS các từ ngữ có tiếng chứa **uynh, uych** thường hay sử dụng đã được nhắc đến trong bài học: *chạy huỳnh huỵch, phụ huynh, ngã huỵch, huých tay.*

Viết vào bảng con

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **uynh**. GV lưu ý HS nét nối giữa **u** và **y**, **y** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **uynh**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **uych, phụ huynh, ngã huỵch**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Chơi với em*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ những ai? Hai anh em đang làm gì?* GV nói: *Để biết hai anh em đang làm gì, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **uynh, uych**: **huỳnh huỵch**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Hai anh em cùng làm gì với nhau? (*Hai anh em cùng cười với nhau.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Bạn thường cùng làm gì với anh, chị, em của mình?*** (*Mình thường chơi đồ hàng/ chơi đuổi bắt/ xếp hình/ chạy bộ... với anh/ chị/ em của mình.*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.15: **uynh, uych** (chữ cỡ vừa); **phụ huynh, ngã huỵch** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***uynh, uych***.

– Tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***uynh, uych*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 108. oai oay uây

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết, học được cách đọc vần **oai, oay, uây**; các tiếng/ chữ có **oai, oay, uây**; MRVT có tiếng chứa **oai, oay, uây**.

– Đọc – hiểu bài *Học làm bánh*; đặt và trả lời được câu hỏi về tên những loại bánh muốn làm.

– Thích nấu ăn, biết cách làm bánh rán.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **khoai lang, xoáy nước, khuấy bột**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **oai, oay, uây, khoai lang, xoáy nước, khuấy bột**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

***Giới thiệu vần* oai, oay, uây**

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

Vần **oai**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-a-i-oai***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oai**: ***o-a-i-oai***; ***oai***; *vần* ***oai*** *gồm có 3 âm: âm* ***o****, âm* ***a*** *và âm* ***i***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **khoai**: ***khờ-oai-khoai***; ***khoai***; *tiếng* ***khoai*** *gồm có âm* ***kh*** *và vần* ***oai***.

Vần **oay, uây**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***o-a-y-oay./ u-ớ-y-uây***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oay**: ***o-a-y-oay***; ***oay***; *vần* ***oay*** *gồm có 3 âm: âm* ***o,*** *âm* ***a*** *và âm* ***y./*** vần **uây**: ***u-ớ-y-uây***; ***uây***; *vần* ***uây*** *gồm có 3 âm: âm* ***u,*** *âm* ***â*** *và âm* ***y***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **xoáy**: ***xờ-oay-xoay-sắc-xoáy; xoáy; tiếng xoáy gồm có âm x, vần oay và thanh sắc./*** tiếng **khuấy**: ***khờ-uây-khuây-sắc-khuấy; khuấy; tiếng khuấy gồm có âm kh, vần uây và thanh sắc***.

***Vần* oai, oay, uây**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	khoai lang – khoai – oai
⬇	o-a-i-oai

⬇	xoáy nước – xoáy – oay
⬇	o-a-y-oay

⬇	khuấy bột – khuấy – uây
⬇	u-â-y-uây

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm được: *Tiếng chứa vần **oai** là **xoài, thoại**; tiếng chứa vần **oay** là **xoáy**, tiếng chứa vần **uây** là **nguẩy***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết.

Tạo tiếng mới chứa vần *oai, oay, uây*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với vần **oai** (sau đó là **oay, uây**) để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

– HS thi tạo từ mới (Ví dụ: *choai, đoài, đoái, hoài, hoại, khoái, loài, loại, ngoai, ngoái, ngoải,...; hoay, hoáy, ngoáy, ngoảy, ngoạy,...; nguây, nguầy, nguậy,...*).

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **oai**. GV lưu ý HS nét nối giữa **o** và **a**, **a** và **i**.

– HS viết vào bảng con: **oai**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **oay, uây, khoai lang, xoáy nước, khuấy bột**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Học làm bánh*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì?* GV nói: *Để biết hai nhân vật trong tranh đang làm gì, chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ có tiếng chứa vần **oai, oay, uây**: **Hoài, khuấy, loay hoay, ngoài, loại**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Hoài muốn làm gì? (*Hoài muốn làm bánh rán.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Bạn muốn làm những loại bánh nào?*** (*Mình muốn làm bánh mô chi, bánh su kem, bánh quy, bánh chuối,...*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.15-16: **oai, oay, uây** (chữ cỡ vừa); **khoai lang, xoáy nước, khuấy bột** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***oai, oay, uây***.

– HS tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần ***oai, oay, uây*** và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 109. oong ooc ươ uênh uêch uâng uyp[1]

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Bước đầu đọc, viết, học được cách đọc các vần: **oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp**; các tiếng/ chữ có: **oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp**; MRVT có tiếng chứa: **oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp**.

– Bước đầu tìm hiểu bài *Trên con tàu*; đặt và trả lời được câu hỏi về nghề nghiệp muốn làm khi lớn lên.

– Biết mơ ước những điều tốt đẹp.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh/ slide minh hoạ: **cái xoong, hươ vòi**; tranh minh hoạ bài đọc.

– Bảng phụ viết sẵn: **oong, ươ, uâng, cái xoong, hươ vòi**.

---

[1] Đây là những vần thuộc nhóm khó, ít dùng mà Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (tr.18) gợi ý có thể không dạy như những vần khác.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Khám phá vần mới

Giới thiệu một số vần khó, ít dùng

GV giới thiệu: *Hôm nay, cô giới thiệu với các em một số vần ít gặp:* ***oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp***.

Đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá

***Vần* oong**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***oo-ngờ-oong***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **oong**: ***oo-ngờ-oong***; ***oong***; *vần* ***oong*** *gồm có âm* ***oo*** *đứng trước, âm* ***ng*** *đứng sau./ vần* ***oong*** *gồm có âm* ***oo*** *và âm* ***ng***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **xoong**: ***xờ-oong-xoong***; ***xoong***; *tiếng* ***xoong*** *gồm có âm* ***x*** *và vần* ***oong***.

***Vần* ươ**

– HS đánh vần cá nhân, nhóm, tổ, lớp: ***u-ơ-ươ***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **ươ**: ***u-ơ-ươ***; ***ươ***; *vần* ***ươ*** *gồm có âm* ***u*** *đứng trước, âm* ***ơ*** *đứng sau./ vần* ***ươ*** *gồm có âm* ***u*** *và âm* ***ơ***.

– HS đánh vần, đọc trơn, phân tích tiếng **hươ**: ***hờ-ươ-hươ***; ***hươ***; *tiếng* ***hươ*** *gồm có âm* ***h*** *và vần* ***ươ***.

***Vần* oong, ươ**

– HS đọc phần *Khám phá* trong SGK:

⬇	cái xoong – xoong – oong
⬇	oo-ng-oong

⬇	hươ vòi – hươ – ươ
⬇	u-ơ-ươ

***Vần* ooc, uênh, uêch, uâng, uyp**

– GV giới thiệu: *Chúng ta sẽ cùng học cách đọc, cách phân tích các vần ooc, uênh, uêch, uâng, uyp.*

– GV đánh vần, đọc trơn, phân tích vần **ooc**: ***oo-cờ-oóc***; ***ooc;*** *vần* ***ooc*** *gồm có âm* ***oo*** *và âm* ***c***.

Thực hiện tương tự với vần **uênh, uêch, uâng, uyp**:

+ ***u-ê-nhờ-uênh***; ***uênh***; *vần* ***uênh*** *gồm có âm* ***u***, *âm* ***ê*** *và âm* ***nh***.

+ ***u-ê-chờ-uếch***; ***uêch***; *vần* ***uêch*** *gồm có âm* ***u***, *âm* ***ê*** *và âm* ***ch***.

+ ***u-ớ-ngờ-uâng***; ***uâng***; *vần* ***uâng*** *gồm có âm* ***u***, *âm* ***â*** *và âm* ***ng***.

+ ***u-y-pờ-uýp***; ***uyp***; *vần* ***uyp*** *gồm có âm* ***u***, *âm* ***y*** *và âm* ***p***.

Lưu ý: GV có thể dạy HS đọc vần mới, tiếng khoá, từ khoá như trên hoặc đọc mẫu tiếng khoá, từ khoá rồi cho HS nhắc lại, không cần yêu cầu HS thực hiện đủ 3 thao tác (đánh vần, đọc trơn, phân tích) như các bài trước; hoặc có thể thực hiện đủ các thao tác với một số vần đã giới thiệu.

Đọc từ ứng dụng

HS đọc được các từ dưới tranh, tìm và rút ra được: *Tiếng chứa vần* ***ooc*** *là* ***soóc***; *tiếng chứa vần* ***ươ*** *là* ***hươ***, *tiếng chứa vần* ***uyp*** *là* ***tuýp***. GV có thể giải thích thêm về các từ ngữ nếu thấy cần thiết (*quần soóc*: quần kiểu Âu, ngắn trên đầu gối, có hai túi dọc hai bên sườn và túi sau).

Tạo tiếng mới chứa vần *oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp*

– GV hướng dẫn để HS chọn một phụ âm bất kì và ghép với một vài vần trong các vần **oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp** để tạo thành tiếng, chọn những tiếng có nghĩa.

Lưu ý: GV không cần cho HS tạo tiếng mới với đủ 7 vần như các bài trước.

– HS tạo tiếng mới (Ví dụ: *boong, toòng; moóc, voọc; thuở; huênh, tuềnh; chuệch, nguệch; khuâng; tuýp;...*). GV có thể lưu ý HS những từ có vần **oong**, **ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp** thường gặp: *boong tàu, toòng teng, rơ moóc, con voọc, thuở xưa, bâng khuâng, tuềnh toàng, huênh hoang, nguệch ngoạc, chuệch choạc, đèn tuýp,...*

Viết (vào bảng con)

– HS quan sát GV viết mẫu lên bảng lớp: **oong**. GV lưu ý HS nét nối giữa **o** và **o**, **o** và **n**.

– HS viết vào bảng con: **oong**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **ươ, uâng, cái xoong, hươ vòi**. GV lưu ý HS nét nối giữa các chữ cái, vị trí dấu thanh.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Trên con tàu*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể đặt câu hỏi cho HS trả lời: *Em đã đi tàu biển bao giờ chưa?* GV nói: *Trong bài đọc hôm nay cũng có một bạn nhỏ đi tàu, để biết rõ về bạn ấy chúng mình cùng đọc bài nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc (tự đọc hoặc nhắc lại theo GV) các từ ngữ có tiếng chứa vần **oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng**: **boong (tàu), (rơ) moóc, hươ (tay), (bâng) khuâng, tuềnh (toàng), nguệch (ngoạc)**.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Khi lớn lên, Bin muốn làm gì? (*Khi lớn lên, Bin muốn làm thuyền trưởng.*)

Nói và nghe

HS luyện nói theo cặp, sau đó một số cặp nói trước lớp: ***Khi lớn lên, bạn muốn làm gì?*** (*Khi lớn lên, mình muốn làm cô giáo/ hoạ sĩ/ bác sĩ...*)

Viết (vào vở Tập viết)

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.16-17: **oong, ươ, uâng** (chữ cỡ vừa); **cái xoong, hươ vòi** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc trơn, đánh vần, phân tích vần ***oong, ươ***.

– Tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có một vài vần trong các vần ***oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp*** trong các câu đã cho và đặt câu với từ ngữ tìm được.

Bài 110. Ôn tập

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc, viết được các vần, các tiếng/ chữ chứa vần đã học trong tuần: **oanh, oach, uynh, uych, oai, oay, uây, oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp**; MRVT có tiếng chứa: **oanh, oach, uynh, uych, oai, oay, uây, oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp**.

– Đọc – hiểu bài ứng dụng *Dặn em*; biết tôn trọng và thực hiện đúng nội quy trường lớp, cẩn thận trong việc làm của mình.

– Viết (tập viết) đúng kiểu chữ thường, cỡ vừa và nhỏ từ ngữ ứng dụng; viết (chính tả nhìn – viết) câu ứng dụng; tô được chữ ***B, C*** hoa.

– Kể được câu chuyện ngắn *Dê con bị bươu đầu* bằng 4 – 5 câu; biết được hiện tượng dê mọc sừng, bước đầu hình thành được phẩm chất nhân ái.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Bảng phụ viết sẵn: ***gấu bông, thuyền giấy***; ***B, C*** hoa đặt trong khung chữ mẫu, ***Bắc Cạn*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2)*.

– *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập viết sẵn bài , (SGK tr.44).

– Tranh minh hoạ bài đọc *Dặn em;* tranh minh hoạ câu chuyện *Dê con bị bươu đầu.*

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

GV có thể giới thiệu bài bằng các cách đã biết: khai thác hai tranh vẽ (**bé**) **khoanh tay, củ khoai tây** hoặc mô hình vần **oanh, oai** hoặc yêu cầu HS đưa ra các vần đã học trong tuần: **oanh, oach, uynh, uych, oai, oay, uây, oong, ooc, ươ, uênh, uêch, uâng, uyp**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc (*ghép âm, vần, thanh thành tiếng*)

– HS quan sát, đọc thầm bài trong SGK tr.44.

– HS đọc cá nhân, nối tiếp các tiếng ghép được ở cột 4 (*toanh, xoạch, huỳnh, huỵch, choãi, xoáy, khuấy, coong, thuở, khuâng*). GV chỉnh sửa phát âm cho HS và có thể hướng dẫn HS làm rõ nghĩa của tiếng vừa ghép được theo các cách đã biết (nếu thấy cần thiết).

– HS đọc lại các vần đã học ở cột 2: **oanh, oach, uynh, uych, oai, oay, uây, oong, ươ, uâng**.

Tìm từ ngữ phù hợp với tranh

– HS đọc các từ ngữ ứng dụng ở bài trong SGK tr.44. GV hướng dẫn HS thực hiện vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập: Nối tên các đồ vật có tiếng chứa vần **oa, uyên** hoặc **âu** với giỏ đựng đồ phù hợp.

– HS tìm và nối từ có cùng vần với giỏ đựng đồ phù hợp. GV có thể tổ chức cho HS thực hiện bài tập này dưới hình thức trò chơi **Xếp đồ vào giỏ** bằng cách gắn các thẻ ghi sẵn tên các đồ vật vào các giỏ tương ứng.

Viết

Viết vào bảng con

– HS quan sát chữ mẫu: **gấu bông**.

– HS nhận xét về độ cao của các chữ cái, cách đặt dấu thanh, cách nối nét.

– HS quan sát GV viết mẫu: **gấu bông**.

– HS viết bảng con: **gấu bông**. GV quan sát, chỉnh sửa chữ viết cho HS.

Thực hiện tương tự với: **thuyền giấy**.

Viết vào vở Tập viết

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.17: **gấu bông, thuyền giấy** (chữ cỡ vừa và nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

TIẾT 2

Đọc bài ứng dụng: *Dặn em*

Giới thiệu bài đọc

GV có thể đặt câu hỏi để HS trả lời: *Hàng ngày bố mẹ dặn em điều gì?* GV nói: *Bài đọc hôm nay là lời dặn em của ai nhỉ? Chúng mình cùng tìm hiểu nhé!*

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm (đủ cho mình nghe), tiếng nào chưa đọc trơn được thì đánh vần.

– HS nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.

– HS đọc nối tiếp từng câu theo nhóm. GV có thể cho HS đọc nối tiếp các khổ thơ theo nhóm.

– HS đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

Anh dặn bé không được làm gì trong giờ ngủ trưa? (*Anh dặn bé không loay hoay trong giờ ngủ trưa.*)

Viết (vào vở Chính tả, nhìn – viết)

– HS nhìn SGK tr. 45, đọc hai dòng thơ:

Đi học đúng giờ

Loanh quanh sẽ trễ!

– GV lưu ý HS: Dấu chấm than được sử dụng ở cuối dòng thơ thứ hai; chữ dễ viết sai chính tả: *loanh quanh*.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nhìn – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, đọc chậm để soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– Tìm từ ngữ chứa tiếng/ chữ có vần đã học trong tuần và đặt câu với từ ngữ tìm được.

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **B, C** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ B, C hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***B, C*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả:

*+ Chữ **B** hoa gồm hai nét: nét 1 gần giống nét móc ngược trái nhưng phía trên hơi lượn sang phải, đầu móc cong vào phía trong; nét 2 là kết hợp của 2 nét cơ bản (cong trên và cong phải) nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ.*

*+ Chữ **C** hoa gồm 1 nét là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong dưới và cong trái nối liền nhau, tạo thành vòng xoắn to ở đầu chữ.*

– GV nêu quy trình tô chữ ***B, C*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***B, C*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***B, C*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Cao Bằng*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Cao Bằng** là tên riêng một tỉnh thuộc miền Bắc (vùng Đông Bắc Bộ), Việt Nam.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Cao Bằng***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.17-18: **B** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **C** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ); **Cao Bằng** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Xem – kể: Dê con bị bươu đầu

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem tranh ba nhân vật (tranh đã được phóng to) và trả lời câu hỏi của GV: *Ba người bạn ở đây là ai?* (*Dê con, chó con, lợn con*)

– GV: *Để biết câu chuyện về họ, chúng ta cùng nhau xem tranh và kể chuyện nhé.*

2. Kể theo từng tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Ba bạn đang làm gì?* (*Ba bạn cùng nhau chơi cầu trượt ở trường.*)

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Chuyện gì xảy ra với dê con?* (*Dê con bị ngã.*)

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao ba bạn đều cảm thấy lo lắng?* (*Ba bạn đều cảm thấy lo lắng vì dê con bị bươu đầu.*)

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Các bạn phát hiện ra điều gì bất ngờ?* (*Hoá ra dê con không phải bươu đầu mà là đã mọc sừng.*)

– HS trả lời câu hỏi: *Ba bạn cảm thấy thế nào?* (*Cả ba bạn đều cảm thấy bất ngờ, thú vị.*)

3. Kể toàn bộ câu chuyện

3.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4 (hoặc nhóm 5)

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4; HS5 – Nói về cảm xúc của ba bạn.

3.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Dê con, chó con, lợn con cùng nhau chơi cầu trượt ở trường. Trong lúc chơi, dê con bị ngã. Ba bạn đều cảm thấy lo lắng vì dê con bị bươu đầu. Hôm sau, chó con, lợn con đến thăm thì phát hiện ra dê con không phải bươu đầu mà là đã mọc sừng. Cả ba bạn đều cảm thấy bất ngờ, thú vị. (5 câu)

+ Dê con, chó con, lợn con cùng nhau chơi cầu trượt ở trường. Các bạn rất thích trò chơi này, chơi mãi không chán. Trong lúc chơi, lợn con cười tít mắt, va phải dê con. Dê con bị ngã cắm đầu xuống đất. Dê con sờ lên đầu kêu thất thanh: "Ôi! Bươu đầu rồi". Ba bạn đều cảm thấy vô cùng lo lắng, xúm lại hỏi han dê con. Hôm sau, chó con, lợn con đến thăm thì thấy cặp sừng rất đẹp ở chỗ hai cục bươu. Hoá ra là dê con không phải bươu đầu mà là đã mọc sừng. Cả ba bạn cười như nắc nẻ vì phát hiện thú vị. (9 câu)

3.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.

– 3 – 4 HS lên bảng, vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.

– Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

4. Mở rộng

GV: *Em biết được điều gì thú vị về loài dê qua câu chuyện?* (*Dê mọc sừng*)

5. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Phần một
HƯỚNG DẪN CHUNG

1. MỤC TIÊU

Phần *Luyện tập tổng hợp* có mục tiêu rèn cho HS cả 4 kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe.

Hết giai đoạn này, HS đọc thành tiếng, đọc hiểu được đoạn văn, văn bản có độ dài từ 70 đến 130 chữ; viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài 30 – 35 chữ (nhìn – viết, nghe – viết); biết viết chữ hoa; bước đầu viết được một câu bằng cách điền từ ngữ, ghi lại câu đã nói hoặc viết câu trả lời; mở rộng vốn từ, bước đầu sử dụng được dấu chấm, dấu chấm hỏi; biết sử dụng một số nghi thức giao tiếp, biết giới thiệu ngắn, kể lại được một đoạn hoặc câu chuyện ngắn.

2. CẤU TRÚC

Phần *Luyện tập tổng hợp* được thực hiện trong 13 tuần, 156 tiết, trong đó dành 12 tiết cho ôn luyện, kiểm tra giữa và cuối học kì. Trừ tuần 27 và 35 có thêm bài *Luyện tập*, mỗi tuần gồm 3 bài *Luyện tập tổng hợp* và 1 bài *Đọc mở rộng*.

Phần *Luyện tập tổng hợp* được sắp xếp theo 4 chủ điểm: *Em đã lớn, Gia đình yêu thương, Trường học của em, Thiên nhiên quanh em*. Trừ tuần 35, các chủ điểm được học nối tiếp nhau, mỗi chủ điểm học trong 3 tuần.

3. CÁC KIỂU BÀI

3.1. Luyện tập tổng hợp

Trong một tuần, có 3 bài được lấy tên theo tên bài tập đọc, trong đó có 2 văn bản văn học và 1 văn bản thông tin. Dung lượng mỗi bài đọc không quá 130 chữ với truyện và đoạn văn miêu tả, không quá 70 chữ với thơ. Mỗi bài được thực hiện trong 3 – 4 tiết. Riêng đối với bài học 3, cấu trúc bài học có thể gồm cả bài *Đọc mở rộng* thực hiện trong 2 tiết. Tuy nhiên, thời điểm thực hiện bài *Đọc mở rộng* linh hoạt (xin xem mục 3.2. dưới đây).

Cấu trúc bài học:

– Tên bài: Tên bài tập đọc

– *Đọc thành tiếng* ()

+ Mục tiêu: Đọc đúng và rõ ràng, tốc độ đọc phù hợp, biết ngắt, nghỉ hơi đúng chỗ.

+ Vật liệu mẫu: Bài đọc, tranh minh hoạ và từ ngữ cần tìm hiểu nghĩa (có thể có bài không có phần này).

– *Đọc hiểu* () tích hợp với *Mở rộng vốn từ* (); *Đọc hiểu* tích hợp với *Nói và nghe* (), *Viết câu, đoạn* (viết sáng tạo) ().

+ Vật liệu mẫu: Các câu hỏi/ bài tập và các tranh minh hoạ cùng với một số mẫu.

Các câu hỏi/ bài tập đọc hiểu không chỉ chú ý đọc hiểu nội dung mà còn chú ý đến đọc hiểu hình thức và liên hệ, so sánh, kết nối. Cách hỏi đa dạng: tăng cường đi từ loại câu hỏi đóng, loại câu hỏi tạo ra sẵn khung câu trả lời, tiến tới câu hỏi mở để có nhiều phương án trả lời khác nhau; có thể sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

Riêng bài 3 có hoạt động *Nói và nghe* thông qua bài *Kể chuyện*. Bài *Kể chuyện* được thực hiện trong 1 tiết với các hình thức: xem – kể, đọc – kể và nghe – kể. Dung lượng câu chuyện theo hình thức đọc – kể tối đa không quá 130 chữ, dung lượng câu chuyện nghe – kể không quá 200 chữ. Để thuận tiện cho GV khi tổ chức, phân phối bài học, bài *Kể chuyện* đã được tách ra, trình bày thành 1 tiết độc lập.

Mục tiêu: Với sự gợi ý của tranh và câu hỏi, HS kể lại được một đoạn hoặc câu chuyện ngắn.

Vật liệu mẫu: 4 tranh minh hoạ cho mỗi câu chuyện và các câu hỏi đi kèm. Văn bản của bài nghe – kể được in trong SGV.

– *Viết* ()

Viết có thể là viết Chính tả (bài 1 và bài 3), có thể là Tập viết (bài 2). Để thuận tiện cho GV khi tổ chức, phân phối bài học, mỗi bài viết *Chính tả* và *Tập viết* được tách ra, trình bày thành 1 tiết độc lập.

+ *Viết Chính tả*

Trong một tuần có 2 tiết Chính tả, mỗi tiết gồm 3 bài tập: 1 bài nhìn – viết (tập chép) hoặc 1 bài nghe – viết; 2 bài chính tả âm, vần.

• Mục tiêu: Hết giai đoạn *Luyện tập tổng hợp,* HS nhìn – viết hoặc nghe – viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài 30 – 35 chữ; biết viết chữ hoa; làm các bài tập phân biệt chính tả dễ lẫn, chính tả phương ngữ.

• Vật liệu mẫu:

Một bài tập chính tả đoạn, bài lấy ngữ liệu từ bài Tập đọc. Đó có thể là một đoạn thơ/ khổ thơ, nguyên văn một đoạn văn trong bài Tập đọc hoặc đã điều chỉnh lại.

Hai bài tập chính tả âm, vần.

+ *Tập viết*

Một tuần có 1 bài tập Tập viết, thực hiện trong 1 tiết.

- Mục tiêu: HS viết đúng được chữ viết thường vần, từ ngữ; tô được chữ viết hoa.
- Vật liệu mẫu: vần, từ ngữ, chữ viết hoa.

Vở ***Tập viết*** (vở riêng)

Tuần 19: chữ viết thường cỡ vừa vần, từ ngữ. Từ tuần 20 đến tuần 35: chữ viết thường cỡ vừa vần, từ ngữ; chữ viết thường cỡ nhỏ từ ngữ và chữ viết hoa.

3.2. Đọc mở rộng

Một tuần có 1 bài *Đọc mở rộng* (), mỗi bài thực hiện trong 2 tiết, thời điểm thực hiện tương đối linh hoạt. Để thuận tiện cho GV khi tổ chức, phân phối bài học, mỗi bài *Đọc mở rộng* được tách ra, trình bày thành 1 phần độc lập (2 tiết).

– Mục tiêu: Đọc – hiểu văn bản, dựa vào hướng dẫn biết tìm nguồn đọc theo chủ đề, thể loại văn bản; bước đầu hình thành được kĩ năng tự đọc sách. Mục tiêu này là chung cho các bài *Đọc mở rộng* trong phần *Luyện tập tổng hợp*, do đó, không được nhắc lại trong phần *Mục tiêu* của các bài học có hoạt động này.

Hoạt động *Đọc mở rộng* là một điểm mới của Chương trình 2018. Hoạt động này tạo cơ hội để phát triển tính tự chủ, tự học của học sinh. Nó tạo cơ hội để dạy học cá thể hoá, kích thích hứng thú cho học sinh. *Đọc mở rộng* là một hoạt động đặc thù của hoạt động Vận dụng, tạo cơ hội để kết nối trường học với cuộc sống.

– Trong SGK, phần *Đọc mở rộng* chỉ có một câu chỉ dẫn chủ đề, kiểu loại văn bản đọc. Nguyên tắc để chọn nguồn thông tin là cùng chủ đề, cùng thể loại, kiểu văn bản với văn bản đã học trong bài Tập đọc.

– Nguồn *Đọc mở rộng* rất mở, phụ thuộc vào từng địa phương, từng lớp. Tuy vậy, trong SGV, ở *Phần hai: Hướng dẫn thực hiện các bài học cụ thể*, mỗi bài *Đọc mở rộng* đều có 1 – 2 văn bản (có thể kèm theo tranh minh hoạ), nguồn chỉ dẫn, một câu hỏi/ bài tập đọc hiểu. Những văn bản được đưa vào SGV chỉ là những ví dụ cụ thể phòng trường hợp GV, HS không có nguồn đọc đáp ứng yêu cầu.

Cách tiến hành bài học: HS đọc thầm văn bản. Kết quả đọc của HS được kiểm soát, đánh giá bằng những câu hỏi/ bài tập. Trong các thiết kế ở *Phần hai*, chúng tôi mới chỉ đưa ra một số dạng câu hỏi/ bài tập. GV có thể thay thế, bổ sung bằng những hoạt động, câu hỏi/ bài tập thú vị, phong phú hơn như: điền thông tin vào nhật kí đọc, thiết kế bìa sách, vẽ hình minh hoạ sách, tìm tên tác giả,…

4. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

4.1. Đọc hiểu

Trong sách *Tiếng Việt 1 – Tập hai*, ngoài mục đưa ra một vài từ cần dạy nghĩa trong bài Tập đọc, mỗi văn bản thường kèm theo 3 bài tập *Đọc hiểu* có tính tích hợp cao, xoay quanh trục đọc hiểu là trung tâm. Cụ thể:

(1) Bài tập đọc hiểu nội dung (hoặc hình thức) tích hợp mở rộng vốn từ;

(2) Bài tập đọc hiểu nội dung (hoặc hình thức);

(3) Bài tập đọc hiểu nội dung (hoặc liên hệ, so sánh, kết nối) tích hợp bài tập nói và nghe;

(4) Bài tập liên hệ, so sánh, kết nối tích hợp bài tập viết câu, đoạn văn.

Lưu ý: Các từ có nghĩa khó hiểu trong bài tập đọc cần được giải nghĩa bằng ngữ cảnh.

Dưới đây là một số lưu ý về cách tổ chức hoạt động đọc hiểu văn bản theo thể loại.

4.1.1. Đọc hiểu văn bản văn học

Dựa vào các bình diện của văn bản – trong và ngoài văn bản, nội dung và hình thức văn bản văn học, GV tổ chức các hoạt động đọc hiểu cho HS theo các nhóm bài tập dưới đây:

– Với nhóm bài tập đọc hiểu nội dung, có 2 loại bài tập sau:

(1) Loại bài tập hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh, chẳng hạn câu hỏi: *Ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao?* Ví dụ: *Những việc làm nào khiến Mai được xem là người lớn?* (*Bé Mai*, tuần 23); *Vì sao Miu Miu cho rằng mình không có tài?/ Miu Miu nhận ra mình có tài gì?* (*Ai có tài?*, tuần 24); *Tất cả mọi người đều nói gì với cánh cam?* (*Cánh cam lạc mẹ*, tuần 24); *Khi có bạn, mặt trăng cảm thấy thế nào?* (*Mặt trăng tìm bạn*, tuần 25);...

(2) Loại bài tập hỏi và trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý. Ví dụ: *Bé Hiền là cô bé như thế nào? (a. Rất khéo tay/ b. Yêu thương bà)* (*Món quà sinh nhật tuyệt vời*, tuần 27); *Bài thơ khuyên chúng ta điều gì? (a. Luôn biết chào hỏi/ b. Luôn vui vẻ)* (*Lời chào đi trước*, tuần 25).

– Với nhóm bài tập đọc hiểu hình thức, có 2 loại bài tập sau:

(1) Loại bài tập tìm những từ ngữ hoặc câu, đoạn thể hiện hình dáng, hành động của nhân vật dựa vào gợi ý của GV. Ví dụ: *Hành động nào cho thấy bạn nhỏ rất vui*? (*Bé vào lớp Một*, tuần 23); *Đọc khổ thơ cho thấy ai cũng đi tìm mẹ giúp cánh cam.* (*Cánh cam lạc mẹ*, tuần 24).

(2) Loại bài tập tìm lời nhân vật dựa vào gợi ý của GV. Ví dụ: *Câu nào cho thấy mặt trăng mong ước có một người bạn?* (*Mặt trăng tìm bạn*, tuần 25); *Đọc lời các bạn động viên Mi-sa.* (*Những người bạn tốt*, tuần 30); *Đọc những câu thơ là lời của mẹ nói với bạn nhỏ.* (*Chuyện ở lớp*, tuần 31). Khi cần thiết, GV có thể gợi ý để HS trả lời những câu hỏi hình thức bằng cách khoanh vùng, chỉ rõ đoạn văn bản mà HS cần tìm.

Với nhóm bài tập đọc hiểu nội dung và đọc hiểu hình thức, GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS) để đọc yêu cầu của bài, đọc thầm đoạn văn bản cần thiết (theo chỉ dẫn của GV); sau đó, 1 HS đọc câu hỏi, 1 HS trả lời luân phiên trong nhóm. GV mời 2 – 3 HS báo cáo kết quả trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung. Cuối

cùng, GV cho HS cả lớp lưu giữ kết quả bằng cách làm bài tập trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– Với nhóm bài tập liên hệ, so sánh, kết nối, có 2 loại sau:

(1) Loại bài tập liên hệ các chi tiết trong văn bản với tranh minh hoạ. Ví dụ: *Đọc hai câu thơ phù hợp với nội dung mỗi tranh.* (*Làm anh*, tuần 26); *Đọc hai câu thơ ứng với nội dung mỗi tranh.* (*Khi trang sách mở ra*, tuần 29);... Với loại bài tập này, GV có thể tổ chức cho cả lớp tham gia trò chơi: **Ghép nhanh hình và câu thơ/ từ ngữ**. HS quan sát kĩ từng bức tranh để hiểu nội dung từng tranh, chọn câu thơ/ từ ngữ phù hợp.

(2) Loại bài tập liên hệ, so sánh, kết nối được tích hợp với *Nói và nghe*, được tích hợp với bài *Viết*; tích hợp giáo dục kĩ năng sống và giáo dục phẩm chất, huy động, khơi gợi rất nhiều kinh nghiệm, kiến thức, cảm xúc của HS. Trong những bài tập này, HS liên hệ nội dung văn bản văn học với nhiều phương diện: Liên hệ với những gì bản thân HS trải nghiệm – hành động, khả năng của bản thân HS như: *Bạn đã làm gì để được xem là người lớn?* (*Bé Mai*, tuần 23); *Bạn có tài gì*? (*Ai có tài?*, tuần 24); *Ở lớp, bạn đã ngoan thế nào*? (*Chuyện ở lớp*, tuần 31);... Đánh giá, nêu cảm xúc của bản thân HS như: *Ngày đầu tiên đi học, em cảm thấy thế nào*? (*Bé vào lớp Một*, tuần 23);... Liên hệ với cuộc sống, hiểu biết thực tế như: *Đối đáp về hoa. M: Hoa cà → tim tím* (*Trong giấc mơ buổi sáng*, tuần 32); *Đối đáp về lợi ích của các con vật. M: Con ong → cho mật* (*Quà tặng*, tuần 34);... Liên hệ với một kĩ năng như: *Đóng vai bạn nhỏ bị lạc, trả lời chú công an.* (*Cánh cam lạc mẹ*, tuần 24). Đây là những bài tập "mở", có nhiều đáp án, HS có thể trả lời rất khác nhau. GV không nên áp đặt mà cần tôn trọng những sự khác nhau này để tạo cơ hội cho các em chia sẻ ý kiến cá nhân, kích thích suy nghĩ độc lập, sáng tạo. Với những HS yếu và trung bình, GV sử dụng tranh minh hoạ để gợi cho các em các ý tưởng.

4.1.2. Đọc hiểu văn bản thông tin

Dựa vào các bình diện nội dung và hình thức văn bản thông tin, GV tổ chức các hoạt động đọc hiểu cho HS theo các nhóm bài tập dưới đây:

– Với nhóm bài tập đọc hiểu nội dung, có 2 loại bài tập sau:

(1) Loại bài tập trả lời những câu hỏi đơn giản về các chi tiết nổi bật trong văn bản. Ví dụ: *Kể tên năm người bạn giúp em nhận biết thế giới.* (*Năm người bạn*, tuần 23); *Các bạn nhỏ thường thay răng lúc mấy tuổi?* (*Răng xinh đi đâu*, tuần 24); *Cần tắt vòi nước những khi nào?* (*Tiết kiệm nước*, tuần 26);...

(2) Loại bài tập trả lời câu hỏi *Văn bản này viết về điều gì?* với sự gợi ý, hỗ trợ. Ví dụ: *Bài đọc trên viết về cách làm việc gì?* (*Giúp mẹ thật vui*, tuần 27); *Bài đọc trên viết về điều gì? (a. Độ lớn của giọng nói ở trường./ b. Độ lớn của giọng nói ở nhà.)* (*Nói thế nào?*, tuần 29);... Với những văn bản thông tin khoa học thông thường, GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS) để đọc yêu cầu của bài, đọc thầm đoạn văn bản cần

thiết (theo chỉ dẫn của GV); sau đó, 1 HS đọc câu hỏi, 1 HS trả lời luân phiên trong nhóm. GV mời 2 – 3 HS báo cáo kết quả trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung. Cuối cùng, GV cho HS cả lớp lưu giữ kết quả bằng cách ghi vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Với những văn bản đa phương thức, có sự kết hợp giữa kênh hình và kênh chữ, GV hướng dẫn HS đọc tiêu đề của bài, đọc chữ kết hợp đọc tranh theo thứ tự để rút ra được nội dung thông tin cần thiết để trả lời. Với văn bản có nhiều tiểu mục, GV có thể tổ chức cho HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**, rèn cho HS kĩ năng đọc nhanh các mục, các ý được liệt kê,...

– Với nhóm bài tập đọc hiểu hình thức, có hai loại bài tập sau:

(1) Loại bài tập sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự của các sự việc trong văn bản. Ví dụ: *Sắp xếp các bức tranh sau theo đúng thứ tự (kèm 4 tranh)* (*Sử dụng nhà vệ sinh*, tuần 25). GV cần cho HS quan sát, hỏi – đáp để hiểu được hành động được thực hiện ở trong tranh; sau đó, tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm thảo luận, sắp xếp các tranh theo trật tự thời gian. GV cho HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp, lưu giữ kết quả bằng cách làm bài tập trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

(2) Loại bài hiểu nghĩa của một số tín hiệu đơn giản, gần gũi với HS. Ví dụ: *Những biển chỉ dẫn nào cho biết có nhà vệ sinh?* (*Sử dụng nhà vệ sinh*, tuần 25); *Nhóm thực phẩm nào nên ăn ít?* (*Tháp dinh dưỡng*, tuần 28);... GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, quan sát tranh và nghe lời hướng dẫn của GV để tìm hiểu nghĩa. Ví dụ, trong bài *Tháp dinh dưỡng*, tuần 28: *Nhóm thực phẩm nào nên ăn ít?*, GV hướng dẫn HS tìm hiểu: Tháp dinh dưỡng chia thành 4 bậc. Phần đế tháp dinh dưỡng to, chỉ các thực phẩm nên ăn đủ; phần thân tháp lên đỉnh tháp nhỏ dần, chỉ các thực phẩm nên ăn giảm dần. Đồng thời, GV hướng dẫn HS đọc các chữ bên trái và bên phải tháp dinh dưỡng, thảo luận để trả lời. Cuối cùng, HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp, lưu giữ kết quả bằng cách làm bài tập trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

Lưu ý: Ngay từ khi hướng dẫn HS đọc thành tiếng, GV đã cần hướng dẫn HS chú ý đến đọc hình thức: Đọc các dòng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, đọc theo thứ tự các tiểu mục, kết hợp kênh hình và kênh chữ để nắm bắt được văn bản đa phương thức trong tính chỉnh thể. Có như vậy, HS mới có thể trả lời tốt loại bài đọc hiểu hình thức văn bản thông tin.

4.2. Mở rộng vốn từ theo chủ điểm

Bài tập mở rộng vốn từ gồm 4 loại sau:

– Tìm những từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong nhóm từ cho trước.

– Thi tìm từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.

– Thi tìm từ chứa tiếng đã cho.

– Thi tìm từ chứa vần đã cho.

4.2.1. Tổ chức hoạt động tìm từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong nhóm từ cho trước

GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS), yêu cầu HS đọc kĩ 4 từ được cho trước để chọn được từ ngữ trả lời câu hỏi. Sau đó, GV cho 2 – 3 HS đại diện nhóm báo cáo kết quả trả lời câu hỏi trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét để chốt đáp án đúng. GV dành thời gian cho cá nhân HS lưu giữ kết quả bằng cách làm bài tập trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

Ví dụ: **Tuần 23, bài *Bé Mai*, SGK tr.52**

1. Những từ ngữ nào chỉ việc làm?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc kĩ những từ được cho trước để chọn từ ngữ phù hợp.

– HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp: *nhặt rau, tưới hoa, nấu cơm.*

– HS và GV cùng nhận xét, đánh giá kết quả. GV khen ngợi HS hoàn thành tốt bài tập.

– HS cả lớp lưu giữ kết quả bằng cách làm bài tập trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

4.2.2. Tổ chức hoạt động thi tìm từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; tìm từ chứa tiếng, chứa vần đã cho

GV có thể tổ chức trò chơi: ***Thi tìm từ***.

HS cả lớp chia nhóm, GV là quản trò. Mỗi nhóm lần lượt nêu một từ theo yêu cầu. Nhóm nào tìm được nhiều từ hơn sẽ thắng cuộc. Vì HS lớp 1 viết chậm nên GV có thể chỉ yêu cầu các em tìm từ, GV ghi lại từ các em tìm được trên bảng.

Ví dụ: **Tuần 23, bài *Bé vào lớp Một*, SGK tr.49**

1. Tìm từ có tiếng *vui*.

HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**. GV là quản trò. Mỗi nhóm lần lượt nêu một từ có chứa tiếng "vui" (*vui vẻ, vui mừng, vui sướng, vui chơi, vui đùa, vui lòng, vui nhộn, vui thích, niềm vui, tin vui,...*). Nhóm nào tìm được nhiều từ hơn thì thắng cuộc.

Lưu ý: Thực hành Mở rộng vốn từ có thể là nội dung của hoạt động Khởi động bằng trò chơi **Thi tìm từ** nhằm tạo hứng thú, định hướng cho HS những hiểu biết ban đầu về chủ đề bài học.

4.3. Viết câu, đoạn

4.3.1. Nhóm bài tập viết câu, đoạn

a) Các dạng bài tập viết câu, đoạn

Nhóm bài tập viết câu, đoạn gồm 8 kiểu cụ thể, có thể chia thành 4 dạng như sau:

Dạng 1: Điền từ ngữ (điền thông tin)

(1) Điền được phần thông tin còn trống phù hợp nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

(2) Điền được phần thông tin còn trống về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý.

(3) Điền được phần thông tin còn trống để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.

Dạng 2: Viết câu trả lời

(4) Viết được câu trả lời phù hợp nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

(5) Viết câu trả lời để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.

Dạng 3: Viết lại câu đã nói

(6) Viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý.

(7) Viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.

Dạng 4: Viết theo tranh gợi ý

(8) Viết câu dưới tranh phù hợp nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

b) Cách thức tổ chức thực hiện các dạng bài tập

Dạng 1: Điền từ ngữ (điền thông tin)

GV và HS cả lớp cùng quan sát và phân tích câu mẫu. GV hướng dẫn HS nội dung thông tin cần điền sao cho phù hợp về nghĩa với các từ ngữ đứng trước và sau chỗ trống, phù hợp với ngữ cảnh. Nếu từ ngữ cần điền ở vị trí cuối của câu, GV nhắc HS cần sử dụng dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi kết thúc câu.

GV cho 2 – 3 HS viết trên bảng lớp, từng HS lưu giữ kết quả bằng cách làm bài tập trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Sau đó, GV và HS cả lớp cùng chữa bài của các bạn trên bảng, rút ra nhận xét. GV gọi một số HS đọc lại câu văn đã điền thông tin trước lớp. HS tự sửa chữa bài của mình, trao đổi bài với bạn để cùng rà soát và sửa lỗi.

Ví dụ: **Tuần 23, Bài *Năm người bạn*, SGK tr.54**

Hoàn thành câu (theo mẫu):

– HS và GV phân tích từ ngữ in đậm trong câu mẫu: *Gà gáy* ***ò ó o***.

+ GV: *"ò ó o" chỉ âm thanh gì?*

+ HS: *Chỉ tiếng gà gáy.*

– GV: *Em cần điền một từ chỉ âm thanh vào chỗ trống và cuối câu nhớ dùng dấu chấm.*

– 3 HS viết trên bảng lớp, mỗi HS viết một câu. Cả lớp viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– HS và GV nhận xét về bài làm của 3 HS trên bảng (Từ được điền đúng chưa; câu đã có dấu chấm kết thúc chưa?).

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– Một số HS đọc câu vừa điền từ trước lớp:

+ *Đồng hồ kêu tích tắc/ reng reng...*

+ *Trống đánh tùng tùng/ cắc tùng/ ầm ầm/ ầm ĩ...*

+ *Bé cười hi hi/ ha ha/ ha hả...*

– GV nhận xét và chữa một số bài làm cho HS.

Dạng 2: Viết câu trả lời

GV và HS cả lớp đọc yêu cầu của bài tập, quan sát câu hỏi, câu trả lời (mẫu) trên bảng/ slide. GV phân tích câu trả lời mẫu. *Lưu ý:* Viết câu cần có đủ hai bộ phận; cần viết hoa chữ cái đầu câu và đánh dấu chấm kết thúc câu.

GV tổ chức cho HS hoạt động theo cặp, xem tranh gợi ý trong SGK để có nội dung viết. Với HS khá – giỏi, GV khuyến khích HS viết tự do, không nhất thiết phải dựa vào nội dung gợi ý trong tranh. Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Viết xong, HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi. Khi HS hoàn thành, GV tổ chức cho HS chia sẻ kết quả, từng cặp HS hỏi – đáp luân phiên trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bình chọn các bạn trả lời đúng, hay.

Ví dụ: **Tuần 24, Bài *Ai có tài*?, SGK tr.57**

Viết câu trả lời: *Bạn có tài gì?*

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết* trong SGK.

– HS và GV cùng phân tích câu mẫu trên bảng/ slide: "*Mình chạy rất nhanh.*" GV hướng dẫn: *Em cần viết câu trả lời có đủ hai bộ phận* (vừa giải thích, vừa gạch dưới từng bộ phận: *Mình, chạy rất nhanh*); *viết hoa chữ cái đầu câu và đánh dấu chấm kết thúc câu* (vừa giải thích, GV vừa chỉ vào chữ hoa và dấu chấm trong câu mẫu). Nếu HS chưa biết viết chữ hoa thì GV không coi là lỗi, chỉ giải thích để HS hiểu được chữ cái đầu câu phải viết hoa. GV yêu cầu HS phải đánh dấu chấm kết thúc câu.

– HS xem tranh gợi ý trong SGK, có thể viết theo gợi ý từ tranh hoặc theo ý riêng của mình. Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Ví dụ: *Mình thổi kèn hay./ Mình hát hay./ Mình bơi khoẻ./ Mình chơi cờ vua giỏi.*

– Viết xong, HS đọc lại để tự kiểm tra.

– Từng cặp HS đổi bài cho nhau để nhận xét, sửa chữa.

– 2 – 3 cặp HS hỏi – đáp trước lớp. 1 HS hỏi "*Bạn có tài gì?*", 1 HS đọc câu trả lời là câu văn vừa viết.

– GV nhận xét, xem và chữa bài làm cho một số HS.

Dạng 3: Viết lại câu đã nói

Trước khi tổ chức hoạt động viết câu này, GV đã tổ chức cho HS hỏi – đáp theo cặp, theo nhóm ở hoạt động *Nói và nghe* trước đó. GV cần nhắc lại cho HS những yêu cầu đối với việc viết câu trước khi viết: *Câu đủ 2 bộ phận, viết hoa chữ cái đầu câu, đánh dấu kết thúc câu phù hợp.*

GV cho 2 – 3 HS viết trên bảng lớp, từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Sau khi viết xong, GV và HS cả lớp cùng chữa bài của các bạn trên bảng, rút ra nhận xét. GV gọi một số bạn đọc lại câu của mình trước lớp và nhận xét. HS tự rút kinh nghiệm và sửa bài của mình; sau đó, trao đổi bài với bạn để cùng rà soát và sửa lỗi.

Ví dụ: **Tuần 28, bài *Ngôi nhà*, SGK tr.98**

Viết lại một câu hỏi em đã dùng ở bài tập trên.

– HS nghe GV hướng dẫn: *Em cần viết hoa chữ cái đầu câu và dùng dấu chấm hỏi ở cuối câu.*

– 2 HS viết trên bảng lớp.

– Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– HS và GV nhận xét câu của 2 HS viết trên bảng lớp, xem câu đã viết hoa chữ cái đầu câu và dùng dấu chấm hỏi ở cuối câu chưa. GV hướng dẫn HS sửa nếu có lỗi sai.

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– GV chữa nhanh một số bài làm của HS.

Dạng 4: Viết theo tranh gợi ý

Khi tổ chức hoạt động, GV cần hướng dẫn HS đọc kĩ yêu cầu của đề bài, quan sát tranh, hỏi – đáp để hình thành nội dung sẽ viết. Chẳng hạn, qua việc đọc đề bài và quan sát tranh, HS bước đầu hình dung sẽ viết câu kể hoạt động của nhân vật hay câu tả hình dáng của nhân vật.

GV cũng đồng thời nhắc lại các yêu cầu đối với việc viết câu cho HS cả lớp. Sau đó, GV tổ chức cho HS viết câu trước lớp và viết cá nhân vào vở. Khi HS hoàn thành, GV và HS cùng nhận xét, đánh giá.

Cuối cùng, GV tổ chức cho HS chia sẻ kết quả, từng cặp HS hỏi – đáp luân phiên trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bình chọn các bạn trả lời đúng, hay.

Ví dụ: **Tuần 33, bài *Ca sĩ đẹp nhất rừng xanh*, SGK tr.141**

Xem tranh, viết một câu cho biết đom đóm đang làm gì.

– HS nêu yêu cầu của bài.

– HS hoạt động theo cặp, xem tranh, trả lời câu hỏi của GV: *Đom đóm đang làm gì?*

– GV hướng dẫn: *Cần viết câu trả lời có đủ ý, đánh dấu chấm kết thúc câu.*

– 2 HS khá – giỏi viết trên bảng lớp.

– Từng HS trong lớp viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– Cả lớp và GV nhận xét bài của 2 bạn trên bảng lớp xem đã đủ ý, có dấu chấm kết thúc câu chưa.

– HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi.

– 2 HS đọc to câu đã viết trước lớp:

+ Đom đóm đậu lên vành tai sóc nhỏ.

+ Đom đóm giúp sóc nhỏ trang điểm đẹp.

+ Đom đóm đậu lên tai sóc nhỏ, làm thành hai ngôi sao xanh biếc tuyệt đẹp.

Lưu ý: Hoạt động *Viết* có thể được tổ chức dưới hình thức viết cá nhân, viết theo nhóm. Với những lớp khá – giỏi, GV có thể tổ chức thi viết giữa các nhóm: Thi viết nhanh, viết nhiều câu theo tranh gợi ý; thi viết câu hay; thi viết câu có nhiều thông tin (mở rộng câu);...

4.3.2. Nhóm bài tập thực hành sử dụng dấu câu

Trong phần *Luyện tập tổng hợp*, tích hợp với mục tiêu viết câu, đoạn văn; có 4 bài tập thực hành sử dụng dấu câu.

Nhóm bài tập thực hành sử dụng dấu câu gồm 2 loại:

– Nhận biết và điền dấu câu vào vị trí thích hợp.

– Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi để đánh dấu kết thúc câu trong các câu cụ thể.

Cách thức tổ chức chung cho 2 loại bài tập trên như sau: Trước hết, GV hướng dẫn chung cho HS về cách sử dụng dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi đặt cuối câu. Sau đó, GV cho HS điền vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Để kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động, GV kiểm tra bài của một số HS, cho HS đổi bài cho nhau để cùng soát và sửa lỗi, mời một số HS nêu kết quả trước lớp.

Ví dụ: **Tuần 26, bài *Bàn tay mẹ*, SGK tr.76**

Chọn dấu câu nào?

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết*, đọc các câu văn cần điền dấu trong SGK.

– Cả lớp nghe GV hướng dẫn: *Ở cuối câu, em cần đặt dấu chấm.*

– Từng HS làm bài vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập: *Mẹ làm cho tôi nhiều việc. Tôi rất biết ơn mẹ.*

– Viết xong, HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi. GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

– 1 – 2 HS đọc to hai câu vừa điền. GV nhắc HS ngắt hơi ở dấu chấm kết thúc câu.

4.4. Nói và nghe

Phần *Nói và nghe* có thể được thực hiện theo đề tài trong bài đọc hoặc theo nghi thức giao tiếp, dưới hình thức HS nói độc thoại hoặc đối thoại (đối – đáp, đố – đáp).

4.4.1. Nói và nghe theo nội dung bài đọc

Đây là những bài tập *Nói và nghe* theo đề tài, tình huống trong bài đọc. Với dạng bài nói độc thoại, GV cần hỗ trợ để HS nói được đúng nội dung của bài, khơi gợi những kinh nghiệm, cảm xúc, liên hệ thực tế với đời sống của bản thân HS. Trước khi nói, GV cho HS quan sát và trao đổi về tranh minh hoạ trong bài để hình thành ý tưởng nói, ví dụ: Để HS thực hiện bài tập "*Kể về một người bạn tốt của em.*" (*Những người bạn tốt*, tuần 30), GV cho HS quan sát 2 bức tranh minh hoạ và trả lời câu hỏi liên quan đến tranh 1: *Vì sao bạn nhỏ đang nói là bạn tốt?* (*Vì chia cho bạn táo.*); tranh 2: *Vì sao bạn nhỏ đang nói là bạn tốt?* (*Vì rủ bạn cùng chơi.).* Từ đó, HS hình thành ý tưởng về người bạn tốt là người cùng chơi, cùng chia sẻ trong cuộc sống và nói lại những suy nghĩ của mình. GV đặt câu hỏi gợi ý liên quan đến đề tài để HS trao đổi, ví dụ cũng với bài tập này: *Bạn tốt của em là ai? Vì sao em cho rằng đó là người bạn tốt của em?*... GV cũng có thể tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm hoặc hỏi – đáp trong cặp để khơi gợi những suy nghĩ về đề tài. Hoặc phối hợp cả ba kĩ thuật trên. Sau khi HS đã kết nối, liên hệ được những nội dung nói với hiểu biết về bài học hoặc những trải nghiệm của bản thân, GV tổ chức cho HS nói theo cặp, nói trong nhóm, nói trước lớp để mọi HS đều có cơ hội tham gia giao tiếp, ít nhiều đều được nói.

Với dạng bài hỏi – đáp, đối – đáp về nội dung, sự vật, sự việc liên quan đến bài học, ví dụ: *Đối đáp về hoa.* (*Trong giấc mơ buổi sáng*, tuần 32), *Đối đáp về các con vật.* (*Mồ hôi của mèo*, tuần 32), *Đố – đáp về một loài chim.* (*Tấm biển trong vườn*, tuần 34),... GV có thể cho HS quan sát 1 – 2 cặp HS khá – giỏi làm mẫu; sau đó thực hành hỏi – đáp theo cặp, theo nhóm; cuối cùng, tham gia hỏi – đáp trước lớp. GV khuyến khích HS ngoài hỏi – đáp theo những tình huống trong bài đọc có thể trả lời tự do theo tình huống thực tiễn, gần gũi với bản thân mình. Ngoài ra, GV có thể tổ chức trò chơi **Đố – đáp nhanh** để thu hút sự hứng thú của HS đối với giờ học.

4.4.2. Nói và nghe theo nghi thức giao tiếp

Các dạng bài tập chủ yếu gồm:

– Đóng vai nhân vật trong bài đọc để nói và đáp theo tình huống trong văn bản.

– Nói và đáp theo các tình huống giao tiếp cho sẵn – tình huống gần gũi với đời sống, kinh nghiệm của học sinh.

Cách thức tổ chức hoạt động đối với các loại bài tập trên như sau:

Đóng vai nhân vật trong bài đọc để nói và đáp theo tình huống trong văn bản

GV nêu yêu cầu của bài học, hướng dẫn HS phân vai theo cặp để thực hành. GV cần hướng dẫn HS lựa chọn được từ xưng hô đúng vai giao tiếp, giữ đúng vai giao tiếp trong

cuộc thoại; nhận biết được sự luân phiên lượt lời, đổi vai từ người nói sang người nghe và ngược lại; chú ý lắng nghe lời trao của bạn để nói lời đáp phù hợp; sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ như cử chỉ, nét mặt, điệu bộ, biểu cảm,... phù hợp với lời nói.

Đầu tiên, GV chọn 1 HS cùng mình đóng vai hoặc chọn 2 HS khá – giỏi đóng vai nói và đáp mẫu để cả lớp quan sát, học tập cách giao tiếp. GV cũng khuyến khích HS tạo lập những lời nói tự nhiên, sinh động khác nhau, miễn là phù hợp mục đích và nội dung giao tiếp.

Sau đó, GV cho HS thực hành theo cặp (1 HS nói, 1 HS đáp, sau đó 2 HS này đổi vai cho nhau), thực hành trong nhóm, trình bày trước lớp. Nếu có điều kiện, với những HS tham gia trình bày trước lớp, GV sử dụng những chiếc mũ miện hoặc mặt nạ có hình ảnh nhân vật (cú, mặt trăng, thỏ, nai,...) để tăng tính thú vị, hấp dẫn của hoạt động; đồng thời giúp HS khắc sâu ý thức về vai nói của mình.

Để đánh giá kết quả hoạt động, GV và cả lớp cùng nhận xét, bình chọn cặp đôi nào đóng vai tự nhiên, thực hiện đúng mục đích giao tiếp trước lớp.

Ví dụ: **Tuần 25, bài *Mặt trăng tìm bạn*, SGK tr.67**

Đóng vai mặt trăng và cú chào hỏi nhau.

– GV chọn 1 HS cùng tham gia với mình hoặc chọn một cặp HS khá – giỏi đóng vai mặt trăng và cú để làm mẫu. Cả lớp quan sát, học tập cách giao tiếp.

– HS nói và đáp lời chào hỏi theo cặp tại bàn, dựa vào tranh minh hoạ bài 3 để nói. GV: *Ngoài cách chào hỏi như SGK, em có thể chào và đáp lời chào linh hoạt theo cách nói riêng của mình.*

Cú: *Chào bạn, tớ là cú.*

Mặt trăng: *Chào cú, tớ là mặt trăng.*

Hoặc:

Mặt trăng: *Ai nói đó?*

Cú: *Tớ là cú. Tớ là bạn của cậu.*

Mặt trăng: *Chào cú. Tớ là mặt trăng. Tớ cảm thấy rất vui khi gặp cậu.*

– Một số cặp HS đóng vai nói trước lớp. HS đóng vai mặt trăng đội mũ mặt trăng, HS đóng vai cú đội mũ cú. Cả lớp và GV nhận xét, tuyên dương cặp nào mạnh dạn.

Nói và đáp theo các tình huống giao tiếp cho sẵn – tình huống gần gũi với đời sống, kinh nghiệm của học sinh

GV nêu yêu cầu của bài học, hướng dẫn HS quan sát kĩ từng bức tranh để hiểu tình huống giao tiếp (nếu HS chưa hiểu tình huống giao tiếp, GV nêu câu hỏi gợi mở để HS liên hệ đến những tình huống thực tế gần gũi với các em).

Sau đó, GV tổ chức cho HS thực hành theo cặp, theo nhóm: 1 HS chỉ vào tranh gợi ý tình huống giao tiếp (với HS khá – giỏi có thể nêu tình huống giao tiếp bằng lời), 1 HS nói lời thoại phù hợp, sau đó tiếp tục luân chuyển vai trò. Mỗi tình huống, HS có thể nói theo những cách khác nhau, miễn là phù hợp.

Để đánh giá kết quả hoạt động, GV cho một số HS nói lời thoại trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

Ví dụ: **Tuần 25, bài *Lời chào đi trước*, SGK tr.70**

Nói lời chào của bạn nhỏ phù hợp với mỗi tranh:

– HS hoạt động theo nhóm, quan sát kĩ các tranh A, B, C để hiểu tình huống, đóng vai bạn nhỏ trong tranh để nói lời chào.

– 2 – 3 HS trả lời:

Tranh A: *Chào các cậu./ Chào nhé./ Chào nhé, mai gặp lại các cậu nhé.*

Tranh B: *Con chào cô ạ./ Em chào cô ạ.*

Tranh C: *Con chào bố ạ.*

4.4.3. Mở rộng vốn từ xưng hô

Mở rộng vốn từ xưng hô là một bộ phận của Mở rộng vốn từ nhưng được tách ra thành một nhóm riêng gắn với phần *Nói và nghe*. Việc sử dụng từ xưng hô được lồng ghép trong những bài thực hành về nghi thức giao tiếp, ngoài ra có một số bài tập độc lập. Với những bài tập này, HS thực hành sử dụng từ xưng hô trong một số tình huống giao tiếp cụ thể ở trường hoặc ở nhà. Các em cần chọn từ xưng hô trong một số từ xưng hô cho trước để điền vào chỗ trống trong mỗi câu nói sao cho phù hợp.

Trước hết, GV cần hướng dẫn chung cho cả lớp về cách sử dụng từ xưng hô phù hợp với vai nói và vai nghe, chẳng hạn: Nếu HS nói với mẹ thì cần xưng "con", nói với ông bà thì cần xưng "cháu",... Sau đó, GV cho HS thảo luận theo cặp, đọc kĩ các câu cần điền và làm bài tập. Một số HS đọc kết quả trước lớp. Với những HS khá – giỏi, GV có thể tổ chức cho các em đóng vai khi nêu kết quả bài tập điền từ xưng hô. *Lưu ý:* Thực tế, trong một số phạm vi giao tiếp có hiện tượng người nói "gọi thay vai" nên nếu học sinh chọn xưng "con" thay vì xưng "cháu" để điền vào "... *chúc mừng sinh nhật bà.*" thì GV cũng chấp nhận đáp án này.

Ví dụ: **Tuần 27, bài *Món quà sinh nhật tuyệt vời*, SGK tr.85**

3. Em chọn từ nào để điền vào chỗ trống? (Con, Em, Cháu)

– HS thảo luận theo cặp, đọc kĩ các câu cần điền vào chỗ trống và làm bài tập.

– GV hướng dẫn: *Em cần dùng đúng từ xưng hô trong khi nói. Ví dụ: Khi nói chuyện với mẹ, em gọi "mẹ", xưng "con".*

– 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp:

Cháu chúc mừng sinh nhật ông.

Con chúc mừng sinh nhật mẹ.

Em chúc mừng sinh nhật anh.

– *Lưu ý*: Trong một số gia đình có hiện tượng "gọi thay vai" nên nếu học sinh chọn "*Con chúc mừng sinh nhật bà*." cũng chấp nhận đáp án này.

4.5. Kể chuyện

Ngoài hình thức xem – kể như sách *Tiếng Việt 1 – Tập một*, trong sách *Tiếng Việt 1 – Tập hai* có 2 hình thức kể chuyện mới: đọc – kể và nghe – kể.

4.5.1. Xem – kể

Sách *Tiếng Việt 1 – Tập hai* có 2 bài hình thức xem – kể. Loại bài kể chuyện này đã được học từ học kì 1. Bài học này gồm các hoạt động cụ thể sau:

Bước 1: GV hướng dẫn HS kể theo từng tranh dựa vào câu hỏi gợi ý dưới tranh

GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi gợi ý trong SGK. Với mỗi tranh, ít nhất HS phải trả lời được bằng một câu kể lại nội dung tranh.

Để có câu trả lời mong đợi từ HS, GV phải có đáp án mong đợi trước rồi mới đặt câu hỏi, bảo đảm có được câu trả lời đó. SGV chỉ đưa ra một ví dụ đáp án tối thiểu. Để HS có những câu trả lời đa dạng hơn, phát triển được nội dung của mỗi tranh, lời kể sinh động, có hình ảnh và cảm xúc hơn, khi cần thiết, GV sử dụng những kĩ thuật phát triển lời nói cho HS như: yêu cầu học sinh thay thế từ trong câu trả lời bằng từ đồng nghĩa, gần nghĩa; thêm câu hỏi phụ để mở rộng thành phần câu trả lời;...

Bước 2: GV hướng dẫn HS kể toàn bộ câu chuyện

GV tổ chức cho HS kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4 (hoặc nhóm 5): HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS 1 – Kể tranh 1; HS 2 – Kể tranh 2; HS 3 – Kể tranh 3; HS 4 – Kể tranh 4 (HS 5 – Kể thêm lời bình giá, nhận xét về nhân vật). Hoạt động kể tiếp nối giúp cho mọi HS đều được thực hành kể chuyện. Kết thúc hoạt động này, mỗi HS đều kể được câu chuyện đơn giản có từ 4 – 5 câu theo câu hỏi gợi ý dưới tranh (**đạt mức 1**).

Tiếp theo, GV tổ chức cho HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu, các đoạn. Đó là từ chỉ thời gian có tác dụng liên kết. Mở đầu: *ngày xưa, một hôm, một bữa nọ*; tiếp diễn: *hôm sau, sau đó, thế rồi, bèn, liền*; kết thúc: *cuối cùng, thế rồi, kết cục là*. Đồng thời, GV hướng dẫn HS thay thế những từ bị lặp. GV mời một số HS

lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn. Kết thúc hoạt động này, HS kể được câu chuyện đơn giản từ 4 – 5 câu có liên kết hình thức chặt chẽ hơn (**đạt mức 2**).

Đối với những HS khá – giỏi, GV hướng dẫn HS tiếp tục phát triển nội dung theo mỗi tranh để có lời kể về nội dung tranh dài hơn. Các kĩ thuật phát triển lời nói có thể là: thêm câu hỏi phụ cho mỗi tranh để HS nói thêm về những đối tượng, sự việc khác trong tranh; thêm câu hỏi phụ để HS nói được ý nhận xét, đánh giá, nêu cảm xúc; yêu cầu HS tách câu; thay câu hỏi "đóng" thành câu câu lệnh "mở" như: *Hãy nói 2 – 3 câu về nội dung của tranh 1,...* Đồng thời, GV vẫn hướng dẫn HS duy trì sử dụng các từ ngữ liên kết giữa các câu. Kết thúc hoạt động này, HS khá – giỏi có thể kể được câu chuyện từ 7 – 8 câu có liên kết hình thức (**đạt mức 3**). Tuy nhiên, GV cần lưu ý đây là hoạt động dành cho HS khá – giỏi, chỉ thực hiện sau khi HS đã đạt được mức 1 và mức 2.

Lưu ý: Với lớp HS khá – giỏi, GV có thể cho HS chơi trò chơi **Thi kể chuyện** giữa các nhóm.

Trong phần *Hướng dẫn thực hiện các bài học cụ thể*, SGV sẽ đưa ra 2 đáp án mong đợi: một đáp án tối thiểu và một đáp án ở mức cao hơn.

Bước 3 (không bắt buộc): GV cùng HS trao đổi, thảo luận về nội dung, ý nghĩa câu chuyện

GV đặt câu hỏi nâng cao về nội dung, ý nghĩa câu chuyện, bài học mà HS rút ra sau khi xem – kể (tuỳ từng lớp, GV có thể thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ này). GV khuyến khích HS đưa ra tất cả các ý kiến mà các em suy nghĩ. GV chú ý trân trọng tất cả các suy nghĩ và sự giải thích của HS.

Bước 4: Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

4.5.2. Nghe – kể

Sách *Tiếng Việt 1 – Tập hai* có 10 bài kể chuyện hình thức nghe – kể. Bài học này gồm các hoạt động cụ thể sau:

Bước 1: GV kể chuyện 2, 3 lần

Lần 1, GV kể bộ toàn bộ câu chuyện. Lần 2, 3; GV kể tiếp nối từng đoạn câu chuyện (kết hợp với tranh minh hoạ). Với hoạt động này, HS rèn kĩ năng Nghe.

GV cần đọc kĩ văn bản để nhớ các chi tiết và xác định được kĩ thuật kể phù hợp với nội dung câu chuyện, diễn biến sự kiện khách quan và tâm lí cảm xúc của nhân vật. Kĩ thuật kể gồm:

– Giọng kể: GV xác định giọng kể phù hợp (vui vẻ, sung sướng, hạnh phúc, tự hào, hài hước, hóm hỉnh, âu yếm, nhẹ nhàng, tình cảm, trìu mến, thân mật, khích lệ, tin tưởng, hân hoan, mỉa mai, châm biếm, hào hùng, trong trẻo,...).

– Nhịp điệu kể: GV xác định nhịp điệu kể phù hợp (nhanh, chậm, dồn dập, gấp gáp, hiền hoà, khoan thai, chậm rãi,...).

– Ngắt giọng tâm lí linh hoạt, phù hợp để tạo sự hồi hộp, hấp dẫn cho người nghe.

– Thỉnh thoảng đưa câu hỏi tương tác, kích thích sự tò mò, hứng thú để HS tập trung theo dõi câu chuyện.

Đồng thời, GV phối hợp tư thế, cử chỉ, nét mặt khi kể chuyện hợp lí, tăng biểu cảm cho lời kể chuyện của mình.

Ví dụ: Tuần 20, ở hoạt động *Nói và nghe*, bài học Nghe – kể câu chuyện *Chiếc bánh rán ngốc nghếch*, GV chú ý kĩ thuật kể như sau: phân biệt giọng người dẫn chuyện và lời nhân vật; lời hát của bánh rán: kiêu căng, tự mãn; lời sói già: phỉnh nịnh, ngọt ngào; giọng ông của bánh rán: đanh thép, mạnh mẽ. Hết đoạn 3, GV có thể dùng ngắt giọng tâm lí dừng lại hơi lâu để tạo sự hồi hộp.

Bên cạnh đó, GV có thể sáng tạo thêm cho văn bản kể bằng các thủ pháp như: dùng thủ pháp dẫn dắt mở đầu câu chuyện để thu hút HS; thêm một số từ ngữ đánh giá, biểu cảm cho lời kể chuyện; thêm lời dẫn dắt kết nối giữa các đoạn kể;...

Ví dụ: Tuần 20, bài học Nghe – kể câu chuyện *Chiếc bánh rán ngốc nghếch*, GV có thể giới thiệu câu chuyện như sau: *Bánh rán ngốc nghếch lại gặp một tên sói già ranh mãnh. Chuyện gì sẽ xảy ra? Các em cùng nghe câu chuyện.*

Bước 2: GV hướng dẫn HS kể từng đoạn câu chuyện theo tranh theo câu hỏi gợi ý dưới tranh

Mỗi tranh thường minh hoạ cho một chi tiết chính trong cốt truyện. GV sử dụng phương pháp đàm thoại GV – HS: Cả lớp quan sát tranh, tham gia giao tiếp, trả lời những câu hỏi gợi ý dưới tranh để nhớ lại những tình tiết cơ bản.

Khi HS chỉ đưa ra được những câu trả lời tối thiểu, nếu cần thiết, GV sử dụng những kĩ thuật hỗ trợ, gợi ý cho HS như: đặt thêm câu hỏi phụ cho mỗi tranh để HS nhớ lại, nói thêm về những đối tượng, sự việc khác; viết lên bảng những gợi ý vắn tắt về cốt truyện dưới tranh; nhắc cho HS lời dẫn chuyện để HS nói tiếp theo lời nhân vật;...

Bước 3: GV hướng dẫn HS kể toàn bộ câu chuyện

GV tổ chức cho HS kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4 (hoặc nhóm 5): HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS 1 – Kể tranh 1; HS 2 – Kể tranh 2; HS 3 – Kể tranh 3; HS 4 – Kể tranh 4 (HS 5 – Kể thêm lời bình giá, nhận xét về nhân vật). Hoạt động kể tiếp nối giúp cho mọi HS đều được thực hành kể chuyện.

Tiếp theo, GV tổ chức cho HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu, các đoạn.

Cuối cùng, GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

Với lớp HS khá – giỏi, GV có thể cho HS chơi trò chơi giữa các nhóm: **Thi kể chuyện** hoặc **Đóng vai**. Lưu ý khi tổ chức trò chơi **Đóng vai**: Khi kể lần đầu, GV có thể tổ chức phân vai nhân vật cho HS, còn GV là người dẫn chuyện để giúp khớp nối các nhân vật nhịp nhàng. Khi kể lần sau, GV có thể cho HS đóng vai cả người dẫn chuyện.

Bước 4 (không bắt buộc): GV cùng HS trao đổi, thảo luận về nội dung, ý nghĩa câu chuyện

GV đặt câu hỏi nâng cao về nội dung, ý nghĩa câu chuyện, bài học mà HS rút ra sau khi nghe kể (tuỳ từng lớp, GV có thể thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ này). GV khuyến khích HS đưa ra tất cả các ý kiến mà các em suy nghĩ. GV chú ý trân trọng tất cả các suy nghĩ và sự giải thích của HS.

Bước 5: Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

4.5.3. Đọc – kể

Sách *Tiếng Việt 1 – Tập hai* có 4 bài kể chuyện hình thức đọc – kể. Bài kể chuyện này gồm các hoạt động cụ thể sau:

Bước 1: GV cho HS nhớ lại câu chuyện đã đọc ở bài Tập đọc

HS cần nhớ lại cốt truyện và những tình tiết cơ bản của câu chuyện đã đọc thì mới có thể kể được lại câu chuyện. GV cho HS đọc lại bài tập đọc (nếu cần thiết).

Bước 2, 3, 4, 5: Tương tự như bước 2, 3, 4, 5 bài Nghe – kể

Lưu ý: GV không nên yêu cầu HS đọc thuộc lòng, cố gắng kể nguyên văn theo các câu trong văn bản Tập đọc một cách máy móc. GV cần khuyến khích HS kể lại bằng lời kể của chính mình một cách tự nhiên, miễn là đúng nội dung câu chuyện. Trong trường hợp HS đã thuộc lòng truyện, biết kể trước tập thể với tác phong, điệu bộ tự tin, lời kể tự nhiên, biểu cảm thì GV nên tuyên dương em đó.

Trên đây là những lưu ý chung để tổ chức dạy học từng loại hoạt động trong giờ *Tiếng Việt 1*. Việc mô tả hình thức, phương pháp dạy học chung cũng như các kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học sẽ được trình bày chi tiết trong thiết kế đầu tiên của mỗi kiểu bài. Ở những bài sau, những gì tương tự sẽ không được nhắc lại. Bài soạn lúc này chỉ tập trung xác định mục tiêu, nêu quy trình bài học và tập trung xây dựng các đáp án mong đợi cho mỗi hoạt động.

Phần hai
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC CỤ THỂ

Chủ điểm. EM ĐÃ LỚN

TUẦN 23

BÉ VÀO LỚP MỘT

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:[1]

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Bé vào lớp Một*, biết ngắt nhịp thơ bốn chữ.

– Hiểu được niềm vui của bạn nhỏ khi đến trường, tìm được từ ngữ chỉ hành động thể hiện niềm vui của nhân vật.

– MRVT có chứa tiếng ***vui***; biết viết hoa chữ cái đầu câu và dùng dấu chấm kết thúc câu.

– Đặt và trả lời được câu hỏi về niềm vui của bạn nhỏ khi đến trường.

– Viết tiếp được câu trả lời về cảm xúc ngày đầu tiên đến trường.

– Viết (chính tả nhìn – viết) đúng khổ thơ đầu, điền đúng ***c/ k***, ***an/ at*** vào chỗ trống.

– Cảm nhận được niềm vui đến trường, yêu trường lớp, thích đi học.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ bài đọc SGK tr.48.

– *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.[2]

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: câu thơ, khổ thơ hướng dẫn HS đọc đúng.

– Video clip bài hát *Niềm vui của em* của nhạc sĩ Nguyễn Huy Hùng.

---

[1] Từ bài sau, các mục tiêu Đọc, Viết, Nói và Nghe, Kiến thức sẽ được trình bày gắn kết theo mục. Mỗi mục tương ứng với thời gian khoảng 1 tiết. Riêng mục tiêu hình thành năng lực chung và phẩm chất được viết thành mục riêng.

[2] Trong các bài học sau, việc chuẩn bị những đồ dùng học tập này sẽ không được nhắc lại.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Bạn nhỏ trong tranh cảm thấy thế nào?* (Bạn cảm thấy vui/ hạnh phúc/ sung sướng...)

– GV: *Vì sao bạn nhỏ cảm thấy vui như thế? Chúng ta cùng đọc bài thơ* ***Bé vào lớp Một*** *để biết.* GV ghi tên bài lên bảng: **Bé vào lớp Một**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ. *Lưu ý:* Trong khi HS đọc nhẩm, GV kiểm soát lớp, có thể yêu cầu HS chỉ vào tiếng mà HS đó đang đọc nhẩm. Khi gặp các từ khó đọc, HS nhờ bạn bên cạnh đọc (giải thích) cho mình hoặc giơ tay ra tín hiệu để GV đến tận nơi hỗ trợ.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ. Giọng đọc nhẹ nhàng, vui tươi.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). [1]

GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *nắng, lớp Một.*

+ MN: *reng reng, mặc, niềm vui.*

– GV cho HS đọc cá nhân, chỉ vào từ bất kì, không theo thứ tự. Nếu từ nào HS không đọc được thì GV yêu cầu HS đánh vần rồi đọc trơn.

– HS đọc từ mới: *nhảy chân sáo* (nhảy nhót, tung tăng khi cảm thấy vui).

(GV có thể giải nghĩa từ khi dạy đọc hiểu bằng cách đặt câu hỏi cho HS: "*Từ ngữ/ Hành động nào cho thấy bạn nhỏ rất vui*?")

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ (theo hàng dọc hoặc theo hàng ngang, theo tổ hoặc theo nhóm), mỗi HS đọc một câu. GV gọi 1 HS đầu bàn, sau đó lần lượt từng em tự đứng lên đọc câu tiếp theo cho đến hết. Sau khi HS đọc hết bài, GV cho nhóm HS mới đọc nối tiếp. GV nghe, sửa cho HS phát âm sai.

– HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp thơ bốn chữ – ngắt sau mỗi câu thơ:

---

[1] GV và HS cùng phát hiện từ ngữ khó. GV tuỳ đặc điểm phát âm của học sinh để tìm những tiếng phát âm dễ bị sai cho HS luyện đọc. Từ ngữ khó thông thường gồm: (1) *Từ ngữ có vần khó*; (2) *Từ ngữ khó phát âm do đặc trưng vùng miền* (miền Bắc: những từ có âm đầu l hoặc n; miền Nam: những từ có dấu thanh hỏi hoặc thanh ngã, những từ có âm đệm và nguyên âm đôi, có các âm đầu như v/ d, hoặc có cặp vần, cặp âm cuối dễ lẫn như an/ ang, ăt/ ăc,...).

Đồng hồ báo thức//
Reng reng kêu vang//
Bé đã sẵn sàng//
Mặc quần mặc áo.//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS). *Lưu ý*: HS đọc đầu tiên đọc cả tên bài. Trong khi bạn đọc, các HS khác trong nhóm lắng nghe, góp ý. GV theo dõi, hướng dẫn các nhóm đọc đúng và rõ ràng.

– HS đọc cả bài.

– HS thi đọc toàn bài dưới hình thức thi cá nhân hoặc thi theo nhóm, theo tổ hoặc trò chơi **Đọc tiếp sức**. HS và GV cùng nhận xét. *Lưu ý*: GV hướng dẫn, khuyến khích HS nhận xét về cách đọc của bạn như đọc đúng, đọc rõ ràng, đọc lưu loát, biết ngắt hơi đúng chỗ,...; tránh nhận xét chung chung, không làm rõ được yêu cầu về cách đọc.

Lưu ý chung: Quy trình tổ chức hoạt động đọc thành tiếng đối với bài học là văn bản thơ được trình bày chi tiết ở tuần 23. Từ các bài học sau, toàn bộ các lưu ý nêu trên sẽ được thực hiện mà không nhắc lại nữa.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Tìm từ có tiếng vui

HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ.** GV là quản trò. Mỗi nhóm lần lượt nêu một từ có chứa tiếng *vui* (*vui vẻ, vui mừng, vui sướng, vui chơi, vui đùa, vui lòng, vui nhộn, vui thích, niềm vui, tin vui*,...). Nhóm nào tìm được nhiều từ hơn thì thắng cuộc.

2. Hành động nào cho thấy bạn nhỏ rất vui?

– HS làm việc theo cặp, nêu yêu cầu của hoạt động 2 trong SGK, đọc thầm khổ thơ thứ hai để trả lời.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp (mỗi HS có thể nêu được 1 hoặc 2 hành động).

+ *Vui nhảy chân sáo/ Hát cùng chú mèo.*

+ *Bạn nhỏ vui nhảy chân sáo, hát cùng chú mèo.*

– HS và GV cùng nhận xét, đánh giá kết quả. GV khen ngợi HS hoàn thành tốt bài tập. HS cả lớp lưu giữ kết quả bằng cách làm bài tập trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.[1]

---

[1] Từ các bài học sau, trong mỗi hoạt động, việc GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, việc HS cả lớp lưu giữ kết quả bằng cách làm bài tập trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập sẽ được GV thực hiện mà không nhắc lại nữa.

Nói và nghe

Vì sao ở trường bạn cảm thấy vui?

– HS thảo luận theo nhóm, dựa vào tranh minh hoạ trong SGK để nói trong nhóm.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời trước lớp. Mỗi HS nói tự do theo cách của mình (miễn là đúng ý). HS có thể nêu một hoặc một vài lí do trong một câu trả lời.

+ Mình cảm thấy vui vì ở trường có cô giáo rất hiền/ vì cô giáo rất yêu thương, quan tâm đến mình/ vì cô dạy nhiều điều hay...

+ Mình cảm thấy vui vì được chơi với các bạn/ vì được chơi nhiều trò chơi trong giờ giải lao/ vì có nhiều bạn để trò chuyện...

Viết

***Hoàn thành câu trả lời cho câu hỏi:* Ngày đầu tiên đi học em cảm thấy thế nào?**

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết* trong SGK.

– Cả lớp nghe GV hướng dẫn: *Em cần điền một từ chỉ cảm xúc như "vui, buồn, lo lắng, hồi hộp, sợ,..." vào chỗ trống trong câu "Em cảm thấy...". Kết thúc câu, em cần sử dụng dấu chấm.*

– Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập

– Viết xong, HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi.

– GV hỏi: *Ngày đầu tiên đi học, em cảm thấy thế nào?*

– 2 – 3 HS đọc to câu trả lời đã viết trước lớp.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS đọc đúng và rõ ràng, hiểu bài, nhắc nhở những học sinh còn thiếu sót (phát âm chưa chính xác, thái độ học tập chưa tích cực,...)

– HS chơi trò chơi **Phỏng vấn**. Câu hỏi phỏng vấn: *Ngày đầu tiên đi học, bạn cảm thấy thế nào?* Một HS hỏi, tự chọn bạn trả lời phỏng vấn.

– GV (nếu còn thời gian): *Mỗi ngày, giống như bạn nhỏ trong bài thơ **Bé vào lớp Một**, các bạn nhỏ trên khắp mọi miền đất nước cũng đến trường với bao niềm vui và mơ ước. Mời các em nghe bài hát **Niềm vui của em** của nhạc sĩ Nguyễn Huy Hùng để cảm nhận.*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nhìn – viết

– HS nhìn SGK tr.48, đọc đoạn thơ:

Đồng hồ báo thức
Reng reng kêu vang
Bé đã sẵn sàng
Mặc quần mặc áo.

– GV lưu ý HS chữ dễ viết sai chính tả: *reng, sẵn sàng, cười*.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nhìn – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, đọc chậm để soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *c* hay *k*?

– HS đọc thầm yêu cầu của bài tập trong SGK.

– GV treo bảng phụ/ chiếu slide đã viết sẵn nội dung bài tập.

– 2 – 4 HS lên bảng thi làm nhanh bài tập: 1 – 2 em viết bên trái bảng, 1 – 2 em viết bên phải bảng, chỉ viết các tiếng cần điền (*kèn, cầu*). Cả lớp lưu giữ kết quả bằng cách làm bài tập trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– Từng HS trên bảng đọc lại bài đã hoàn thành. GV lưu ý HS đọc đủ đáp án: *thổi kèn, cầu trượt*. Cả lớp và GV nhận xét.

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi. [1]

Lưu ý: Với hoạt động *Viết*, GV có thể lựa chọn thêm các hình thức thực hiện khác như: Tìm và ghi lại các từ có tiếng chứa âm hoặc vần theo yêu cầu đã có của đề bài trong SGK (ví dụ: Tìm và ghi lại các từ có tiếng chứa *c* hoặc *k*, *an* hoặc at); Chọn tiếng viết đúng điền vào chỗ trống (ví dụ: Bé chúc ông bà mạnh ..... *(khỏe/ khoẻ)*;...

3. Chọn *an* hay *at*?

Đáp án: *Bé gảy đàn.*; *Bé đạt giải cao.*

---

[1] Quy trình trên được áp dụng cho dạng bài chính tả điền âm, vần. Từ các bài học sau, GV sẽ thực hiện theo quy trình được hướng dẫn ở tuần 23 này, sách sẽ không nhắc lại nữa.

BÉ MAI

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Bé Mai*, biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu.[1]

– Biết được những việc nhà phù hợp lứa tuổi; tìm được những việc nhà mà bạn nhỏ đã làm để được xem là người lớn; MRVT chỉ việc nhà; đặt và trả lời được câu hỏi về những việc nhà đã làm để được xem là người lớn; viết được một câu về việc nhà đã làm.

– Tô được chữ ***D, Đ*** hoa.

– Hình thành được ý thức tự giác làm việc nhà, thể hiện trách nhiệm với gia đình.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *2* trong SGK tr.52.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: Câu mẫu: "*Em rửa bát.*"; ***D, Đ*** hoa đặt trong khung chữ mẫu, ***Diễn Châu, Bình Định*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

– Ba bông hoa có ghi số thứ tự 1, 2, 3 dùng cho trò chơi **Bông hoa may mắn**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**. GV là quản trò. Cách chơi: Mỗi nhóm lần lượt tìm và nói nhanh những từ ngữ chỉ việc nhà. Nhóm sau không lặp lại từ của nhóm trước. Nhóm nào tìm được nhiều từ hơn là thắng cuộc.

– GV: *Các em đã làm được rất nhiều việc ở nhà. Còn bạn Mai trong bài đã làm được những việc gì, chúng ta cùng đọc bài* ***Bé Mai***. GV ghi tên bài lên bảng: **Bé Mai**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

---

[1] Từ bài đọc sau, yêu cầu ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu văn hay ở chỗ kết thúc dòng thơ sẽ không được nhắc lại nữa.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác; ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu. Giọng đọc cần phân biệt lời dẫn chuyện và lời của nhân vật. Giọng nói của bố và mẹ thể hiện sự ngạc nhiên. *Lưu ý*: GV nhắc HS để ý những chỗ ngắt hơi.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *người lớn, lấy làm lạ, từ lúc nào.*

+ MN: *đi giày, kiểu, buộc tóc, rửa bát, quét nhà.*

– HS đọc các từ mới: *loay hoay* (thử đi thử lại hết cách này đến cách khác để cố làm cho được việc gì đó), *ngạc nhiên* (rất lấy làm lạ).

Lưu ý: Tuỳ đối tượng HS, GV có thể chọn cách giải nghĩa từ khác nhau. Ví dụ:

Cách 1: GV cho HS đọc câu: *"Bé Mai loay hoay tìm cách để làm người lớn."* rồi đặt câu hỏi cho HS: *"Từ ngữ nào cho thấy bé Mai đã thử tìm hết cách này đến cách khác để làm người lớn?"* (*loay hoay*).

Cách 2: GV cho HS đặt câu với từ *ngạc nhiên*. GV: *Hãy đặt một câu với từ ngạc nhiên.*

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm). *Lưu ý*: Khi HS đọc, GV lắng nghe, chỉnh sửa phát âm cho HS.

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. *Lưu ý*: GV chọn một (một số) câu dài viết sẵn trên bảng phụ/ slide cho HS cả lớp luyện đọc; hướng dẫn HS cách ngắt hơi, nghỉ ngơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm xuống dòng, dấu hai chấm,... GV cũng hướng dẫn HS bước đầu biết ngắt hơi sau những cụm từ trong câu dài mà không có dấu câu để tách ý. HS nghe GV đọc mẫu và nhìn GV chỉ trên bảng phụ/ slide những dấu hướng dẫn ngắt hơi. Sau đó, HS đọc theo mẫu. Ví dụ:

+ *Bé Mai/ loay hoay tìm cách/ để làm người lớn.//*

+ *Khi bé Mai/ rửa bát/ thì cả bố mẹ/ đều lấy làm lạ.//*

Với HS khá – giỏi, GV có thể lưu ý các em bước đầu đọc các câu thể hiện ngữ điệu, sắc thái tình cảm phù hợp. Ví dụ:

+ *Ồ,/ con gái của mẹ/ đã thành người lớn rồi sao?//* (Giọng ngạc nhiên)

+ *Lạ thật!/ Bé Mai đã thành người lớn/ từ lúc nào!//* (Giọng ngạc nhiên)

– HS đọc từng đoạn trong nhóm, 3 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài. *Lưu ý*: Mỗi HS trong nhóm được đọc trơn cả đoạn văn. Hết một lượt, mỗi HS trong nhóm lại luân phiên đổi thứ tự đoạn văn cho nhau. Cứ như vậy, tương ứng 2 – 3 lượt đọc, một HS có thể được đọc 2 – 3 đoạn.

– HS thi đọc giữa các nhóm bằng cách tham gia trò chơi **Bông hoa may mắn**:

+ Lượt 1: HS được tổ chức thành 3 nhóm. Mỗi nhóm 3 HS, HS bốc thăm thứ tự đoạn cần đọc trên bông hoa. HS đọc tiếp nối từng đoạn trong nhóm. Cả lớp bình chọn nhóm đọc tốt, nêu lí do bình chọn.

+ Lượt 2: Đại diện cho 3 nhóm bốc thăm thứ tự đoạn cần đọc trên bông hoa. GV tổ chức cho 3 đại diện này đọc tiếp nối từng đoạn (đọc cá nhân). Cả lớp bình chọn bạn đọc tốt nhất, nêu lí do bình chọn.

Lưu ý: GV có thể chọn một hình thức tổ chức phù hợp cho HS thi đọc giữa các nhóm trong số nhiều hình thức thi khác nhau, ví dụ: thi đọc một đoạn giữa các nhóm, thi đọc tiếp sức cả bài, thi đọc truyền điện, thi đọc theo vai,... để đảm bảo tạo điều kiện cho nhiều HS được thi đọc. Sau phần thi của mỗi nhóm, GV hướng dẫn, khuyến khích HS cả lớp nhận xét về cách đọc của bạn.

– HS đọc cả bài.

Lưu ý chung: Từ các bài học sau, khi GV tổ chức luyện đọc thành tiếng đối với bài học là văn bản truyện hoặc đoạn văn miêu tả, toàn bộ các lưu ý nêu trên sẽ được thực hiện mà không nhắc lại nữa.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Những từ ngữ nào chỉ việc làm?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc kĩ những từ được cho trước để chọn từ ngữ phù hợp.

– HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp: *nhặt rau, tưới hoa, nấu cơm.*

2. Những việc làm nào khiến Mai được xem là người lớn?

– HS hoạt động theo nhóm, cùng quan sát 3 bức tranh minh hoạ bài tập trong SGK tr.52. GV có thể treo 3 tranh này lên bảng hoặc trình chiếu trên slide. HS đọc thầm đoạn 2 và 3, thảo luận để chọn tranh đáp án đúng và nêu nội dung của tranh.

– HS trả lời trước lớp (mỗi HS có thể nêu được 1 hoặc cả 2 ý) và chọn đúng tranh minh hoạ phù hợp:

+ *Việc quét nhà và việc rửa bát.*

+ *Bé Mai biết quét nhà, rửa bát.*

+ *Bé Mai được xem là người lớn vì biết quét nhà và rửa bát.*

Nói và nghe

Bạn đã làm gì để được xem là người lớn?

– 1 – 2 cặp HS khá – giỏi làm mẫu thực hành hỏi – đáp trước lớp:

+ HS1: *Bạn đã làm gì để được xem là người lớn?*

+ HS2: *Mình đã đi đổ rác.*

– HS hỏi – đáp theo cặp trong bàn: 1 HS hỏi, 1 HS trả lời, sau đó luân phiên đổi vai. HS nói tự do theo thực tế của bản thân, mỗi em có thể có một hoặc một vài việc làm *(dọn giường, gấp quần áo, cất quần áo sạch vào tủ, lau khô bát đĩa, dọn dẹp đồ chơi, gấp chăn, thu dọn sách vở và đồ chơi gọn gàng,...).*

+ *Mình đã dọn bàn ăn.*

+ *Mình lau cửa kính. Mình còn nhặt rau và tưới cây nữa...*

– GV theo dõi các cặp HS thực hành hỏi – đáp, nhận xét, hướng dẫn HS trả lời câu đầy đủ, không rút gọn.

– GV cũng có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi **Phỏng vấn**. 1 HS đóng vai người dẫn chương trình, đứng lên trước lớp, mời một số bạn bất kì trong lớp trả lời.

Người dẫn chương trình có thể nói: *Xin chào các bạn! Hôm nay, mình sẽ phỏng vấn một số bạn lớp mình. Mời bạn...*

Câu hỏi phỏng vấn: *Bạn đã làm gì để được xem là người lớn?*

Viết

Viết một câu về việc nhà em đã làm.

– HS và GV phân tích câu mẫu: "*Em rửa bát.*" trên bảng/ slide.

+ GV: *Bộ phận nào của câu cho biết "**Ai** rửa bát?"*

+ HS: *Em.*

⇨ GV gạch dưới "*Em*".

+ GV: *Bộ phận nào của câu cho biết "Em **làm gì**?"*

+ HS: *Rửa bát.*

⇨ GV gạch dưới "*rửa bát.*"

– GV: *Cả hai bộ phận này ghép với nhau mới tạo thành một câu đầy đủ. Em cần viết hoa chữ cái đầu câu và dùng dấu chấm kết thúc câu.*

– 2 HS viết trên bảng lớp. Cả lớp viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– HS và GV nhận xét câu của 2 HS viết trên bảng, xem câu đã có đủ 2 bộ phận, viết hoa chữ cái đầu câu và dùng dấu chấm kết thúc câu chưa. GV hướng dẫn HS sửa lỗi nếu có.

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– Một số HS đọc câu văn vừa viết trước lớp. GV nhận xét.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi HS.

– HS trả lời câu hỏi của GV: *Em đã trở thành người lớn giống như bé Mai chưa? Vì sao?* (HS trả lời tự do theo thực tế).

– GV: *Muốn được xem là người lớn như bé Mai thì các em nên tự giác làm những việc nhà phù hợp tuổi của mình nhé. Các em có thể quét nhà, nhặt rau, tưới cây, dọn nhà, dọn bàn ăn,... Sau buổi học hôm nay, về nhà, em hãy làm ít nhất một việc nhà giúp bố mẹ.*

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **D, Đ** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ D, Đ hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***D, Đ*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả: *Chữ **D** hoa gồm 1 nét là kết hợp của hai nét cơ bản: nét lượn hai đầu (dọc) và nét cong phải nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ. Chữ **Đ** có cấu tạo như chữ **D**, chỉ khác có thêm nét thẳng ngang (ngắn).*

– GV nêu quy trình tô chữ ***D, Đ*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***D, Đ*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***D, Đ*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát các từ ngữ ứng dụng: ***Diễn Châu, Bình Định*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Diễn Châu** là tên riêng một huyện thuộc tỉnh Nghệ An, Việt Nam; **Bình Định** là tên riêng một tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Việt Nam.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Diễn Châu, Bình Định***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.18-19: **D** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Đ** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Diễn Châu, Bình Định** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

NĂM NGƯỜI BẠN

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Năm người bạn*.

– Hiểu được những giác quan giúp con người cảm nhận thế giới; kể tên được năm giác quan; MRVT về năm giác quan; đặt và trả lời được câu hỏi về tác dụng của năm giác quan; viết tiếp được câu miêu tả âm thanh.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng hai câu văn; điền đúng ***g/ gh, n/ l*** vào chỗ trống, điền đúng vị trí ***dấu hỏi, dấu ngã***.

– Kể được câu chuyện ngắn *Kiến con đi xe buýt* bằng 4 – 5 câu; có ý thức ứng xử văn minh, lịch sự nơi công cộng, bước đầu hình thành được trách nhiệm với cộng đồng.

– Có ý thức yêu quý, trân trọng bản thân, tự chăm sóc cơ thể.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Bộ thẻ gồm 5 tấm thẻ có hình ảnh: *mắt, tai, mũi, tay, lưỡi*; 5 tấm thẻ chữ: *sờ, nhìn, ngửi, nghe, nếm* dùng cho hoạt động *Nói và nghe*.

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Kiến con đi xe buýt*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp chia 2 nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**. GV là quản trò. Cách chơi: Mỗi nhóm lần lượt tìm và nói nhanh những từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể có âm đầu ***m*** (*mặt, mắt, mũi, miệng, mồm, mép, môi, má, mí mắt, (lông) mày, móng, mông, mình,...*). Nhóm sau không lặp lại từ của nhóm trước. Nhóm nào tìm được nhiều từ hơn là thắng cuộc.

– GV: *Các em đã kể tên được nhiều bộ phận cơ thể người, bộ phận nào cũng quan trọng. Hôm nay, chúng ta đọc bài* ***Năm người bạn*** *để biết về năm bộ phận cơ thể giống như năm người bạn của chúng ta.* GV ghi tên bài lên bảng: **Năm người bạn**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, ngắt hơi rõ giữa các cụm từ, sau khi kết thúc câu, giữa các dòng.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *lời, lưỡi, nếm, vị ngọt lịm, bộ lông.*

+ MN: *nhận biết, yêu thương, miếng kem, hương hoa thơm ngát.*

– HS đọc từ mới: *nhận biết* (nhận ra mà biết được về thế giới, mọi vật xung quanh).

– HS cả lớp nghe GV hướng dẫn cách đọc từng câu văn, chú ý ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu hoặc ngắt hơi theo yêu cầu của nội dung câu văn. GV chọn 1 – 2 câu dài cho HS luyện đọc. Ví dụ:

+ Mắt,/ tai,/ mũi,/ lưỡi/ và đôi tay/ là năm người bạn/ giúp ta nhận biết thế giới.//

+ Lưỡi giúp ta nếm được/ vị ngọt lịm/ của từng miếng kem/ tan trong miệng.//

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc theo cặp, mỗi HS đọc một câu lần lượt cho đến hết bài.

– HS hoạt động theo nhóm (3 hoặc 6 HS), tham gia trò chơi: **Đọc tiếp sức**. GV và HS cùng nhận xét.

– HS đọc cả bài.

EBD
VÌ SỰ BÌNH ĐẲNG VÀ DÂN CHỦ TRONG GIÁO DỤC

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Kể tên năm người bạn giúp em nhận biết thế giới.

– HS hoạt động theo nhóm, đọc thầm câu văn đầu tiên trong bài.

– GV cho HS thi kể nhanh tên năm người bạn. Nhóm nào kể đúng, đủ và nhanh nhất là thắng cuộc. Đáp án: *tai, mắt, mũi, lưỡi, tay/ đôi tay.*

2. Em có thể nhìn thấy những gì?

– HS hoạt động theo nhóm, đọc kĩ những từ ngữ được cho trước để chọn đáp án đúng.

– Một vài HS trả lời câu hỏi trước lớp: *mặt trời, bông hoa, ngọn núi.*

– GV (*):

+ Vì sao chúng ta không chọn "tiếng đàn"? (Vì chúng ta chỉ nghe thấy chứ không nhìn thấy "tiếng đàn".)

+ *Chúng ta còn nhìn thấy những gì nữa trong lớp học?* (*bàn, ghế, tủ, bản đồ, cô giáo, các bạn học sinh,...*)

Nói và nghe

Nói (theo mẫu):

M: Mắt → để nhìn

– HS được chia thành hai nhóm (mỗi nhóm 5 HS), chơi trò chơi **Tìm bạn**:

+ Nhóm 1: Mỗi HS cầm 1 tấm thẻ hình: **mắt, tai, mũi, tay, lưỡi.**

+ Nhóm 2: Mỗi HS cầm 1 tấm thẻ chữ: **sờ, nhìn, ngửi, nghe, nếm.**

– Khi GV hô "*Tìm bạn!*", ngay lập tức mỗi HS có thẻ hình và mỗi HS có thẻ chữ phải kết đôi thật nhanh. Cả lớp làm trọng tài. Cặp nào ghép đúng là chiến thắng (*mắt – nhìn, mũi – ngửi, tay – sờ, lưỡi – nếm, tai – nghe*).

– GV mời từng cặp HS trả lời câu hỏi: *Mắt/ Tai/ Mũi/ Tay/ Lưỡi để làm gì?* Từng cặp HS trả lời đúng được mời về chỗ và khen ngợi.

Viết

Hoàn thành câu (theo mẫu):

M: *Gà gáy* ***ò ó o.***

– HS và GV phân tích từ ngữ in đậm trong câu mẫu: *Gà gáy* ***ò ó o***.

+ GV: *"ò ó o" chỉ âm thanh gì?*

+ HS: *Chỉ tiếng gà gáy.*

– GV hướng dẫn: *Em cần điền một từ chỉ âm thanh vào chỗ trống và cuối câu nhớ dùng dấu chấm.*

– 3 HS viết trên bảng lớp, mỗi HS viết một câu. HS cả lớp viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– HS và GV nhận xét về bài làm của 3 HS trên bảng (Từ được điền đúng chưa? Câu đã có dấu chấm kết thúc chưa?...).

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– Một số HS đọc câu vừa điền từ trước lớp:

+ *Đồng hồ kêu tích tắc/ reng reng...*

+ *Trống đánh tùng tùng/ cắc tùng/ ầm ầm/ ầm ĩ...*

+ *Bé cười hi hi/ ha ha/ ha hả...*

– GV nhận xét và chữa một số bài làm cho HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi HS.

– GV chọn một câu đố về bộ phận cơ thể để đố HS. Ví dụ:

1. *Nhô cao giữa mặt một mình/ Hít thở thật giỏi lại tinh ngửi mùi?* (Là bộ phận nào?)

2. *Lắng nghe tiếng mẹ, tiếng cô/ Âm thanh, tiếng động nhỏ to quanh mình?* (Là bộ phận nào?)

Đáp án: 1. *Cái mũi*; 2. *Cái tai.*

– GV: *Năm giác quan giúp chúng ta nhận biết bao điều hay về thế giới. Em hãy giữ vệ sinh sạch sẽ, bảo vệ năm giác quan của mình nhé!*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần hai câu: **Mắt giúp ta ngắm mây bay bồng bềnh trên trời cao. Tai giúp ta nghe được lời yêu thương của bố mẹ mỗi ngày**.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *giúp, yêu thương*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *g* hay *gh?*

Đáp án: *ghẹ biển, đĩa gốm.*

3. Chọn

Tuỳ theo đối tượng HS của các vùng miền khác nhau, GV chọn và hướng dẫn các em làm bài tập ***a*** hoặc ***b*** (*MB: chọn làm bài tập **a**; MN: chọn làm bài tập **b***). GV hướng dẫn HS làm bài tập theo quy trình đã biết.[1]

a. n hay l?

Đáp án: *hoa lan, quạt nan.*

b. Dấu ʔ hay ~ trên những chữ in nghiêng?

Đáp án: *Củi khô cháy lép bép.*; *Bé đi men theo cũi.*

---

[1] Từ những bài sau, sách sẽ không nhắc lại hướng dẫn này.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Nghe – kể: Kiến con đi xe buýt

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem tranh xe buýt có đủ các nhân vật (tranh 4), chia lớp 2 nhóm, chơi trò chơi: **Kể tên nhanh đủ nhân vật trong tranh** (*Dê, lợn, khỉ, chó, kiến và gấu).* Nhóm nào kể đủ và nhanh 6 nhân vật là thắng cuộc.

– GV: *Dê con, lợn con, khỉ con, chó con, kiến con và bác gấu là 6 nhân vật xuất hiện trong câu chuyện chúng ta nghe – kể hôm nay. Để biết chuyện gì xảy ra, các em cùng nghe câu chuyện.*

2. Nghe GV kể

– HS nghe GV kể 2 – 3 lần câu chuyện *Kiến con đi xe buýt*. Văn bản như sau:

KIẾN CON ĐI XE BUÝT

1. Một hôm, kiến con đón xe buýt đến thăm bà. Trên xe, kiến con thấy dê con, lợn con, khỉ con, chó con đã ngồi ở đó. Kiến con vui mừng ngồi vào chiếc ghế trống duy nhất.

2. Bim! Bim! Xe dừng đón khách ở bến tiếp theo. Một bác gấu già bước lên xe. Thấy bác gấu loay hoay tìm chỗ, dê con, chó con, khỉ con, lợn con đều đứng dậy nhường chỗ. Bác gấu nói:

– Cám ơn các cháu, nhưng bác không muốn các cháu phải đứng.

3. Đúng lúc đó, kiến con đến nói với bác gấu:

– Cháu mời bác ngồi chỗ của cháu ạ! Cháu đã có cách rồi!

– Cách gì thế cháu?

– Bí mật bác ạ. – Kiến con lấp láy mắt hóm hỉnh.

4. Bác gấu vừa ngồi vào ghế của kiến con thì không thấy kiến con đâu.

– Ồ! Kiến con đi đâu rồi nhỉ? – Bác gấu nhìn quanh bốn phía để tìm kiếm thì bất chợt có tiếng của kiến con vang lên bên tai:

– Bác gấu ơi! Cháu ở đây!

Hoá ra kiến con leo lên ngồi trên vai bác gấu. Mọi người đều cảm thấy vui vẻ, cùng nhau hát vang trên xe.

Theo *168 chuyện kể hay nhất dành cho trẻ mầm non*, NXB Thanh niên, 2019

– GV lưu ý kĩ thuật kể chuyện: Đoạn 1 kể chậm rãi; đoạn 2 kể giọng băn khoăn; đoạn 3 và 4 kể giọng vui, hóm hỉnh. Lời của kiến con lễ phép, lịch sự.

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Khi kiến con lên xe buýt, xe còn mấy chỗ ngồi? (Khi kiến con lên xe buýt, xe chỉ còn một chỗ ngồi.)*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Bác gấu nói gì khi được các bạn nhường chỗ? (Khi được các bạn nhường chỗ, bác gấu nói: "Bác cảm ơn, nhưng bác không muốn các cháu phải đứng".)*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Kiến con đã làm gì? (Kiến con nói: "Cháu mời bác ngồi ạ. Cháu có cách rồi!")*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Kết thúc câu chuyện có gì bất ngờ? (Kiến con đã tìm được chỗ ngồi trên vai bác gấu.)*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Khi kiến con lên xe buýt, xe chỉ còn một chỗ ngồi. Khi thấy một bác gấu bước lên xe, tất cả các bạn đều đứng lên nhường chỗ cho bác. Bác nói: "Bác cảm ơn các cháu nhưng bác không muốn các cháu phải đứng". Kiến con nói với bác: "Cháu mời bác ngồi ạ. Cháu có cách rồi!". Sau đó, kiến con đã tìm được chỗ ngồi trên vai bác gấu. (5 câu)

+ Chuyến xe hôm nay đông quá! Dê con, chó con, khỉ con, lợn con đều đã ngồi sẵn trên ghế. Kiến con lên xe, vui mừng ngồi vào chỗ ngồi duy nhất còn lại. Đến bến tiếp theo, một bác gấu già bước lên xe. Bác loay hoay tìm chỗ ngồi. Ngay lập tức, tất cả các bạn đều đứng lên nhường chỗ cho bác. Bác gấu nói: "Cảm ơn các cháu, bác không muốn các cháu phải đứng". Lúc đó, kiến con bước đến mời bác: "Cháu mời bác ngồi. Bác đừng lo. Cháu có cách rồi!". Bác gấu vừa ngồi vào ghế thì thoắt cái không thấy kiến con đâu. Hoá ra kiến con đã nhanh chóng tìm được chỗ ngồi trên vai bác gấu. Khi phát hiện ra điều đó, mọi người đều cảm thấy ngạc nhiên và vui vẻ. (11 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– Với lớp HS khá – giỏi, GV có thể cho HS chơi **đóng vai**. Phân vai: dê con, chó con, khỉ con, lợn con, kiến con, bác gấu. GV là người dẫn chuyện để giúp khớp nối các nhân vật nhịp nhàng.

5. Mở rộng

GV: *Kiến con có gì đáng yêu?* (*Lễ phép, lịch sự, thông minh,...*)

Với HS khá – giỏi có thể trao đổi thêm: *Các bạn nhỏ trong truyện có gì đáng yêu?* (*Lịch sự, tốt bụng, biết nhường chỗ cho người già trên xe,...*)

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc một bài trong sách kĩ năng sống dành cho học sinh tiểu học.

GV hướng dẫn HS tìm kiếm nguồn sách để *Đọc mở rộng*. HS có thể tìm kiếm từ nhiều nguồn: thư viện trường (đây là nguồn chủ yếu trong điều kiện HS không có đủ thời gian, điều kiện để tìm mua sách riêng cho mình), tủ sách của lớp; sách của người thân, bạn bè; sách tại hiệu sách;...

Ở thư viện trường, trước hết, HS cần tìm đúng khu vực sách được phân loại như sách kĩ năng sống, truyện cổ tích, truyện danh nhân, truyện tranh, sách khoa học, thơ thiếu nhi,... HS xem bìa sách, đọc tên sách, đọc lướt mục lục hoặc giở nhanh các trang sách để tìm nội dung quan tâm. Khi HS tìm kiếm, GV chủ động hỗ trợ, giúp HS chọn được bài đọc phù hợp.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

HS đọc lướt mục lục hoặc giở nhanh các trang sách để tìm nội dung quan tâm như: hướng dẫn dọn dẹp bàn ăn, quét nhà, gom nhặt rác, thu dọn đồ chơi, gấp quần áo, giặt quần áo,...

Một số nguồn sách kĩ năng sống dành cho HS tiểu học tham khảo:

– Nhiều tác giả (2014). *Cẩm nang sinh hoạt bằng tranh cho bé*, NXB Kim Đồng.

– Tổ chức Giáo dục và Đào tạo Poki Tân Á Châu (2016). *Kĩ năng sống cùng Poki 6+* (2 tập), NXB Dân trí.

– Tatsumi Nagisa (2017). *Dạy con làm việc nhà,* NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

– Tatsumi Nagisa (2017). *Ehon Kĩ năng sống – Em làm việc nhà,* NXB Thế Giới.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

Sau mỗi bài *Đọc mở rộng*, GV lựa chọn 1 – 2 hoạt động tuỳ theo điều kiện học tập cụ thể phù hợp sở thích, khả năng riêng của HS. HS có thể thực hiện 1 – 2 bài tập đọc hiểu tương tự như bài đọc chính khoá, ôn lại kĩ năng đọc; hoặc HS có thể thực hiện 1 – 2 bài tập liên hệ, kết nối bài đọc với trải nghiệm.

Ví dụ: Đọc bài *Thử giặt bằng tay*

THỬ GIẶT BẰNG TAY

Khi mặc quần áo sạch sẽ, chúng ta cảm thấy thật thoải mái. Nhưng khi có đồ bẩn, không phải lúc nào ta cũng dùng được máy giặt. Bạn đã bao giờ thử tự mình giặt bằng tay chưa?

1. Cho nước vào chậu, đổ bột giặt vào.
2. Ngâm quần áo bẩn cần giặt một chút.
3. Vò mạnh những chỗ bị bẩn, dùng tay bóp và xả sạch bột giặt.
4. Thay nước cho đến khi nước trong thì vắt khô quần áo.

Chi Mai

1. Văn bản trên viết về cách làm việc gì?

a. Cách giặt quần áo bằng máy.

b. Cách giặt quần áo bằng tay.

2. Sắp xếp tranh theo đúng thứ tự:



A



B



C



D

Đáp án:

1. *b. Cách giặt quần áo bằng tay.*
2. *Tranh A – Tranh B – Tranh D – Tranh C.*

TUẦN 24

AI CÓ TÀI?

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Ai có tài?*.

– Hiểu được mỗi cá nhân có khả năng riêng; trả lời được câu hỏi về chi tiết trong câu chuyện; MRVT chỉ con vật; viết được câu trả lời cho câu hỏi về khả năng của bản thân.

– Viết (chính tả nhìn – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***ng/ ngh***, ***ang/ ac*** vào chỗ trống.

– Hình thành được phẩm chất tự tin, tích cực phát huy khả năng riêng của bản thân.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Một số tranh ảnh về những nhân vật tài năng mà HS yêu thích.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: câu mẫu "*Mình chạy rất nhanh*".

– Bảng nhóm (số lượng bảng tương ứng số nhóm trong lớp).

– Bốn bông hoa có ghi số thứ tự 1, 2, 3, 4 dùng cho trò chơi **Bông hoa may mắn**.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS xem tranh, ảnh về những nhân vật tài năng mà HS thường yêu thích (bà tiên, siêu nhân, người nhện, cầu thủ bóng đá, ca sĩ,...) trên bảng/ slide, trả lời câu hỏi của GV: *Kể tên một người tài em thích nhất và cho biết họ có tài gì*. HS có thể sử dụng tranh gợi ý để nhớ ra tên nhân vật hoặc tự do chia sẻ theo ý thích cá nhân (*Em thích bà tiên, có tài hoá phép lạ./ Em thích người nhện, có tài leo tường./ Em thích siêu nhân, có tài chiến đấu...*)

– GV: *Những người các em vừa kể, mỗi người đều có tài. Bạn mèo Miu Miu trong bài đọc* ***Ai có tài?*** *đã phát hiện ra người có tài rất bất ngờ. Chúng ta cùng đọc bài để biết người đó là ai, có tài gì*. GV ghi tên bài lên bảng: **Ai có tài?**

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc cần phân biệt lời dẫn chuyện và lời của nhân vật. Giọng nói của Miu Miu về bướm và chim vẻ thán phục, trầm trồ; giọng cô chủ xuýt xoa, khen ngợi.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc. GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *ríu rít, lại ao ước, tài năng.*

+ MN: *phát hiện, tỉnh giấc, khoái chí, hoá ra.*

– HS đọc các từ mới: *tấm tắc* (nói ra nhiều lời khen ngợi, thán phục người khác); *xuýt xoa* (giọng nói có những tiếng gió khe khẽ khi khen ngợi người khác).

(GV thể hiện câu nói với giọng điệu "xuýt xoa": *Miu Miu tài quá!)*

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:

+ Một sáng đẹp trời,/ Miu Miu thấy một chú bướm bay nhẹ nhàng trong nắng.//

+ Đến tối,/ Miu Miu phát hiện ra một con chuột cả gan vào bếp trộm thức ăn.// Nó thu mình,/ phóng tới/ vồ gọn con chuột.// "Chít!/ Chít!"// Tên trộm kêu to/ làm cả nhà tỉnh giấc.//

– HS đọc từng đoạn trong nhóm, 3 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm bằng cách tham gia trò chơi: **Bông hoa may mắn**. 4 HS đại diện cho 4 nhóm tham gia thi bốc thăm nhận số thứ tự đoạn sẽ đọc trên bông hoa. Sau đó, mỗi HS đọc nối tiếp một đoạn. GV và HS cả lớp nhận xét, bình chọn.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Kể tên những con vật có trong bài.

– HS thảo luận theo nhóm 4 HS, mỗi HS đọc lại một đoạn trong bài, cùng thống nhất và cử một bạn ghi kết quả vào bảng nhóm.

– Các nhóm treo kết quả lên bảng lớp để cả lớp cùng đọc.

– HS cả lớp nhận xét và chốt lại kết quả đúng: *bướm, chim, chuột, mèo*. Lưu ý: HS có thể kể tên mèo là *Miu Miu* cũng được chấp nhận.

2. Vì sao Miu Miu cho rằng mình không có tài?

– HS thảo luận theo cặp, đọc thầm lại đoạn 1, 2 và 3 để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp (mỗi HS có thể nêu được 1 hoặc cả 2 ý):

+ *Vì Miu Miu không biết bay như bướm.*

+ *Vì Miu Miu không biết hót như chim.*

+ *Vì Miu Miu không biết bay như bướm và hót như chim.*

3. Miu Miu nhận ra mình có tài gì?

– HS thảo luận theo cặp, đọc thầm đoạn 4 để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Miu Miu nhận ra mình có tài bắt chuột./ Hoá ra nó cũng có tài: tài bắt chuột.*

Viết

Viết câu trả lời: Bạn có tài gì?

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết* trong SGK.

– HS và GV cùng phân tích câu mẫu trên bảng/ slide: "*Mình chạy rất nhanh.*" GV hướng dẫn: *Em cần viết câu trả lời có đủ hai bộ phận* (vừa giải thích, vừa gạch dưới từng bộ phận: *Mình*, *chạy rất nhanh*); *viết hoa chữ cái đầu câu và đánh dấu chấm kết thúc câu* (vừa giải thích, GV vừa chỉ vào chữ hoa và dấu chấm trong câu mẫu). Nếu HS chưa biết viết chữ hoa thì GV không coi là lỗi, chỉ giải thích để HS hiểu được chữ cái đầu câu phải viết hoa. GV yêu cầu HS phải đánh dấu chấm kết thúc câu.

– HS xem tranh gợi ý trong SGK, có thể viết theo gợi ý từ tranh hoặc theo ý riêng của mình. Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Ví dụ: *Mình thổi kèn hay./ Mình hát hay./ Mình bơi khoẻ./ Mình chơi cờ vua giỏi.*

– Viết xong, HS đọc lại để tự kiểm tra.

– Từng cặp HS đổi bài cho nhau để nhận xét, sửa chữa.

– 2 – 3 cặp HS hỏi – đáp trước lớp. 1 HS hỏi "*Bạn có tài gì?*", 1 HS đọc câu trả lời là câu văn vừa viết.

– GV nhận xét, xem và chữa bài làm cho một số HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS hỏi – đáp theo cặp trong bàn: *Bạn có tài gì?*

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS tích cực.

– GV: *Mỗi chúng ta đều có khả năng riêng biệt. Khả năng ấy, chúng ta có thể đã nhận ra, nhưng cũng có thể chưa nhận ra được giống như Miu Miu. Các em hãy tự tin và phát huy khả năng riêng của bản thân mình nhé!*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nhìn – viết

– HS nhìn vào SGK tr.57, đọc hai câu: **Đến tối, Miu Miu phát hiện ra một con chuột cả gan vào bếp trộm thức ăn. Nó thu mình, phóng tới vồ gọn con chuột**.

– GV lưu ý HS chữ dễ viết sai chính tả: *phát hiện, bếp, trộm, phóng tới.*

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nhìn – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, đọc chậm để soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *ng* hay *ngh*?

Đáp án: *nghỉ mát, ngọc trai.*

3. Chọn *ang* hay *ac*?

Đáp án: *Trời chiều chạng vạng.*; *Vạc đi kiếm ăn.*

EBD
VÌ SỰ NGHIỆP ĐẢNG VÀ DÂN CHỦ TRONG GIÁO DỤC

CÁNH CAM LẠC MẸ

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Cánh cam lạc mẹ*, biết ngắt nhịp thơ năm chữ.

– Hiểu được sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người khi cánh cam bị lạc mẹ; tìm được từ ngữ chỉ hành động của nhân vật; trả lời được câu hỏi về chi tiết trong câu chuyện; MRVT có vần ***ăng***; nói được câu giới thiệu tên và địa chỉ của mình.

– Tô được chữ ***E, Ê*** hoa.

– Hình thành được ý thức quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, tranh hoa hồng có gai (nếu cần).

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: ***E, Ê*** hoa đặt trong khung chữ mẫu; ***hang Én*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, chơi trò: **Đi tìm nhân vật**. GV hỏi: *Đâu là cánh cam*? HS nào tìm nhanh được nhân vật cánh cam trong bức tranh là thắng cuộc.

– GV: *Khi bị lạc mẹ, cánh cam đã gặp ve sầu, bọ dừa, cào cào, xén tóc* (vừa nói vừa chỉ vào hình các con vật). *Chuyện gì đã xảy ra sau đó? Chúng ta cùng đọc bài thơ* ***Cánh cam lạc mẹ*** *để biết*. GV ghi tên bài lên bảng: **Cánh cam lạc mẹ**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ năm chữ. Giọng đọc toàn bài chậm rãi; khổ thơ đầu thể hiện giọng lo lắng; khổ thơ thứ hai thể hiện giọng trầm; khổ thơ thứ ba thể hiện giọng khẩn trương, tình cảm.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc. GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *đi lạc, lặng im, lối*.

+ MN: *vườn hoang, giữa, kêu ran, giã gạo*.

– HS đọc các từ mới: *gai góc* (phần cứng, nhọn nhô ra ngoài mặt thân, cành, lá); *râm ran* (âm thanh của lời nói lan xa, truyền đi khắp nơi).

(GV cũng có thể cho HS xem bức ảnh thân cây, cành hoa hồng có nhiều gai và hỏi: *Đố em, đâu là gai của cây hoa*?)

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ.

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt sau mỗi dòng thơ năm chữ:

Cánh cam/ đi lạc mẹ//
Gió/ xô vào/ vườn hoang//
Giữa bao nhiêu/ gai góc//
Lũ ve sầu/ kêu ran.//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS).

– HS đọc cả bài.

– HS thi đọc toàn bài dưới hình thức thi cá nhân hoặc thi theo nhóm, theo tổ hoặc trò chơi **Đọc tiếp sức**. HS và GV cùng nhận xét.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Tìm tiếng có vần ăng.

HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm tiếng có vần *ăng***. GV là quản trò. Mỗi nhóm lần lượt nêu tiếng có vần ***ăng***. Đầu tiên, HS dựa vào hình ảnh minh hoạ trong câu 1 để tìm (*măng, trăng*). Sau đó, HS tìm tiếng tự do *(băng, căng, thẳng, xăng, tăng, bằng, nắng, đắng, thẳng, phẳng, mắng, trắng, nặng, quăng,...)*. Nhóm nào tìm được nhiều tiếng hơn là thắng cuộc.

Lưu ý: Trong trường hợp HS tìm được từ ngữ có tiếng chứa *ăng* như *hải đăng, hăng hái, siêng năng, khẳng khiu,...* thì GV cũng chấp nhận đáp án.

2. Đọc khổ thơ cho thấy ai cũng đi tìm mẹ giúp cánh cam.

– HS thảo luận theo cặp, đọc thầm lại bài thơ để tìm khổ thơ theo yêu cầu.

– HS trả lời trước lớp:

Bọ dừa dừng nấu cơm
Cào cào dừng giã gạo
Xén tóc thôi cắt áo
Đều bảo nhau đi tìm.

3. Tất cả mọi người đều nói gì với cánh cam?

– HS thảo luận theo cặp, đọc thầm khổ thơ cuối để trả lời.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp (mỗi HS có thể nêu được 1 hoặc cả 2 ý):

+ *Cánh cam về nhà tôi.*

+ *Tất cả mọi người đều nói cánh cam về nhà tôi.*

Nói và nghe

Đóng vai bạn nhỏ bị lạc, trả lời chú công an.

– 1 HS đóng vai chú công an, 1 HS đóng vai bạn nhỏ để hỏi – đáp trước lớp. Ví dụ:

Hỏi: *Cháu tên là gì?*

Đáp: *Cháu tên là Mai.*

Hỏi: *Nhà cháu ở đâu?*

Đáp: *Nhà cháu ở số nhà 3, đường Mỹ Đình, quận Cầu Giấy.*

HS có thể thêm các cử chỉ, hành động diễn xuất phù hợp, chẳng hạn: HS đóng vai bạn nhỏ bị lạc thể hiện nét mặt lo lắng, hốt hoảng; HS đóng vai chú công an thể hiện giọng nói ân cần, quan tâm.

– HS khá – giỏi có thể hỏi – đáp thêm các thông tin khác. Ví dụ:

Hỏi: *Bố mẹ cháu là ai?*

Đáp: *Bố cháu tên là... Mẹ cháu tên là....*

Hỏi: *Số điện thoại của bố hoặc mẹ cháu là gì?*

Đáp: *Số điện thoại của bố/ mẹ cháu là....*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS tích cực.

– GV: *Cánh cam đi lạc mẹ nhưng được nhiều người tốt giúp đỡ. Khi gặp người khác đang trong hoàn cảnh khó khăn, em nhớ quan tâm giúp đỡ.*

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **E, Ê** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ E, Ê hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***E, Ê*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả: *Chữ **E** hoa gồm 1 nét là kết hợp của 3 nét cơ bản: 1 nét cong dưới (gần giống như đầu chữ **C** hoa nhưng hẹp hơn) và 2 nét cong trái nối liền nhau tạo thành vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ. Chữ **Ê** có cấu tạo như chữ **E**, chỉ khác có thêm nét gãy khúc tạo thành dấu mũ ở trên đầu.*

– GV nêu quy trình tô chữ ***E, Ê*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***E, Ê*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***E, Ê*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***hang Én*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***hang Én** là tên một hang động nằm trong vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***hang Én***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.19-20: **E** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Ê** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **hang Én** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

RĂNG XINH ĐI ĐÂU?

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Răng xinh đi đâu?*.

– Biết được một số thông tin về hiện tượng thay răng; tìm được chi tiết về việc thay răng trong bài đọc; MRVT về răng; đặt và trả lời được câu hỏi về cách chăm sóc răng miệng.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng hai câu văn; điền đúng ***d/ gi, anh/ ach*** vào chỗ trống.

– Kể được câu chuyện ngắn *Heo con nói dối* bằng 4 – 5 câu; hiểu được ý nghĩa câu chuyện khuyên ta nên trung thực.

– Có thái độ tự tin trước những thay đổi của bản thân ở độ tuổi của mình, biết tự chăm sóc cơ thể.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Nói và nghe* trong SGK tr.63.

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Heo con nói dối*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS trả lời câu hỏi của GV: *Trong lớp mình, những bạn nào đã rụng răng*? (HS trả lời bằng cách giơ tay).

– GV: *Bạn nhỏ trong bài đọc hôm nay cũng mới rụng răng giống như các em. Bạn ấy đang thắc mắc răng xinh đi đâu? Chúng ta cùng đọc bài để xem mẹ bạn ấy đã giải đáp như thế nào nhé.* GV ghi tên bài lên bảng: **Răng xinh đi đâu?**

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.

Ví dụ: *bắt đầu, răng cửa, răng sữa, răng vĩnh viễn, chắc khoẻ.*

– HS đọc từ mới: *răng cửa* (răng phía trước dùng để cắn thức ăn, GV sử dụng hình ảnh minh hoạ *răng cửa* SGK tr.63 để giải nghĩa cho HS.)

HS tìm hiểu nghĩa của các từ ***răng sữa, răng vĩnh viễn*** *trong khi thực hiện bài tập ở tiết 2.*

– HS nghe GV hướng dẫn cách đọc từng câu văn, chú ý ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu hoặc ngắt hơi theo yêu cầu của nội dung câu văn. GV chọn một số câu dài, cho HS luyện đọc. Ví dụ:

+ *Từ năm đến bảy tuổi,/ các con bắt đầu thay răng.//*

+ *Khi răng sữa rụng,/ răng mới chắc khoẻ hơn/ sẽ mọc lên.//*

+ *Thay răng/ là/ con đã lớn hơn rồi đấy.//*

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm). GV nghe, sửa cho HS phát âm sai.

– HS đọc theo cặp: Mỗi HS đọc một câu lần lượt cho đến hết bài. Hoặc HS đọc phân vai: 1 HS đọc lời của mẹ, 1 HS đọc lời của con; sau đó đổi vai nhau trong cặp HS. GV nghe, theo dõi, góp ý cho từng cặp HS.

– Một số cặp HS thi đọc cả bài trước lớp.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Các bạn bạn nhỏ thường thay răng lúc mấy tuổi?

– HS thảo luận theo cặp, đọc thầm đoạn lời nói thứ hai của mẹ để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Từ năm tuổi trở lên/ Từ năm tuổi trở lên, các con bắt đầu thay răng.*

2. Răng sữa là răng thế nào?

– HS thảo luận theo cặp, đọc kĩ hai phương án (a. *Răng mọc lần đầu ở trẻ em*; b. *Răng mọc cuối cùng ở người lớn*). GV hướng dẫn HS đọc lại lời nói thứ hai của mẹ để trả lời câu hỏi.

– HS trả lời trước lớp: *Chọn đáp án a. Răng mọc lần đầu ở trẻ em.*

3. Thi tìm các từ có tiếng răng.

HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**. GV là quản trò. Mỗi nhóm lần lượt nêu một từ có chứa tiếng *răng*. Nhóm nào tìm được nhiều từ hơn thì thắng cuộc. Ví dụ: *răng cửa, răng sữa, răng hàm, răng nanh, răng sâu, răng sún, răng khểnh, răng sứ; niềng răng, trồng răng...*

Lưu ý: HS có thể đưa ra một số cụm từ chứ không phải là từ như *đánh răng, kem đánh răng,...* Trong trường hợp này, GV vẫn chấp nhận vì ở lớp 1 chưa yêu cầu HS phân biệt từ và cụm từ.

Nói và nghe

Bạn làm gì để chăm sóc, bảo vệ răng?

– HS hoạt động theo cặp, luyện nói theo đề tài đã cho.

– 2 – 3 cặp HS hỏi – đáp dựa vào tranh vẽ, 1 HS hỏi, 1 HS trả lời. Ví dụ:

+ Hỏi: *Ở tranh 1/ tranh 2/ tranh 3, bạn làm gì để chăm sóc, bảo vệ răng?*

+ Đáp: *Mình đánh răng (súc miệng) hàng ngày./ Mình giữ vệ sinh răng miệng./ Mình không ăn nhiều đồ ngọt, uống nhiều đồ uống có ga./ Mình đi khám bác sĩ nha khoa khi bị bệnh về răng...*

– Một vài cặp HS hỏi – đáp theo thực tế.

+ Hỏi: *Bạn làm gì để chăm sóc, bảo vệ răng?*

+ Đáp: *Mình uống sữa bổ sung can xi cho răng chắc khoẻ./ Không dùng răng cắn đồ cứng./ Không uống nước lạnh...*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần hai câu: **Răng mọc lần đầu gọi là răng sữa. Khi răng sữa rụng, răng mới chắc khỏe hơn sẽ mọc lên**.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *răng sữa, chắc khoẻ*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *d* hay *gi*?

Đáp án: *Sóc ăn hạt dẻ.*; *Bé giặt giẻ lau.*

3. Chọn *anh* hay *ach*?

Đáp án: *cửa hàng bách hoá; hộp bánh.*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS tích cực.

– GV có thể đưa câu đố để HS giải đố: *Vài hàng cước trắng/ Có cán cầm tay/ Giúp bé hàng ngày/ Đánh răng sạch bóng.* (Là cái gì?) (Đáp án: *Bàn chải đánh răng*)

– GV: *Việc thay răng là hiện tượng phổ biến ở lứa tuổi các em. Các em hãy tự tin, thoải mái trước việc đó. Đồng thời, các em nên chăm sóc, bảo vệ răng để răng vĩnh viễn luôn khoẻ, đẹp.*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Nghe – kể: Heo con nói dối

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS trả lời câu hỏi của GV: *Quả trứng này đã luộc rồi có nở ra gà được không?*

– GV dẫn dắt: *Thế mà heo con lại không biết câu trả lời. Chúng ta cùng nhau xem tranh và kể chuyện Heo con nói dối nhé!*

2. Nghe GV kể

– HS nghe GV kể 2 – 3 lần câu chuyện *Heo con nói dối*. Văn bản như sau:

HEO CON NÓI DỐI

1. Heo con tan học muộn, bụng đói cồn cào. Về nhà, nhìn đĩa trứng luộc, heo con thèm lắm, rón rén lấy một quả bóc ăn.

2. Đến bữa, thấy thiếu một quả trứng, heo bà liền hỏi:

– Ai đã ăn một quả trứng?

Cả nhà không ai nói gì. Heo bà nói tiếp:

– Bà sợ ai đó ăn nhầm phải quả trứng chưa chín thì một con gà con sẽ nở trong bụng.

3. Nghe vậy, heo con sợ quá, ngồi khóc thút thít.

4. Heo bà cười hiền từ nói:

– Bà nói đùa vậy thôi. Lần sau heo con phải thật thà nhé!

Lan Anh kể

– GV lưu ý kĩ thuật kể: Giọng heo bà hiền từ. Đoạn 3 thể hiện tâm trạng lo lắng của heo con.

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Heo con đã làm gì? (Heo con lén ăn một quả trứng trong đĩa trứng luộc trên bàn.)*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Khi thấy thiếu một quả trứng, heo bà nói gì? (Khi thấy thiếu một quả trứng, heo bà nói: "Bà sợ ai đó ăn nhầm phải quả trứng chưa chín thì một con gà con sẽ nở trong bụng.")*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Nghe heo bà nói, heo con thế nào? (Nghe heo bà nói, heo con sợ quá, ngồi khóc thút thít.)*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Heo bà khuyên heo con điều gì? (Heo bà khuyên: "Heo con phải thật thà nhé!")*

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Theo em, heo con sẽ nói gì với heo bà? (Heo con sẽ nói với bà: "Cháu xin lỗi bà ạ.")*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4 (hoặc nhóm 5)

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4; HS5 – Nói câu heo con sẽ nói với heo bà.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Heo con lén ăn một quả trứng trong đĩa trứng luộc trên bàn. Khi thấy thiếu một quả trứng, heo bà nói: "Bà sợ ai đó ăn nhầm phải quả trứng chưa chín thì một con gà con sẽ nở trong bụng." Nghe heo bà nói, heo con sợ quá, ngồi khóc thút thít. Heo bà cười bảo: "Bà nói đùa thôi. Lần sau heo con phải thật thà nhé!". Heo con nói với bà: "Cháu xin lỗi bà ạ." (5 câu)

+ Heo con tan học muộn, bụng đói cồn cào. Về nhà, nhìn đĩa trứng luộc, heo con thèm lắm, rón rén lấy một quả bóc ăn. Đến bữa, thấy thiếu một quả trứng, heo bà liền hỏi: "Ai đã ăn một quả trứng?". Cả nhà không ai nói gì. Heo bà nói tiếp: "Bà sợ ai đó ăn nhầm phải quả trứng chưa chín thì một con gà con sẽ nở trong bụng." Nghe vậy, heo con sợ quá, khóc thút thít. Heo bà hiền từ nói: "Bà nói đùa vậy thôi. Lần sau heo con phải thật thà nhé!". Heo con lau nước mắt, nói với heo bà: "Cháu xin lỗi bà ạ. Lần sau cháu sẽ không thế nữa." (8 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– GV có thể cho HS thi kể chuyện giữa các nhóm: kể nối tiếp hoặc kể đóng vai (với lớp HS khá – giỏi).

5. Mở rộng

GV: *Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?* (*Câu chuyện khuyên chúng ta không nên nói dối, phải trung thực, thật thà.*)

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc một bài đồng dao.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

Một số nguồn sách tham khảo:

– Alpha Kids (2011). *Đồng dao vui chơi 1 – Chú Cuội ngồi gốc cây đa,* NXB Mĩ thuật.

– (2014). *Đồng dao cho bé,* NXB Văn học.

– Lam Hồng (tuyển chọn) (2015). *Đồng dao và các trò chơi dân gian Việt Nam,* NXB Văn học.

– Ngọc Hà (sưu tầm, tuyển chọn) (2017). *Đồng dao Việt Nam,* NXB Văn học.

– Hoàng Công Dụng (sưu tầm, biên soạn) (2010). *Đồng dao và trò chơi dân gian cho trẻ mầm non,* NXB Giáo dục.

– Hà Hoa (sưu tầm) (2016). *Cùng bé học đồng dao – Thằng Bờm có cái quạt mo,* NXB Phụ nữ.

– Hà Hoa (sưu tầm) (2016). *Cùng bé học đồng dao – Con gà cục tác cục te,* NXB Phụ nữ.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ: Đọc hai bài đồng dao *Mèo đuổi chuột* và *Nu na nu nống*.

MÈO ĐUỔI CHUỘT

Mời bạn lại đây
Tay nắm chặt tay
Đứng thành vòng rộng
Chuột luồn lỗ hổng
Chạy vội chạy mau
Mèo đuổi đằng sau
Trốn đâu cho thoát
Thế rồi chú chuột
Lại sắm vai mèo
Co cẳng chạy theo
Bắt mèo hoá chuột.



NU NA NU NỐNG

Nu na nu nống
Đánh trống phất cờ
Mở cuộc thi đua
Thi chân đẹp đẽ
Chân ai sạch sẽ
Gót đỏ hồng hào
Không bẩn tí nào
Được vào đánh trống.



1. Bài đồng dao *Mèo đuổi chuột* nói về trò chơi nào?

2. Học thuộc lòng và chơi trò chơi *Nu na nu nống* cùng các bạn.

Đáp án:

1. Trò chơi Mèo đuổi chuột.

TUẦN 25

MẶT TRĂNG TÌM BẠN

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Mặt trăng tìm bạn*.

– Hiểu được niềm vui khi có bạn; tìm được chi tiết nói về cảm xúc của mặt trăng; nhận biết được lời của nhân vật; nói và đáp được lời chào hỏi; viết được câu giới thiệu về bạn thân.

– Viết (chính tả nhìn – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***c/ k***, ***iên/ iêt*** vào chỗ trống.

– Hình thành được tình cảm yêu quý bạn bè, trân trọng tình bạn.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Một chiếc mũ có hình cú, một chiếc mũ có hình mặt trăng để HS đóng vai.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Em đoán xem tâm trạng của mặt trăng và cú thế nào*? (*vui, hạnh phúc, sung sướng, tò mò,...*)

– GV: *Các em đã quan sát rất tốt. Mặt trăng và cú đã kết bạn với nhau thế nào, tâm trạng của hai bạn ấy ra sao, chúng ta cùng đọc bài* ***Mặt trăng tìm bạn*** *để biết*. GV ghi tên bài lên bảng: **Mặt trăng tìm bạn**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc toàn bài chậm rãi; phân biệt giọng người dẫn chuyện, mặt trăng và cú. Giọng của mặt trăng lúc đầu thể hiện cảm xúc buồn, tiếp theo là ngạc nhiên. Giọng cú vui vẻ, thân thiện.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *lên tiếng, làm bạn, luôn luôn.*

+ MN: *bật khóc, vang lên.*

– HS đọc các từ mới:

+ *thì thầm*: nói rất nhỏ, chỉ đủ cho hai người nghe thấy, GV cũng có thể giải thích bằng cách cho HS đọc câu: "*Mặt trăng thì thầm.*" và hỏi HS: "*Từ nào cho thấy mặt trăng nói rất nhỏ?*" (thì thầm)

+ *giá mà*: giống như nghĩa của từ "giá như", "ước gì". "***Giá mà** mình có thể tìm thấy một người bạn*" có nghĩa là: Mặt trăng mong ước có một người bạn, vì hiện tại mặt trăng chưa có.

– HS nghe GV hướng dẫn cách đọc từng câu văn. GV chọn một vài câu cho HS luyện đọc. GV hướng dẫn: *Cần chú ý ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, nghỉ hơi dài và rõ ràng ở chỗ sau dấu gạch ngang; ở chỗ dấu chấm xuống dòng, trước mỗi gạch đầu dòng. Phần trước dấu gạch ngang là lời của mặt trăng (hoặc cú), cần đọc giọng khác với lời dẫn chuyện.* GV đọc mẫu cho HS thấy sự khác biệt, mời 1 – 2 HS đọc theo. Ví dụ:

Giá mà/ mình có thể tìm được một người bạn.// – Mặt trăng/ thì thầm.//

Cậu sẽ tìm được bạn nhanh thôi.// – Một âm thanh/ vang lên.//

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn (theo hàng dọc hoặc theo hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm), mỗi HS đọc một câu.

– HS đọc tiếp nối theo cặp (hoặc theo nhóm).

– HS thi đọc theo hình thức ***Đọc đóng vai***, mỗi nhóm 3 HS. GV phân vai và hướng dẫn: 1 HS đọc lời dẫn chuyện; 1 HS đọc lời của mặt trăng; 1 HS đọc lời của cú. HS có thể chưa phân biệt rõ lời dẫn và lời thoại nên chưa biết khi nào phải đọc. Đến lượt HS nào, GV có thể nhắc tên cho HS đó đọc. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý. (GV cho thi vài lượt nếu có thời gian)

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Câu nào cho thấy mặt trăng mong ước có một người bạn?

– HS nghe GV hướng dẫn: *Các em cần tìm trong những câu nói của mặt trăng.*

– HS hoạt động theo cặp, đọc thầm bài đọc để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Giá mà mình có thể tìm được một người bạn.*

– GV cho 1 HS khá – giỏi đọc diễn cảm câu văn trên, thể hiện niềm mong ước tha thiết của mặt trăng.

2. Khi có bạn, mặt trăng cảm thấy thế nào?

– HS hoạt động theo cặp, đọc thầm 3 câu cuối của bài, trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Mặt trăng rất vui.*

Nói và nghe

Đóng vai mặt trăng và cú chào hỏi nhau.

– GV chọn 1 HS cùng tham gia với mình hoặc chọn một cặp HS khá – giỏi đóng vai mặt trăng và cú để làm mẫu. Cả lớp quan sát, học tập cách giao tiếp.

– HS nói và đáp lời chào hỏi theo cặp tại bàn, dựa vào tranh minh hoạ bài 3 để nói. GV: *Ngoài cách chào hỏi như SGK, em có thể chào và đáp lời chào linh hoạt theo cách nói riêng của mình.*

Cú: *Chào bạn, tớ là cú.*

Mặt trăng: *Chào cú, tớ là mặt trăng.*

Hoặc:

Mặt trăng: *Ai nói đó?*

Cú: *Tớ là cú. Tớ là bạn của cậu.*

Mặt trăng: *Chào cú. Tớ là mặt trăng. Tớ cảm thấy rất vui khi gặp cậu.*

– Một số cặp HS đóng vai nói trước lớp. HS đóng vai mặt trăng đội mũ mặt trăng, HS đóng vai cú đội mũ cú. Cả lớp và GV nhận xét, tuyên dương cặp nào mạnh dạn.

Viết

Hoàn thành câu giới thiệu bạn thân của em.

– HS đọc các câu cần viết tiếp, nghe GV vừa giải thích, vừa viết mẫu trên bảng phụ. GV:

+ Ở câu 1, em cần điền tên người bạn thân của em vào chỗ trống. Nhớ viết hoa tên của bạn. Ví dụ: *Bạn thân của em là* ***Mai Lan.***

+ Ở câu 2, em cần điền một việc mà em và bạn thường cùng nhau làm. Các em có thể xem tranh gợi ý trong SGK hoặc tự viết theo ý riêng của mình. Ví dụ: *Em và bạn thường cùng nhau* ***chơi búp bê.***

– 2 cặp HS viết trên bảng lớp, HS cả lớp viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– GV nhận xét về bài làm của 2 cặp HS trên bảng lớp (Ở câu 1, tên người đã được viết hoa chưa; các câu đã có dấu chấm kết thúc câu chưa?).

– Từng cặp HS trao đổi bài để soát, sửa chữa.

– GV chấm một số bài, giúp HS sửa lỗi (nếu có). Ví dụ:

+ *Bạn thân của em là* ***Nguyên****.*

+ *Em và bạn thường cùng nhau* ***chơi đồ hàng/ chơi búp bê/ đọc sách/ vẽ tranh/ đá bóng/ chơi cờ vua/ chơi trốn tìm.***

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nhìn – viết

– HS nhìn vào SGK tr.68, đọc cả đoạn văn trong **bài 1**.

– GV lưu ý HS chữ dễ viết sai chính tả: *bật khóc, ước*.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nhìn – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, đọc chậm để soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *c* hay *k*?

Đáp án: *cây cảnh, cái kìm*.

3. Chọn *iên* hay *iêt*?

Đáp án: *Nước chảy xiết.*; *Mẹ nướng thịt xiên*.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV: *Bài học hôm nay đã cho chúng ta hiểu được ý nghĩa của tình bạn. Có bạn thì vui, không có bạn thì rất buồn. Các em hãy trân trọng những người bạn tốt của mình nhé.*

– Cả lớp cùng làm **Cây tình bạn**. HS dán mảnh giấy hình bông hoa đã viết chữ lên và cùng xem, chia sẻ sản phẩm của mình.

LỜI CHÀO ĐI TRƯỚC

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Lời chào đi trước*.

– Hiểu được ý nghĩa của lời chào; nêu được lời khuyên từ bài thơ; điền đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi ở cuối câu; nói và đáp được lời chào; đọc thuộc lòng được hai khổ thơ.

– Tô được chữ ***G, H*** hoa.

– Sử dụng được lời chào phù hợp với tình huống giao tiếp, ứng xử lịch sự.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Video clip bài hát *Con chim vành khuyên* (Hoàng Vân).

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Nói và nghe* trong SGK tr.70.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: ***G, H*** hoa đặt trong khung chữ mẫu; ***Hà Giang*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS nghe bài hát *Con chim vành khuyên* (Hoàng Vân), trả lời câu hỏi của GV: *Chú chim nhỏ có gì đáng yêu?* (*Lễ phép, biết chào hỏi, kính trọng người lớn.*)

– GV: *Các bạn nhỏ biết chào hỏi người lớn là những bạn nhỏ ngoan, đáng yêu. Lời chào có những tác dụng nào, chúng ta cùng đọc bài thơ* ***Lời chào đi trước*** *để biết.* GV ghi tên bài lên bảng: **Lời chào đi trước.**

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ. Giọng đọc vui tươi, thong thả.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *nơi nào, nở, lòng tốt, chẳng nặng là bao.*

+ MN: *đi trước, lạc nhà, hoa, gió mát, bàn tay.*

– HS đọc các từ mới: *chân thành* (thành thật, trung thực); *cởi mở* (thoải mái, gần gũi, tự nhiên).

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ.

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt cuối câu thơ bốn chữ:

Đi đến nơi nào//
Lời chào đi trước//
Lời chào dẫn bước//
Chẳng sợ lạc nhà.//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS).

– HS đọc cả bài.

– HS thi đọc toàn bài dưới hình thức thi cá nhân hoặc thi theo nhóm, theo tổ hoặc trò chơi **Đọc tiếp sức**. HS và GV cùng nhận xét.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Bài thơ khuyên chúng ta điều gì?

– HS thảo luận theo cặp, đọc câu hỏi, đọc kĩ 2 phương án cho sẵn trong SGK để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Đáp án: a. Luôn biết chào hỏi.*

2. Học thuộc lòng hai khổ thơ đầu

– HS học thuộc lòng theo hướng dẫn của GV theo kiểu xoá dần từ ngữ trong từng câu thơ, chỉ để lại một số từ ngữ làm điểm tựa, cuối cùng xoá hết.

Đi.....

Lời chào.....

.....tiến bước

..... xa

– HS thi đọc thuộc lòng theo nhóm (đọc tiếp nối hoặc đọc tiếp sức từng câu thơ hoặc từng khổ thơ).

Nói và nghe

Nói lời chào của bạn nhỏ phù hợp với mỗi tranh.

– HS hoạt động theo nhóm, quan sát kĩ các tranh A, B, C để hiểu tình huống, đóng vai bạn nhỏ trong tranh để nói lời chào.

– 2 – 3 HS trả lời:

Tranh A: *Chào các cậu./ Chào nhé./ Chào nhé, mai gặp lại các cậu nhé.*

Tranh B: *Con chào cô ạ./ Em chào cô ạ.*

Tranh C: *Con chào bố ạ.*

Viết

Chọn dấu câu nào?

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết*, đọc đoạn hội thoại trong SGK.

– Cả lớp nghe GV hướng dẫn: *Cuối câu hỏi, cần dùng dấu chấm hỏi; cuối câu trả lời, cần dùng dấu chấm.*

– HS cả lớp làm bài tập, đánh dấu vào câu trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Đáp án:

+ Chào bạn. Bạn tên là gì?

+ Mình tên là An. Bạn học lớp nào?

+ Mình học lớp 1A.

– Viết xong, HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi.

– 2 cặp HS đọc lại câu hỏi và câu trả lời vừa điền dấu câu.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV: *Qua bài đọc, chúng ta đã thấy lời chào có tác dụng thật là kì diệu. Lời chào làm cho chúng ta vui vẻ hạnh phúc, gần gũi nhau hơn. Các em hãy sử dụng lời chào thường xuyên, đúng tình huống giao tiếp để là những bạn nhỏ văn minh, lịch sự nhé!*

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **G, H** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ G, H hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***G, H*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả:

*+ Chữ **G** hoa gồm 2 nét: nét 1 là kết hợp của nét cong dưới và cong trái nối liền nhau, tạo vòng xoắn to ở đầu chữ (gần giống chữ **C** hoa), nét 2 là nét khuyết dưới.*

*+ Chữ **H** hoa gồm 3 nét: nét 1 là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang (lượn 2 đầu), nét 2 là kết hợp của nét khuyết dưới, khuyết trên và móc phải, nét 3 là nét thẳng đứng.*

– GV nêu quy trình tô chữ ***G, H*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***G, H*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***G, H*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Hà Giang*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Hà Giang*** *là tên riêng một tỉnh thuộc vùng núi phía Bắc nước ta.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Hà Giang***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.20: **G** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **H** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Hà Giang** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

SỬ DỤNG NHÀ VỆ SINH

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Sử dụng nhà vệ sinh.*

– Biết sử dụng nhà vệ sinh đúng cách; hiểu được nghĩa của một số biển chỉ dẫn nhà vệ sinh; nhận biết được trình tự sử dụng nhà vệ sinh; viết được lời khuyên về điều nên làm (không nên làm) khi sử dụng nhà vệ sinh.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng hai khổ thơ; điền đúng ***g/ gh, tr/ ch*** (hoặc ***an/ ang***) vào chỗ trống.

– Kể được câu chuyện ngắn *Mặt trăng tìm bạn* bằng 4 – 5 câu; hiểu được niềm vui khi có bạn, biết quý trọng tình bạn.

– Hình thành được thói quen giữ vệ sinh chung, ý thức tự chăm sóc bản thân.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh minh hoạ dùng cho các hoạt động trong SGK tr.72.

– Bảng nhóm (số lượng bảng tương ứng số nhóm trong lớp).

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Mặt trăng tìm bạn*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS trả lời câu hỏi của GV: *Nhà vệ sinh của trường mình ở đâu?*

– GV: *Biết vị trí nhà vệ sinh của trường, các em có thể nhanh chóng đi đến khi có nhu cầu. Các em không nên ngại mà cố nhịn đi vệ sinh, điều đó không tốt cho sức khoẻ. Hôm nay, chúng ta tập đọc bài* ***Sử dụng nhà vệ sinh*** *để biết cách sử dụng nhà vệ sinh đúng cách.* GV ghi tên bài lên bảng: **Sử dụng nhà vệ sinh**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, chú ý ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, nghỉ hơi ở dấu chấm kết thúc câu, dấu hai chấm.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.

Ví dụ: *xếp hàng, giẫm chân, quy định, xà phòng*.

– HS đọc từ mới: *bồn cầu*. GV giải nghĩa từ *bồn cầu* bằng cách cho HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, đặt câu hỏi: *Trong tranh, đâu là bồn cầu*? (HS chỉ vào hình ảnh minh hoạ tương ứng).

– HS nghe GV hướng dẫn cách đọc từng câu văn. GV chọn một số câu dài, cho HS luyện đọc (cá nhân). Ví dụ:

Khi sử dụng nhà vệ sinh,/ em nhớ các việc sau://

– Không giẫm chân lên bồn cầu.//

– Đi vệ sinh xong/ phải xả nước bồn cầu.//

GV chỉ cho HS quan sát những chỗ đánh dấu ngắt hơi, đọc mẫu và hướng dẫn HS: *Cần nghỉ hơi dài, rõ ràng ở chỗ sau dấu hai chấm sau "...nhớ các việc sau: ", ở chỗ dấu chấm kết thúc câu và xuống dòng, ở trước mỗi gạch đầu dòng.*

– HS đọc tiếp nối từng câu văn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc theo cặp (hoặc nhóm).

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Những biển chỉ dẫn nào cho biết có nhà vệ sinh?

– HS thảo luận theo cặp, xem 3 tranh nhỏ (3 hình biển chỉ dẫn) trong SGK để trả lời câu hỏi. GV có thể dán ba tranh lên bảng hoặc trình chiếu trên slide cho HS quan sát.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Biển chỉ dẫn có chữ WC, TOILET.*

2. Sắp xếp các bức tranh sau theo đúng thứ tự:

– HS cả lớp quan sát 4 tranh nhỏ trong SGK, trả lời các câu hỏi gợi ý của GV:

+ Tranh A vẽ hành động nào? (Rửa tay sạch sẽ)

+ Tranh B vẽ hành động nào? (Ngồi đúng vị trí)

+ Tranh C vẽ hành động nào? (Vứt rác đúng chỗ)

+ Tranh D vẽ hành động nào? (Xả nước bồn cầu)

– GV: *Mỗi bức tranh là một hành động theo thứ tự thời gian, cần xếp đúng trật tự thời gian để thấy việc nào làm trước, việc nào làm sau.*

– HS thảo luận theo nhóm, 2 – 3 HS báo cáo kết quả trước lớp: *Tranh B – Tranh C – Tranh D – Tranh A.* GV và cả lớp nhận xét.

3. Các biển chỉ dẫn sau ý nói gì?

– HS thảo luận theo cặp, xem 2 tranh nhỏ (2 biển chỉ dẫn) để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Biển chỉ dẫn nhà vệ sinh dành cho nữ và biển chỉ dẫn nhà vệ sinh dành cho nam.*

– GV: *Khi đi vệ sinh, các em nhớ nhìn biển chỉ dẫn ở trước cửa hoặc phía trên cửa ra vào. Các bạn nam vào đúng nhà vệ sinh nam, các bạn nữ vào đúng nhà vệ sinh nữ.*

Viết

Viết lời khuyên phù hợp với một trong hai hình.

– HS nêu yêu cầu hoạt động *Viết.* GV có thể dán 2 hình lên bảng hoặc trình chiếu trên slide cho HS quan sát.

– GV và HS cùng phân tích câu mẫu: *Không giẫm chân lên bồn cầu.* GV: *Lời khuyên này là dành cho tất cả mọi người. Vì thế, câu không cần đủ hai thành phần, chỉ cần bắt đầu bằng "Không...". Nội dung của câu nêu ra việc không nên làm.*

– HS trả lời câu hỏi gợi ý của GV:

+ Hình 1: *Hình 1 khuyên ta nên hay không nên?* (*nên làm*)

+ Hình 2: *Hình 2 khuyên ta nên hay không nên làm việc đó?* (*không nên làm*)

– HS hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm HS chọn một hình. Sau khi thảo luận để hiểu được ý nghĩa của tín hiệu trong mỗi hình, cả nhóm thống nhất cử một bạn viết nhanh câu của nhóm vào bảng nhóm. Ví dụ:

+ *Đậy nắp bồn cầu./ Nên đậy nắp bồn cầu./ Phải đóng nắp bồn cầu.*

+ *Không giẫm chân lên bồn cầu./ Không đặt chân lên bồn cầu.*

– Các nhóm treo bảng nhóm lên. Các nhóm chọn hình giống nhau thì treo bảng nhóm cạnh nhau để tiện quan sát, so sánh, chữa bài. Cả lớp và GV nhận xét xem các nhóm đã viết hoa chữ cái đầu câu và dùng dấu chấm kết thúc câu chưa.

– GV hướng dẫn các nhóm HS sửa lỗi (nếu có).

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV đưa lại 4 tranh trong hoạt động 2: *Hãy chọn những việc em đã làm được.* (*HS chọn A, B, C hoặc D*).

– GV: *Các em nhớ các biển chỉ dẫn nhà vệ sinh, thực hiện đúng bốn bước khi sử dụng nhà vệ sinh. Biết sử dụng nhà vệ sinh đúng cách là biểu hiện của người lịch sự, văn minh.*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần **hai khổ thơ đầu** trong bài **Lời chào đi trước**.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *dẫn bước, kết bạn*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *g* hay *gh*?

Đáp án: *sách vở gọn gàng, ghi bài.*

3. Chọn

Tuỳ đối tượng HS của các vùng miền khác nhau, GV chọn và hướng dẫn các em làm bài tập ***a*** hoặc ***b***.

a. tr hay *ch?*

Đáp án: *vắt chanh, tranh bóng.*

b. an hay *ang?*

Đáp án: *Lá bàng đỏ ối.*; *Em chơi bóng bàn.*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Đọc – kể: Mặt trăng tìm bạn

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS trả lời câu hỏi Đố em:

Trông xa tưởng là mèo
Lại gần hoá ra chim
Ban ngày ngủ lim dim
Ban đêm rình bắt chuột.

Là con gì? *(Cú mèo)*

– GV: *Đó là người bạn mà mặt trăng đã tìm thấy. Chúng ta cùng kể lại câu chuyện Mặt trăng tìm bạn mà các em đã đọc nhé.*

2. Đọc lại bài Tập đọc trong SGK

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao mặt trăng buồn? (Mặt trăng buồn vì không có bạn.)*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Mặt trăng ước điều gì? (Mặt trăng ước có một người bạn.)*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Cú nói gì khiến mặt trăng vui? (Cú nói: "Chào bạn! Tớ sẽ làm bạn với bạn.")*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Sau khi kết bạn, hai bạn thế nào? (Sau khi kết bạn, cả hai đều vui.)*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn HS thể hiện giọng nói của mặt trăng và cú khác nhau một cách tự nhiên trong lời hội thoại. Ví dụ:

+ Mặt trăng rất buồn vì không có bạn. Mặt trăng ước có một người bạn. Thấy thế, cú nói: "Chào bạn! Tớ sẽ làm bạn với bạn". Sau khi kết bạn, cả hai đều vui. (4 câu)

+ Khi đêm tối lạnh lẽo buông xuống, trên bầu trời chỉ có một mình mặt trăng. Mặt trăng cảm thấy rất cô đơn vì không có bạn. Mặt trăng bật khóc: "Giá mà mình có thể tìm được một người bạn!". Nghe thấy tiếng mặt trăng, một bạn cú bèn nói: "Chào bạn! Bạn đừng buồn nữa. Tớ sẽ làm bạn với bạn vì tớ luôn thức cả đêm." Mặt trăng và cú liền kết bạn với nhau. Cả hai đều cười vui vì đã có bạn. (6 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– GV có thể cho HS thi đóng vai. Phân vai: người dẫn chuyện, cú và mặt trăng.

5. Mở rộng

GV: *Câu chuyện giúp em hiểu ra điều gì?* (*Có bạn rất vui.*)

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc lời một bài hát thiếu nhi.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

HS có thể tìm đọc lời bài hát thiếu nhi trong các tuyển tập bài hát. Ví dụ:

– Hoàng Long – Hoàng Lân (2016). *65 bài hát thiếu nhi chọn lọc*, NXB Kim Đồng.

– Nguyễn Văn Chung (2017). *100 bài hát thiếu nhi*, NXB Tổng hợp.

– Nhiều tác giả (2005). *50 bài hát thiếu nhi hay nhất*, NXB Văn hoá – Thông tin.

– Nhiều tác giả (2006). Tuyển tập bài hát thiếu nhi *Em như chim câu trắng*, NXB Âm nhạc.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ: Đọc lời bài hát *Lớp chúng ta đoàn kết*

LỚP CHÚNG TA ĐOÀN KẾT

Nhạc và lời: Mộng Lân

Lớp chúng mình rất rất vui
Anh em ta chan hoà tình thân
Lớp chúng mình rất rất vui
Như keo sơn anh em một nhà
Đầy tình thân quý mến nhau
Luôn thi đua học chăm tiến tới
Quyết kết đoàn giữ vững bền
Giúp đỡ nhau xứng đáng trò ngoan.

Thi kể tên một số bài hát thiếu nhi em biết.

Chủ điểm. GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG

TUẦN 26

BÀN TAY MẸ

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Bàn tay mẹ*.

– Hiểu được tình cảm yêu thương con và sự vất vả của người mẹ; tìm được những việc mẹ đã làm để chăm sóc bạn nhỏ; nêu được điều bạn nhỏ mong muốn; đặt và trả lời được câu hỏi về điều mẹ đã làm cho mình; điền đúng dấu chấm kết thúc câu.

– Viết (chính tả nhìn – viết) đúng hai câu văn; điền đúng ***ai/ ay, âm/ âp*** vào chỗ trống.

– Thể hiện được tình cảm yêu thương, biết ơn cha mẹ.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Video clip bài hát *Bàn tay mẹ* của nhạc sĩ Bùi Đình Thảo.

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Nói và nghe* trong SGK tr.76.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS nghe bài hát *Bàn tay mẹ* (Bùi Đình Thảo), trả lời câu hỏi của GV: *Đố em tên bài hát này là gì?/ Nếu đặt tên cho bài hát, em sẽ đặt thế nào?* (*Bàn tay mẹ*)

– GV: *Không chỉ bạn nhỏ trong bài hát, bạn nhỏ trong bài đọc hôm nay cũng rất yêu đôi bàn tay của mẹ. Chúng ta cùng đọc bài* ***Bàn tay mẹ*** *để hiểu tình cảm của bạn.* GV ghi tên bài lên bảng: **Bàn tay mẹ**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng, tình cảm.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *là, đi làm, trưa nào, tối nào, ấm nước, âu yếm nói.*

+ MN: *hằng ngày, yêu nhất, bàn tay, biết bao nhiêu, gầy gầy.*

– HS đọc các từ mới: *rám nắng* (Da bị nắng làm cho đen lại); *ram ráp* (Bàn tay khô ráp vì làm việc nhiều); *xương xương* (Bàn tay gầy, nhìn rõ xương nổi lên).

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm), mỗi HS đọc một câu.

– HS quan sát, chia đoạn bài đọc theo hướng dẫn của GV:

+ *Đoạn 1: "Bình yêu nhất" đến "chậu quần áo đầy."*

+ *Đoạn 2: "Bình yêu lắm" đến "hai bàn tay ấy."*

+ *Đoạn 3: "Bình muốn" đến "ngoan quá!"*

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:

+ *Bình yêu lắm/ đôi bàn tay rám nắng,/ các ngón tay gầy gầy,/ xương xương của mẹ.//*

+ *Hai bàn tay ram ráp/ nhưng Bình rất thích áp má vào hai bàn tay ấy.//*

+ *Bình muốn/ trưa nào mẹ cũng được nghỉ,/ tối nào mẹ cũng đi ngủ sớm.//*

– HS thi đọc giữa các nhóm, mỗi nhóm 3 HS. GV có thể chọn hình thức **Thi đọc tiếp sức** để tăng tính thi đua.

+ Lượt 1: Mỗi nhóm 3 HS cùng lên thi, đọc tiếp nối từng đoạn trong nhóm. Sau khi HS số 1 đứt đoạn 1, HS số 2 (cạnh vị trí số 1) tiếp tục đoạn 2; tương tự với HS số 3. GV tính thời gian, theo dõi đồng hồ và ghi lại kết quả số phút đọc toàn bài lên bảng. HS cả lớp làm trọng tài. Nhóm nào đọc nhanh, ít lỗi là thắng.

+ Lượt 2: 3 HS đại diện cho 3 nhóm đọc tiếp nối từng đoạn (đọc cá nhân). Cả lớp bình chọn đại diện nhóm đọc tốt, nêu lí do bình chọn.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Đôi bàn tay mẹ đã làm những việc gì?

– HS hoạt động theo nhóm, đọc thầm đoạn 1 để tìm những việc bàn tay mẹ đã làm.

– 2 – 3 HS trả lời. Mỗi HS có thể nêu được một vài ý, cả lớp tiếp tục bổ sung: *đi chợ, nấu cơm, tắm cho em bé, giặt một chậu quần áo đầy.*

– GV: *Bàn tay mẹ đã làm rất nhiều việc cho các con. Mẹ rất vất vả.*

2. Bình mong muốn điều gì?

– 1 HS đọc đoạn 3, cả lớp đọc thầm theo.

– HS hoạt động theo cặp, thảo luận để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời. Mỗi HS có thể nêu được 1 ý, cả lớp tiếp tục bổ sung: *Bình muốn trưa nào mẹ cũng được nghỉ, tối nào mẹ cũng đi ngủ sớm.*

Với HS khá – giỏi, GV hỏi thêm: *Điều Bình mong muốn cho thấy tình cảm của Bình dành cho mẹ thế nào?* (*Bình rất thương mẹ, yêu mẹ, biết ơn mẹ,...*)

Nói và nghe

Hỏi – đáp về việc mẹ đã làm cho bạn.

– 2 HS thực hành hỏi – đáp theo mẫu:

M: – *Mẹ đã làm việc gì cho bạn?*

– *Mẹ chăm sóc khi mình bị ốm.*

– HS hoạt động theo cặp tại bàn, hỏi – đáp dựa theo tranh minh hoạ trong SGK.

Hỏi: *Mẹ đã làm việc gì cho bạn?*

Đáp: *Mẹ nấu ăn cho mình* (tranh 2)./ *Mẹ giặt quần áo cho mình* (tranh 3)./ *Mẹ đọc sách cho anh em mình nghe* (tranh 4).

– 2 – 3 cặp HS dựa vào SGK hỏi – đáp tại chỗ. GV cần sửa cho HS nói câu đủ thành phần.

– 2 – 3 cặp HS hỏi – đáp ngoài SGK (Lời đáp có thể là: *Mẹ đưa đón mình đi học/ đưa mình đi chơi công viên/ đun nước uống/ giảng bài/ mua quần áo/ mua đồ chơi/...cho mình.*)

– GV nhận xét, tuyên dương các bạn hỏi – đáp tự nhiên.

Viết

Chọn dấu câu nào?

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết*, đọc các câu văn cần điền dấu trong SGK.

– Cả lớp nghe GV hướng dẫn: *Ở cuối câu, em cần đặt dấu chấm.*

– Từng HS làm bài vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập: *Mẹ làm cho tôi nhiều việc. Tôi rất biết ơn mẹ.*

– Viết xong, HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi. GV quan sát, sửa lỗi cho HS.

– 1 – 2 HS đọc to hai câu vừa điền. GV nhắc HS ngắt hơi ở dấu chấm kết thúc câu.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại một câu văn mà em thích nhất trong bài.

– GV: *Mẹ rất yêu thương các con. Mẹ chăm sóc các con từng bữa ăn, giấc ngủ, không quản sớm khuya, vất vả. Vậy để thể hiện tình cảm biết ơn mẹ, các em nên làm gì?* (*Em ngoan, vâng lời mẹ, chăm học*)

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nhìn – viết

– HS nhìn vào SGK tr.75, đọc hai câu: **Hằng ngày, đôi bàn tay của mẹ phải làm biết bao nhiêu là việc. Đi làm về, mẹ lại đi chợ, nấu cơm**.

– GV lưu ý HS chữ dễ viết sai chính tả: *Hằng ngày, biết*.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nhìn – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, đọc chậm để soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *ai* hay *ay*?

Đáp án: *Trống choai tập gáy.*; *Các bạn gái tập đan len.*

3. Chọn *âm* hay *âp*?

Đáp án: *nảy mầm, cá mập.*

LÀM ANH

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Làm anh*.

– Hiểu được tình cảm yêu thương bạn nhỏ dành cho em; nêu được nghĩa của từ *người lớn* trong bài; tìm được câu thơ phù hợp nội dung mỗi tranh; giới thiệu được về anh (chị, em) của mình; đọc thuộc lòng được một khổ thơ.

– Tô được chữ ***I, K*** hoa.

– Hình thành được tình yêu thương, ý thức chia sẻ, nhường nhịn đối với anh, chị, em.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ cho hoạt động *2* trong SGK tr.79.

– Bài hát *Làm anh khó đấy* của tác giả Nguyễn Đình Khiêm.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: ***I, K*** hoa đặt trong khung chữ mẫu; ***Kiên Giang*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS trả lời câu hỏi của GV: *Em đã được làm anh (chị) chưa? Theo em, làm anh (chị) có khó không?*

– GV: *Muốn biết làm anh (chị) có khó không, chúng ta cùng đọc bài* ***Làm anh***. GV ghi tên bài lên bảng: **Làm anh**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý giọng đọc âu yếm, thể hiện cảm xúc vui xen lẫn tự hào của bạn nhỏ khi được làm anh.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *làm anh, người lớn, nâng, làm được*.

+ MN: *dịu dàng, dỗ dành, quà bánh, nhường*.

– HS đọc các từ mới: *dỗ dành* (khuyên nhủ, động viên để người khác nghe theo lời của mình bằng lời nói dịu dàng); *nhường* (đem cho người khác những thứ mà mình đang có).

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt cuối câu thơ 4 chữ:

Làm anh khó đấy//
Phải đâu chuyện đùa//
Với em gái bé//
Phải "người lớn" cơ.//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS).

– HS đọc cả bài.

– HS thi đọc toàn bài dưới hình thức thi cá nhân hoặc thi theo nhóm, theo tổ hoặc trò chơi **Đọc tiếp sức**. HS và GV cùng nhận xét.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. "Người lớn" trong bài có nghĩa gì?

– HS hoạt động theo cặp, đọc câu hỏi và hai đáp án *a* và *b*, đọc thầm 3 khổ thơ (khổ 1, khổ 2, khổ 3), thảo luận để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Chọn đáp án b. Người biết nhường nhịn em bé.*

– GV: *Khi được làm anh, làm chị, đối với các em bé, mình luôn nhớ phải yêu em, nhường nhịn, dỗ dành em. Đó chính là "người lớn".*

2. Đọc hai câu thơ phù hợp với nội dung mỗi tranh.

– HS cả lớp tham gia chơi trò chơi: **Ghép nhanh hình và thơ**. Cách chơi: HS quan sát kĩ từng bức tranh A, B, C, D để hiểu nội dung từng tranh, đọc thầm khổ thơ 2 và 3 để tìm câu thơ phù hợp. Khi GV hỏi: *Câu thơ phù hợp tranh 1?*, HS nào giơ tay nhanh nhất được chỉ định đọc. Nếu đọc sai, HS đó chuyển lượt cho bạn tiếp theo.

Tranh A: *Khi em bé khóc/ Anh phải dỗ dành*

Tranh B: *Nếu em bé ngã/ Anh nâng dịu dàng*

Tranh C: *Mẹ cho quà bánh/ Chia em phần hơn*

Tranh D: *Có đồ chơi đẹp/ Cũng nhường em luôn*

3. Học thuộc lòng một khổ thơ mà em thích.

– HS học thuộc lòng theo hướng dẫn của GV. GV cho HS học thuộc lòng một khổ thơ theo cách: GV ghi bảng một khổ thơ tự chọn, cho HS đọc trơn. Sau đó, xoá bớt một số từ ngữ, chỉ giữ lại một số từ làm "điểm tựa" cho HS dễ nhớ. Dần dần xoá hết từ làm "điểm tựa" để HS tự nhớ và đọc thuộc toàn bài. Ví dụ:

Làm anh.....
.....chuyện đùa
.....em gái.....
..... người lớn.....

– 1 – 2 HS đọc thuộc lòng trước lớp. Nếu HS bị vướng mắc ở đâu, cho phép nhận "cứu trợ" đọc câu đó từ 1 HS khác trong lớp.

Nói và nghe

Giới thiệu về anh (chị, em) của em.

– HS nêu yêu cầu hoạt động. GV có thể viết sẵn trên bảng phụ hoặc chiếu những câu hỏi gợi ý sau đây lên slide. GV hướng dẫn: *Mỗi HS nói dựa theo câu hỏi gợi ý.*

+ Anh (chị, em) của em tên gì? Bao nhiêu tuổi?

+ Hình dáng anh (chị, em) của em thế nào?

+ Tính cách anh (chị, em) của em thế nào?

+ Anh (chị, em) yêu quý em thế nào?

+ Em yêu quý anh (chị, em) của em thế nào?

– Mỗi HS nói 1 – 2 câu theo gợi ý. HS khá – giỏi có thể nói được nhiều câu hơn.

– HS hoạt động theo nhóm, mỗi HS giới thiệu về anh (chị, em) của mình cho cả nhóm nghe. GV lắng nghe HS nói, khuyến khích HS nói thêm nhiều thông tin hơn. Ví dụ:

+ Em tớ tên là Minh. Em rất nghịch ngợm. Em thích nhảy múa theo nhạc, thích chơi lê gô.

+ Chị tớ tên là Bình. Chị có mái tóc dài. Chị học rất giỏi. Chị thường dạy tớ học. Chị còn nấu mì cho tớ ăn khi đói.

+ Anh tớ tên là Hiếu. Anh 12 tuổi. Anh có làn da rám nắng. Anh hay cười ha ha. Anh thường bày trò chơi cho tớ như trốn tìm, đá bóng, đi xe đạp.

– 2 – 3 HS nói trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV cho HS nghe bài hát *Làm anh khó đấy* (Nguyễn Đình Khiêm). GV: *Làm anh rất khó phải không các em? Nhưng nếu ai yêu em thì đều làm được và còn thấy rất vui nữa. Các em thử làm theo bạn nhỏ trong bài thơ xem có đúng không nhé!*

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **I, K** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ I, K hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***I, K*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả:

*+ Chữ **I** hoa gồm 2 nét: nét 1 là kết hợp của nét cong trái và lượn ngang, nét 2 là nét móc ngược trái.*

*+ Chữ **K** hoa gồm 3 nét: nét 1 là kết hợp của nét cong trái và lượn ngang, nét 2 là nét móc ngược trái, nét 3 là kết hợp của nét móc trên và móc dưới nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ.*

– GV nêu quy trình tô chữ ***I, K*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***I, K*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***I, K*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Kiên Giang*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Kiên Giang** là tên một tỉnh ven biển thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long nước ta.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Kiên Giang***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.21: **I** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **K** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Kiên Giang** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

TIẾT KIỆM NƯỚC

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Tiết kiệm nước*.

– Biết được một số cách tiết kiệm nước; trả lời được câu hỏi về nội dung cơ bản và một số chi tiết trong bài; MRVT có vần ***oong***; viết được lời khuyên về việc tiết kiệm nước.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng hai khổ thơ; điền đúng ***i/ y, ac/ at*** vào chỗ trống.

– Kể được câu chuyện ngắn *Bông hoa cúc trắng* bằng 4 – 5 câu; hiểu được tấm lòng hiếu thảo của nhân vật; hình thành được tình cảm yêu thương gia đình.

– Có ý thức bảo vệ nguồn nước nói riêng, bảo vệ môi trường sống nói chung.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho các hoạt động trong SGK tr.81.

– Một video clip nhạc nước hấp dẫn.

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Bông hoa cúc trắng*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp trả lời câu hỏi của GV: *Các em hãy nhắm mắt và tưởng tượng: Điều gì sẽ xảy ra với cuộc sống của chúng ta nếu không có nước?* (2 – 3 HS trả lời tự do: *Chúng ta sẽ chết khát, không có nước để nấu cơm, không có nước uống, không có nước để tắm, đi vệ sinh không có nước để xả. Quần áo không có nước để giặt. Các loài vật cũng chết khát. Cây cối sẽ khô héo...*)

– GV: *Nước vô cùng quan trọng với cuộc sống của chúng ta. Nhưng nguồn nước không phải là vô hạn. Nếu không tiết kiệm nước thì một ngày nào đó, chúng ta sẽ không còn nước để sử dụng. Chúng ta cùng đọc bài* ***Tiết kiệm nước*** *để biết một số cách tiết kiệm nước.* GV ghi tên bài lên bảng: **Tiết kiệm nước**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc GV chậm rãi, rõ ràng. GV đọc cả mục số 1, 2, 3, 4 trước các câu tương ứng.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *vòi nước, chảy liên tục.*

+ MN: *sửa, xoong nồi, xát xà phòng, rửa rau.*

– HS đọc các từ mới: *rò rỉ* ((nước) chảy ra ngoài từng ít một); *tiết kiệm* (sử dụng hợp lí, vừa phải, không lãng phí); *vòi hoa sen* (GV cho HS xem bức tranh nhỏ số 4 trong bài đọc SGK tr.81 và hỏi: *Hãy chỉ ra đâu là vòi hoa sen trong phòng tắm*).

– HS nghe GV hướng dẫn cách đọc từng câu văn, chú ý cách ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu hoặc ở chỗ dấu chấm kết thúc câu và xuống dòng, trước mỗi số thứ tự đầu dòng. GV chọn một số câu dài, cho HS luyện đọc. Ví dụ:

– *Bé cùng bố vừa sửa vòi nước,/ vừa nghĩ được bốn cách tiết kiệm nước trong nhà.//*

1./ Tắt vòi nước/ trong khi cọ rửa bát đĩa,/ xoong nồi.//

2./ Tắt vòi nước/ trong khi đánh răng,/ xát xà phòng rửa tay.//

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối trong nhóm, mỗi HS đọc một câu cho đến hết bài.

– HS cả lớp chơi trò chơi **Đọc truyền điện**. 1 HS đầu tiên đọc đúng một câu và chỉ định bạn đọc câu tiếp theo, cứ như vậy cho đến khi HS đọc hết các câu trong bài đọc. HS có thể chơi trò chơi này vài lượt, tạo điều kiện cho HS nào cũng có cơ hội đọc.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Tìm tiếng có vần oong.

HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**.

Dựa vào tranh gợi ý trong SGK, mỗi nhóm lần lượt nêu một tiếng có vần *oong* (*xoong, bình boong, boong tàu)*. HS tìm thêm những tiếng ngoài bài (*toòng teng, xe goòng, rau cải xoong, boong ke,...*). Nhóm nào tìm được nhiều tiếng hơn thì thắng cuộc. *Lưu ý*: Đây là vần khó nên nhóm nào tìm đủ 3 tiếng có chứa vần *oong* là được tuyên dương.

2. Bài đọc trên viết về việc gì?

– HS đọc câu hỏi, thảo luận theo cặp theo hướng dẫn của GV để trả lời. GV hướng dẫn: *Em cần đọc tiêu đề của bài, đọc thầm lại các mục 1, 2, 3, 4 và xem tranh tương ứng.*

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Bài đọc trên viết về việc tiết kiệm nước.*

3. Cần tắt vòi nước những khi nào?

– HS đọc câu hỏi, thảo luận theo nhóm, đọc thầm lại các mục 1, 2, 3, 4 và xem tranh tương ứng để trả lời.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp, mỗi HS có thể nêu được 1 – 3 ý:

+ *Khi cọ rửa bát đĩa, xoong nồi.*

+ *Khi đánh răng, xát xà phòng rửa tay.*

+ *Khi vòi hoa sen chảy liên tục quá năm phút trong khi tắm.*

Viết

Viết lời khuyên phù hợp với tranh.

– HS quan sát tranh trong SGK, trả lời câu hỏi của GV:

+ *Tranh vẽ cảnh gì?* (*nước chảy, người bỏ đi*)

+ *Khi gặp cảnh đó, em làm gì?* (*tắt vòi nước*)

– 2 HS viết lời khuyên trên bảng lớp. Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Ví dụ: *Không lãng phí nước./ Nhớ tắt vòi nước….*

– HS và GV nhận xét câu của 2 HS viết trên bảng lớp, xem đã viết hoa chữ cái đầu câu và dùng dấu chấm kết thúc câu chưa.

– Từng cặp HS đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– 2 – 3 HS đọc câu văn vừa viết trước lớp. GV nhận xét.

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần **hai khổ thơ cuối** trong bài **Làm anh**.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *nhường, luôn*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *i* hay *y*?

Đáp án: *quả bí, hoa dã quỳ*.

3. Chọn *ac* hay *at*?

Đáp án: *Bé đeo vòng bạc.*; *Bố căng bạt làm lều.*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– HS thưởng thức một video clip nhạc nước với những âm thanh trong trẻo, dịu dàng.

– GV: *Nước là tài sản rất quý của chúng ta. Về nhà, các em thực hiện tiết kiệm nước theo gợi ý trong bài đọc nhé!*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Nghe – kể: Bông hoa cúc trắng

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem tranh bông hoa cúc, trả lời câu hỏi của GV: *Đố các em đây là hoa gì? Các em có đếm được hoa cúc có bao nhiêu cánh không?* (*Hoa cúc. Hoa nhiều cánh không đếm được.*)

– GV: *Để biết vì sao hoa cúc có nhiều cánh, các em nghe câu chuyện sau.*

2. Nghe GV kể

– HS nghe GV kể 2 – 3 lần câu chuyện *Bông hoa cúc trắng*. Văn bản như sau:

BÔNG HOA CÚC TRẮNG

1. Ngày xưa, có hai mẹ con cô bé nhà nghèo. Người mẹ bị ốm nặng, người con chăm sóc mẹ ngày đêm. Một hôm, người mẹ nói:

– Mẹ mệt quá! Con đi mời thầy thuốc cho mẹ.

2. Trên đường đi, cô bé gặp một cụ già râu tóc bạc phơ. Cụ nhận là thầy thuốc, rồi bảo cô dẫn về nhà thăm bệnh. Cụ nói:

– Bệnh mẹ cháu rất nặng. Cháu hãy đến gốc đa đầu rừng, hái cho ta một bông hoa thật đẹp về làm thuốc.

3. Cô bé vội đi. Đến gốc đa đầu rừng, đúng là có một bông hoa trắng rất đẹp. Bỗng cô nghe thấy tiếng cụ già văng vẳng bên tai:

– Mỗi cánh hoa là một ngày mẹ cháu được sống thêm.

Cô bé đếm cánh hoa, ứa nước mắt: "Trời! Mẹ chỉ còn sống được hai mươi ngày sao?". Nghĩ một lát, cô nhẹ nhàng xé mỗi cánh hoa thành nhiều sợi. Lạ thay, mỗi sợi biến thành một cánh hoa nhỏ dài. Trên tay cô bé, những cánh hoa nhiều không đếm xuể. Cô vui sướng chạy nhanh về nhà.

4. Khi cô bé về đến nhà, mẹ cô đã khỏi bệnh. Cụ già nói:

– Đó là phần thưởng cho tấm lòng hiếu thảo của cháu.

Theo *Sách giáo viên Tiếng Việt 1 – tập hai*, NXB Giáo dục, 2004

– GV lưu ý kĩ thuật kể chuyện: Phân biệt giọng người dẫn chuyện chậm rãi, cảm động; giọng người mẹ yếu ớt; giọng cụ già trìu mến, ôn tồn; giọng cô bé lo lắng, hốt hoảng, buồn rầu khi đếm số cánh hoa.

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Người mẹ bị ốm nói gì với con? (Người mẹ bị ốm nói: "Mẹ mệt quá! Con hãy mời thầy thuốc cho mẹ.")*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Cụ già nói gì với cô bé? (Cụ già nói: "Cháu hãy đến gốc đa đầu rừng, hái cho ta một bông hoa thật đẹp về làm thuốc.")*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao cô bé xé cánh hoa thành nhiều sợi nhỏ? (Cô bé nghe thấy lời cụ già bảo: "Mỗi cánh hoa là mỗi ngày mẹ cháu được sống thêm". Cô bé liền xé cánh hoa thành nhiều sợi nhỏ.)*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Câu chuyện kết thúc như thế nào? (Mẹ cô bé đã khỏi bệnh.)*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Ngày xưa, có một người mẹ bị ốm nặng, nói với con gái: "Mẹ mệt quá! Con hãy mời thầy thuốc cho mẹ". Cô bé đi tìm thì gặp một cụ già. Cụ nói: "Cháu hãy đến gốc đa đầu rừng, hái một bông hoa thật đẹp về làm thuốc". Khi tìm được bông hoa, cô bé bỗng nghe thấy lời cụ già bảo: "Mỗi cánh hoa là mỗi ngày mẹ cháu được sống thêm". Cô bé liền xé cánh hoa thành nhiều sợi nhỏ. Cuối cùng, mẹ cô bé đã khỏi bệnh. (6 câu)

+ Ngày xưa có hai mẹ con cô bé nghèo, người mẹ bị ốm nặng. Cô bé ngày đêm chăm sóc mẹ nhưng bệnh của mẹ vẫn không khỏi. Một hôm, người mẹ nói với con: "Mẹ mệt quá! Con hãy mời thầy thuốc cho mẹ". Trên đường đi tìm, cô bé gặp một cụ già râu tóc bạc phơ tự nhận là thầy thuốc. Cụ theo cô bé về nhà thăm bệnh, rồi nói: "Bệnh của mẹ cháu rất nặng. Cháu hãy đến gốc đa đầu rừng, hái một bông hoa thật đẹp về để làm thuốc". Cô bé vội đi ngay. Đến gốc đa đầu rừng, cô bé tìm được một bông hoa trắng rất đẹp. Bỗng cô bé nghe thấy lời cụ già văng vẳng bên tai: "Mỗi cánh hoa là mỗi ngày mẹ cháu được sống thêm". Cô bé thương mẹ quá! Nghĩ một lát, cô nhẹ nhàng xé mỗi cánh hoa thành nhiều sợi

nhỏ. Trên tay cô bé, những cánh hoa nhiều không đếm xuể. Cô bé vui sướng chạy về nhà thì thấy mẹ đã khỏi bệnh. (12 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.

– GV có thể để một vài lời gợi ý dưới tranh giúp HS nhớ tình tiết:

Tranh 1: *Ngày xưa, có hai mẹ con... Mẹ nói: ...*

Tranh 2: *Ông cụ nói...*

Tranh 3: *Sau khi hái được bông hoa, cô bé...*

Tranh 4: *Khi cô bé về đến nhà...*

– 3 – 4 HS lên bảng, vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện.

– GV có thể tổ chức thi kể chuyện giữa các nhóm (kể cá nhân hoặc kể tiếp nối, kể một đoạn hoặc kể toàn bộ câu chuyện).

– Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

5. Mở rộng

GV: *Cô bé là người như thế nào? (Cô bé là người con hiếu thảo, yêu thương mẹ./ Cô bé là người thông minh.)*

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc một bài thơ về gia đình.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

– HS có thể tìm đọc bài thơ về bất kì một người thân nào (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em) hoặc về gia đình nói chung. Một số bài thơ phù hợp số chữ và chủ đề:

+ Tú Mỡ (2000). *Thương ông,* trong *Tiếng Việt 2 – Tập một,* NXB Giáo dục.

+ Nguyễn Ngọc Hưng (2001). *Chơi bóng với bố*, trong tập thơ *Gọi trăng*, NXB Kim Đồng.

+ Định Hải (2017). *Lấy tăm cho bà,* trong *Thơ cho thiếu nhi*, NXB Văn học.

+ Vương Trọng (2015). *Gió từ tay mẹ,* trong *Tuyển tập thơ ca, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non – Theo chủ đề,* NXB Giáo dục.

+ Nguyễn Lãm Thắng (2017). *Trong bụng mẹ có nôi không?, Hái trầu cho bà, Bé tắm biển,...;* trong tập thơ *Giấc mơ buổi sáng,* NXB Văn học.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ: Đọc bài thơ *Quà của bố*

QUÀ CỦA BỐ

Bố em là bộ đội
Ở tận vùng đảo xa
Chưa lần nào về phép
Mà luôn luôn có quà.

Bố gửi nghìn cái nhớ
Gửi cả nghìn cái thương
Bố gửi nghìn lời chúc
Gửi cả nghìn cái hôn.

Bố cho quà nhiều thế
Vì biết em rất ngoan
Vì em luôn giúp bố
Tay súng luôn vững vàng.

Phạm Đình Ân

Kể ra những món quà mà bố gửi cho bạn nhỏ.

Đáp án: *Quà của bạn nhỏ là nghìn cái nhớ, nghìn cái thương, nghìn lời chúc, nghìn cái hôn của bố.*

VỊ SỰ BÌNH ĐẲNG VÀ DÂN CHỦ TRONG GIÁO DỤC

MÓN QUÀ SINH NHẬT TUYỆT VỜI

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Món quà sinh nhật tuyệt vời*.

– Hiểu được tình yêu thương, sự quan tâm của con cháu là món quà tuyệt vời nhất với bà; nêu được các chi tiết về món quà tặng bà trong câu chuyện; nhận xét được đặc điểm của nhân vật; MRVT xưng hô; nói được 2 – 3 câu về ông (bà).

– Viết (chính tả nhìn – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***c/ k***, ***ươm/ ươp*** vào chỗ trống.

– Thể hiện được tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc đối với ông bà.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Video clip bài hát *Cháu yêu bà* của tác giả Xuân Giao.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS nghe và hát theo bài hát *Cháu yêu bà* (Xuân Giao), trả lời câu hỏi của GV: *Bạn nhỏ trong bài hát có tình cảm như thế nào với bà?* (*yêu bà*).

– GV: *Cũng giống như bạn nhỏ trong bài hát, bạn nhỏ tên là Hiền trong bài đọc của chúng ta cũng rất yêu bà bạn ấy. Vào ngày sinh nhật của bà, bạn ấy đã tặng bà một món quà tuyệt vời thể hiện tình yêu bà. Chúng ta cùng đọc bài* ***Món quà sinh nhật tuyệt vời*** *để biết đó là món quà gì.* GV ghi tên bài lên bảng: **Món quà sinh nhật tuyệt vời.**

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc GV chậm rãi, tình cảm. Giọng bé Hiền băn khoăn, giọng bà âu yếm.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *khoe, nấu món sườn hầm, khẽ nói.*

+ MN: *sinh nhật, chụp ảnh, thích nhất, tuyệt vời, chúc mừng.*

HS đọc các từ mới: *băn khoăn* (có điều gì đang thắc mắc, nghĩ ngợi mà chưa tự giải đáp được); *xích lại* (ngồi gần hơn).

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:

+ *Anh trai Hiền khoe/ sẽ chụp ảnh tặng bà.// Mẹ nấu món sườn hầm/ mà bà thích nhất.//*

+ *Bà ơi,/ ai cũng có quà tặng bà,/ chỉ có cháu không có.// Cháu không có tiền mua khăn,/ cũng không biết nấu ăn và chụp ảnh.//*

– HS đọc từng đoạn trong nhóm, 3 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm (mỗi nhóm 3 HS) trước lớp. GV tuỳ chọn hình thức đọc phù hợp: Mỗi HS đại diện nhóm đọc trơn một đoạn (đoạn 1, đoạn 2, đoạn 3); hoặc mỗi nhóm đọc nối tiếp từng đoạn.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Mỗi người trong gia đình tặng bà món quà gì?

– HS trả lời câu hỏi gợi ý của GV:

+ *Gia đình Hiền có những ai?* (*Bà, bố, mẹ, anh trai Hiền và Hiền*)

+ *Bố, mẹ, anh trai Hiền và Hiền đã tặng bà món quà gì?*

– HS hoạt động theo nhóm, lần lượt đọc đoạn 1, đoạn 2 và đoạn 3, thảo luận để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS đại diện cho các nhóm trả lời trước lớp (mỗi HS có thể nêu được 1, 2, 3 hoặc 4 ý):

+ *Bố tặng bà một chiếc khăn.*

+ *Mẹ tặng bà món sườn hầm.*

+ Anh tặng bà những tấm ảnh.

+ Hiền tặng bà một cái ôm/ một cái ôm và lời chúc mừng sinh nhật.

2. Bé Hiền là cô bé như thế nào?

– HS thảo luận theo cặp, đọc kĩ đáp án a và b để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Đáp án: b. Yêu thương bà./ Bé Hiền là cô bé yêu thương bà.*

3. Em chọn từ nào để điền vào chỗ trống?

– HS thảo luận theo cặp, đọc kĩ các câu cần điền vào chỗ trống và làm bài tập.

– GV hướng dẫn: *Em cần dùng đúng từ xưng hô trong khi nói. Ví dụ: Khi nói chuyện với mẹ, em gọi "mẹ", xưng "con".*

– 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp:

***Cháu** chúc mừng sinh nhật ông.*
***Con** chúc mừng sinh nhật mẹ.*
***Em** chúc mừng sinh nhật anh.*

Lưu ý: Trong một số gia đình có hiện tượng "gọi thay vai" nên nếu HS chọn "***Con** chúc mừng sinh nhật bà.*" cũng chấp nhận đáp án này.

Nói và nghe

Nói 2 câu về ông (bà) của em.

– HS nêu yêu cầu hoạt động. GV có thể viết sẵn những câu hỏi gợi ý trên bảng phụ (hoặc chiếu trên slide, phát Phiếu bài tập) và hướng dẫn HS nói dựa theo câu hỏi gợi ý. Mỗi HS nói 1 – 2 câu theo gợi ý. HS khá – giỏi có thể nói được nhiều câu hơn.

+ Ông (bà) của em bao nhiêu tuổi?

+ Hình dáng ông (bà) của em thế nào?

+ Tính cách ông (bà) của em thế nào?

+ Ông (bà) yêu quý em thế nào?

+ Em yêu quý ông (bà) của em thế nào?

– HS hoạt động theo nhóm, mỗi HS tự giới thiệu về ông (bà) của mình cho bạn trong nhóm nghe. Ví dụ:

+ Ông tớ 65 tuổi. Tóc ông tớ bạc trắng. Ông thường dắt tớ đi chơi công viên. Ông chẳng bao giờ la mắng tớ...

+ Bà tớ rất hiền. Bà thường để dành quà cho tớ. Bà còn kể chuyện rất hay nữa...

– 2 – 3 HS nói trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV: *Vì sao cái ôm của bé Hiền lại là món quà tuyệt vời nhất với bà?* (*Vì bà rất yêu bé./ Vì bà chỉ cần tình yêu thương của bé.*)

– GV nhận xét tiết học

– GV: *Các em có thể tặng bà món quà tuyệt vời như bé Hiền mỗi ngày. Chắc chắn bà của các em sẽ rất vui.*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nhìn – viết

– HS nhìn vào SGK tr.84, đọc đoạn: **– Bà ơi, ai cũng có quà tặng bà, chỉ có cháu không có. Cháu không có tiền mua khăn, cũng không biết nấu ăn và chụp ảnh**.

– GV lưu ý HS chữ dễ viết sai chính tả: *mua khăn, chụp ảnh*.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nhìn – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, đọc chậm để soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *c* hay *k*?

Đáp án: *Bé làm tính cộng.*; *Chị xâu kim.*

3. Chọn *ươm* hay *ươp*?

Đáp án: *ướm thử áo; ướp lạnh thực phẩm.*

GIÚP MẸ THẬT VUI

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Giúp mẹ thật vui*.

– Biết cách dọn dẹp bàn ăn; trả lời được câu hỏi về nội dung cơ bản của bài đọc; MRVT về người trong gia đình và đồ dùng nhà bếp; nói được trình tự các bước trong cách dọn dẹp bàn ăn; viết được lời giải cho một câu đố; viết được một câu về làm việc nhà.

– Tô được chữ ***L, M*** hoa.

– Kể được câu chuyện ngắn *Há miệng chờ sung* bằng 4 – 5 câu; hiểu được ý nghĩa câu chuyện khuyên ta không nên lười biếng.

– Hình thành được ý thức trách nhiệm với gia đình, bước đầu tạo thói quen chăm chỉ làm việc.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Nói và nghe* SGK tr.88, hoạt động 1 trong SGK tr.89.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: ***L, M*** đặt trong khung chữ mẫu; ***Long An, Cà Mau*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

– Hai bộ thẻ chữ có nam châm dính bảng ở mặt sau. Mỗi bộ gồm 8 thẻ có các từ *bát, cốc, chén, đĩa, thìa, li, đũa, ca;* 2 thẻ có in hình chiếc rổ với dòng chữ *đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống*.

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Há miệng chờ sung*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Các em đã bao giờ dọn dẹp bàn sau bữa ăn giống như hai anh em trong tranh chưa?* (HS có thể trả lời "*rồi*" hoặc "*chưa*".)

– GV: *Đó là một việc nhà vừa sức mà các em đã có thể làm, thể hiện mình đã trưởng thành hơn, biết góp sức cho công việc chung của gia đình. Chúng ta cùng đọc bài* ***Giúp mẹ thật vui*** *để biết cách dọn dẹp bàn ăn nhé!* GV ghi tên bài lên bảng: **Giúp mẹ thật vui**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc GV chậm rãi, rõ ràng, ngắt nghỉ ở những chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu. Ở vị trí sau dấu hai chấm xuống dòng và vị trí gạch đầu dòng trước mỗi câu, GV dừng nghỉ lâu hơn.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.

Ví dụ: *tuyệt vời, dọn dẹp, cẩn thận, cùng loại, xếp, tiếp theo*.

– HS đọc từ mới: *gom* (dồn thức ăn thừa trên bát, đĩa vào một chỗ cho gọn).

– HS đọc tiếp nối từng câu văn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm) trước lớp. GV hướng dẫn cách đọc từng câu văn, chú ý cách ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu hoặc ở chỗ dấu chấm kết thúc câu và xuống dòng, trước mỗi gạch ngang. GV chọn 1 – 2 câu cho HS luyện đọc. Ví dụ:

– Sau đó,/ xếp bát,/ đĩa cùng loại với nhau.// Bát,/ đĩa đựng đồ ăn thừa/ xếp trên cùng.//

– HS đánh dấu chia đoạn theo sự hướng dẫn của GV. Bài đọc có thể chia hai đoạn như sau:

+ Đoạn 1: Từ "Bữa cơm ngon quá!" đến "lời mẹ dạy".

+ Đoạn 2: Từ "Đầu tiên" đến "sạch sẽ".

– HS đọc tiếp nối đoạn văn theo nhóm đôi, mỗi HS đọc một đoạn. Sau đó, đảo lại thứ tự, sao cho mỗi HS đều được đọc ít nhất 2 đoạn.

– HS thi đọc giữa các nhóm trước lớp (đọc từng đoạn, đọc cả bài). Hình thức: HS đại diện cho nhóm cùng đọc một đoạn (đoạn 1, đoạn 2); HS đại diện cho nhóm đọc trơn cả bài.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Bài đọc trên viết về cách làm việc gì?

– HS thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi.

Với lớp trung bình – yếu, GV có thể đưa đáp án a và b dưới đây gợi ý, hỗ trợ và yêu cầu HS thảo luận chọn đáp án phù hợp. Ví dụ:

Bài đọc trên viết về cách làm việc gì?

a. Cách dọn dẹp bàn ăn.

b. Cách rửa bát.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp: *Cách dọn dẹp bàn ăn.*

2. Thi kể về đồ dùng nhà bếp.

HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ.** Mỗi nhóm lần lượt nêu một từ chỉ đồ dùng nhà bếp. Nhóm nào tìm được nhiều từ hơn thì thắng cuộc. Ví dụ: *bếp, nồi, niêu, xoong, chảo, chày, cối, thớt, dao, kéo, bát, đĩa, thìa, đĩa, đũa, muôi, cốc, chén, li, ca, chai, lọ, hộp, giẻ rửa bát, cọ nồi,...*

Nói và nghe

Nói về cách dọn dẹp bàn ăn.

– HS cả lớp quan sát 4 bức tranh minh hoạ ở hoạt động *Nói và nghe*, trả lời câu hỏi của GV:

Tranh A: *Đầu tiên, chúng ta phải làm gì?* (*Đầu tiên, gom đồ ăn thừa.*)

Tranh B: *Sau đó làm gì?* (*Sau đó, xếp bát đĩa cùng loại với nhau.*)

Tranh C: *Tiếp theo làm gì?* (*Tiếp theo, lau bàn sạch sẽ.*)

Tranh D: *Cuối cùng làm gì?* (*Cuối cùng, bê bát đĩa ra bồn rửa.*)

GV vừa nói làm mẫu, vừa chỉ tay theo thứ tự các bức tranh. GV bổ sung: *Mỗi bức tranh là một việc làm theo thứ tự thời gian.*

– HS tập nói quy trình bốn bước trong nhóm. GV yêu cầu HS vừa chỉ tranh vừa nói theo trình tự tranh.

– Một vài nhóm HS báo cáo kết quả trước lớp: *Tranh A – Tranh B – Tranh C – Tranh D.*

– GV và cả lớp nhận xét.

Viết

Viết lời giải câu đố vào vở.

– HS cả lớp thảo luận để giải câu đố.

– 1 HS nêu lời giải câu đố trước lớp.

– Từng HS viết lời giải vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập của mình. (Lời giải: *bát đĩa*).

– HS theo cặp trao đổi vở để soát lỗi và sửa lỗi. GV kiểm tra nhanh trong vở HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học

– GV: *Hôm nay, các em đã biết cách dọn dẹp bàn ăn. Về nhà, sau bữa ăn, các em hãy cùng dọn bàn ăn giúp bố mẹ.*

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **L, M** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ L, M hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***L, M*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả:

*+ Chữ **L** hoa gồm 1 nét là kết hợp của 3 nét cơ bản: cong dưới, lượn dọc và lượn ngang nối liền nhau, tạo vòng xoắn to ở đầu chữ (gần giống phần đầu các chữ **C, G** hoa) và vòng xoắn nhỏ ở chân chữ (giống chân chữ **D** hoa).*

*+ Chữ **M** hoa gồm 4 nét: nét móc ngược trái, nét thẳng đứng (hơi lượn một chút ở cuối nét), nét thẳng xiên (hơi lượn ở 2 đầu) và nét móc ngược phải.*

– GV nêu quy trình tô chữ ***L, M*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***L, M*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***L, M*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Long An, Cà Mau*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Long An, Cà Mau*** *là tên riêng các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long nước ta.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Long An, Cà Mau***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.22: **L** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **M** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ); **Long An, Cà Mau** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

TIẾT 4

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Nhà thỏ ở đâu?

HS hoạt động theo nhóm, chơi trò chơi: **Tìm đường về nhà thỏ**. Cách chơi: GV đưa hình ảnh minh hoạ bài đọc cho HS quan sát điểm xuất phát của thỏ bắt đầu chỗ tảng đá có từ "ông", đích đến là một trong ba căn nhà. GV nêu yêu cầu của hoạt động: *Đường về nhà thỏ đi qua những chỗ có từ chỉ người*. Trong các nhóm, HS cùng thảo luận những chỗ trên đường có phải là từ chỉ người không. Nhóm thắng cuộc là nhóm tìm được đường đúng và nhanh nhất. Đáp án: *Đường về nhà thỏ đi qua các từ: ông, bà, em, chị, anh, bố. Căn nhà của thỏ màu tím.*

2. Xếp các đồ dùng sau vào đúng rổ.

– HS đọc yêu cầu của hoạt động.

– HS hoạt động theo hai nhóm, tham gia trò chơi: **Xếp đồ vào rổ**.

– GV là quản trò, chia hai bộ thẻ cho hai nhóm cùng chơi. Khi có hiệu lệnh của GV, các thành viên trong nhóm nhanh chóng xếp các thẻ từ vào đúng rổ *đồ dùng để ăn* và *đồ dùng để uống*. Khi có hiệu lệnh hết giờ, các nhóm cần dừng lại ngay. GV và cả lớp cùng kiểm tra kết quả. Nhóm nào xếp đúng nhiều từ hơn thì thắng cuộc.

+ *Đồ dùng để ăn:* ***bát, đĩa, thìa, đũa***.

+ *Đồ dùng để uống:* ***chén, cốc, li, ca***.

Viết

Xếp các từ sau thành câu và viết vào vở: **Em, sạch sẽ, rửa bát.**

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết* trong SGK.

– Cả lớp nghe GV hướng dẫn: *Các em cần sắp xếp thành câu có nghĩa. Câu đầy đủ hai bộ phận, dùng chữ viết hoa đầu câu và thêm dấu chấm kết thúc ở cuối câu.*

– 2 HS sắp xếp thẻ và viết lại câu trên bảng lớp. Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Đáp án: *Em rửa bát sạch sẽ.*

– HS và GV nhận xét bài làm của 2 bạn trên bảng.

– HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi. GV chữa nhanh một số vở.

TIẾT 5

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Nghe – kể: Há miệng chờ sung

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS trả lời câu hỏi của GV: *Muốn ăn quả trên cây thì chúng ta phải làm gì?* (*Tìm cách hái quả./ Trèo lên cây hái quả.*)

– GV: *Thế mà có một anh chàng muốn ăn quả lại không muốn trèo cây, hái quả. Anh ta nghĩ ra cách nào để được ăn quả, các em cùng nghe kể câu chuyện Há miệng chờ sung.*

2. Nghe GV kể

– HS nghe GV kể 2 – 3 lần câu chuyện *Há miệng chờ sung*. Văn bản như sau:

HÁ MIỆNG CHỜ SUNG

1. Xưa kia có một anh chàng mồ côi cha mẹ nhưng chẳng chịu học hành, làm lụng gì cả. Hằng ngày, anh ta cứ nằm ngửa dưới gốc cây sung, há miệng ra thật to, chờ

sung rụng vào thì ăn. Nhưng đợi mãi mà chẳng có quả sung nào rụng trúng miệng. Bao nhiêu quả rụng đều rơi chệch ra ngoài.

2. Chợt có người đi qua đường, chàng gọi lại:

– Anh gì ơi! Nhờ anh nhặt sung bỏ hộ vào miệng tôi với!

3. Không may, người qua đường cũng rất lười. Anh ta lấy hai ngón chân cặp quả sung bỏ vào miệng chàng lười.

4. Anh chàng bực lắm, gắt:

– Ôi chao! Người đâu mà lười thế!

Theo *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, Tiếng Việt 2 – Tập một, NXB Giáo dục, 2004

– Giọng kể toàn bài thong thả, chậm rãi, khôi hài. Giọng anh chàng lười ở đoạn 4 bực tức, gắt gỏng, nhấn mạnh vào từ "lười".

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Chàng lười chờ đợi điều gì? (Chàng lười chờ sung rụng vào miệng để ăn.)*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Chàng lười nhờ người qua đường giúp việc gì? (Chàng lười nhờ người qua đường giúp nhặt sung bỏ vào miệng.)*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Người qua đường giúp chàng lười thế nào? (Người qua đường lấy hai ngón chân cặp quả sung bỏ vào miệng chàng lười.)*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Chàng lười nhận xét thế nào về người qua đường? (Chàng lười nhận xét: "Người đâu mà lười thế.")*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Ngày xưa, có một anh chàng lười nằm chờ sung rụng vào miệng để ăn. Chờ mãi không được quả nào, anh ta bèn nhờ một người qua đường giúp nhặt sung bỏ vào miệng.

Người qua đường lấy hai ngón chân cặp quả sung bỏ vào miệng anh ta. Chàng lười bực tức nói: "Người đâu mà lười thế!" (4 câu)

+ Ngày xưa, có một anh chàng lười muốn ăn những quả sung chín đỏ. Anh ta nghĩ ra cách nằm dài dưới gốc cây, há to miệng, chờ sung rụng vào để ăn. Nhưng chờ mãi mà chẳng được quả nào, anh ta đói cồn cào. Bỗng anh nhìn thấy một người đang đi đến. Anh ta gọi: "Anh gì ơi! Nhờ anh nhặt sung bỏ hộ vào miệng tôi với!". Không may, người qua đường cũng rất lười. Người này liền lấy hai ngón chân cặp quả sung bỏ vào miệng cho anh ta. Chàng lười bực lắm, gắt lên: "Ôi chao! Người đâu mà lười thế!" (8 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– GV có thể tổ chức thi kể chuyện giữa các nhóm.

5. Mở rộng

– GV: *Câu chuyện chê cười thói xấu nào?* (*Lười biếng, chờ chực ăn sẵn, chờ đợi may mắn từ người khác*).

– GV có thể trao đổi thêm:

+ Câu nói của anh chàng lười có gì buồn cười? (*Anh ta cũng lười mà lại đi chê người khác.*)

+ Em rút ra bài học nào từ câu chuyện trên? (*Em không nên lười biếng./ Cần chăm chỉ làm việc./ Có làm thì mới có ăn.*)

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc:

– Một câu chuyện về tình cảm gia đình.

– Một số câu đố.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

1.1. Tìm một câu chuyện về tình cảm gia đình

GV có thể hướng dẫn HS tìm kiếm một câu chuyện về tình cảm gia đình phù hợp trong những tuyển tập truyện dành cho thiếu nhi hoặc từng cuốn truyện rời. Một số nguồn đọc tham khảo như sau:

– Nhiều tác giả (2012). *Tuyển chọn các bài thơ, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non theo chủ đề Gia đình*, NXB Giáo dục.

– Taniguchi Kunihiro (2018). Bộ sách *Ehon Gia đình tớ* gồm 5 cuốn: *Gia đình tớ, Ông tớ, Mẹ tớ, Con ma nhà tớ* và *Bạn cá cảnh nhà tớ*, NXB Mỹ thuật.

– Nhiều tác giả (2013). *Truyện cổ tích Việt Nam hay nhất – Tình cảm gia đình*, NXB Kim Đồng.

– Nhiều tác giả (2019). Bộ sách *Truyện kể trước giờ đi ngủ* gồm 3 cuốn: *Hôm nay con ngủ cùng mẹ, Hôm nay con ngủ cùng bố, Hôm nay con ngủ một mình*, NXB Kim Đồng.

– Nhiều tác giả (2019). *Nhà mình mát lành vì có bà, Nhà mình có em rồi*, NXB Lao Động.

– Marta Altés, Trần Thị Minh (dịch) (2019). *Ông tớ – My Grandpa*, NXB Mỹ thuật.

1.2. Tìm một số câu đố

Một số nguồn đọc tham khảo có câu đố mà HS có thể tìm kiếm như sau:

– Nhiều tác giả (2015). Bộ *Câu đố dân gian cho bé* gồm: *Tám người khiêng một mâm xương, Một đàn cò trắng phau phau, Có vòi không phải con voi, Sừng sững mà đứng giữa đường, Vừa bằng cái vung*,...; NXB Hội Nhà văn.

– Nguyễn Ngọc Ký (2016). *Tuyển tập câu đố vui tâm đắc dành cho tuổi học trò* (3 tập), NXB Trẻ.

– Lê Thu Hương (2013). *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện kể, câu đố theo chủ đề* (*Dành cho trẻ 4 –5 tuổi*), NXB Giáo dục Việt Nam.

– Nhiều tác giả (2013). *Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện kể, câu đố theo chủ đề* (*Dành cho trẻ 5 – 6 tuổi*), NXB Giáo dục Việt Nam.

– Trần Thị Thu Hoà – Đặng Lan Phương (2013). *Giúp bé tìm hiểu và bảo vệ môi trường qua truyện kể, thơ ca, câu đố*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ 1: Đọc câu chuyện *Chuột muốn to bằng voi*

CHUỘT MUỐN TO BẰNG VOI

Đi học về, chuột con phụng phịu nói với mẹ:

– Ở lớp, các bạn cứ ra sức trêu chọc con vì con bé nhất lớp.

Rồi chuột con thở dài ao ước:

– Ước gì con to như bạn voi thì hay biết mấy!

Nghe chuột con nói vậy, chuột mẹ vội kêu lên:

– Nếu con to như thế thì làm sao mẹ bế ẵm con được cơ chứ?

Chuột con vội ôm chầm lấy mẹ thủ thỉ:

– Vâng, làm chuột bé tí còn hay gấp mấy lần voi, mẹ nhỉ?

Theo *Chuyện của mùa đông*

Giải thích vì sao chuột con cho rằng làm chuột bé tí hơn làm voi.

Đáp án: *Vì chuột con thích được mẹ bế ẵm./ Vì chuột con thích được mẹ yêu, âu yếm.*

Ví dụ 2: Đọc một số câu đố

– Một mẹ thường có sáu con
Yêu thương mẹ sẻ nước non vơi đầy.

Là cái gì?

– Có chân mà chẳng biết đi
Quanh năm suốt tháng đứng ì một nơi

Bạn bè chăn, chiếu, gối thôi
Cho người nằm ngủ thảnh thơi đêm ngày.

Là cái gì?

– Miệng tròn, lòng trắng phau phau
Đựng cơm, đựng thịt, đựng rau hàng ngày.

Là những cái gì?

Em hãy giải các câu đố trên.

Đáp án: *Bộ ấm chén; Cái giường; Bát, đĩa.*

LUYỆN TẬP

TÔI CÓ EM RỒI!

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Luyện tập, kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng: đọc đúng và rõ ràng bài *Tôi có em rồi!*; biết ngắt hơi ở những chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu.

– Luyện tập, kiểm tra kĩ năng đọc hiểu: trả lời được các câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh trong bài; nêu được lời khuyên từ câu chuyện đã đọc.

– Luyện tập, kiểm tra kĩ năng viết: viết được một câu nói về hoạt động của nhân vật dựa theo tranh gợi ý, nghe – viết đúng một đoạn văn có độ dài 28 chữ.

– Góp phần hình thành năng lực tự học, phẩm chất chăm chỉ (chăm học).

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Slide trình chiếu nội dung bài Luyện tập.

– *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập ghi sẵn nội dung bài Luyện tập.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Đọc thành tiếng

HS đọc cá nhân.

Đọc hiểu

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

– HS làm bài tập cá nhân.

– Sau khi làm xong, HS trao đổi bài cho bạn trong nhóm để kiểm tra kết quả.

– GV đánh giá kết quả bài làm của HS trước lớp.

Đáp án:

Câu 1: *C*; **Câu 2**: *A*; **Câu 3**: *B*; **Câu 4**: *C*.

Câu 5: **Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?**

– Yêu cầu: HS viết thành câu, đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ, viết hoa chữ cái đầu câu, sử dụng dấu chấm kết thúc câu.

– Các đáp án sau đều được chấp nhận:

+ Câu chuyện khuyên chúng ta yêu em bé.

+ Câu chuyện khuyên chúng ta yêu anh em của mình.

+ Câu chuyện khuyên chúng ta biết nhường nhịn em bé.

Viết

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần đoạn văn trong **bài 1** SGK tr.93.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *dành cho*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Xem tranh, viết một câu cho biết hai chị em đang làm gì.

– Yêu cầu: HS viết thành câu, đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ, viết hoa chữ cái đầu câu, sử dụng dấu chấm kết thúc câu.

– Các đáp án sau đều được chấp nhận:

+ *Hai chị em đang chơi đồ hàng.*

+ *Hai chị em đang chơi búp bê.*

TUẦN 28

CÔ CHỦ KHÔNG BIẾT QUÝ TÌNH BẠN

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Cô chủ không biết quý tình bạn.*

– Hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: người không biết quý trọng tình bạn sẽ không có bạn; trả lời được câu hỏi về chi tiết trong truyện, giải thích được ý nghĩa của kết thúc truyện; viết được câu trả lời cho câu hỏi về lời khuyên trong câu chuyện; giới thiệu được về một con vật nuôi.

– Viết (chính tả nhìn – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***ng/ ngh***, ***ương/ ươc*** vào chỗ trống.

– Biết trân trọng và giữ gìn tình bạn; yêu quý vật nuôi.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Bảng nhóm (số lượng bảng tương ứng số nhóm trong lớp).

– Video clip bài hát, một số hình ảnh sưu tầm về vật nuôi đáng yêu.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**. Cách chơi: Mỗi nhóm lần lượt tìm và nói nhanh tên những con vật nuôi trong nhà (*chó, gà, mèo, lợn, dê, cừu, chim, vẹt, trâu, bò,...*). Nhóm nào tìm được nhiều tên con vật hơn là thắng cuộc.

– GV: *Những con vật nuôi trong nhà không chỉ có ích mà còn là những người bạn thân thiết của chúng ta. Vậy mà có một cô bé lại không biết quý trọng những người bạn ấy. Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo, chúng ta cùng đọc bài* ***Cô chủ không biết quý tình bạn***. GV ghi tên bài lên bảng: **Cô chú không biết quý tình bạn**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc GV chậm rãi.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *nuôi, lại, lấy, như thế nào*.

+ MN: *rất đẹp, hàng xóm, gà mái, được ít ngày, cụp đuôi, ngạc nhiên*.

– HS đọc các từ mới: *gầm giường* (khoảng trống nằm bên dưới của giường); *cạy cửa* (đẩy cửa nhà hé ra một cách nhẹ nhàng, rồi khẽ lách để trốn ra ngoài).

– HS đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:

+ Một hôm,/ thấy nhà hàng xóm có con gà mái,/ cô bèn đổi gà trống lấy gà mái.//

+ Nhưng chỉ được ít ngày,/ cô bé lại thích con vịt của ông hàng xóm,/ bèn đổi gà mái lấy vịt.//

+ Cô chủ kể cho chó con nghe/ mình đã đổi nhiều bạn như thế nào.//

+ Sáng ra,/ cô bé ngạc nhiên/ khi chẳng còn người bạn nào bên mình cả.//

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong nhóm, 4 HS một nhóm.

+ Mỗi bạn đọc nối tiếp một câu, lần lượt cho đến hết bài.

+ Mỗi bạn đọc nối tiếp một đoạn, lần lượt cho đến hết bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm. GV tuỳ chọn hình thức thi đọc phù hợp. Ví dụ: thi đọc một đoạn giữa các nhóm, thi đọc tiếp sức cả bài, thi đọc truyền điện,...

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Những con vật nào đã bị cô chủ đem đổi?

– HS thảo luận theo nhóm 4 HS, cùng thống nhất và cử một bạn ghi kết quả vào bảng nhóm.

– Các nhóm treo kết quả lên bảng lớp để cả lớp cùng đọc.

– HS cả lớp nhận xét và chốt lại kết quả đúng: *gà trống, gà mái, vịt.*

2. Vì sao chú chó bỏ trốn?

– HS hoạt động theo cặp, đọc thầm hai câu cuối bài.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Vì nó không muốn kết bạn với cô chủ không biết quý trọng tình bạn.*

Viết

Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?

– HS hoạt động theo nhóm, thảo luận để trả lời câu hỏi. GV đưa ra mẫu câu "*Câu chuyện này khuyên chúng ta...*" và hướng dẫn HS viết tiếp vào chỗ trống để được câu đầy đủ thành phần.

– Mỗi HS viết tiếp câu trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.Ví dụ:

+ *Câu chuyện này khuyên chúng ta phải quý trọng bạn bè.*

+ *Câu chuyện này khuyên chúng ta phải biết giữ gìn tình bạn.*

+ *Câu chuyện này khuyên chúng ta phải biết yêu quý các bạn.*

+ *Câu chuyện này khuyên chúng ta không nên đổi bạn.*

– GV: *Các em chú ý dùng dấu chấm kết thúc câu.*

– HS ngồi gần nhau đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– Một vài HS đọc câu văn vừa viết trước lớp. GV nhận xét.

Nói và nghe

Giới thiệu về một con vật nuôi.

– HS có thể quan sát tranh trong SGK để nhớ ra tên một con vật nuôi hoặc chọn một con vật nuôi theo hiểu biết của mình. HS nghe GV gợi ý:

+ *Con vật em thích là con nào?*

+ *Nó to hay nhỏ? Bộ lông, mắt, mũi, sừng, đuôi,...của nó thế nào?*

+ *Nó thích ăn gì, thích làm gì?*

+ *Tiếng kêu của nó thế nào?*

+ *Hoạt động của nó ra sao?*

– Mỗi HS nói tự do trong nhóm (nói 1 – 2 câu). GV quan sát, lắng nghe HS nói, khuyến khích HS nói thêm nhiều thông tin hơn.

– 2 – 3 HS nói trước lớp. Ví dụ:

+ *Mình giới thiệu về con gà trống. Nó có cái mào đỏ. Nó dậy sớm, gáy ò ó o.*

+ *Mình giới thiệu về con vịt bầu. Nó bơi rất giỏi. Nó kêu cạc cạc.*

+ *Con vật mình yêu thích là chó con. Nó có bộ lông mượt và đôi tai thính. Nó thông minh, coi nhà rất giỏi.*

+ *Tớ thích con mèo. Nó có cái mũi ươn ướt màu hồng. Cái đuôi dài và cong. Nó thích nằm sưởi nắng. Nó còn bắt chuột rất tài.*

+ *Tớ thích con lợn. Nó béo mũm mĩm, bước đi chậm chạp. Nó kêu ụt ịt.*

+ *Tớ thích con bò. Nó rất to. Bộ lông của nó màu vàng nâu. Đôi sừng của nó nhọn. Nó rất thích ăn cỏ tươi.*

– 2 – 3 HS nói trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV cho HS xem video clip một số hình ảnh của những con vật ngộ nghĩnh, đáng yêu (đặc biệt là các loại thú cưng).

– GV: *Các em hãy yêu quý và đối xử tốt với những con vật nuôi – những người bạn trong nhà của chúng ta nhé!*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nhìn – viết

– HS nhìn vào SGK tr.96, đọc đoạn văn trong **bài 1**.

– GV lưu ý HS chữ dễ viết sai chính tả: *biết, quý trọng*.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nhìn – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, đọc chậm để soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *ng* hay *ngh*?

Đáp án: *ngà voi, đứng nghiêm.*

3. Chọn *ương* hay *ươc*?

Đáp án: *Mẹ đi làm nương.*; *Dùng nước tiết kiệm.*

EBD
VỮNG BƯỚC ĐẢNG VÀ DÂN CHỦ TRONG GIÁO DỤC

NGÔI NHÀ

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Ngôi nhà*.

– Cảm nhận được vẻ đẹp của ngôi nhà ở nông thôn qua tình yêu của bạn nhỏ; tìm được hình ảnh thơ về ngôi nhà; hỏi và trả lời được câu hỏi về ngôi nhà của mình; viết lại được một câu hỏi đã dùng; đọc thuộc lòng được hai khổ thơ.

– Tô được chữ *N, O* hoa.

– Thêm yêu ngôi nhà của chính mình nói riêng, yêu quê hương đất nước nói chung.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh/ ảnh minh hoạ để giải nghĩa từ "*rạ*" (nếu cần).

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Nói và nghe* trong SGK tr.98.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: *N, O* hoa đặt trong khung chữ mẫu; ***Hà Nội, Óc Eo*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Ngôi nhà của bạn nhỏ thế nào*? (*đẹp, rộng, có nhiều cây,...*)

– GV: *Đó chính là ngôi nhà của bạn nhỏ trong bài thơ hôm nay. Chúng ta cùng đọc bài* ***Ngôi nhà*** *để xem bạn ấy yêu những gì ở ngôi nhà của mình nhé!* GV ghi tên bài lên bảng: **Ngôi nhà.**

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ. Giọng đọc tha thiết, tình cảm.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *lảnh lót, đất nước*.

+ MN: *hàng xoan, mái vàng, thơm phức, bốn mùa*.

– HS đọc các từ mới: *xao xuyến* (tình cảm yêu thương tha thiết); *mộc mạc* (giản dị, đơn sơ); *rạ* (phần còn lại của lúa khi gặt xong. GV cho HS xem hình ảnh rơm rạ, giải thích: *Ở nông thôn xưa, người ta phơi rơm rạ trên mái nhà cho khô*).

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp thơ bốn chữ – ngắt sau mỗi câu thơ:

Em yêu nhà em//
Hàng xoan trước ngõ//
Hoa xao xuyến nở//
Như mây từng chùm.//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS).

– HS đọc cả bài.

– HS thi đọc toàn bài dưới hình thức thi cá nhân hoặc thi theo nhóm, theo tổ hoặc chơi trò chơi **Đọc tiếp sức**. HS và GV cùng nhận xét.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Ngôi nhà của bạn nhỏ có những gì?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm bài thơ để trả lời câu hỏi: *Ngôi nhà của bạn nhỏ có những gì?*. GV gợi ý: *Đó là những thứ mà bạn nhỏ nhìn thấy, nghe thấy, ngửi thấy.*

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp (mỗi HS có thể nêu được 1 hoặc vài ý):

+ *Hàng xoan trước ngõ có hoa nở đẹp.*

+ *Tiếng chim đầu hồi lảnh lót.*

+ *Mái nhà phủ rơm rạ vàng thơm phức.*

+ *Rạ đầy sân phơi.*

+ *Gỗ, tre mộc mạc.*

– GV: *Tất cả những gì thuộc về ngôi nhà được bạn nhỏ kể ra đều rất đẹp. Điều này chứng tỏ bạn quan sát rất kĩ. Bạn rất yêu ngôi nhà của mình.*

2. Học thuộc lòng hai khổ thơ mà em thích.

– HS học thuộc lòng theo hướng dẫn của GV. GV cho HS học thuộc lòng một khổ thơ theo kiểu xoá dần một số từ ngữ, chỉ giữ lại một số từ làm "điểm tựa" cho HS dễ nhớ.

– 1 – 2 HS đọc thuộc lòng trước lớp. Nếu HS bị vướng mắc ở đâu, cho phép nhận "cứu trợ" đọc câu đó từ 1 HS khác trong lớp.

Nói và nghe

***Hỏi – đáp về nhà của bạn (sử dụng các từ:* gì, mấy, ở đâu, thế nào,...)**

– 1 cặp HS đọc ví dụ mẫu trong SGK:

Hỏi: *Nhà bạn* ***có cây gì?***

Đáp: *Nhà tớ có cây mít.*

– GV ghi/ chiếu lên bảng các từ: ***gì, mấy, ở đâu, thế nào,***...

– HS tự do hỏi – đáp theo cặp, lần lượt dùng các từ ***gì, mấy, ở đâu, thế nào,***... để hỏi. Ví dụ:

Hỏi: *Nhà của bạn* ***ở đâu?***

Đáp: *Nhà mình ở phố Hàm Nghi.*

Hỏi: *Nhà của bạn có* ***mấy*** *phòng*?

Đáp: *Nhà mình có 3 phòng. Có 1 phòng khách và 2 phòng ngủ.*

Hỏi: *Phòng ngủ của bạn **thế nào**?*

Đáp: *Phòng ngủ của mình không rộng lắm nhưng sạch sẽ...*

– Một số cặp HS hỏi – đáp trước lớp.

– Cả lớp và GV nhận xét, tuyên dương nhóm nào đặt và trả lời được nhiều câu hỏi.

Viết

Viết lại một câu hỏi em đã dùng ở bài tập trên.

– HS nghe GV hướng dẫn: *Em cần viết hoa chữ cái đầu câu và dùng dấu chấm hỏi ở cuối câu.*

– 2 HS viết trên bảng lớp.

– Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– HS và GV nhận xét câu của 2 HS viết trên bảng lớp, xem đã viết hoa chữ cái đầu câu và dùng dấu chấm hỏi ở cuối câu chưa. GV hướng dẫn HS sửa nếu có lỗi sai.

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– GV chữa nhanh một số bài làm của HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS chia 2 nhóm, thi đọc thuộc lòng kiểu **Đọc truyền điện**. Cách chơi: Đại diện 2 nhóm bốc thăm quyền đọc trước. 1 HS đại diện nhóm đọc trước (nhóm A) sẽ đọc thuộc một câu thơ, rồi chỉ định 1 HS nhóm kia (nhóm B) đọc một câu thơ tiếp. Nếu HS nhóm B đọc đúng thì được chỉ định ngược lại 1 HS nhóm A. Tiếp tục như vậy đến hết. Nếu HS bị chỉ định không thuộc thì phải đứng yên tại chỗ (bị điện giật), chuyển lượt đọc sang bạn cùng nhóm. Nhóm có nhiều người bị điện giật thua cuộc.

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **N, O** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ N, O hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***N, O*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả:

*+ Chữ N hoa gồm 3 nét: nét móc ngược trái (giống nét 1 ở chữ **M** hoa), nét thẳng xiên và nét móc xuôi phải (hơi nghiêng).*

*+ Chữ **O** hoa gồm 1 nét cong kín, phần cuối nét lượn vào trong bụng chữ.*

– GV nêu quy trình tô chữ ***N, O*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***N, O*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***N, O*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Hà Nội, Óc Eo*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Hà Nội*** *là tên thủ đô của nước ta;* ***Óc Eo*** *là tên một thị trấn thuộc tỉnh An Giang.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Hà Nội, Óc Eo***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.23: **N** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **O** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ); **Hà Nội, Óc Eo** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

THÁP DINH DƯỠNG

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Tháp dinh dưỡng*.

– Biết được chế độ dinh dưỡng hợp lí; MRVT về thực phẩm; nêu được nhóm thực phẩm nào nên ăn ít; đặt và trả lời được câu hỏi về đồ ăn yêu thích; viết lại được một câu đã nói.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng hai khổ thơ; điền đúng ***ao/ au, iu/ ưu*** (hoặc ***r/ d/ gi***) vào chỗ trống.

– Kể được câu chuyện ngắn *Cô chủ không biết quý tình bạn* đã đọc bằng 4 – 5 câu; biết trân trọng và giữ gìn tình bạn, yêu quý vật nuôi.

– Hình thành được kĩ năng tự chăm sóc, tự điều chỉnh chế độ dinh dưỡng hợp lí.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh tháp dinh dưỡng trong SGK tr.99.

– Tranh minh hoạ các hoạt động trong SGK tr.100.

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Cô chủ không biết quý tình bạn.*

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**. GV là quản trò. Cách chơi: Mỗi nhóm lần lượt tìm và nói nhanh tên các loại rau (*rau muống, rau đay, rau khoai, rau cải xoong, rau ngót, rau cải, rau mồng tơi, rau bí, rau xà lách,...).* Nhóm sau không lặp lại từ của nhóm trước. Nhóm nào tìm được nhiều từ hơn là thắng cuộc.

– GV: *Các loại rau đó thuộc nhóm thực phẩm rau củ. Trong bữa ăn hàng ngày, chúng ta nên ăn nhóm thực phẩm rau củ này và các nhóm thực phẩm khác nữa như thế nào để có cơ thể khoẻ mạnh? Các em sẽ biết điều đó khi học bài* ***Tháp dinh dưỡng***. GV ghi tên bài lên bảng: **Tháp dinh dưỡng**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài. GV cho HS quan sát văn bản trên bảng phụ/ slide; hướng dẫn HS chú ý đến hình thức văn bản phối hợp kênh hình và kênh chữ. GV phát âm rõ ràng, chính xác; ngắt nghỉ hợp lí; đọc các dòng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải; có thể kết hợp chỉ bằng thước kẻ để HS nhìn theo đọc thầm.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.

Ví dụ: *dinh dưỡng, bí quyết, nhóm thực phẩm, ngũ cốc, sở thích, thực đơn.*

– HS đọc các từ mới: *thực phẩm* (đồ ăn, đồ uống; hoặc GV có thể nêu yêu cầu cho HS: *Đố em kể tên được 3 loại thực phẩm*?); *dinh dưỡng* (các chất trong đồ ăn cần thiết để nuôi sống cơ thể); *ngũ cốc* (tên gọi chung của các loại cây có hạt dùng làm đồ ăn như gạo, ngô, đậu,...).

– HS cả lớp nghe GV hướng dẫn cách đọc: *Đọc các dòng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, kết hợp đọc nội dung hình ảnh, chú ý ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy*. GV chọn hình tháp dinh dưỡng ở giữa với các chữ hai bên tháp, cho HS luyện đọc. Ví dụ:

Ăn ít// Dầu,/ mỡ/ đồ ngọt//

Ăn vừa phải// Thịt,/ cá,/ trứng,/ sữa//

Ăn đủ// Rau củ,/ trái cây//

Ăn đủ// Ngũ cốc / (gạo,/ ngô,/ khoai)//

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc theo cặp (hoặc nhóm): mỗi HS đọc một câu lần lượt cho đến hết bài.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Nhóm thực phẩm nào nên ăn ít?

– HS hoạt động theo nhóm, quan sát hình tháp dinh dưỡng trong bài đọc, nghe GV hướng dẫn: *Tháp dinh dưỡng chia thành 4 bậc. Phần đế tháp dinh dưỡng to, chỉ các thực phẩm nên ăn nhiều; phần thân tháp lên đỉnh tháp nhỏ dần, chỉ các thực phẩm nên ăn giảm dần, phần đỉnh tháp là phần cho biết thông tin về nhóm thực phẩm nên ăn ít*. HS đọc các chữ bên trái và bên phải tháp dinh dưỡng. Cả nhóm thảo luận để trả lời.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Nhóm thực phẩm nên ăn ít là dầu, mỡ, đồ ngọt.*

2. Thực phẩm nào thuộc nhóm rau củ?

– HS thảo luận theo nhóm, nêu yêu cầu của hoạt động, đọc kĩ những từ ngữ được cho trước *(rau muống, quả bầu, cá chép, bắp cải)* để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp: *rau muống, quả bầu, bắp cải.*

Nói và nghe

Hỏi – đáp về đồ ăn yêu thích.

– 1 cặp HS làm mẫu thực hành hỏi – đáp:

+ HS1: *Bạn thích ăn gì?*

+ HS2: *Mình thích ăn thịt gà.*

– HS hỏi – đáp theo cặp trong bàn: 1 HS hỏi, 1 HS trả lời, sau đó luân phiên đổi vai. HS nói tự do theo thực tế của bản thân, mỗi em có thể có một hoặc một vài đồ ăn yêu thích

(nem rán, trứng rán, bánh mì, xúc xích, gà rán, canh ngao chua, thịt nướng, sườn hầm, thịt bò xào, cá kho, kem, chè, thạch, chuối, nho, dưa hấu,...).

– HS cả lớp cùng chơi trò chơi truyền điện. HS số 1 chỉ định HS số 2 trả lời câu hỏi của mình: *"Bạn thích ăn gì?"*. Sau khi trả lời, HS số 2 tiếp tục chỉ định HS số 3, hỏi *"Bạn thích ăn gì?"* rồi chỉ định HS số 3 trả lời,... GV nhận xét chung về hoạt động hỏi – đáp trong trò chơi.

Viết

Viết lại một câu trả lời của em ở bài tập trên.

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết*. GV hướng dẫn: *Em cần nhớ lại câu trả lời của mình cho câu hỏi "Bạn thích ăn gì?" để ghi lại.*

– Từng HS làm bài vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. GV nhắc: *Câu cần có đầy đủ bộ phận, viết hoa chữ cái đầu câu và cuối câu đánh dấu chấm kết thúc.*

– 2 HS làm bài tập trên bảng lớp.

– Cả lớp và GV nhận xét bài của 2 bạn. HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi.

– 1 – 2 HS đọc to câu vừa viết. GV chấm, chữa nhanh một số bài làm của HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– HS về nhà đề xuất với bố mẹ lên thực đơn cho một bữa ăn đảm bảo đủ dinh dưỡng.

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần **hai khổ thơ cuối** trong bài **Ngôi nhà**.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *lảnh lót, thơm phức*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *ao* hay *au*?

Đáp án: *con hàu, củ su hào*.

3. Chọn

Tuỳ đối tượng HS của các vùng miền khác nhau, GV chọn và hướng dẫn các em làm bài tập ***a*** hoặc ***b***.

***a. iu* hay *ưu*?**

Đáp án: *cờ luân lưu, sai lúc lỉu*.

***b. r, d* hay *gi*?**

Đáp án: *Mẹ rán đậu.; Bé dán giấy.; Mèo bắt gián.*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Đọc – kể: Cô chủ không biết quý tình bạn

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem lại bức tranh minh hoạ bài đọc SGK tr.94 được treo/ chiếu slide, trả lời câu hỏi của GV: *Bức tranh này trong bài đọc nào?* (*Cô chủ không biết quý tình bạn*)

– GV: *Chúng ta cùng nhau kể lại câu chuyện đã đọc.*

2. Đọc lại bài Tập đọc trong SGK

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao cô bé đổi gà trống lấy gà mái? (Cô bé đổi gà trống lấy gà mái vì chán gà trống, thích gà mái hơn.)*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao cô bé đổi gà mái lấy vịt? (Cô bé đổi gà mái lấy vịt vì chán gà mái, thích vịt hơn.)*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao cô bé đổi vịt lấy chó con? (Cô bé đổi vịt lấy chó con vì chán vịt, thích chó con hơn.)*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Câu chuyện kết thúc như thế nào? (Chó con bỏ đi vì nó không muốn kết bạn với cô chủ không biết quý tình bạn.)*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV hướng dẫn HS nhấn giọng những chi tiết nói về ích lợi của các con vật, sự "có mới nới cũ" của cô chủ. Ví dụ:

+ Cô bé đang nuôi một con gà trống. Cô thấy rất thích con gà mái của nhà hàng xóm nên đã đổi gà trống lấy gà mái. Vài ngày sau, cô lại đổi gà mái lấy vịt. Được vài hôm, cô lại đổi vịt để lấy chó con. Cuối cùng, biết chuyện cô chủ hay đổi bạn, chó con đã bỏ trốn. (5 câu)

+ Cô bé đang nuôi một con gà trống. Sáng nào nó cũng gáy đánh thức cô bé dậy. Một hôm, thấy nhà hàng xóm có con gà mái, cô bèn đổi gà trống lấy gà mái. Gà mái ngày ngày đẻ trứng cho cô. Nhưng chỉ ít ngày sau, cô lại đổi gà mái lấy vịt. Được vài hôm, cô lại đổi vịt để lấy chó con. Cô bé kể cho chó con nghe chuyện đã đổi nhiều bạn. Biết được chuyện đó, chó con liền bỏ trốn vì nó không muốn làm bạn với cô chủ không biết quý tình bạn. (8 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– GV có thể tổ chức thi kể chuyện giữa các nhóm (kể cá nhân hoặc kể tiếp nối, kể một đoạn hoặc kể toàn bộ câu chuyện).

5. Mở rộng

GV: *Cô bé có gì đáng chê?* (*Không biết quý tình bạn, thích thay đổi bạn, "có mới nới cũ"*)

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc một bài giới thiệu về con vật.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

Một số nguồn sách tham khảo để tìm kiếm bài đọc:

– Larousse (2009). *Từ điển khoa học của bé – Về sự sống trên trái đất*, NXB Trẻ.

– Thái Lý (biên soạn) (2017). *Cuốn sách đầu tiên cho bé về động vật*, NXB Phụ nữ.

– Phan Minh Đạo (2015). Bộ *Bách khoa toàn thư cho bé: Động vật hoang dã/ Động vật nuôi/ Các loài chim*, NXB Mỹ thuật.

– Trần Diệu Linh (2017). *Thế giới động vật kì diệu quanh bé – Chúng tớ được sinh ra và lớn lên như thế nào?*, NXB Giáo dục.

– Trác Việt (2017). *Động vật thông minh*, NXB Phụ nữ.

– Nguyễn Chí Thành, Nguyễn Văn Trung (Dịch giả) (2015). *Bách khoa thư Larousse cho trẻ em + Đời sống động vật*, NXB Giáo dục Việt Nam.

– Nguyễn Văn Mậu (biên dịch) (2010). *Mười vạn câu hỏi vì sao – Tri thức thế kỉ 21– Động vật*, NXB Giáo dục Việt Nam.

– Emilie Beaumont (2011). *Tủ sách Thế giới động vật – Động vật rừng*, NXB Dân trí.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ: Đọc bài giới thiệu *Mèo tam thể*

MÈO TAM THỂ

Mèo tam thể là tên gọi của những chú mèo có bộ lông cơ bản mang ba màu: vàng, nâu vàng và đỏ hoặc đen, nâu đen và trắng. Đại đa số mèo tam thể đều là mèo cái.

Ở nhiều nước, mèo tam thể được coi là con vật mang lại may mắn. Ở Mĩ, mèo tam thể được gọi là "mèo tiền". Ở Nhật Bản, người ta đặc biệt thích nuôi mèo tam thể thuộc nòi mèo cộc đuôi để làm cảnh. Ở Việt Nam, mèo tam thể là vật nuôi trong nhà được yêu thích.

Vì sao có tên gọi Mèo tam thể?

Đáp án: *Vì mèo có bộ lông cơ bản mang ba màu: vàng, nâu vàng và đỏ hoặc đen, nâu đen và trắng.*

Chủ điểm. TRƯỜNG HỌC CỦA EM

TUẦN 29

CUỐN LỊCH CỦA DÊ CON

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Cuốn lịch của dê con.*

– Hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: Dê con tuy còn ngây thơ, ham chơi nhưng đã ý thức được trách nhiệm học tập; tìm được chi tiết về hành động và suy nghĩ của nhân vật; MRVT xưng hô trong giao tiếp; đặt và trả lời được câu hỏi về những việc đã tự làm để chuẩn bị đi học.

– Viết (chính tả nhìn – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***d/ gi***, ***inh/ ich*** vào chỗ trống.

– Hình thành được ý thức tự giác học tập.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Một cuốn lịch.

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động 1 trong SGK tr.104.

– Một số tranh/ ảnh về hoạt động thường ngày của HS dùng cho hoạt động *Viết* (nếu cần).

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS xem cuốn lịch mà GV mang đến, quan sát và trả lời câu hỏi của GV: *Cuốn lịch này một tuần có mấy ngày Chủ nhật?* (*Một ngày Chủ nhật*)

– GV: *Cuốn lịch của dê con trong câu chuyện sau đây lại có toàn ngày Chủ nhật. Vì sao lại như vậy, chúng ta cùng đọc bài* ***Cuốn lịch của dê con*** *để tìm hiểu.* GV ghi tên bài lên bảng: **Cuốn lịch của dê con**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, chú ý ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, nghỉ hơi ở chỗ dấu chấm kết thúc câu, dấu hai chấm xuống dòng. Giọng dê con ngây thơ, vui vẻ; giọng dê mẹ hiền hậu, từ tốn.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *nảy ra một kế, làm cho, cuốn lịch, hôm nay*.

+ MN: *Chủ nhật, giường, thời gian, sửa, choàng dậy*.

– HS đọc các từ mới: *Chủ nhật* (ngày tiếp sau thứ bảy và là ngày nghỉ hằng tuần của các cơ quan, trường học); *quy định chung* (điều mà tất cả mọi người đều phải tuân theo).

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:

+ *Dê con rất thích Chủ nhật/ vì được nghỉ học,/ lại còn được đi chơi công viên.//*

+ *Chú nhờ bác chuột thợ in/ làm cho một cuốn lịch chỉ có chữ Chủ nhật đỏ tươi.//*

+ *Dê con choàng dậy khỏi giường,/ chuẩn bị quần áo,/ sách vở/ rồi đến trường cùng các bạn.//*

– HS đọc từng đoạn trong nhóm, 4 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm (đọc từng đoạn, đọc cả bài). GV linh hoạt lựa chọn một hình thức đọc, ví dụ: đọc cá nhân, đọc nối tiếp, đọc tiếp sức,...

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Để không phải đi học, dê con đã nghĩ ra kế gì?

– HS thảo luận theo cặp, đọc câu trả lời và quan sát tranh minh hoạ ở đáp án để trả lời câu hỏi gợi ý của GV:

+ *Ở tranh A, dê con nghĩ ra kế gì?* (Kêu đau bụng.)

+ Ở tranh B, dê con nghĩ ra kế gì? (Nhờ bác Chuột làm giúp cho cuốn lịch chỉ có ngày Chủ nhật.)

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Đáp án là tranh B.*

2. Cuối cùng, dê con đã hiểu ra điều gì?

– HS thảo luận theo cặp, đọc kĩ 2 đáp án để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Đáp án: a. Một tuần chỉ có một ngày Chủ nhật.*

3. Em chọn từ nào để điền vào chỗ trống?

– 1 HS đọc yêu cầu của bài và đoạn văn cần điền từ, cả lớp đọc thầm theo bạn.

– HS thảo luận theo nhóm, đọc kĩ các câu cần điền và làm bài tập. GV: *Em cần dùng đúng từ xưng hô trong khi nói. Ví dụ: Khi nói chuyện với mẹ, em gọi "mẹ", xưng "con".*

– 2 – 3 HS đọc kết quả trước lớp:

Ở nhà, dê con nói với mẹ:

*– **Mẹ** ơi, **con** cứ tưởng sửa được lịch.*

Đến lớp, dê con nói với cô giáo:

*– Thưa **cô**, bây giờ **em** đã hiểu một tuần chỉ có một ngày Chủ nhật.*

Lưu ý: Nếu học sinh chọn "*Thưa **cô**, bây giờ **con** đã hiểu một tuần chỉ có một ngày Chủ nhật.*" cũng chấp nhận đáp án này vì phù hợp thực tế.

– GV nhận xét, chốt đáp án trên bảng phụ/ slide.

– HS ngồi gần nhau cùng soát, kiểm tra kết quả trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

Nói và nghe

Bạn đã tự làm được việc gì để chuẩn bị đi học?

– GV treo lên bảng/ chiếu slide một số tranh/ ảnh về hoạt động thường ngày của HS để gợi ý cho HS nhớ lại những việc thường làm.

– 2 – 3 HS thực hành làm mẫu trước lớp. Ví dụ:

Hỏi: *Bạn đã tự làm được việc gì để chuẩn bị đi học*?

Đáp: *Mình tự mặc quần áo.*

– HS hoạt động theo nhóm, hỏi – đáp luân phiên. Câu trả lời theo thực tế như: *Mình tự mặc quần áo, ăn sáng, đi giày, dọn giường, chải đầu, mang cặp sách, chuẩn bị sách vở và đồ dùng học tập,...*

– 2 – 3 cặp HS hỏi – đáp trước lớp. HS cả lớp và GV cùng nhận xét.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– 1 – 2 HS tham gia trò chơi: **Thi kể nhanh**. Cách chơi: HS hoạt động theo nhóm lớn, kể nhanh những việc đã tự làm để chuẩn bị đi học. GV tính đếm số lượng việc mà HS đã tự làm được, khen HS đã tự giác, chủ động ý thức được trách nhiệm với việc học tập của mình. GV dặn dò HS về nhà thực hiện việc chuẩn bị đi học thật tốt.

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nhìn – viết

– HS nhìn SGK tr.105, đọc đoạn văn trong **bài 1**.

– GV lưu ý HS chữ dễ viết sai chính tả: *thời gian, quy định*.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nhìn – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, đọc chậm để soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *d* hay *gi*?

Đáp án: *Bà đã già nhưng da dẻ vẫn hồng hào, khoẻ mạnh.*

3. Chọn *inh* hay *ich*?

Đáp án: *cái bình, vòng ngọc bích.*

KHI TRANG SÁCH MỞ RA

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Khi trang sách mở ra*.

– Biết được sách cung cấp nhiều thông tin bổ ích cho con người; tìm được câu thơ tương ứng với nội dung tranh; nhận biết được bìa sách và tên sách; nói được 2 – 3 câu giới thiệu về một quyển sách mình thích; đọc thuộc lòng được hai khổ thơ.

– Tô được chữ *Ô, Ơ* hoa.

– Bước đầu hình thành được tình yêu sách, thói quen ham đọc sách.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Một tấm ảnh về đường chân trời trên mặt biển hoặc trên thảo nguyên.

– Tranh minh hoạ dùng cho các hoạt động 1, 3 trong SGK tr.107.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: ***Ô, Ơ*** hoa đặt trong khung chữ mẫu; ***Cửa Ông*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

– Mỗi HS mang đến lớp một cuốn sách mà HS đó thích nhất.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS trả lời câu hỏi của GV: *Kể tên một cuốn sách mà em yêu thích. (Đô-ra-ê-mon; Chuyện phiêu lưu của Mít Đặc và các bạn; Từ điển bằng tranh dành cho trẻ em;...)*

– GV: *Các em đã đọc được rất nhiều sách. Những cuốn sách cho ta biết thêm bao nhiêu điều hay, điều lạ. Còn bạn nhỏ trong bài thơ đã thấy những gì trong sách, chúng ta cùng đọc bài* ***Khi trang sách mở ra***. GV ghi tên bài lên bảng: **Khi trang sách mở ra**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ. Giọng đọc toàn bài chậm rãi, tha thiết.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *bao nhiêu là, lửa, nói.*

+ MN: *cánh buồm, trang sách, chẳng cháy đâu, ướt.*

– HS đọc các từ mới: *dạt dào* (ý nói sóng tràn đầy, dâng lên liên tục); *chân trời* (đường giới hạn của tầm mắt ở nơi xa tít, trông tưởng như bầu trời tiếp xúc với mặt đất hay mặt biển. GV cho HS xem tranh ảnh về thiên nhiên có đường chân trời, yêu cầu HS chỉ vào phần có đường "chân trời").

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ, mỗi HS đọc một câu cho đến hết bài thơ.

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt cuối mỗi dòng thơ năm chữ:

Trang sách/không nói được//
Sao/ em nghe điều gì//
Dạt dào như sóng vỗ//
Một chân trời đang đi.//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS). Lưu ý: HS đọc đầu tiên đọc cả tên bài *Khi trang sách mở ra.*

– HS đọc cả bài.

– HS thi đọc toàn bài dưới hình thức thi cá nhân hoặc thi theo nhóm, theo tổ hoặc chơi trò chơi **Đọc tiếp sức**,... HS và GV cùng nhận xét.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Đọc hai câu thơ ứng với nội dung mỗi tranh.

– HS cả lớp tham gia chơi trò chơi **Ghép nhanh tranh và thơ**. Cách chơi: HS quan sát kĩ từng bức tranh để hiểu nội dung từng tranh, đọc thầm khổ thơ 1 và 2 để chọn câu thơ phù hợp với tranh. GV lần lượt treo/ trình chiếu tranh và hỏi: *Hai câu thơ nào phù hợp với tranh A/ tranh B/ tranh C/ tranh D?* HS nào xung phong, giơ tay nhanh nhất được chỉ định đọc. Nếu đọc sai, HS đó chuyển lượt cho bạn tiếp theo. GV khen ngợi những HS đã đọc nhanh và đúng.

Tranh A: *Trong trang sách có biển/ Em thấy những cánh buồm*

Tranh B: *Trong trang sách có rừng/ Với bao nhiêu là gió.*

Tranh C: *Trang sách còn có lửa/ Mà giấy chẳng cháy đâu*

Tranh D: *Trang sách có ao sâu/ Mà giấy không hề ướt.*

– Một số HS chọn bức tranh mà mình thích, chỉ vào bức tranh, sau đó đọc các câu ứng với tranh đó.

2. Học thuộc lòng hai khổ thơ đầu

– HS học thuộc lòng theo hướng dẫn của GV theo kiểu xoá dần từ ngữ trong từng câu thơ, chỉ để lại một số từ ngữ làm điểm tựa, cuối cùng xoá hết.

Trong trang sách.....

Em.....

– HS thi đọc thuộc lòng. GV chọn hình thức thi phù hợp như: Thi đọc tiếp nối theo nhóm; thi đọc truyền điện; thi "biết một vài từ ngữ, đọc cả câu hoặc cả khổ thơ";.... Ví dụ: GV chuẩn bị 4 lá thăm, trên mỗi lá thăm ghi 2 từ: "biển, cánh buồm", "rừng, gió", "lửa, giấy", "ao, ướt". HS rút được lá thăm nào, phải đọc hai câu thơ có 2 từ đó. HS rút được lá thăm "biển, cánh buồm" sẽ đọc cả hai câu thơ "*Trong trang sách có biển/ Em thấy những cánh buồm*".

3. Những hình nào là bìa sách?

– HS thảo luận theo cặp, đọc câu hỏi, quan sát kĩ ba hình ảnh ở đáp án để trả lời câu hỏi. GV: *Bìa sách có tên sách in chữ to, tên tác giả, nhà xuất bản.*

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Hình A, Hình B.*

– GV hỏi mở rộng: *Em hãy quan sát quyển sách Tiếng Việt 1 mà chúng ta đang học. Em thấy gì trên bìa sách*? HS quan sát bìa sách, nói được một số thông tin: hình ảnh trên bìa sách, tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản,...

Nói và nghe

Nói 2 – 3 câu về một quyển sách mà em thích.

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Nói và nghe* trong SGK.

– HS đặt cuốn sách yêu thích của mình trên bàn (HS đã chuẩn bị từ trước). GV gợi ý:

+ *Tên quyển sách mà em thích là gì?*

+ *Trong sách có những gì?*

+ *Vì sao em thích quyển sách?*

+ *Em giữ gìn sách như thế nào?*

– HS hoạt động theo nhóm, cho bạn xem cuốn sách của mình. Mỗi HS giới thiệu về quyển sách của mình cho bạn trong nhóm nghe. Mỗi HS nói 2 – 3 câu theo gợi ý. GV quan sát, lắng nghe HS nói. Với HS khá – giỏi, GV có thể đặt thêm 1 vài câu hỏi để HS đó nói thêm nhiều thông tin hơn. Ví dụ:

+ *Quyển truyện mình thích nhất là* ***Đô-ra-ê-mon****. Trong truyện có chú mèo máy Đô-ra-ê-mon. Chú có nhiều phép thuật.*

+ *Quyển sách mình thích nhất là* ***10 vạn câu hỏi vì sao****. Sách giải thích cho mình những câu hỏi về thiên nhiên, động vật. Mình giữ sách rất cẩn thận.*

– 2 – 3 HS nói trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– HS trao đổi sách của mình với bạn, chỉ cho bạn xem một đoạn/ bài thú vị trong sách của mình để mời bạn cùng đọc.

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **Ô, Ơ** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ Ô, Ơ hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***Ô, Ơ*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả: *Chữ **Ô, Ơ** hoa có cấu tạo như chữ **O** đã học, chữ **Ô** có thêm nét gãy khúc tạo thành dấu mũ ở trên đầu, chữ **Ơ** có thêm nét móc nhỏ (nét râu).*

– GV nêu quy trình tô chữ ***Ô, Ơ*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***Ô, Ơ*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***Ô, Ơ*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Cửa Ông*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Cửa Ông** là tên một phường thuộc thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh ở nước ta.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Cửa Ông***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.23-24: **Ô** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Ơ** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Cửa Ông** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

NÓI THẾ NÀO?

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Nói thế nào*?

– Hiểu được chỉ dẫn về âm lượng giọng nói ở trường học; tìm được thông tin chỉ dẫn về giọng nói trong bài; MRVT về âm lượng giọng nói; điền được dấu chấm, dấu chấm hỏi kết thúc câu.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng một khổ thơ; điền đúng ***g/ gh, n/ l*** vào chỗ trống (hoặc đặt đúng vị trí ***dấu hỏi, dấu ngã***).

– Kể được câu chuyện ngắn *Rùa và thỏ* bằng 4 – 5 câu; hiểu được ý nghĩa câu chuyện khuyên ta không nên kiêu ngạo, cần cố gắng kiên trì, nỗ lực, chăm chỉ để đạt được thành công.

– Làm chủ được độ lớn của giọng nói phù hợp trong các tình huống thực tiễn.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Tranh minh hoạ câu chuyện *Rùa và thỏ*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS chia thành 2 nhóm, chơi trò chơi: **Mưa rơi**. GV là quản trò, 2 nhóm thực hiện theo hai tay điều khiển của quản trò. Cách chơi: Khi quản trò đưa tay từ thấp đến cao, HS vỗ tay từ nhỏ đến to (to dần, nhanh dần). Khi quản trò đưa tay từ cao đến thấp, HS vỗ tay từ to đến nhỏ (nhỏ dần, chậm dần). Khi quản trò vung tay giơ cao, HS vỗ tay một cái thật to đồng thời hô "*ầm*". Quản trò có thể đưa tay lên cao hay xuống thấp nhiều lần với tốc độ nhanh chậm khác nhau, tạo nên những âm thanh to, nhỏ khác nhau.

– GV: *Trò chơi vừa rồi đã cho các em biết độ lớn âm thanh to, nhỏ. Giọng nói của chúng ta cũng to, nhỏ khác nhau. Chúng ta cùng đọc bài* ***Nói thế nào?*** *để biết cách sử dụng độ lớn giọng nói phù hợp hoàn cảnh. GV ghi tên bài lên bảng:* **Nói thế nào?**

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc chậm rãi, rành mạch, rõ ràng.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.

Ví dụ: *im lặng, làm bài, thảo luận, phát biểu, cảm xúc, hoạt động ngoài trời.*

– HS đọc các từ mới: *thảo luận* (trao đổi ý kiến cùng nhau); *phát biểu* (nói ra ý kiến của mình cho người khác biết).

Hoặc GV cũng có thể giải nghĩa từ bằng cách yêu cầu HS: *Hãy đặt câu với từ "thảo luận"; Hãy đặt câu với từ "phát biểu".*

– HS cả lớp nghe GV hướng dẫn cách đọc: *Đọc các dòng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, kết hợp xem mỗi hình ảnh minh hoạ tương ứng, chú ý ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, ở chỗ có dấu chấm sau mỗi cụm từ và xuống dòng*. GV chọn một mục cho HS luyện đọc cá nhân. Ví dụ:

Ở trường,/ tuỳ từng nơi,/ từng lúc,/ giọng nói của em cần có độ lớn khác nhau.//

Im lặng,/ trật tự//
Trong giờ ngủ,/ giờ ăn//
Khi nghe giảng,/ làm bài//

– HS quan sát cách chia bốn mục gồm: mục 0, mục 1, mục 2, mục 3. Mỗi HS đọc một mục trước lớp, lần lượt nối tiếp nhau cho đến hết.

– HS đọc từng mục theo cặp (hoặc nhóm): mỗi HS đọc một mục lần lượt cho đến hết bài.

– Thi đọc cả bài giữa các nhóm (đọc nối tiếp, đọc cá nhân).

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Bài đọc trên viết về điều gì?

– HS thảo luận theo cặp, đọc câu hỏi, đọc kĩ 2 đáp án a và b để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Đáp án: a. Độ lớn của giọng nói ở trường*.

2. Trò chơi: Nói thế nào?

– HS hoạt động theo cặp: 1 HS nêu tình huống, 1 HS tập trung đọc thầm để tra tìm nhanh thông tin *Nói thế nào?* trong bài Tập đọc; sau đó, 2 HS đổi vai cho nhau.

+ Khi thảo luận trong nhóm đôi? (*Nói vừa đủ nghe*)

+ Khi đọc bài trước lớp? (*Nói to*)

+ Khi vui chơi ngoài trời? (*Nói to theo cảm xúc*)

– HS cả lớp chơi trò chơi theo nhóm: 1 nhóm nêu tình huống, 1 nhóm tìm thông tin trả lời thật nhanh (nếu chậm thì bị "qua lượt"). GV đánh giá và ghi điểm cho từng nhóm. Kết thúc cuộc chơi, GV nhận xét chung và biểu dương những HS tìm nhanh, đọc đúng.

3. Thi tìm những từ có thể đứng sau "nói".

– HS cả lớp chia nhóm chơi trò chơi: **Thi tìm nhanh**. Mỗi nhóm thảo luận, đọc kĩ những từ được cho trước *(thì thầm, thủ thỉ, oang oang, róc rách, thì thào)* để tìm nhanh những từ có thể đứng sau "nói".

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS cả lớp nhận xét về phần trả lời của các nhóm. Nhóm nào tìm đủ, đúng và nhanh hơn thì thắng cuộc. Đáp án: *thì thầm, thủ thỉ, oang oang, thì thào.*

Viết

Chọn dấu chấm *hay* dấu chấm hỏi*?*

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết* trong SGK.

– Cả lớp nghe GV hướng dẫn: *Cuối câu hỏi dùng dấu chấm hỏi, cuối câu trả lời dùng dấu chấm.*

– Từng HS lưu giữ kết quả trong *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập:

– Bạn nói thế nào khi chơi kéo co?

– Tôi nói to theo cảm xúc.

– Chúng ta cần nói thế nào trong rạp chiếu phim?

– Chúng ta cần nói khẽ.

– Viết xong, HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi.

– 2 cặp HS đọc câu hỏi và câu trả lời vừa điền dấu câu.

– GV soát và chữa nhanh một số bài làm của HS (nếu có lỗi).

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV cho cả lớp quan sát 4 bức tranh minh hoạ bài đọc đặt theo vị trí lộn xộn trên bảng (tranh mục 3, mục 1, mục 0, mục 2). GV: *Hãy xếp những bức tranh theo thứ tự giọng nói từ nhỏ đến lớn.* HS xung phong lên bảng xếp lại tranh theo yêu cầu của GV. GV khen ngợi HS xếp đúng và nhanh.

– GV: *Các em đã biết được độ lớn giọng nói phù hợp ở từng nơi, từng lúc. Đến giờ nghỉ rồi, các em có thể nói to theo cảm xúc.*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần **khổ thơ cuối** trong bài **Khi trang sách mở ra**.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *điều gì, dạt dào.* GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *g* hay *gh*?

Đáp án: *găng tay, ghim cài áo.*

3. Chọn

Tuỳ đối tượng HS của các vùng miền khác nhau, GV chọn và hướng dẫn các em làm bài tập ***a*** hoặc ***b***.

a. l* hay *n?

Đáp án: *lông chim, chim bồ nông.*

b.* Dấu ʔ hay *dấu ~ ?

Đáp án: *chữ, Thẳng, vở.*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Nghe – kể: Rùa và thỏ

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem tranh nhân vật rùa và thỏ (tranh đã được phóng to) và trả lời câu hỏi của GV: *Con nào chạy nhanh hơn*? (*Con thỏ*).

– GV: *Thế mà thỏ lại thua rùa trong một cuộc thi chạy. Để biết vì sao, các em cùng nghe câu chuyện Rùa và thỏ.*

2. Nghe GV kể

– HS nghe GV kể 2 – 3 lần câu chuyện *Rùa và thỏ*. Văn bản như sau:

RÙA VÀ THỎ

1. Vào một buổi sáng mùa thu đẹp trời, thỏ đang dạo chơi thì thấy rùa cố sức tập chạy. Thỏ cười mỉa mai:

– Đồ chậm như sên! Mày mà cũng đòi tập chạy à?

2. Rùa đáp:

– Anh với tôi thử chạy thi, xem ai hơn ai. Anh đừng giễu tôi.

Thỏ vểnh tai lên tự đắc nói:

– Được! Mày dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mày một nửa đường đó.

3. Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp nên miệt mài chạy thật nhanh. Còn thỏ nghĩ: "Ta chưa cần chạy vội, đợi rùa gần tới đích ta phóng cũng vừa". Nó nhởn nhơ ngắm nhìn trời mây, hái hoa bắt bướm, nhấm nháp cỏ non. Nó ngả lưng dưới bóng cây thư giãn rồi ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

4. Cuối cùng, khi rùa gần tới đích, thỏ mới tỉnh dậy. Sực nhớ đến cuộc thi, nó vắt chân lên cổ mà chạy. Nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.

Theo *Tiếng Việt 1 – Tập hai*, NXB Giáo dục, 2004

– GV lưu ý về kĩ thuật kể: Lời của thỏ và những câu nói về ý nghĩ của thỏ mỉa mai, chế nhạo; lời rùa chậm rãi, khiêm tốn; lời dẫn chuyện chậm rãi, rõ ràng. Đến đoạn 4, hai câu cuối, giọng kể căng hơn, nhịp điệu dồn dập, gấp gáp.

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Thấy rùa tập chạy, thỏ nói gì? (Thấy rùa tập chạy, thỏ nói: "Đồ chậm như sên! Mày mà cũng đòi tập chạy à?")*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Rùa đáp thế nào? (Rùa đáp: "Anh với tôi thử chạy thi xem ai hơn ai.")*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Trong khi rùa cố sức chạy thì thỏ làm gì? (Trong khi rùa cố sức chạy thì thỏ hái hoa, bắt bướm, rồi ngủ quên.)*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Kết quả của cuộc thi thế nào? (Rùa đã tới đích trước thỏ.)*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Thấy rùa đang tập chạy, thỏ nói: "Đồ chậm như sên! Mày mà cũng đòi tập chạy à?". Rùa đáp: "Anh với tôi thử chạy thi xem ai hơn ai". Trong khi rùa cố sức chạy thì thỏ hái hoa, bắt bướm, rồi ngủ quên. Cuối cùng, rùa đã tới đích trước thỏ. (4 câu)

+ Trên bờ sông, một con rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mỉa mai: "Đồ chậm như sên mà cũng đòi tập chạy à?". Rùa nhẹ nhàng đáp: "Anh với tôi thử chạy thi, xem ai hơn ai." Rồi trong khi rùa cố gắng chạy thì thỏ nhởn nhơ hái hoa, bắt bướm, nhấm nháp cỏ non. Nó ngả lưng dưới bóng cây rồi ngủ thiếp đi. Cuối cùng, khi rùa gần tới đích, thỏ mới sực tỉnh dậy. Nó vội vã đuổi theo rùa nhưng không kịp. Rùa đã tới đích trước nó. (8 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– GV có thể tổ chức thi kể chuyện đóng vai giữa các nhóm. Phân vai: người dẫn chuyện, thỏ, rùa.

5. Mở rộng

– GV: *Em thích nhân vật nào? Vì sao?* (*Em thích rùa vì rùa kiên trì và cố gắng.*)

– GV có thể trao đổi thêm với HS: *Vì sao thỏ thua rùa?* (*Vì thỏ kiêu căng, ngạo mạn.*)

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc một truyện tranh thiếu nhi.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

Hiện nay, nguồn truyện tranh thiếu nhi rất đa dạng, phong phú. HS tìm đọc một số truyện tranh theo ý thích. GV hướng dẫn HS chọn truyện tranh phù hợp độ tuổi. Một số nguồn sách tham khảo để tìm kiếm bài đọc:

– Fujiko-F-Fujio (2014). Bộ truyện tranh *Đô-ra-ê-mon* (nhiều tập), NXB Kim Đồng.

– Nguyên Anh (sưu tầm) (2013). Bộ sách *Ước mơ của bé* gồm *Lớn lên bé làm ca sĩ; Lớn lên bé làm bộ đội; Lớn lên bé làm diễn viên*…, NXB Thời đại.

– Nhiều tác giả (2016). Bộ sách *Bé tập kể chuyện* (52 tập) gồm *Ba cô gái, Cậu bé mũi dài, Gấu con được thưởng,* NXB Trẻ.

– Emma Chichester Clark (2017). Bộ sách *Chuột túi xanh*, NXB Dân trí.

– Max Velthuijs, Sơn Khê dịch (2018). *Tuyển tập 8 câu chuyện đẹp nhất về Ếch xanh*, NXB Dân trí.

– Magaret, H. A. Rey, Lê Khánh Toàn, Phạm Kim Anh, Thanh Vân dịch (2018). Bộ sách *6 câu chuyện vui nhất về Zozo - Chú khỉ hiếu kì*, NXB Dân trí.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ: Đọc truyện tranh *Sáng kiến của nhím con*



Nhím con trong truyện tranh trên có đặc điểm gì?

a. Thông minh b. Chăm chỉ c. Vui tính

Đáp án: *a. Thông minh*

MÈO CON ĐI HỌC

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Mèo con đi học*.

– Hiểu được việc mèo con lười học là đáng chê; tìm được chi tiết về lời nói của nhân vật; giải thích được hành động của nhân vật; MRVT chỉ hoạt động của học sinh ở trường; nói được một lời khuyên.

– Viết (chính tả nhìn – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***ng/ ngh***, ***âu/ ây*** vào chỗ trống.

– Hình thành được ý thức chủ động, tự giác chăm chỉ học tập.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Video clip bài hát *Mèo con đi học* của nhạc sĩ Hoàng Lân.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Em đoán xem bác cừu cầm kéo đang định làm gì với mèo con?* (*Bác cắt đuôi mèo con/ doạ mèo con.*).

– GV: *Có phải bác cừu định cắt đuôi mèo con không? Chúng ta cùng đọc bài* ***Mèo con đi học*** *để biết.* GV ghi tên bài lên bảng: **Mèo con đi học**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng mèo con: chậm chạp, mệt mỏi (đoạn 2), hốt hoảng, sợ hãi (đoạn 3, 4); giọng cừu: to, đanh, rõ ràng (đoạn 3).

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *lo quá, thế là, đau lắm.*

+ MN: *cừu, thảng thốt, kêu toáng, cắt đuôi.*

– HS đọc các từ mới: *thảng thốt* (vô cùng sợ hãi vì điều gì đó bất ngờ, GV có thể cho HS đọc câu "*Mèo con thảng thốt: - Bác làm gì thế?*" và đặt câu hỏi: "*Từ nào cho thấy mèo con rất sợ hãi khi bác cừu cầm kéo đến bên*?"); *kêu toáng* (kêu to ầm ĩ).

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:

+ *Bác cừu nghe thấy/ liền cầm cái kéo đến bên mèo con.//*

+ *Cái đuôi cháu ốm/ thì phải cắt ngay đi thôi.//*

– HS đọc từng đoạn trong nhóm, 4 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm. GV tuỳ chọn hình thức đọc phù hợp:

+ Mỗi HS đại diện nhóm đọc trơn một đoạn.

+ Mỗi HS trong 1 nhóm đọc nối tiếp từng đoạn đến hết bài.

+ Thi **Đọc đóng vai**. Mỗi nhóm gồm 4 HS phân vai: người dẫn chuyện, mẹ mèo con, mèo con, bác cừu. Nhóm nào đọc đúng, thể hiện được giọng điệu nhân vật, tập trung chú ý theo dõi người khác đọc để phối hợp nhịp nhàng thì thắng cuộc. Cả lớp làm giám khảo.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Mèo con kiếm cớ gì để không phải đi học?

– HS làm việc theo cặp, đọc câu hỏi 1, đọc thầm đoạn 2 để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Mèo con lấy cớ cái đuôi bị ốm, xin nghỉ học.*

2. Vì sao mèo con lại vội xin đi học?

– HS làm việc theo cặp, đọc câu hỏi 2, đọc thầm đoạn 3 để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Mèo con sợ bị bác cừu cắt đuôi./ Vì bác cừu nói đuôi ốm thì phải cắt đuôi.*

3. Thi tìm những từ chỉ hoạt động của học sinh ở trường.

HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**. Cách chơi: Mỗi nhóm lần lượt tìm và nói nhanh những từ chỉ hoạt động của học sinh ở trường. Nhóm nào tìm được nhiều từ hơn là

thắng cuộc. GV hướng dẫn HS tìm theo tranh gợi ý trong SGK (*vui chơi, học bài, đọc sách, múa hát*), sau đó mở rộng tìm thêm ngoài SGK (*tập đọc, tập viết, tập hát, thể dục, ăn, chào cờ, học vẽ,...*).

Lưu ý: HS có thể tìm những cụm từ như học vẽ, học hát,...vẫn được chấp nhận vì vấn đề phân biệt từ và cụm từ chưa đặt ra với học sinh lớp 1.

Nói và nghe

Nói một câu với mèo con trong câu chuyện.

– HS hoạt động đóng vai theo cặp:

+ 1 HS đóng vai mèo con, nói: *Hu hu, mình không thích đi học đâu.*

+ 1 HS đóng vai bạn của mèo con, dựa theo mẫu SGK "*Mèo con ơi, đi học vui lắm!*" để nói một câu với mèo con. HS tự do nói theo suy nghĩ của mình, ví dụ:

Mèo con ơi, ở trường có nhiều bạn vui lắm!
Mèo con ơi, đi học mới biết thêm nhiều điều hay chứ.
Mèo con ơi, không đi học là không biết đọc, biết viết đâu.
Mèo con không đi học là bố mẹ buồn đấy.

– 2 – 3 cặp HS đóng vai mèo con và bạn của mèo con trò chuyện trước lớp.

– GV nhận xét, khen ngợi các cặp HS đóng vai tự tin, nói lưu loát.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV: *Mời các em nghe bài hát Mèo con đi học của nhạc sĩ Hoàng Lân. Chúng mình cùng nhắc nhau đi học chăm chỉ, đừng lười học như mèo con nhé!*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nhìn – viết

– HS nhìn vào SGK tr.112-113, đọc đoạn văn trong bài:

– Bác làm gì thế?

– Cái đuôi cháu ốm thì phải cắt ngay đi thôi.

Mèo con vội kêu toáng lên:

– Ối, ối! Cắt đuôi đau lắm. Cháu xin đi học ngay thôi!

– GV lưu ý HS chữ dễ viết sai chính tả: *kêu toáng*.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nhìn – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, đọc chậm để soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *ng* hay *ngh?*

Đáp án: *Đàn thiên nga bay về phương Nam tránh rét. Dọc đường đi, chúng thường nghỉ ngơi ở những hồ nước lớn.*

3. Chọn *âu* hay *ây?*

Đáp án: *cá sấu, mít sấy.*

NHỮNG NGƯỜI BẠN TỐT

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Những người bạn tốt.*

– Hiểu được các bạn của Mi-sa là bạn tốt vì biết động viên, giúp đỡ bạn bè; trả lời được câu hỏi về chi tiết trong bài; tìm được câu thơ chỉ lời nói của nhân vật; giải thích được về đặc điểm của nhân vật; giới thiệu được về một người bạn tốt.

– Tô được chữ ***P, Q*** hoa.

– Có ý thức giúp đỡ bạn bè, ứng xử văn minh, tế nhị.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Bảng phụ/ slide viết sẵn: ***P, Q*** hoa đặt trong khung chữ mẫu; ***Phú Quốc*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Các bạn đang làm gì với bạn nhỏ tên là Mi-sa*? (*Các bạn đang động viên, an ủi, khích lệ, khuyên nhủ Mi-sa,...*).

– GV: *Các bạn của Mi-sa là những người bạn tốt. Chúng ta cùng đọc bài* ***Những người bạn tốt*** *xem chuyện gì xảy ra với Mi-sa và những người bạn ấy đã ứng xử như thế nào nhé.* GV ghi tên bài lên bảng: **Những người bạn tốt**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc toàn bài chậm rãi, giọng đọc khổ thơ 1 và 2 thể hiện nỗi buồn của Mi-sa; giọng đọc khổ 3 khích lệ, động viên.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *Mi-sa, luôn xấu hổ, nhất là, nói.*

+ MN: *phát âm, bình tĩnh, môi mấp máy, cần phải vậy.*

– HS đọc từ mới: *khổ tâm* (cảm thấy rất buồn).

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ.

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt cuối mỗi dòng thơ năm chữ:

"Mi-sa,/ cậu đừng buồn//
Và nhất là đừng vội.//
Hãy bình tĩnh,/ tự tin,//
Nói /những gì định nói.//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS). HS đầu tiên đọc cả tên bài *Những người bạn tốt.*

– HS đọc cả bài.

– HS thi đọc toàn bài dưới hình thức thi cá nhân hoặc thi theo nhóm, theo tổ hoặc trò chơi **Đọc tiếp sức**. HS và GV cùng nhận xét.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Mi-sa gặp khó khăn gì?

– HS đọc câu hỏi 1, đọc thầm khổ 1 và 2, thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Mi-sa không thể phát âm như bạn bè trong phố./ Mi-sa bị nói lắp*. GV chốt, khuyến khích HS nói thành câu gãy gọn, đủ ý.

2. Đọc lời các bạn động viên Mi-sa.

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm bài thơ để tìm lời các bạn động viên Mi-sa. GV gợi ý: *Lời nói của các bạn đặt trong dấu ngoặc kép " ".*

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp, đọc khổ thơ 3: "*Mi-sa, cậu đừng buồn,/ Và nhất là đừng vội./ Hãy bình tĩnh, tự tin,/ Nói những gì định nói*".

3. Các bạn của Mi-sa có điểm gì tốt?

– HS đọc câu hỏi 3, thảo luận theo nhóm để trả lời.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp:

+ *Các bạn không trêu Mi-sa, động viên, giúp đỡ Mi-sa.*

+ *Các bạn kiên trì chờ Mi-sa nói hết.*

Nói và nghe

Kể về một người bạn tốt của em.

– HS nêu yêu cầu của hoạt động, quan sát tranh minh hoạ trong SGK. GV đặt câu hỏi gợi ý:

Tranh 1: *Vì sao bạn nhỏ đang nói là bạn tốt? (Vì chia cho bạn táo.)*

Tranh 2: *Vì sao bạn nhỏ đang nói là bạn tốt? (Vì rủ bạn cùng chơi.)*

– HS nghe GV hướng dẫn: *Mỗi em có thể nói 1 – 2 câu theo gợi ý sau đây:*

+ *Bạn tốt của em là ai?*

+ *Vì sao em cho rằng đó là người bạn tốt của em?*

– HS hoạt động theo nhóm, mỗi HS giới thiệu về người bạn tốt của mình cho bạn trong nhóm nghe. GV quan sát, lắng nghe, khuyến khích HS. Ví dụ:

+ *Bạn tốt của mình là Lan. Lan thường cùng mình tập đọc, tập hát. Bạn ấy còn chia cho mình quà bánh nữa.*

+ *Minh là bạn tốt nhất của mình. Bạn ấy thường chơi đá bóng với mình. Bạn ấy còn cho mình mượn đồ dùng học tập.*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS đọc đóng vai: Đóng vai bạn của Mi-sa, đọc lại khổ thơ 3 với giọng đọc thể hiện sự an ủi, động viên dành cho bạn.

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **P, Q** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ P, Q hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***P, Q*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả:

*+ Chữ **P** hoa gồm 2 nét: 1 nét móc ngược trái, phía trên hơi lượn, đầu móc cong vào phía trong (giống nét 1 ở chữ **B** hoa) và 1 nét cong trên.*

*+ Chữ **Q** hoa gồm 2 nét: 1 nét cong kín phần cuối nét lượn vào trong bụng chữ (giống chữ **O** hoa) và 1 nét lượn ngang (như làn sóng).*

– GV nêu quy trình tô chữ ***P, Q*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***P, Q*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***P, Q*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Phú Quốc*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Phú Quốc** (còn được gọi là Đảo Ngọc) là tên hòn đảo lớn nhất của Việt Nam thuộc huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Phú Quốc***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.24-25: **P** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Q** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Phú Quốc** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

QUYỂN VỞ CỦA EM

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Quyển vở của em*.

– Cảm nhận được tình cảm yêu mến của bạn nhỏ dành cho quyển vở; tìm được những chi tiết về quyển vở trong bài thơ; MRVT về đức tính của người học sinh; đặt và trả lời được câu hỏi thế nào là người học sinh chăm ngoan; viết được một câu về việc giữ gìn sách vở.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng một đoạn văn; điền đúng ***ia/ ai, iêu/ ươu*** (hoặc ***v/ d/ gi***) vào chỗ trống.

– Kể được câu chuyện ngắn *Sự tích hoa mào gà* bằng 4 – 5 câu; hiểu được lòng tốt, sự hi sinh của gà mơ; bước đầu hình thành được phẩm chất nhân ái.

– Có ý thức giữ gìn sách vở sạch sẽ, viết chữ đẹp.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Nói và nghe* trong SGK tr.118.

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Sự tích hoa mào gà*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS giải câu đố sau:

Bên trong ruột giấy trắng tinh

Từng dòng kẻ đợi chữ xinh hiện dần.

Là đồ dùng học tập nào? (Đáp án: *Quyển vở*)

– GV: *Quyển vở quen thuộc, thân thiết với mỗi học sinh như một người bạn. Hôm nay các em học bài thơ* ***Quyển vở của em*** *để thấy quyển vở được miêu tả như thế nào, tình cảm yêu mến của bạn nhỏ dành cho quyển vở ra sao.* GV ghi tên bài lên bảng: **Quyển vở của em**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc vui tươi, thong thả, nhẹ nhàng.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *lật, nắn nót, là.*

+ MN: *trang giấy trắng, ngay ngắn, mới tinh, trò ngoan.*

– HS đọc các từ mới: *mát rượi* (ý nói giấy trắng sờ mịn màng, mang lại cảm giác dễ chịu); *tính nết* (chỉ đức tính của học sinh).

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt cuối câu thơ năm chữ:

Lật từng trang/ từng trang//
Giấy trắng/ sờ mát rượi//
Thơm tho/ mùi giấy mới//
Nắn nót/ bàn tay xinh.//

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS).

– HS thi đọc giữa các nhóm: đọc nối tiếp hoặc đọc đồng thanh (câu, đoạn, cả bài).

– HS đọc cả bài.

EBD
VÌ SỰ NGHIỆP ĐẢNG VÀ DÂN CHỦ TRONG GIÁO DỤC

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Khi mở quyển vở, bạn nhỏ thấy gì?

– HS đọc thầm 2 khổ thơ đầu, thảo luận theo cặp để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp. 1 HS có thể trả lời được một hoặc một vài đặc điểm: *Bạn nhỏ thấy nhiều trang giấy trắng, dòng kẻ ngay ngắn như học sinh xếp hàng, giấy trắng sờ mát rượi, mùi giấy mới thơm tho, những hàng chữ nắn nót, sạch đẹp.*

2. Từ nào chỉ đức tính của người học sinh?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc kĩ những từ ngữ được cho trước để trả lời.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp: *chăm chỉ, thật thà, ngoan ngoãn.*

Nói và nghe

Thế nào là người học sinh chăm ngoan?

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Nói và nghe* trong SGK, hoạt động theo cặp, xem tranh gợi ý để trả lời.

Tranh 1: *Người học sinh chăm ngoan là người hăng hái phát biểu xây dựng bài.*

Tranh 2: *Người học sinh chăm ngoan là người viết chữ sạch, đẹp.*

Tranh 3: *Người học sinh chăm ngoan là người giữ gìn vệ sinh lớp học.*

– HS hoạt động theo nhóm, thi tìm những biểu hiện của người học sinh chăm ngoan. GV quan sát, lắng nghe, khuyến khích HS nói.

Ví dụ: *Người học sinh chăm ngoan là người lễ phép với thầy cô; lịch sự, vui vẻ với bạn bè; biết giúp đỡ người già; biết giữ trật tự trong khi học, tích cực thảo luận khi làm việc nhóm, xếp đồ dùng học tập gọn gàng, luôn đi học đúng giờ, trang phục đến lớp gọn gàng, sạch sẽ,...* GV cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, khen ngợi các nhóm đưa ra nhiều ý kiến hợp lí.

Viết

Sắp xếp các từ sau thành câu và viết vào vở: Em, sách vở, giữ gìn.

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết* trong SGK.

– Cả lớp nghe GV hướng dẫn: *Các em cần sắp xếp các từ đã cho thành câu có nghĩa. Câu đầy đủ hai bộ phận, có sử dụng chữ viết hoa đầu câu, nhớ thêm dấu chấm kết thúc ở cuối câu.*

– 2 HS sắp xếp và viết trên bảng lớp, từng HS sắp xếp và viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Đáp án: *Em giữ gìn sách vở.*

– HS và GV nhận xét bài làm của bạn sau khi bạn hoàn thành trên bảng.

– HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi. GV chấm chữa một số vở.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS chơi trò chơi: **Biết một câu, đọc cả đoạn**. Cách chơi: HS bốc thăm nhận một câu thơ, ví dụ thẻ thăm có câu thơ "Quyển vở này mở ra" thì sau đó HS phải đọc cả khổ thơ có câu đó.

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần đoạn văn trong **bài 1** SGK tr.119.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *mát rượi, xếp hàng*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *ia* hay *ai*?

Đáp án: *Chị mái mơ dắt đàn con ra ruộng mía bới giun.*

3. Chọn

Tuỳ đối tượng HS của các vùng miền khác nhau, GV chọn và hướng dẫn các em làm bài tập ***a*** hoặc ***b***.

a. iêu* hay *ươu?

Đáp án: *khiêu vũ, chim khướu.*

b. v, d* hay *gi?

Đáp án: *vỏ trứng, khoanh giò, dặn dò.*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Nghe – kể: Sự tích hoa mào gà

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem tranh cây hoa mào gà (tranh đã được phóng to) và trả lời câu hỏi của GV: *Đây là hoa gì? (Hoa mào gà).*

– GV: *Để biết vì sao hoa này có tên gọi như thế, các em cùng nghe câu chuyện Sự tích hoa mào gà.*

2. Nghe GV kể

– HS nghe GV kể 2 – 3 lần câu chuyện *Sự tích hoa mào gà.* Văn bản như sau:

SỰ TÍCH HOA MÀO GÀ

1. Ngày xưa, chú gà nào cũng có một chiếc mào tuyệt đẹp. Gà mơ cũng vậy. Mỗi sáng, nó soi mình trong vũng nước, ngắm chiếc mào như một chùm hoa đỏ rực trên đầu. Mọi vật đều xuýt xoa:

– Chiếc mào mới đẹp làm sao!

2. Một hôm, gà mơ thấy một cái cây màu đỏ tía tấm tức khóc một mình bên bể nước. Nó vội hỏi:

– Bạn sao thế?

Cái cây vừa nói vừa khóc:

– Các cây quanh đây, cây nào cũng có hoa. Chỉ mình tôi không có hoa.

Gà mơ an ủi bao nhiêu cũng không làm cây nín.

3. Nghĩ một lúc, gà mơ quyết định:

– Tôi tặng bạn bông hoa đỏ trên đầu tôi nhé.

– Ôi! Bạn tốt bụng quá! Cám ơn bạn! – Cái cây reo lên vui sướng.

4. Hôm sau, mọi người ngạc nhiên khi thấy chiếc mào đẹp đẽ của gà mơ đã biến mất. Còn cái cây bên bể nước thì lại nở chùm hoa đỏ rực y hệt chiếc mào của gà mơ. Cây kể cho mọi người nghe về lòng tốt của gà mơ. Thế là mọi người gọi cây đó là cây hoa mào gà.

– GV lưu ý kĩ thuật kể chuyện: Giọng người dẫn tả về chiếc mào của gà mơ xuýt xoa, khen ngợi (đoạn 1), chậm rãi (đoạn 2, 3), cảm động, thán phục (đoạn 4); giọng cái cây buồn rầu, tấm tức; giọng gà mơ ân cần, quan tâm.

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Gà mơ có chiếc mào thế nào? (Gà mơ có chiếc mào rất đẹp.)*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Cái cây nói gì với gà mơ? (Cái cây nói: "Cây nào cũng có hoa, chỉ mình tôi không có hoa.")*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Gà mơ quyết định làm gì cho cái cây? (Gà mơ tặng cái cây chiếc mào của mình.)*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao mọi người gọi cây đó là cây hoa mào gà? (Mọi người gọi cây đó là cây hoa mào gà vì cái cây nở hoa giống như mào gà.)*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. GV chú ý cho HS thêm từ chỉ thời gian mở đầu chuyện, mở đầu câu; thay từ để không bị lặp từ. Ví dụ:

+ Ngày xưa, gà mơ có chiếc mào rất đẹp. Một hôm, gà mơ gặp một cái cây đứng khóc: "Cây nào cũng có hoa, chỉ mình tôi không có hoa". Gà mơ bèn tặng cái cây chiếc mào của mình. Từ đó, cái cây nở hoa giống như mào gà nên được gọi là hoa mào gà. (4 câu)

+ Ngày xưa, gà mơ có một chiếc mào đỏ rực như một chùm hoa. Mỗi khi soi bóng mình dưới nước, gà mơ thấy vô cùng tự hào. Mặt trời cũng phải ngợi khen: "Chiếc mào mới đẹp làm sao!". Một hôm, gà mơ gặp một cái cây đứng khóc tấm tức bên bể nước. Gà mơ hỏi thăm thì cái cây oà khóc: "Cây nào cũng có hoa, chỉ mình tôi không có hoa". Gà mơ thương cái cây quá, bèn tặng bạn chiếc mào của mình. Từ đó, gà mơ không còn chiếc mào tuyệt đẹp nữa. Còn cái cây nở hoa đỏ rực giống như mào của gà mơ. Mọi người gọi cây đó là cây hoa mào gà. (9 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– GV có thể tổ chức thi kể chuyện giữa các nhóm (kể cá nhân hoặc kể tiếp nối, kể một đoạn hoặc kể toàn bộ câu chuyện).

5. Mở rộng

GV: *Gà mơ là nhân vật thế nào? (Tốt bụng, biết quan tâm tới người khác/ biết hi sinh cho người khác/ dũng cảm.)*

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc một câu chuyện về một người nổi tiếng.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

Một số nguồn sách tham khảo để HS có thể tìm kiếm bài đọc như sau:

– Tuệ Văn (dịch) (2011). *Danh nhân thế giới – Newton và Einstein*, NXB Mỹ Thuật.

– Đoàn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Minh Trung (2018). *Truyện tranh lịch sử – Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan*, NXB Giáo dục.

– Nhiều tác giả (2014). Bộ sách *Danh nhân thế giới* (10 cuốn), NXB Kim Đồng.

– Nhiều tác giả (2018). Bộ sách *Chuyện kể về danh nhân thế giới WHO?* (15 cuốn), NXB Kim Đồng.

– Nhiều tác giả (2017). Bộ sách *Truyện tranh lịch sử: Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa chống quân đô hộ nhà Hán/ Lê Thánh Tông – vị vua anh minh, tài ba trong lịch sử/ Thần đồng Cao Bá Quát/ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm/ Nhà yêu nước Phan Châu Trinh*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ: Đọc câu chuyện *Lương Thế Vinh lấy bưởi* .....

LƯƠNG THẾ VINH LẤY BƯỞI

1. Lương Thế Vinh nổi tiếng là thần đồng. Cậu học giỏi mà chơi cũng rất tài tình.

2. Một hôm, Lương Thế Vinh đem một quả bưởi ra làm bóng đá chơi cùng các bạn. Bỗng quả bưởi rơi xuống một cái hố rất hẹp và sâu. Bọn trẻ không thể lấy lên được. Ai cũng thấy tiếc.

3. Lương Thế Vinh nghĩ ra một kế. Cậu hớn hở rủ các bạn đi mượn gàu múc nước đổ xuống hố. Ai cũng ngơ ngác, không hiểu Vinh làm thế để làm gì.

4. Chỉ một lát sau, quả bưởi đã nổi lên. Lúc này, các bạn mới hiểu ra. Tất cả đều thán phục Vinh.

Theo *Quốc Chấn*

Lương Thế Vinh làm thế nào lấy được quả bưởi dưới hố?

Đáp án: *Đổ nước xuống hố để quả bưởi nổi lên.*

AI NGOAN SẼ ĐƯỢC THƯỞNG

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Ai ngoan sẽ được thưởng*.

– Hiểu được tình cảm Bác Hồ dành cho thiếu nhi, hiểu được trung thực là đức tính tốt; trả lời được câu hỏi về việc cho, nhận phần thưởng của Bác; MRVT về Bác; đặt được tên cho các bức ảnh; điền được thông tin để hoàn thành câu về Bác.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***c/ k***, ***uôi/ ươi*** vào chỗ trống.

– Bước đầu hình thành được tình cảm kính yêu, biết ơn Bác và phẩm chất trung thực.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Ba bức ảnh dùng cho hoạt động *Nói và nghe* trong SGK tr.122.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Em đoán xem bạn nhỏ trong tranh vì sao không ra nhận kẹo từ Bác Hồ?* (*Bạn nhỏ có điều gì lo lắng./ Bạn đang buồn*).

– GV: *Vì sao bạn nhỏ không ra nhận kẹo, chúng ta cùng đọc bài* ***Ai ngoan sẽ được thưởng*** *để biết.* GV ghi tên bài lên bảng: **Ai ngoan sẽ được thưởng**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng Bác: ân cần, trìu mến; giọng các em nhỏ: vui vẻ; giọng Tộ: chậm, buồn.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.

Ví dụ: *trại nhi đồng, quây quần, chia kẹo, trìu mến, mừng rỡ,...*

– HS đọc các từ mới: *trìu mến* (thể hiện tình cảm yêu thương, quý mến); *mừng rỡ* (rất mừng, thể hiện ra vẻ mặt bên ngoài).

(GV cũng có thể cho HS đặt câu với từ *trìu mến* và *mừng rỡ*.)

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Chú ý phân biệt giọng người dẫn chuyện, giọng Bác, giọng các em nhỏ, giọng Tộ. Ví dụ:

+ *Thưa Bác,/ ai ngoan thì được ăn kẹo,/ ai không ngoan thì không được ạ!//*

+ *Thưa Bác,/ hôm nay/ cháu chưa ngoan/ nên không được ăn kẹo của Bác.//*

+ *Cháu biết nhận lỗi,/ thế là ngoan lắm!//*

– HS đọc từng đoạn trong nhóm, 4 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm. GV tuỳ chọn hình thức đọc phù hợp:

+ Mỗi HS đại diện nhóm đọc trơn một đoạn.

+ Mỗi HS trong 1 nhóm đọc nối tiếp từng đoạn đến hết bài.

+ Thi đọc đóng vai. Mỗi nhóm gồm 4 HS phân vai: người dẫn chuyện, Bác, các em nhỏ, Tộ. Nhóm nào đọc đúng, thể hiện được giọng điệu nhân vật, tập trung chú ý theo dõi người khác đọc để phối hợp nhịp nhàng thì thắng cuộc. Cả lớp làm giám khảo.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Vì sao Tộ không nhận kẹo?

– HS hoạt động theo nhóm, đọc thầm đoạn 3, thảo luận để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Vì Tộ chưa ngoan./ Vì Tộ thấy mình chưa ngoan.*

2. Vì sao Bác Hồ khen Tộ ngoan?

– HS hoạt động theo nhóm, đọc thầm đoạn 4, thảo luận để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Vì Tộ biết nhận lỗi.*

Nói và nghe

Đặt tên cho các bức ảnh sau:

– HS hoạt động theo nhóm, quan sát ba bức ảnh A, B, C trong SGK; thảo luận trong nhóm, đặt tên tương ứng với nội dung mỗi bức ảnh.

– Các nhóm tham gia cuộc thi: **Tìm tên cho tôi**. GV là quản trò. GV lần lượt treo từng bức ảnh trên bảng phụ hoặc trình chiếu trên slide. Khi GV nói to: *Bức ảnh A*, từng nhóm nêu đáp án của mình. Mỗi ảnh có thể có 1 – 2 đáp án. GV chọn đáp án đúng, tính điểm cho các nhóm. Nhóm nào được nhiều đáp án đúng thì thắng cuộc.

Ảnh A: *Bác Hồ tập thể dục/ Bác chăm tập thể dục/ Bác Hồ rất khoẻ mạnh.*

Ảnh B: *Bác Hồ yêu thiếu nhi/ Bác Hồ ôm em bé.*

Ảnh C: *Bác Hồ lội suối/ Bác Hồ đi công tác.*

Viết

Chọn từ nào để điền vào chỗ trống?

– HS hoạt động theo cặp, đọc yêu cầu của bài tập, đọc câu "*Bác Hồ rất...thiếu nhi*" và 2 từ cho trước để chọn "*yêu thương, thưởng quà*".

– 2 HS làm bài tập trên bảng lớp. HS cả lớp làm bài vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– Cả lớp và GV nhận xét bài của 2 bạn.

– HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi.

– 1 – 2 HS đọc to câu vừa viết: *Bác Hồ rất yêu thương thiếu nhi.*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS trả lời câu hỏi: *Bạn Tộ có gì ngoan? (Biết nhận lỗi, trung thực, thật thà)*. GV: *Khi có lỗi, em cần biết nhận lỗi. Như thế mới là HS ngoan, xứng đáng với tình yêu thương của Bác.*

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần đoạn văn trong **bài 1** SGK tr.123.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *ngoan, thưởng kẹo*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *c* hay *k*?

Đáp án: *túi kẹo, cáp treo*.

3. Chọn *uôi* hay *ươi*?

Đáp án: *Bà thường tưới cây vào buổi sáng*.

CHUYỆN Ở LỚP

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Chuyện ở lớp*.

– Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: mẹ muốn nghe nhiều chuyện về cách ứng xử và ý thức của con ở trường; trả lời được câu hỏi về các chi tiết trong bài; tìm được những câu thơ là lời nói của mẹ; đặt và trả lời được câu hỏi về chuyện ở lớp; viết tiếp được câu nêu lí do em vui ở lớp.

– Tô được chữ ***R, S*** hoa.

– Có ý thức tự rèn luyện để trở thành học sinh chăm ngoan.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Nói và nghe* trong SGK tr.125.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: ***R, S*** hoa đặt trong khung chữ mẫu; ***Rạch Giá, Sơn La*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2)*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Đố các em, bố mẹ thích nghe các em kể chuyện gì ở lớp?* (HS trả lời tự do).

– GV: *Bố mẹ thích nghe các em kể chuyện gì, chúng ta cùng đọc bài thơ* ***Chuyện ở lớp*** *để biết.* GV ghi tên bài lên bảng: **Chuyện ở lớp**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ. Giọng đọc của em bé hồn nhiên; giọng mẹ dịu dàng, âu yếm.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.

Ví dụ: *thuộc bài, đỏ bừng, trêu, bôi bẩn, vuốt tóc.*

– HS đọc các từ mới: *đỏ bừng* (da mặt đỏ và có cảm giác nóng rực do ngượng vì việc gì đó); *vuốt tóc* (GV giải thích bằng hành động trực quan: áp lòng bàn tay lên tóc và đưa nhẹ nhàng xuôi theo chiều thuận).

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu thơ (theo bàn, theo dãy ngang hoặc dãy dọc, theo tổ hoặc theo nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt cuối câu thơ năm chữ:

– Mẹ có biết/ ở lớp//
Bạn Hoa/ không thuộc bài//
Sáng nay/ cô giáo gọi//
Đứng dậy/ đỏ bừng tai.//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS).

– HS thi đọc giữa các nhóm: đọc nối tiếp hoặc đọc đồng thanh (câu, đoạn).

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Bạn nhỏ kể cho mẹ nghe những chuyện gì?

– HS làm việc theo nhóm, đọc câu hỏi 1, đọc thầm 2 khổ thơ đầu để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp (mỗi HS có thể trả lời được 1 – 3 ý).

+ Bạn Hoa không thuộc bài. Khi cô giáo gọi, bạn đứng dậy đỏ bừng tai.

+ *Bạn Hùng trêu bạn nhỏ.*

+ *Bạn Mai tay đầy mực, bôi bẩn ra bàn.*

2. Đọc những câu thơ là lời của mẹ nói với bạn nhỏ.

– HS thảo luận theo cặp, đọc thầm khổ 3 để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp:

– Mẹ chẳng nhớ nổi đâu
Nói mẹ nghe ở lớp
Con đã ngoan thế nào?

Nói và nghe

Ở lớp, bạn đã ngoan thế nào?

– HS hoạt động theo cặp, đọc yêu cầu của hoạt động *Nói và nghe*, xem tranh gợi ý trong SGK để trả lời. 1 HS vừa chỉ tay vào tranh, hỏi: "*Ở lớp, bạn đã ngoan thế nào*?", 1 HS trả lời.

+ Tranh 1: *Mình lễ phép với thầy cô.*

+ Tranh 2: *Mình tích cực phát biểu, được cô khen.*

+ Tranh 3: *Mình dọn rác trong ngăn bàn./ Mình giữ vệ sinh lớp học.*

+ Tranh 4: *Mình xếp bàn ghế gọn gàng.*

Sau đó, 2 HS đổi vai hỏi – đáp cho nhau.

– HS tự do trả lời theo tình huống thực tế. (Đáp án: *Mình ngồi yên không bỏ chỗ, không nói chuyện riêng, không để cô nhắc nhở, giữ vệ sinh lớp học,...)*

– Một số cặp HS hỏi – đáp trước lớp. GV khuyến khích HS kể thêm nhiều việc mà HS cho là ngoan.

– GV nhận xét và khen ngợi HS ngoan, khuyến khích các em tiếp tục phát huy.

Viết

Hoàn thành câu cho biết vì sao em rất vui.

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết*.

– HS quan sát câu cần điền "*Hôm nay, ở lớp, em rất vui vì...*". GV: *Cần điền từ ngữ chỉ lí do khiến em vui. Cuối câu, em cần dùng dấu chấm.*

– 2 HS viết trên bảng lớp.

– Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. Ví dụ: *Hôm nay, ở lớp, em rất vui vì em được cô khen/ vì em được chơi đá bóng với các bạn/ vì em được các bạn cổ vũ/ vì em làm toán đúng nhiều.*

– HS và GV nhận xét câu của 2 HS viết trên bảng lớp, xem câu đã đầy đủ, đúng chính tả và dùng dấu chấm kết thúc câu chưa.

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– 3 – 4 HS đọc câu văn vừa viết trước lớp.

– GV nhận xét, chấm và chữa nhanh một số bài làm của HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– HS về nhà kể chuyện em đã ngoan ở lớp như thế nào cho bố mẹ nghe.

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **R, S** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ R, S hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***R, S*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả:

*+ Chữ **R** hoa gồm 2 nét: nét 1 là nét móc ngược trái và nét 2 là kết hợp của nét cong trên và nét móc dưới, hai nét nối với nhau tạo thành vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ (tương tự ở chữ **B** hoa).*

*+ Chữ **S** hoa gồm 1 nét là kết hợp của 2 nét cơ bản: nét cong dưới và nét móc dưới trái nối liền tạo thành vòng xoắn to ở đầu chữ (giống phần đầu chữ **L** hoa), cuối nét móc lượn vào trong.*

– GV nêu quy trình tô chữ ***R, S*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***R, S*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***R, S*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Rạch Giá, Sơn La*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Rạch Giá** là tên thành phố thuộc tỉnh Kiên Giang; **Sơn La** là tên riêng một tỉnh miền núi nằm ở vùng Tây Bắc Bộ.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Rạch Giá, Sơn La,*** cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS tô, viết vào vở *TV1/2*, tr.25-26: **R** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **S** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ); **Rạch Giá, Sơn La** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

NỘI QUY LỚP HỌC

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Nội quy lớp học*.

– Biết được những điều nên làm (hoặc không nên làm) trong lớp học; trả lời được câu hỏi về các điều của nội quy lớp học; nhận biết được việc vi phạm nội quy và hậu quả; đặt và trả lời được câu hỏi về việc thực hiện nội quy lớp học; viết được nội quy lớp học (bằng lời và kí hiệu).

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***i/ y, r/ d/ gi*** (hoặc ***ăc/ ăt***) vào chỗ trống.

– Kể được câu chuyện ngắn *Ai ngoan sẽ được thưởng* bằng 4 – 5 câu; hiểu được tình cảm yêu quý của Bác Hồ dành cho thiếu nhi; hiểu được bạn nhỏ trong truyện được khen ngoan vì đã trung thực, biết nhận lỗi.

– Bước đầu hình thành được ý thức rèn luyện nền nếp, kỉ luật học tập.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động 2 trong SGK tr.127.

– Hình thân cây với cành lá để HS dán các bông hoa nội quy, phiếu học tập là một mảnh giấy có hình bông hoa in sẵn để viết nội quy.

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Ai ngoan sẽ được thưởng*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS trả lời câu hỏi của GV: *Theo các em, điều gì chúng ta nên/ không nên làm trong lớp học*? (HS trả lời tự do theo thực tế: *Không nói chuyện riêng, không ăn quà vặt, không mang đồ chơi đến lớp, giữ vệ sinh lớp sạch sẽ, hăng hái phát biểu,...*)

– GV: *Những điều đó, chúng ta có thể cùng ghi nhớ bằng một bản nội quy. Hôm nay chúng ta đọc bài* ***Nội quy lớp học*** *để biết những điều nên làm, không nên làm trong lớp.* GV ghi tên bài lên bảng: **Nội quy lớp học**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc chậm rãi, rành mạch, rõ ràng.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.

Ví dụ: *trang phục, đoàn kết, lễ phép, tiết kiệm, vứt rác, hành lang.*

– HS đọc các từ mới: *nội quy* (những điều quy định trong một tập thể mà mỗi người phải tuân theo); *hăng hái* (tích cực, GV có thể yêu cầu HS giải nghĩa từ bằng cách đặt câu với từ "*hăng hái*").

– HS cả lớp nghe GV hướng dẫn cách đọc: *Đọc các dòng, từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, kết hợp xem mỗi hình ảnh minh hoạ tương ứng, chú ý ngắt hơi ở các chỗ có: dấu hai chấm, dấu phẩy, dấu chấm xuống dòng sau mỗi cụm từ.* GV chọn một mục, cho một số HS luyện đọc cá nhân. Ví dụ:

Điều 6://

Không ăn quà vặt,/ vứt rác bừa bãi.//

– HS cả lớp luyện đọc nối tiếp từng điều (theo dãy ngang/dọc), mỗi bạn đọc 1 điều, lần lượt cho đến 8 điều của nội quy.

– HS đọc nối tiếp từng điều của nội quy ở trong nhóm.

– Thi đọc giữa các nhóm (đọc nối tiếp, đọc cá nhân).

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Nội quy trên có mấy điều nên làm?

– HS làm việc theo nhóm, đọc câu hỏi 1, đọc thầm bản nội quy để trả lời.

– Một số HS trả lời trước lớp (mỗi HS có thể trả lời được 1 – 3 ý):

+ *Trang phục gọn gàng*

+ *Hăng hái phát biểu xây dựng bài*

+ *Đoàn kết, giúp đỡ bạn*

+ *Lễ phép với thầy, cô giáo*

+ *Tiết kiệm điện, nước*

– HS trả lời câu hỏi GV: *Các em đếm xem tất cả có mấy điều nên làm*? (*5 điều*)

2. Các bạn trong tranh vi phạm điều nào trong nội quy?

– HS cả lớp tham gia chơi trò chơi: **Thi tìm nhanh, đọc đúng**.

– GV cho HS xem tranh minh hoạ, nói to: *Bạn nhỏ trong tranh đã vi phạm điều nào*? HS nào giơ tay đầu tiên được chỉ định đọc điều trong nội quy bị vi phạm. Ai đọc đúng được tuyên dương, ai đọc sai thì mất lượt, GV gọi người giơ tay nhanh thứ hai.

+ Tranh 1: Điều 7: *Không vẽ bậy*.

+ Tranh 2: Điều 6: *Không ăn quà vặt, vứt rác bừa bãi*.

+ Tranh 3: Điều 1: *Trang phục gọn gàng*.

Nói và nghe

Bạn đã thực hiện được những điều nào trong nội quy?

– HS hoạt động theo cặp, đọc yêu cầu hoạt động *Nói và nghe*, đọc thầm lại bài đọc để trả lời.

– 1 cặp HS khá – giỏi thực hành mẫu:

Hỏi: *Bạn đã thực hiện được những điều nào trong nội quy?*

Đáp: *Mình giữ trang phục gọn gàng, sạch sẽ*.

Sau đó, 2 HS đổi vai hỏi – đáp cho nhau. GV hướng dẫn HS nói đủ câu, không nói vắn tắt (Điều 1, Điều 2,...). HS có thể nói được một vài điều trong nội quy.

– HS cả lớp chơi trò chơi **Phỏng vấn**. 1 HS đóng vai người dẫn chương trình, đứng lên trước lớp, mời một số bạn bất kì trong lớp trả lời. Câu hỏi phỏng vấn: *Bạn đã thực hiện được những điều nào trong nội quy*?

Viết

Thi làm cây nội quy lớp học.

HS hoạt động theo nhóm: *Thi làm cây nội quy lớp học*.

– Mỗi nhóm nhận phiếu học tập là một mảnh giấy có hình bông hoa in sẵn và dòng kẻ để viết chữ, thảo luận để viết các điều nội quy lên mảnh giấy. Nhóm nào đính được nhiều nội quy đúng thì thắng cuộc.

– Các nội quy có thể là:

+ ***Nên***: *giữ trang phục sạch sẽ, gọn gàng; tiết kiệm điện, nước; giữ vệ sinh lớp học; đi học đúng giờ; giữ trật tự trong lớp; hăng hái phát biểu xây dựng bài; đoàn kết giúp đỡ bạn;...*

+ ***Không nên***: *đi học muộn; vẽ bẩn lên bàn ghế, tường phòng học; mang đồ ăn, đồ chơi đến lớp;...*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV cho các nhóm cùng so sánh các điều nội quy trên những mẩu giấy hình bông hoa. Điều nào trùng nhau thì chỉ lấy 1 phiếu (bông hoa) đại diện. Sau đó, HS các nhóm dán những bông hoa lên cây nội quy chung của cả lớp.

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần đoạn văn trong **bài 1** SGK tr.128.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *sôi nổi, dán*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *i* hay *y*?

Đáp án: *y tá, kĩ sư.*

3. Chọn

Tuỳ đối tượng HS của các vùng miền khác nhau, GV chọn và hướng dẫn các em làm bài tập ***a*** hoặc ***b***.

a. r, d* hay *gi?

Đáp án: *thắt lưng da; cửa ra vào; gia đình hoà thuận.*

b. ăc* hay *ăt?

Đáp án: *Gấu trắng ở Bắc Cực.*; *Thủ môn bắt bóng.*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Đọc – kể: Ai ngoan sẽ được thưởng

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem lại bức tranh trong bài Tập đọc (tranh đã được phóng to) và trả lời câu hỏi của GV: *Bức tranh này trong bài đọc nào?* (*Ai ngoan sẽ được thưởng*)

– GV: *Chúng ta cùng kể lại câu chuyện Ai ngoan sẽ được thưởng đã đọc.*

2. Đọc lại bài Tập đọc trong SGK

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Bác Hồ đã hỏi thăm các cháu thế nào? (Bác Hồ đã hỏi thăm: "Các cháu chơi có vui không, ăn có no không?")*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Khi Bác Hồ chia kẹo thì một bạn có ý kiến gì? (Khi Bác Hồ chia kẹo thì một bạn nói: "Ai ngoan thì được kẹo, ai không ngoan thì không được.")*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Tại sao bạn Tộ không dám nhận kẹo? (Bạn Tộ không dám nhận kẹo vì bạn ấy chưa ngoan.)*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Câu chuyện kết thúc như thế nào? (Bác Hồ vẫn thưởng kẹo cho bạn Tộ vì bạn đã biết nhận lỗi.)*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Bác Hồ đang đi thăm các em bé. Khi Bác Hồ chia kẹo, một bạn thưa: "Cháu thưa Bác, ai ngoan thì được kẹo, ai không ngoan thì không được ạ". Bạn Tộ không dám nhận kẹo vì bạn ấy chưa ngoan. Bác Hồ vẫn thưởng kẹo cho bạn Tộ vì bạn đã biết nhận lỗi. (4 câu)

+ Một lần, Bác Hồ đi thăm các em bé ở trại nhi đồng. Khi Bác Hồ đang chia kẹo cho các em, một bạn thưa: "Cháu thưa Bác, ai ngoan thì được thưởng kẹo, ai không ngoan thì không được ạ.". Bác Hồ ôn tồn hỏi lại: "Các cháu có đồng ý với bạn không?". Các em bé liền đáp: "Có ạ! Có ạ!". Khi Bác chia kẹo cho bạn Tộ thì bạn Tộ lại không dám nhận kẹo. Bạn ấy lí nhí nói: "Thưa Bác... Thưa Bác, cháu chưa ngoan nên không dám nhận kẹo ạ". Bác Hồ nhẹ nhàng nói với bạn Tộ: "Cháu biết nhận lỗi như vậy là rất ngoan. Cháu vẫn xứng đáng được nhận kẹo như các bạn khác". Bạn Tộ nghe thấy thế thì vui lắm, bạn chìa hai tay ra nhận kẹo và mừng rỡ đáp: "Cháu cảm ơn Bác ạ!". (8 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– GV có thể tổ chức thi kể chuyện giữa các nhóm.

5. Mở rộng

– HS trả lời câu hỏi của GV: *Vì sao Bác khen Tộ ngoan?* (*Vì Tộ biết nhận lỗi./ Tộ trung thực.*)

– GV có thể trao đổi thêm với lớp HS khá – giỏi: *Bác Hồ dành tình cảm thế nào cho các bạn nhỏ? (quan tâm, yêu thương, trìu mến)*

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc một bản nội quy trong trường học

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

GV cho HS chia nhóm, tìm hiểu thực tế trong khuôn viên của trường xem có những bản nội quy nào. Tuỳ tình hình thực tế trường học, những vị trí thường gặp bản nội quy là: *Cổng trường, nơi lấy nước uống, phòng ăn, phòng tin học, phòng mĩ thuật, phòng đa năng, nhà hiệu bộ, phòng đọc thư viện, sân bóng, bể bơi, phòng giáo viên, vườn trường,...*

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ: Đọc bản *Nội quy phòng ăn* trong trường học.

GIỜ ĂN ĐÃ ĐẾN!

Đồ ăn thơm ngon đang chờ đón. Lớp mình xếp hàng đi xuống phòng ăn. Chúng mình sẽ:

1. Vào đúng phòng, ngồi đúng nơi quy định.

2. Rửa tay sạch sẽ trước khi ăn.

3. Không nói chuyện, làm việc riêng trong khi ăn.

4. Ăn hết suất, tránh dư thừa lãng phí. Nếu thiếu, báo người phụ trách cho thêm thức ăn.

5. Xếp gọn khay bát, bàn ghế khi ăn xong.

6. Giữ vệ sinh chung, bỏ rác, đồ ăn thừa đúng chỗ.

Thanh Mai

Bài đọc trên là bản nội quy nào?

a. Nội quy nhà ăn ở khách sạn.

b. Nội quy phòng ăn ở trường học.

Đáp án: *b. Nội quy phòng ăn ở trường học.*

EBD
VỊ SỰ BÌNH ĐẲNG VÀ DÂN CHỦ TRONG GIÁO DỤC

Chủ điểm. THIÊN NHIÊN QUANH EM

TUẦN 32

MẶT TRỜI THỨC GIẤC

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Mặt trời thức giấc*.

– Biết được những lợi ích của mặt trời đối với cuộc sống; MRVT chỉ thiên nhiên; tìm được những từ ngữ cho thấy lợi ích của mặt trời; nói và đáp được lời cảm ơn; viết tiếp được một câu về mặt trời.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***ng/ ngh***, ***oa/ oe*** vào chỗ trống.

– Bước đầu hình thành được tình yêu thiên nhiên.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Bảng nhóm (số lượng bảng tương ứng số nhóm trong lớp).

– Tranh minh hoạ dùng cho các hoạt động trong SGK tr.131.

– Chiếc mũ đội đầu hình bông hoa và mặt trời để HS đóng vai.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**. GV là quản trò. Cách chơi: Mỗi nhóm lần lượt tìm và nói nhanh những từ ngữ chỉ thiên nhiên (*núi, đồi, cát, biển, mưa, gió, sấm chớp, trái đất, mặt trời, mặt trăng, sao, cầu vồng, sương, hoa, cỏ, cây*...). Hai nhóm luân phiên kể nhanh, nhóm nào kể chậm là mất lượt.

– GV: *Các em đã kể được nhiều từ ngữ chỉ thiên nhiên. Mặt trời là một hiện tượng thiên nhiên gần gũi, quan trọng với cuộc sống chúng ta. Chúng ta cùng đọc bài* ***Mặt trời thức giấc*** *để thấy những lợi ích của mặt trời.* GV ghi tên bài lên bảng: **Mặt trời thức giấc**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc nhẹ nhàng, vui tươi.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *lúc, nở nụ cười, loại xe, búp lá, xoè nở.*

+ MN: *trái đất, đánh thức, xanh biếc, vươn cành, đơm hoa, kết quả.*

– HS đọc các từ mới: *chói loá* (ánh sáng rất mạnh); *choàng tỉnh* (tỉnh dậy một cách bất ngờ).

– HS đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:

+ Trong mơ,/ mặt trời/ nghe tiếng thì thầm:/ "Dậy đi nào/ mặt trời,/ đến lúc đánh thức trái đất rồi!"//

+ Mặt trời choàng tỉnh,/ nở nụ cười chói loá/ rồi bay vút xuống trái đất.///

+ Mặt trời/ đánh thức những búp lá xanh biếc,/ làm xoè nở/ những bông hoa rực rỡ.// Cây xanh/ mạnh mẽ vươn cành,/ đơm hoa,/ kết quả.//

+ Cành cây vươn về phía mặt trời/ như cánh tay trẻ thơ.//

– HS đọc từng đoạn trong nhóm, 4 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm (đọc từng đoạn, đọc cả bài). GV linh hoạt lựa chọn hình thức đọc: đọc cá nhân, đọc nối tiếp, đọc tiếp sức.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Những từ nào chỉ thiên nhiên?

– HS thảo luận nhóm, nêu yêu cầu của bài, đọc kĩ những từ được cho trước để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp: *mặt trời, trái đất, mặt trăng.*

2. Đọc đoạn văn cho thấy lợi ích của mặt trời.

– HS thảo luận theo cặp, nêu yêu cầu của bài, đọc thầm để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Mặt trời đánh thức những búp lá xanh biếc, làm xoè nở những bông hoa rực rỡ. Cây xanh mạnh mẽ vươn cành, đơm hoa, kết quả. (Đoạn 3)*

Nói và nghe

Đóng vai bông hoa nói lời cảm ơn mặt trời.

– HS hoạt động theo cặp tại bàn: 1 HS đóng vai bông hoa, 1 HS đóng vai mặt trời.

Bông hoa: Cảm ơn mặt trời!/ Cảm ơn bạn mặt trời. Mặt trời thật là tốt.

Mặt trời: Không có gì.

– 2 – 3 HS đóng vai nói trước lớp, 1 HS mang mũ hình bông hoa và 1 HS mang mũ hình mặt trời.

– Cả lớp và GV nhận xét, tuyên dương cặp nào nói và đáp lời cảm ơn hợp lí, đóng vai tự tin, mạnh dạn.

Viết

Hoàn thành câu: Mặt trời...

– HS nêu yêu cầu của đề bài.

– HS hoạt động theo nhóm: **Thi viết câu về mặt trời**. GV hướng dẫn: *Cần điền từ ngữ chỉ đặc điểm của mặt trời, hoặc lợi ích của mặt trời. Cần ghi dấu chấm kết thúc câu.* HS cả nhóm dựa vào tranh gợi ý trong SGK, thảo luận, thống nhất cử người viết nhanh vào bảng nhóm.

– Các nhóm treo lên bảng lớp những câu đã viết. Cả lớp và GV nhận xét xem câu đã đủ ý, đúng chính tả, đủ dấu chấm câu chưa. Nhóm nào viết được nhiều câu đúng là nhóm thắng cuộc. Đáp án có thể là:

+ *Mặt trời toả nắng chói chang./ Mặt trời ấm áp./ Mặt trời chiếu xuống khu vườn.*

+ *Mặt trời nhô lên trên biển./ Mặt trời mọc trên biển.*

+ *Mặt trời khuất sau núi.*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV: *Em hãy giải câu đố sau:*

Sớm chiều gương mặt hiền hoà
Giữa trưa bộ mặt chói loà gắt gay
Đi đằng đông, về đằng tây
Hôm nào vắng mặt, trời mây tối mù!

Là gì? (Đáp án: *Mặt trời*)

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần **đoạn văn số 3** trong bài **Mặt trời thức giấc**.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *xanh biếc, xoè nở*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *ng* hay *ngh*?

Đáp án: *Bác thuyền ngủ rất lạ/ Chẳng chịu trèo lên giường/ Úp mặt xuống cát vàng/ Nghiêng tai về phía biển.*

3. Chọn *oa* hay *oe*?

Đáp án: *xoè quạt, xoá bảng.*

EBD
VỊ SỰ BÌNH ĐẲNG VÀ DÂN CHỦ TRONG GIÁO DỤC

TRONG GIẤC MƠ BUỔI SÁNG

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Trong giấc mơ buổi sáng*.

– Cảm nhận được tâm hồn trong sáng, yêu thiên nhiên, yêu bạn bè và ý thức chăm chỉ học tập của bạn nhỏ; trả lời được các câu hỏi về giấc mơ của bạn nhỏ trong bài; đối đáp được về các loại hoa; đọc thuộc lòng được hai khổ thơ.

– Tô được chữ ***T, U*** hoa.

– Bước đầu hình thành được tình yêu thiên nhiên, yêu bạn bè và ý thức tự giác học tập.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho các hoạt động trong SGK tr.134.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: ***T, U*** hoa đặt trong khung chữ mẫu; ***Thái Bình, Uông Bí*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp trả lời câu hỏi của GV: *Em đã bao giờ nằm mơ chưa? Đố em thế nào là "mơ"?* (*Người hay việc thấy trong khi ngủ, không có thật.*)

– GV: *Những con người, sự vật, sự việc nào mà chúng ta thường nghĩ đến ban ngày thì có thể xuất hiện trong đầu của chúng ta khi ngủ. Đó chính là "giấc mơ". Trong giấc mơ của một bạn nhỏ có thể có những gì? Chúng ta cùng đọc bài* ***Trong giấc mơ buổi sáng*** *để biết.* GV ghi tên bài lên bảng: **Trong giấc mơ buổi sáng**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ. Giọng đọc toàn bài chậm rãi, tình cảm.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *khắp nơi, hoa lạ, lớp mình, lời.*

+ MN: *giấc mơ, hoa vàng, buổi sáng, rõ, dậy mau.*

– HS đọc các từ mới: *hoa nắng* (ánh nắng mặt trời đẹp như những bông hoa); *thảo nguyên* (đồng cỏ rộng lớn).

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm), mỗi HS đọc một câu.

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt cuối dòng thơ năm chữ:

Trong giấc mơ buổi sáng//
Em nghe rõ bên tai//
Lời của chú gà trống://
Dậy mau đi!/ Học bài!//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS). Lưu ý: HS đọc đầu tiên đọc cả tên bài *Trong giấc mơ buổi sáng*.

– HS đọc cả bài.

– HS thi đọc toàn bài dưới hình thức thi cá nhân hoặc thi theo nhóm, theo tổ hoặc trò chơi **Đọc tiếp sức**. HS và GV cùng nhận xét.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Trong giấc mơ buổi sáng, bạn nhỏ thấy những gì?

– HS thảo luận theo cặp, xem ba đáp án dạng tranh, đọc thầm khổ 1 và 2 để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS chỉ vào từng tranh và trả lời trước lớp:

+ Tranh 1: *Ông mặt trời mang túi đầy hoa nắng, rải hoa vàng khắp nơi.*

+ Tranh 2: *Em qua thảo nguyên xanh, có nhiều hoa lạ mang tên bạn lớp mình.*

– GV: *Giấc mơ của bạn nhỏ thật đẹp.*

– GV hỏi thêm tuỳ lớp: *Lớp mình có bạn nào mang tên loài hoa không? (Hoa, Mai, Lan, Cúc,...) Đó là những tên gọi thật đẹp!*

2. Bạn nhỏ mơ thấy chú gà trống nói gì?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm khổ 3 để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp:

Chú gà trống nói:

– Dậy mau đi! Học bài!

3. Học thuộc lòng hai khổ thơ đầu.

– HS học thuộc lòng theo hướng dẫn của GV theo kiểu xoá dần từ ngữ trong từng câu thơ, chỉ để lại một số từ ngữ làm điểm tựa, cuối cùng xoá hết.

Trong giấc mơ.....

Em gặp.....

– HS thi đọc thuộc lòng giữa các nhóm (đọc từng khổ thơ, đọc tiếp nối từng câu thơ).

Nói và nghe

Đối đáp về hoa.

– 2 HS thực hành theo mẫu, luân phiên đối đáp nhanh. 1 HS nêu tên loài hoa, 1 HS nêu đặc điểm của loài hoa đó. Ví dụ: HS1: Hoa cà – HS2: tim tím; HS2: Hoa nhài – HS1: nhỏ xinh.

– HS hoạt động theo cặp, hỏi – đáp dựa theo tranh hướng dẫn trong SGK:

HS1: Hoa hồng – HS2: đỏ thắm;

HS1: Hoa hướng dương – HS2: vàng rực;

HS1: Hoa cúc – HS2: vàng tươi.

– HS đối đáp ngoài SGK (*Hoa mười giờ – hồng tươi; hoa phượng – đỏ rực; hoa bằng lăng – tím biếc; hoa đào – hồng tươi; hoa cánh bướm – mỏng manh; hoa sen – thơm ngát; hoa me – nho nhỏ; hoa rong giềng – đỏ chót; hoa thược dược – cánh dày;...*).

– HS cả lớp chia nhóm: **Thi đối đáp về hoa**. Nhóm nào không kể tên được loài hoa hoặc không nói được đặc điểm của hoa thì không được tính điểm. Cả lớp và GV tổng kết, tuyên dương nhóm thắng cuộc.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV: *Trong giấc mơ, bạn nhỏ mơ thấy rất nhiều hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp. Thế nhưng, bạn nhỏ còn mơ thấy cả chú gà trống nhắc học bài. Điều đó chứng tỏ bạn nhỏ là người thế nào?* (*Bạn nhỏ chăm chỉ/ tự giác học tập/ thích học bài.*)

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– HS cùng nhau quan sát các loài hoa trong sân trường vào giờ ra chơi hoặc tan học, mỗi loài hoa nêu một đặc điểm (màu sắc, hình dáng,...).

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **T, U** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ T, U hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***T, U*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả:

*+ Chữ **T** hoa gồm 1 nét là kết hợp của 3 nét cơ bản: cong trái (nhỏ), lượn ngang (ngắn) và cong trái (to) nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ ở đầu chữ.*

*+ Chữ **U** hoa gồm 2 nét: nét móc 2 đầu và nét móc ngược phải.*

– GV nêu quy trình tô chữ ***T, U*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***T, U*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***T, U*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Thái Bình, Uông Bí*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Thái Bình*** *là tên riêng một tỉnh ven biển ở đồng bằng sông Hồng;* ***Uông Bí*** *là tên riêng một thành phố thuộc tỉnh Quảng Ninh, thuộc miền Bắc nước ta.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Thái Bình, Uông Bí***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.26-27: **T** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **U** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ); **Thái Bình, Uông Bí** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

MỒ HÔI CỦA MÈO

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Mồ hôi của mèo*.

– Biết được thêm một đặc điểm của loài mèo; trả lời được câu hỏi về vị trí đổ mồ hôi của các con vật; đối đáp được về các con vật và đặc điểm của chúng; điền được từ ngữ để tạo câu nêu ý kiến về một con vật.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***iu/ ui, uyên/ uyêt***.

– Kể được câu chuyện ngắn *Phốc ngốc nghếch* bằng 4 – 5 câu; hiểu được không nên tham lam, phải biết quý trọng những gì mình có.

– Hình thành được tình cảm yêu quý vật nuôi.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho các hoạt động trong SGK tr.136.

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Phốc ngốc nghếch*.

– Tranh/ ảnh một số con vật (gấu, cá heo, thỏ, ngựa, trâu, chó...).

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp đọc tiêu đề bài học, trả lời câu hỏi của GV: *Đố các em mồ hôi của mèo ở đâu*? (HS phỏng đoán: *Ở chân, ở mình, ở mũi,...*).

– GV: *Muốn giải đáp câu hỏi này một cách chính xác, chúng ta cùng đọc bài* ***Mồ hôi của mèo*** *để biết*. GV ghi tên bài lên bảng: **Mồ hôi của mèo**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng mèo: hào hứng, giọng bò: thương cảm, giọng bác heo: vui vẻ. Giọng đọc cần phân biệt lời dẫn chuyện và lời nhân vật.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *thấy là, nào, lắc đầu, lè lưỡi, lên.*

+ MN: *lật bàn chân, lưỡi, cười vang.*

– HS đọc từ mới: *đổ mồ hôi* (khi vận động mạnh, lao động vất vả thì cơ thể tiết ra một chất nước gọi là "mồ hôi").

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:

+ *Mèo muốn cho mọi người thấy là/ mình làm việc chăm chỉ,/ đổ cả mồ hôi.//*

+ *Ngựa nhìn khắp người mèo/ nhưng chẳng thấy giọt mồ hôi nào.//*

– HS đọc từng đoạn trong nhóm, 3 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm (đọc từng đoạn, đọc cả bài). GV linh hoạt lựa chọn hình thức đọc: đọc cá nhân, đọc nối tiếp, đọc tiếp sức.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Mồ hôi của mỗi con vật sau ở đâu?

– HS hoạt động theo nhóm, quan sát 3 tranh minh hoạ tương ứng với 3 con vật (ngựa, bò, chó); đọc thầm đoạn 1 và 2; cùng thảo luận để thống nhất câu trả lời.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp:

+ *Mồ hôi của ngựa ở trên người.*

+ *Mồ hôi của bò ở trên mũi.*

+ *Mồ hôi của chó ở trên lưỡi.*

2. Mồ hôi của mèo ở đâu?

– HS hoạt động theo nhóm, đọc thầm đoạn 3, cùng thảo luận để thống nhất câu trả lời.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Mồ hôi của mèo ở dưới bàn chân.*

Nói và nghe

Đối đáp về các con vật.

– 2 HS thực hành theo mẫu, luân phiên đối đáp nhanh. 1 HS nêu tên con vật, 1 HS nêu đặc điểm của con vật.

Ví dụ:

HS1: *Vịt* – HS2: *kêu cạc cạc*;

HS2: *Vẹt* – HS1: *sặc sỡ*.

– HS hoạt động theo cặp, đối – đáp dựa theo tranh hướng dẫn trong SGK:

HS1: *Nhím* – HS2: *lông nhọn hoắt/ xù xì;*

HS2: *Cá heo* – HS1: *thông minh/ thân thiện;*

HS1: *Thỏ* – HS2: *trắng như bông/ hiền lành*....

– HS hỏi – đáp ngoài SGK. GV có thể đưa hình ảnh về các con vật nuôi trên bảng/ slide để gợi ý cho HS nhớ tên con vật và đặc điểm của nó.

Ngựa – chạy nhanh;
Trâu – rất khoẻ;
Chó – sủa gâu gâu;
Mèo – kêu meo meo;
Chim đại bàng – bay rất khoẻ;
Chim bồ câu – trắng/ hiền lành;
Gà trống – gáy ò ó o/ có mào đỏ/ đuôi sặc sỡ;
Gà mái – kêu cục tác/ có trứng hồng...

– HS cả lớp chia nhóm: **Thi đối đáp về các con vật**. Nhóm nào không kể tên được con vật hoặc không nói được đặc điểm của con vật thì không được tính điểm. Cả lớp và GV tổng kết, tuyên dương nhóm thắng cuộc.

Viết

Hoàn thành câu bằng cách thêm từ ngữ phù hợp:

– HS và GV cùng đọc câu cần điền: "*Em thích con... vì...*" trên bảng/ slide.

– GV: *Câu có 2 chỗ trống. Ở chỗ trống số 1, em điền tên một con vật. Ở chỗ trống số 2, em điền lí do em thích con vật đó.*

M: *Em thích **con chó** vì **nó rất thông minh**.*

– Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. GV nhắc HS đánh dấu chấm kết thúc câu.

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– 3 – 4 HS đọc câu văn vừa viết trước lớp. Ví dụ:

+ *Em thích con mèo vì nó bắt chuột giỏi.*

+ *Em thích con thỏ vì nó rất hiền.*

+ *Em thích cá heo vì cá heo rất thông minh.*

+ *Em thích con hổ vì nó là chúa tể muôn loài...*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– HS rủ bạn, người thân cùng chơi trò: **Đố nhau về các con vật**. Cách chơi: 1 người nói đặc điểm của con vật, người kia nêu tên con vật.

+ HS1: *Con gì chạy rất nhanh, đổ mồ hôi trên mình*?

+ HS2: *Con ngựa.*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần đoạn văn trong **bài 1** SGK tr.137.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *loài vật, riêng*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *iu* hay *ui*?

Đáp án: *Núi non trùng điệp.*; *Bé nâng niu búp bê.*

3. Chọn *uyên* hay *uyêt*?

Đáp án: *vòng nguyệt quế, thanh niên tình nguyện.*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Nghe – kể: Phốc ngốc nghếch

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem bức tranh con chó và cái bóng của nó (GV sử dụng tranh trong SGK hoặc tranh/ ảnh bên ngoài) trả lời câu hỏi của GV: *Trong tranh, có mấy con chó?* (*Một con chó*)

– GV: *Thế mà chú Phốc trong câu chuyện chúng ta sắp nghe lại nghĩ rằng có đến 2 con chó. Điều gì sẽ xảy ra với Phốc, các em cùng nghe câu chuyện Phốc ngốc nghếch.*

2. Nghe GV kể

– HS nghe GV kể 2 – 3 lần câu chuyện *Phốc ngốc nghếch*. Văn bản như sau:

PHỐC NGỐC NGHẾCH

1. Phốc là một chú chó háu ăn. Một hôm, chú ta được cô chủ cho một miếng thịt. Phốc sung sướng ngoạm miếng thịt, tung tăng chạy về phía bờ sông.

2. Khi chạy ngang qua một cây cầu, Phốc nhìn xuống nước và thấy bóng một con chó đang ngoạm miếng thịt. Phốc thầm nghĩ:

– Chà, có một con chó khác. Và bạn ấy đang có một miếng thịt rõ là ngon. Mình muốn có miếng thịt kia.

3. Phốc ta liền há miệng to định kêu lên:

– Gâu, gâu, hãy đưa cho ta miếng thịt kia.

Phốc vừa há miệng, miếng thịt đã rơi tòm xuống dưới nước.

4. Lúc đó, Phốc mới nhận ra chú chó và miếng thịt dưới nước chỉ là cái bóng của nó. Nó ân hận vì đã quá tham ăn nhưng không kịp nữa rồi.

– GV lưu ý về kĩ thuật kể chuyện: Giọng kể chậm rãi, rõ ràng. Giọng kể lại ý nghĩ của Phốc trong đoạn 2 ghen tị, hậm hực.

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Phốc được cô chủ cho cái gì? (Phốc được cô chủ cho một miếng thịt.)*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Thấy bóng một con chó dưới nước, Phốc nghĩ gì? (Thấy bóng một con chó dưới nước, Phốc nghĩ có một con chó khác và bạn ấy có một miếng thịt rất ngon.)*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Điều gì xảy ra khi Phốc há miệng đòi miếng thịt? (Khi Phốc há miệng đòi miếng thịt thì miếng thịt rơi tòm xuống nước.)*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Cuối cùng Phốc nhận ra điều gì? (Cuối cùng, Phốc nhận ra mình bị nhầm lẫn nhưng không kịp nữa.)*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Phốc được cô chủ cho một miếng thịt. Thấy bóng một con chó dưới nước, Phốc nghĩ có một con chó khác và bạn ấy có một miếng thịt rất ngon. Khi Phốc há miệng đòi miếng thịt kia thì miếng thịt của Phốc rơi tòm xuống nước. Cuối cùng, Phốc nhận ra mình bị nhầm lẫn nhưng không kịp nữa. (4 câu)

+ Phốc được cô chủ cho một miếng thịt. Nó sung sướng cắp miếng thịt tung tăng chạy về phía bờ sông. Thấy bóng một con chó dưới nước, Phốc nghĩ: "Chà, có một con chó khác. Và bạn ấy đang có một miếng thịt rõ là ngon." Phốc sủa to, định đòi miếng thịt ấy. Nhưng khi Phốc vừa há miệng thì miếng thịt của nó rơi tòm xuống nước. Phốc nhận ra chú chó và miếng thịt dưới nước chỉ là cái bóng của nó. Nó thẫn thờ vì tiếc rẻ nhưng không kịp nữa. (8 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– GV có thể tổ chức thi kể chuyện giữa các nhóm.

5. Mở rộng

GV: *Nêu nhận xét của em về Phốc (Phốc tham lam/ Phốc ngốc nghếch/ Phốc tham ăn.)*

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc một câu chuyện hoặc một đoạn văn về cây cối.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

GV hướng dẫn HS tìm đọc một câu chuyện hoặc một đoạn văn miêu tả hoặc giới thiệu về cây cối. Cây đó có thể là cây ăn quả, cây lấy gỗ, cây hoa, cây rau,... GV hướng dẫn HS chọn đọc câu chuyện, đoạn văn với dung lượng chữ phù hợp.

GV và HS tham khảo một số nguồn *Đọc mở rộng* như sau:

– Hữu Tưởng (2006). Văn bản *Cây bàng,* in trong *Tiếng Việt 1 – Tập hai*, NXB Giáo dục.

– Đoàn Giỏi (2006). Văn bản *Cây xoài của ông em,* in trong *Tiếng Việt 2 – Tập một,* NXB Giáo dục.

– Vũ Tú Nam (2006). Văn bản *Cây gạo,* in trong *Tiếng Việt 4 – Tập hai*, NXB Giáo dục.

– Vũ Tú Nam (2010). Văn bản *Giàn mướp,* in trong *Cái Tết của mèo con*, NXB Văn học.

– Thúy Quỳnh, Phương Thảo (tuyển chọn) (2015). *Tuyển chọn thơ ca, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non – chủ đề Thế giới thực vật,* NXB Giáo dục.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ: Đọc câu chuyện *Sự tích cây chuối*

SỰ TÍCH CÂY CHUỐI

Người con của thần Cây tên là Tiêu Ly mới đón một bé trai khấu khỉnh chào đời. Chàng rất yêu con, ngắm con suốt ngày không chán. Chàng nảy ra ý định tạo ra một giống cây xinh đẹp, để con vừa có thể vui chơi, vừa có quả ngon. Thân cây sẽ tròn trĩnh như tay chân em bé, mát mẻ như da thịt của con. Lá cây không nhiều nhưng xoè rộng, có thể che đầu đi chơi không sợ mưa nắng. Quả cây bụ bẫm giống như ngón tay của con trẻ. Quả chín thơm ngọt như có mùi sữa và mật hoà quyện vào nhau. Cây ấy là cây chuối ngày nay.

Theo *Phạm Hổ*

Vẽ cây chuối rồi giới thiệu tên các bộ phận của cây.

Đáp án: *HS vẽ theo ý thích rồi giới thiệu các bộ phận: Thân cây, lá cây, quả chuối,…*

CA SĨ ĐẸP NHẤT RỪNG XANH

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Ca sĩ đẹp nhất rừng xanh.*

– Thấy được lòng tốt của các nhân vật trong bài (sóc nhỏ, đom đóm); tìm được nhân vật; tìm được lời của nhân vật; viết được một câu về hành động của nhân vật trong truyện phù hợp với tranh.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***c/ k***, ***oe/ eo*** vào chỗ trống.

– Bước đầu hình thành được ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Viết* trong SGK tr.141.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS đọc tên bài đọc, quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Em quan sát tranh và đoán xem ca sĩ đẹp nhất rừng xanh là ai? (Sóc).*

– GV: *Vì sao sóc nhỏ là ca sĩ đẹp nhất rừng xanh, chúng ta cùng đọc bài.* GV ghi tên bài lên bảng: **Ca sĩ đẹp nhất rừng xanh**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý phát âm rõ ràng, chính xác, chú ý ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu. Giọng đọc lời dẫn chuyện chậm rãi. Giọng đọc lời nhân vật ngọn cỏ, hoa hồng thảng thốt, năn nỉ, van xin.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *lễ hội, năn nỉ, đau lắm, làm dây chuyền.*

+ MN: *vương miện, biểu diễn, âm nhạc, quyết định, tuyệt đẹp.*

– HS đọc các từ mới: *trang điểm* (làm cho người đẹp hơn bằng cách dùng son phấn, quần áo, đồ trang sức); *hốt hoảng* (thể hiện nỗi lo lắng, sợ hãi ra bên ngoài, giống như "thảng thốt").

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:

+ *Sóc nhỏ muốn trang điểm thật đẹp/ để biểu diễn tại lễ hội âm nhạc.//*

+ *Đi qua cánh đồng,/ sóc định hái những ngọn cỏ/ làm vương miện đội đầu.//*

+ *Đến vườn hoa,/ sóc định hái bông hồng nhung đỏ thắm/ làm dây chuyền đeo cổ.//*

+ *Chúng đậu lên tai sóc nhỏ,/ làm thành hai ngôi sao xanh biếc tuyệt đẹp.//*

– HS đọc trong nhóm:

+ Mỗi bạn đọc nối tiếp một câu, lần lượt cho đến hết bài.

+ Mỗi bạn đọc nối tiếp một đoạn, lần lượt cho đến hết bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm. GV tuỳ chọn hình thức đọc phù hợp: Mỗi HS đại diện nhóm đọc trơn một đoạn; hoặc mỗi nhóm đọc nối tiếp từng đoạn.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Câu chuyện có bốn nhân vật nào?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm từng đoạn trong bài để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời trước lớp, mỗi HS có thể kể đủ hoặc thiếu nhân vật. GV tuyên dương nhóm đọc kĩ, tìm đủ bốn nhân vật: *Sóc nhỏ, ngọn cỏ, hoa hồng, hai chú đom đóm.*

2. Tìm lời của ngọn cỏ nói với sóc nhỏ.

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm đoạn 2 để tìm lời của ngọn cỏ. GV gợi ý: *Lời nói của ngọn cỏ đặt sau dấu gạch ngang, xuống dòng.*

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Đừng hái tôi! Tôi sẽ đau lắm!*

3. Hoa hồng nói gì với sóc nhỏ?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm đoạn 3 để tìm lời của hoa hồng.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Đừng hái tôi! Tôi là căn nhà của đom đóm đấy.*

Viết

Xem tranh, viết một câu cho biết đom đóm đang làm gì.

– HS nêu yêu cầu của bài.

– HS hoạt động theo cặp, xem tranh, trả lời câu hỏi của GV: *Đom đóm đang làm gì?*

– GV hướng dẫn: *Cần viết câu trả lời có đủ ý, đánh dấu chấm kết thúc câu.*

– 2 HS khá – giỏi viết trên bảng lớp.

– Từng HS trong lớp viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– Cả lớp và GV nhận xét bài của 2 bạn trên bảng lớp xem đã đủ ý, có dấu chấm kết thúc câu chưa.

– HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi.

– 2 HS đọc to câu đã viết trước lớp.

+ *Đom đóm đậu lên vành tai sóc nhỏ.*

+ *Đom đóm giúp sóc nhỏ trang điểm đẹp.*

+ *Đom đóm đậu lên tai sóc nhỏ, làm thành hai ngôi sao xanh biếc tuyệt đẹp.*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS cả lớp trả lời câu hỏi của GV:

+ *Sóc nhỏ có gì đáng yêu? (Sóc nhỏ biết yêu quý, không làm hại cỏ, hoa.)*

+ *Đom đóm có gì đáng yêu? (Đom đóm giúp đỡ sóc nhỏ.)*

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần đoạn văn trong **bài 1** SGK tr.141.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *trang điểm, tuyệt đẹp*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *c* hay *k*?

Đáp án: *kéo co, cầu lông*.

3. Chọn *oe* hay *eo*?

Đáp án: *Bé chúc ông bà mạnh khoẻ.*; *Bé đi cà kheo.*

MỜI VÀO (trích)

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Mời vào*, biết ngắt nhịp thơ 3 chữ.

– Biết được đặc điểm của một số sự vật, hiện tượng thiên nhiên; tìm được nhân vật trong bài thơ; nói và đáp được lời xin phép; viết được về một tác dụng của gió; đọc thuộc lòng được hai khổ thơ.

– Tô được chữ *Ư, V* hoa.

– Hình thành được tình cảm chan hoà, thân ái với bạn bè, tình yêu thiên nhiên.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Viết* trong SGK tr.143.

– Video clip bài hát *Em là gió mát* của tác giả Phan Trọng Cầu.

– Chiếc mũ có hình thỏ, gió, nai để HS đóng vai.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: ***U, V*** hoa đặt trong khung chữ mẫu; ***Ưng Hoà, Việt Nam*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp quan sát tranh minh hoạ bài đọc và trả lời câu hỏi: *Thỏ và nai đang làm gì? (Thỏ và nai đang gõ cửa một ngôi nhà.)*

– GV: *Trong ngôi nhà đó có một vị chủ nhà rất hiếu khách. Chúng ta cùng xem sau tiếng gõ cửa, chủ nhà sẽ chào đón những người bạn đến chơi nhà thế nào nhé. Chúng ta cùng đọc bài **Mời vào**.* GV ghi tên bài lên bảng: **Mời vào**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc toàn bài chậm rãi, vui vẻ, tinh nghịch; phân biệt lời đối thoại giữa chủ nhà và khách đến chơi (thỏ, nai, gió).

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *là, lên, hoa lá, làm việc*.

+ MN: *quạt mát, reo, đẩy buồm thuyền, khắp miền*.

– HS đọc các từ mới: *gạc* (GV cho HS quan sát hình ảnh của nai ở trong tranh minh hoạ bài đọc, hỏi: "*Đâu là gạc của nai*?"); *kiễng chân* (nâng người cao lên bằng mũi bàn chân, gót chân không chạm đất, GV làm điệu bộ "kiễng chân"); *soạn sửa* (chuẩn bị làm việc gì đó, ví dụ: *Em soạn sửa để đi học*).

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm), mỗi HS đọc một câu.

– HS hoạt động theo nhóm, chia bài đọc thành 3 đoạn theo hướng dẫn của GV như sau:

+ *Đoạn 1: Từ đầu đến "Cho xem tai."*

+ *Đoạn 2: Tiếp theo đến "Cho xem gạc."*

+ *Đoạn 3: Đoạn còn lại.*

– HS đọc tiếp nối từng đoạn thơ trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp thơ ba chữ, ngắt sau mỗi câu thơ:

Cốc,/ cốc,/ cốc//
Ai gọi đó?//
Tôi là thỏ.//
Nếu là thỏ/
Cho xem tai.//

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong nhóm.

– HS thi đọc giữa các nhóm theo hình thức đọc nối tiếp hoặc đọc đồng thanh (câu, đoạn).

Với HS khá – giỏi, GV cũng có thể hướng dẫn HS đọc đóng vai (nếu thời gian cho phép). Cách thực hiện: GV tổ chức nhóm 4 HS, phân vai gồm 1 chủ nhà và 3 vị khách (*thỏ, nai, gió*). HS sử dụng mũ đội đầu có hình thỏ, nai, gió để nhớ vai của mình và nhớ các câu thơ mà mình sẽ phải đọc. Mở đầu mỗi đoạn, khách đọc: "Cốc, cốc, cốc!", tiếp theo chủ nhà và khách đối – đáp. Cả lớp bình chọn nhóm có các thành viên nhớ vai, đọc tự nhiên lưu loát.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Những ai đã đến gõ cửa ngôi nhà?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm lại cả bài thơ để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời trước lớp, mỗi HS có thể kể đủ hoặc thiếu nhân vật. GV nhận xét khen ngợi HS kể đủ ba nhân vật: *thỏ, nai, gió*.

2. Học thuộc lòng hai khổ thơ cuối.

– HS học thuộc lòng theo hướng dẫn của GV theo kiểu xoá dần từ ngữ trong từng câu thơ, chỉ để lại một số từ ngữ làm điểm tựa, cuối cùng xoá hết.

– HS thi đọc thuộc lòng giữa các nhóm (đọc từng khổ thơ, đọc tiếp nối từng câu thơ).

Nói và nghe

Hai bạn đóng vai khách và chủ nhà. Nói và đáp lời xin phép.

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Nói và nghe*.

– HS hoạt động theo cặp tại bàn: 1 HS đóng vai chủ nhà, 1 HS đóng vai khách đến chơi. HS lần lượt đóng vai *thỏ, nai, gió*.

Thỏ: *Tôi là thỏ. Cho phép tôi vào nhà nhé!*

Chủ nhà: *Vâng, xin mời bạn vào!*

Nai: *Tôi là nai. Tôi vào chơi được không?*

Chủ nhà: *Vâng, xin mời bạn vào!*

Gió: *Tôi là gió. Bạn cho phép tôi vào nhé!*

Chủ nhà: *Vâng, xin mời bạn vào!*

– 3 cặp HS cùng đóng vai nói trước lớp. HS sử dụng mũ đội đầu có hình *thỏ, nai, gió* để nhớ vai.

– GV nhận xét, khen ngợi các cặp HS đã nói và đáp được lời xin phép, giao tiếp tự tin.

Viết

Viết một câu về một tác dụng của gió.

– HS nêu yêu cầu của hoạt động *Viết*.

– HS hoạt động theo nhóm, quan sát các tranh minh hoạ để trả lời câu hỏi gợi ý của GV: *Gió có tác dụng gì*?

+ Tranh 1: *Gió làm quần áo khô.*

+ Tranh 2: *Gió đẩy cánh diều bay.*

+ Tranh 3: *Gió làm cối xay gió quay.*

+ Tranh 4: *Gió đẩy buồm thuyền.*

– GV hỏi thêm cả lớp: *Em còn biết tác dụng nào của gió?*

– HS có thể nêu tác dụng khác của gió ngoài tranh gợi ý trong SGK: *Gió làm cho người mát./ Gió làm nhà cửa mát mẻ./ Gió làm chong chóng quay./ Gió mang hạt cây đi khắp nơi./ Gió thổi những đám mây gây mưa...*

– GV hướng dẫn: *Hãy chọn một tác dụng của gió mà em thích nhất để viết một câu. Em cần viết câu có đủ ý, cần viết hoa chữ cái đầu câu, ghi dấu chấm kết thúc câu.*

– 2 HS khá viết trên bảng lớp. Từng HS trong lớp viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– Cả lớp và GV nhận xét bài của 2 bạn trên bảng lớp xem đã đủ ý, có dấu chấm kết thúc câu chưa.

– HS đọc lại, đổi bài cho bạn bên cạnh để cùng soát và sửa lỗi.

– 2 HS đọc to câu đã viết trước lớp.

– GV nhận xét, chấm và chữa nhanh một số bài.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– HS nghe và xem bài hát *Em là gió mát* (Phan Trọng Cầu), nói một tác dụng của gió (tuỳ chọn).

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ **Ư, V** hoa.*

Hướng dẫn tô chữ Ư, V hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***Ư, V*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả:

+ *Chữ **Ư** hoa có cấu tạo như chữ **U** hoa, thêm nét phụ hỏi.*

+ *Chữ **V** hoa gồm 3 nét: nét 1 là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang, nét 2 là nét thẳng, nét 3 là nét móc xuôi phải.*

– GV nêu quy trình tô chữ ***Ư, V*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***Ư, V*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***Ư, V*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Ứng Hoà, Việt Nam*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Ứng Hoà*** *là tên một huyện của thành phố Hà Nội, thủ đô của nước ta;* ***Việt Nam*** *là tên nước của chúng ta.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Ứng Hoà, Việt Nam***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.27-28: **Ư** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **V** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ); **Ứng Hoà, Việt Nam** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

CHIẾC GƯƠNG KÌ DIỆU

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Chiếc gương kì diệu.*

– Biết được hiện tượng bóng trăng trong nước; trả lời được câu hỏi về chi tiết liên quan đến trăng trong bài; MRVT về đặc điểm của trăng; nói được về trăng.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng một đoạn văn; điền đúng ***ui/ uy***, ***s/ x*** (hoặc ***ân/ âng***) vào chỗ trống.

– Kể được câu chuyện ngắn *Ca sĩ đẹp nhất rừng xanh* bằng 4 – 5 câu; hiểu được câu chuyện ca ngợi lòng tốt, bước đầu hình thành được phẩm chất nhân ái.

– Hình thành được ý thức khám phá, học hỏi, ham hiểu biết trước các hiện tượng thiên nhiên.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Một số hình ảnh trăng ở những thời điểm khác nhau dùng cho hoạt động *Nói và nghe*.

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Ca sĩ đẹp nhất rừng xanh.*

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Bức tranh vẽ cảnh vật ở đâu? Vào thời gian nào? (Ở một cái ao; vào buổi tối/ đêm trăng).*

– GV vừa nói vừa chỉ vào nhân vật: *Ở trong chiếc ao đó, có ba bạn nhỏ là: cá nhỏ, ếch xanh và cua con. Trong đêm trăng, các bạn ấy vừa phát hiện ra một chiếc gương kì diệu. Muốn biết chiếc gương kì diệu đó thế nào, chúng ta cùng đọc bài* ***Chiếc gương kì diệu*** *để biết.* GV ghi tên bài lên bảng: **Chiếc gương kì diệu**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc toàn bài chậm rãi, đoạn 1 và 2 thể hiện sự tò mò, hiếu kì; đoạn 3 và 4 thể hiện sự vui vẻ, hào hứng.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *lại lành, lúc ấy, vỡ lẽ, phá lên cười.*

+ MN: *phát hiện, chiếc gương, óng ánh, giúp đỡ, chiếu, ngẩng đầu.*

– HS đọc từ mới: *vỡ lẽ* (hiểu ra điều gì đó).

– HS đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS đọc tiếp nối từng đoạn trong bài trước lớp, mỗi HS đọc một đoạn. GV theo dõi HS đọc, kết hợp cho HS luyện đọc câu dài. Ví dụ:

+ *Cá nhỏ phát hiện ra/ một chiếc gương tròn màu vàng óng ánh/ rất đẹp.//*

+ *Nhưng hễ chạm vào/ là gương vỡ ra từng mảnh.//*

+ *Nhưng cả ba bạn đều vừa đụng vào/ là gương lại vỡ vụn.//*

+ *Lúc này,/ cả ba bạn/ mới ngẩng đầu lên trời /rồi nhìn xuống nước.//*

– HS đọc từng đoạn trong nhóm, 4 HS một nhóm, mỗi HS đọc một đoạn tiếp nối nhau đến hết bài.

– HS thi đọc đoạn giữa các nhóm. GV tuỳ chọn hình thức đọc phù hợp:

+ Mỗi HS đại diện nhóm đọc trơn một đoạn.

+ Mỗi HS trong 1 nhóm đọc nối tiếp từng đoạn đến hết bài.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Vì sao các bạn không mang được chiếc gương về nhà?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm lại đoạn 1 để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời trước lớp:

+ *Vì cứ chạm vào là chiếc gương bị vỡ.*

+ *Vì hễ chạm vào là chiếc gương vỡ ra từng mảnh.*

2. Bác tôm giúp các bạn hiểu ra điều gì?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm lại lời nói của bác tôm.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời trước lớp: *Chiếc gương là bóng của mặt trăng trên trời chiếu xuống nước.*

3. Những từ ngữ nào sau đây nói về mặt trăng?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc kĩ những từ ngữ được cho trước *(tròn vành vạnh, sáng vằng vặc, chói chang, trông như con thuyền)* để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời trước lớp: *tròn vành vạnh, sáng vằng vặc, trông như con thuyền.*

– GV hỏi thêm: *Từ "chói chang" dùng để nói về sự vật nào? (Mặt trời)*

Nói và nghe

Nói về trăng.

– HS đọc câu mẫu trong SGK: *"Mặt trăng tròn như chiếc đĩa."*, xem một số hình ảnh của trăng ở những thời điểm khác nhau (GV sưu tầm và cung cấp). HS nghe GV gợi ý: *Em có thể dùng những từ của bài 3 để nói về trăng. Cần chú ý nói câu đầy đủ.*

– HS hoạt động theo nhóm, mỗi HS nói 1 – 2 câu về trăng cho bạn trong nhóm nghe. Ví dụ:

+ *Trăng tròn vành vạnh như quả trứng khổng lồ. Trăng sáng vằng vặc.*

+ *Trăng trông như con thuyền. Ánh trăng sáng dìu dịu.*

+ *Trăng trông như quả chuối.*

+ *Trăng trông như lưỡi liềm.*

+ *Trên mặt trăng có bóng của chú Cuội và gốc đa...*

– 2 – 3 HS nói trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV cho HS chơi giải đố. Câu đố:

Cái gì bằng cái vung, vùng xuống ao.
Đào chẳng thấy, lấy chẳng được?

(Là cái gì) (Đáp án: *Mặt trăng*)

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần **đoạn văn số 4** trong bài **Chiếc gương kì diệu**.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *nhìn xuống, mỉm cười*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2 Chọn *ui* hay *uy*?

Đáp án: *nhẫn nhụi, nhuỵ hoa.*

3. Chọn

Tuỳ theo đối tượng HS của các vùng miền khác nhau, GV chọn và hướng dẫn các em làm bài tập ***a*** hoặc ***b***.

a. s* hay *x?

Đáp án: *cây sung, xung phong.*

b. ân* hay *âng?

Đáp án: *Người dân dâng hoa tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ.*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Đọc – kể: Ca sĩ đẹp nhất rừng xanh

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS xem lại bức tranh minh hoạ bài đọc SGK tr.139 và trả lời câu hỏi của GV: *Bức tranh này trong bài đọc nào?* (*Ca sĩ đẹp nhất rừng xanh*)

– GV: *Chúng ta cùng kể lại câu chuyện Ca sĩ đẹp nhất rừng xanh đã đọc.*

2. Đọc lại bài Tập đọc trong SGK

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Sóc nhỏ định làm gì? (Sóc nhỏ định trang điểm thật đẹp để đi biểu diễn.)*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao sóc nhỏ không hái cỏ? (Vì ngọn cỏ nói: "Đừng hái tôi! Tôi sẽ đau lắm!")*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Vì sao sóc nhỏ không hái hoa? (Vì hoa nói: "Đừng hái tôi! Tôi là căn nhà của đom đóm đấy!")*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Cuối cùng, ai giúp sóc nhỏ trang điểm? (Cuối cùng, hai chú đom đóm giúp sóc nhỏ trang điểm, đậu lên vành tai sóc nhỏ làm thành hai ngôi sao tuyệt đẹp.)*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Sóc nhỏ định trang điểm thật đẹp để đi biểu diễn. Sóc định hái cỏ nhưng không hái nữa, vì cỏ nói: "Đừng hái tôi! Tôi sẽ đau lắm!". Sóc định hái hoa nhưng cũng không hái nữa, vì hoa nói: "Đừng hái tôi! Tôi là căn nhà của đom đóm đấy!". Cuối cùng, hai chú đom đóm giúp sóc nhỏ trang điểm, đậu lên vành tai sóc nhỏ làm thành hai ngôi sao tuyệt đẹp. (4 câu)

+ Sóc nhỏ muốn trang điểm thật đẹp để biểu diễn tại lễ hội âm nhạc. Qua đồng cỏ, sóc định hái những ngọn cỏ làm vương miện đội đầu. Ngọn cỏ năn nỉ: "Đừng hái tôi! Tôi sẽ đau lắm!". Sóc nhỏ bèn không hái cỏ nữa. Sang khu vườn, sóc định hái bông hồng đỏ thắm làm dây chuyền đeo cổ. Hoa hốt hoảng: "Đừng hái tôi! Tôi là căn nhà của đom đóm đấy!". Thế là sóc cũng không hái hoa nữa. Có hai chú đom đóm biết chuyện bèn giúp sóc trang điểm bằng cách đậu lên vành tai sóc nhỏ, làm thành hai ngôi sao tuyệt đẹp. (8 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– GV có thể tổ chức thi kể chuyện giữa các nhóm.

5. Mở rộng

GV: *Sóc nhỏ có gì đáng yêu? (Sóc nhỏ tốt bụng/ thương người/ hát hay/ xinh đẹp...)*

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc một bài về hiện tượng thiên nhiên.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

Một số nguồn sách tham khảo để tìm kiếm bài *Đọc mở rộng*:

– Larousse (2009). *Từ điển khoa học của bé – Về sự sống trên trái đất*, NXB Trẻ.

– Vũ Liên Hoàn dịch (2013). Bộ sách *Vui học cùng Tôm – Tri thức bách khoa* (4 tập), NXB Kim Đồng.

– Mitsuharu Ohyama (2018). *Thủ thỉ kiến thức lớp 2*, NXB Thế giới.

– Đức Anh (2018). Bộ sách *10 vạn câu hỏi vì sao* (5 tập), NXB Dân Trí,

– (2015). Bộ sách *Vì sao? Như thế nào? – Thế giới tự nhiên/ Không gian,* NXB Dân Trí.

– Isabelle Fougère (2019). *Hỏi đáp cùng em! Vì sao?*, NXB Thế giới.

– Dư Diệu Đông (2018). *Mười vạn câu hỏi vì sao – Thiên nhiên kì thú*, NXB Kim Đồng.

– Cao Thu Thuỷ dịch (2016). *Biết tất tần tật mọi điều quanh em*, NXB Hội Nhà văn.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ: Đọc bài đọc *Nước biển uống được không*?

NƯỚC BIỂN UỐNG ĐƯỢC KHÔNG?

1. Thấy chương trình truyền hình cảnh báo về nguy cơ thiếu nước trên toàn cầu, Tâm lấy làm lạ. Em hỏi bố:

– Bố ơi! Nước biển trên trái đất nhiều như vậy, sao người ta không uống nước biển?

2. Bố cười:

– Nước biển không thể uống được con ạ. Nó chứa hàm lượng muối lớn và nhiều thành phần khác có hại cho cơ thể con người. Tuy nhiên, có một số loài vật có thể chịu được độ mặn của nước biển như hải âu chẳng hạn. Chúng có thể thu hết muối trong nước biển đã uống rồi thải ra ngoài.

Ngọc Mai

Vì sao nước biển không uống được?

Đáp án: *Vì nước biển chứa hàm lượng muối lớn và nhiều thành phần khác có hại cho cơ thể con người.*

EBD

TUẦN 34

QUÀ TẶNG

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Quà tặng*.

– Biết cách chào hỏi và từ chối lịch sự; nhận biết được lời của nhân vật; trả lời được câu hỏi về chi tiết trong bài đọc; MRVT về hoạt động dời chỗ; đối đáp được về lợi ích của các con vật.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***g/ gh***, ***oai/ oay*** vào chỗ trống.

– Thể hiện được cách ứng xử văn minh, lịch sự trong giao tiếp.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Nói và nghe* trong SGK tr.149.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Trong bức tranh, bạn nhỏ đang nói chuyện với những con vật nào? (Cua, bò, ong).*

– GV: *Mỗi con vật ấy đã đề nghị tặng bạn nhỏ một món quà. Chúng ta cùng đọc bài* ***Quà tặng*** *để biết đó là những món quà gì và bạn nhỏ nhận món quà gì.* GV ghi tên bài lên bảng: **Quà tặng**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng của các nhân vật đều vui vẻ, lịch sự. Cần chú ý ngắt hơi phân biệt lời dẫn chuyện và lời thoại của nhân vật.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *lên tiếng, lấy, trả lời.*

+ MN: *gặp, con cua, ít bùn.*

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm).

– HS luyện đọc câu dài theo hướng dẫn của GV. Ví dụ:

Xin chào anh bạn.// Bạn có muốn/ tớ tặng bạn ít cỏ không?// – Một con bò lên tiếng.//

– HS đọc tiếp nối từng câu văn trong nhóm, mỗi bạn đọc một câu lần lượt cho đến hết bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm. GV tuỳ chọn hình thức đọc phù hợp:

+ Mỗi HS trong 1 nhóm đọc nối tiếp từng đoạn đến hết bài.

+ Thi đọc đóng vai. Mỗi nhóm gồm 4 HS phân vai: người dẫn chuyện, con cua, con bò, Minh. Nhóm nào đọc đúng, thể hiện được giọng điệu nhân vật; tập trung chú ý theo dõi người khác đọc để phối hợp nhịp nhàng thì thắng cuộc. Cả lớp làm giám khảo.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Đóng vai các con vật, nói tiếp câu.

– HS thảo luận theo cặp trong bàn, đọc thầm lại bài đọc để cùng nhau trả lời câu hỏi.

– 3 – 4 HS trả lời trước lớp:

+ Con cua: *Bạn có muốn tớ tặng bạn ít bùn không?*

+ Con bò: *Bạn có muốn tớ tặng bạn ít cỏ không?*

+ Con ong: *Bạn có muốn tớ tặng bạn ít mật không?*

2. Minh đồng ý nhận món quà gì?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm bài đọc để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Minh đồng ý nhận mật ong.*

3. Những từ nào chỉ hoạt động dời chỗ?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc kĩ những từ được cho trước *(chạy, nói, bò, bay)* để chọn từ ngữ trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi trước lớp: *chạy, bò, bay.*

Nói và nghe

Đối đáp về lợi ích của các con vật.

– 2 HS thực hành theo mẫu, luân phiên đối đáp. 1 HS nêu tên con vật, 1 HS nêu lợi ích. Ví dụ:

HS1: Con ong – HS2: làm mật.

– HS hoạt động theo cặp, hỏi – đáp dựa theo tranh hướng dẫn trong SGK: *Con chó – giữ nhà; Con trâu – cày ruộng; Con ngựa – thồ (chở) hàng; Con tằm – nhả tơ;...*

– HS hỏi – đáp ngoài SGK: *Con chim – hót hay; Con vịt/ con gà/ con ngan/ con lợn/ con cá – cho thịt; Con mèo – bắt chuột; Con cừu – cho lông; Con gà trống – báo thức;...*

– HS cả lớp chia nhóm: **Thi đối đáp về lợi ích các con vật**. Nhóm nào không kể được tên con vật hoặc không nói được lợi ích của nó thì không được tính điểm. Cả lớp và GV tổng kết, tuyên dương nhóm thắng cuộc.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– HS giải câu đố:

Con gì thích các loài hoa
Ở đâu hoa nở dù xa cũng tìm
Cùng nhau cần mẫn ngày đêm
Làm ra mật ngọt lặng im tặng người?

(Đáp án: *Con ong*)

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần đoạn văn trong bài Quà tặng: – **Xin chào anh bạn. Bạn có muốn tớ tặng bạn ít mật không? – Một con ong lên tiếng./ – Ồ, có, có, xin hãy tặng tớ ít mật. – Minh trả lời.**

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *xin chào, lên tiếng*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *g* hay *gh*?

Đáp án: *gọng kính, ghế đá.*

3. Chọn *oai* hay *oay*?

Đáp án: *Cún ngoáy đuôi mừng rỡ.*; *Bé ngoái lại chào mẹ.*

THUYỀN LÁ

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Thuyền lá*.

– Hiểu được bài thơ viết về những người bạn tốt, sẵn sàng giúp đỡ nhau; MRVT chỉ tên con vật có vần ***âu***; tìm được chi tiết chỉ hành động của nhân vật; đặt và trả lời được câu hỏi về cảm xúc của nhân vật; viết được câu trả lời cho biết em đã làm gì giúp bạn.

– Tô được chữ *X, Y* hoa.

– Thêm yêu quý bạn bè, sẵn lòng giúp đỡ bạn.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Tranh minh hoạ dùng cho các hoạt động trong SGK tr.152.

– Một số tranh con vật có tên chứa vần ***âu***: *sâu, sáo sậu, trâu, hải âu, diều hâu, cá sấu, châu chấu, vịt bầu* (nếu cần).

– Video clip bài hát *Lá thuyền ước mơ*.

– Bảng phụ/ slide viết sẵn: *X, Y* hoa đặt trong khung chữ mẫu; ***Xuân Mai, Phú Yên*** (theo mẫu chữ trong vở *TV1/2*).

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, trả lời câu hỏi của GV: *Ba bạn chích bông, ếch ộp và châu chấu đang làm gì? (Châu chấu ngồi trên chiếc lá, chích bông bay lượn trên đầu, ếch bơi và đẩy chiếc lá).*

– GV: *Để biết ba bạn châu chấu, ếch ộp và chích bông đi đâu, bằng cách nào, chúng ta cùng đọc bài thơ* ***Thuyền lá***. GV ghi tên bài lên bảng: **Thuyền lá**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài thơ.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. GV chú ý: Giọng đọc khổ thơ thứ nhất thể hiện sự băn khoăn, lo lắng; giọng đọc khổ thơ thứ hai chậm rãi; giọng đọc khổ thơ thứ ba thể hiện sự hồi hộp, phấn khởi.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.

+ MB: *biết làm sao, chiếc lá, làm thuyền, chao lật.*

+ MN: *bên kia, bây giờ, ngắt, thả xuống, kẻo.*

– GV cho HS đọc cá nhân, chỉ vào tiếng bất kì, không theo thứ tự. Nếu từ nào HS không đọc được thì GV yêu cầu HS đánh vần rồi đọc trơn.

– HS đọc các từ mới: *quá đỗi* (ý nói ao rất sâu), *ngẩn ngơ* (cảm thấy buồn, tiếc).

Với lớp HS khá – giỏi, GV có thể đặt câu hỏi để giải nghĩa từ: *Từ nào trong câu "Mà ao sâu quá đỗi" cho thấy ao rất sâu?* (quá đỗi); *Từ nào trong câu "Thấy châu chấu ngẩn ngơ" cho thấy châu chấu buồn, tiếc vì không được đi hội?* (ngẩn ngơ).

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ.

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt cuối dòng thơ năm chữ:

"Ộp ộp.../ cậu ngồi yên//
Kẻo thuyền/ chao lật đấy!"//
Ếch vừa bơi/ vừa đẩy//
Đưa bạn/ vào hội vui.//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS).

– HS đọc cả bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm (đoạn, bài). GV tuỳ chọn hình thức đọc phù hợp:

+ Mỗi HS đại diện nhóm đọc trơn một đoạn.

+ Mỗi HS trong 1 nhóm đọc nối tiếp từng đoạn.

+ Đại diện nhóm đọc cá nhân cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Thi tìm tên con vật có tiếng chứa vần âu.

HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ.** GV là quản trò. Cách chơi: Nhóm nào tìm nhanh được 5 từ chỉ tên con vật có tiếng chứa vần "*âu*" là thắng cuộc. HS tìm nhanh từ theo tranh gợi ý trong SGK hoặc có thể làm Bài tập 1 trong *VBT1/2* (*bồ câu, gấu, hải cẩu*); đồng thời tìm thêm ngoài SGK (*sâu, sáo sậu, trâu, hải âu, diều hâu, cá sấu, châu chấu, vịt bầu*).

Lưu ý: Nếu học sinh thấy khó tìm, GV cho HS xem hình ảnh những con vật mà tên gọi có chứa vần "*âu*" để gợi ý cho HS nhớ ra.

2. Chích bông và ếch ộp đã làm gì giúp bạn châu chấu?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm khổ 2 và 3 để trả lời câu hỏi.

– GV có thể gợi ý:

+ *Châu chấu muốn đi đâu?* (đi dự hội)

+ *Vì sao châu chấu không đi được?* (vì ao sâu quá đỗi)

⇒ GV: *Đúng rồi, quá đỗi là rất sâu. Vậy từ nào cho thấy châu chấu rất buồn vì không qua được ao?* (ngẩn ngơ)

⇒ GV: *Chích bông và ếch ộp đã làm gì giúp bạn châu chấu?*

– 3 – 4 HS trả lời trước lớp:

+ *Chích bông ngắt một chiếc lá, thả xuống ao làm thuyền.*

+ *Ếch ộp vừa bơi vừa đẩy, đưa bạn vào hội vui.*

Nói và nghe

Vì sao cả ba bạn đều sẽ vui?

– HS đọc yêu cầu của hoạt động *Nói và nghe*.

– GV gợi ý, hướng dẫn: *Em hãy đóng vai mỗi bạn để nói lí do vì sao mình vui.*

+ Chích bông: *Mình rất vui vì đã giúp đỡ được châu chấu; vì được đi hội với các bạn.*

+ Ếch ộp: *Mình rất vui vì đã giúp đỡ được châu chấu; vì được đi hội với các bạn.*

+ Châu chấu: *Mình rất vui vì được chích bông và ếch ộp giúp; vì được đi hội với các bạn.*

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi: "*Vì sao cả ba bạn đều sẽ vui*?" trước lớp. Mỗi HS nói tự do theo cách của mình (miễn là đúng ý):

+ *Cả ba bạn đều sẽ vui vì được đi hội.*

+ *Cả ba đều sẽ vui vì được đi hội cùng nhau, không ai phải ở lại.*

+ *Châu chấu sẽ vui vì được chích bông và ếch ộp giúp đỡ. Chích bông và ếch ộp sẽ vui vì đã giúp đỡ được bạn.*

– GV: *Tình bạn của ba bạn thật là đẹp vì các bạn biết quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau.*

Viết

Viết một câu cho biết em đã làm gì giúp bạn.

– HS và GV phân tích câu mẫu: "*Em cho bạn mượn bút.*" trên bảng/ slide.

– GV: *Em cần viết hoa chữ cái đầu câu và cuối câu phải dùng dấu chấm.*

– 2 HS viết trên bảng lớp.

– Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập.

– HS và GV nhận xét câu của 2 HS viết trên bảng lớp, xem câu đã đầy đủ chưa, viết hoa chữ cái đầu câu và dùng dấu chấm kết thúc câu chưa. GV hướng dẫn HS sửa lỗi nếu có.

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– 3 – 4 HS đọc câu văn vừa viết trước lớp. GV nhận xét.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV: *Chúng ta cùng nghe bài hát Lá thuyền ước mơ để nhớ về tình bạn thật là đẹp giữa ba người bạn trong bài đọc.*

– HS nghe bài hát *Lá thuyền ước mơ* kèm theo động tác vận động cơ thể (múa).

TIẾT 3

VIẾT (TẬP VIẾT)

Giới thiệu bài

GV nói: *Hôm nay, chúng ta cùng học tô chữ X, Y hoa.*

Hướng dẫn tô chữ X, Y hoa và từ ngữ ứng dụng

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***X, Y*** hoa cỡ vừa. HS nhận xét độ cao, độ rộng. GV mô tả:

*+ Chữ **X** hoa gồm 1 nét viết liền, kết hợp của 3 nét: móc hai đầu trái, thẳng xiên (lượn hai đầu) và móc hai đầu phải.*

*+ Chữ **Y** hoa gồm nét móc hai đầu và nét khuyết dưới.*

– GV nêu quy trình tô chữ ***X, Y*** hoa cỡ vừa (vừa nói vừa dùng que chỉ, chỉ các nét chữ theo chiều mũi tên, không yêu cầu HS nhắc lại lời nói của mình).

– HS dùng ngón trỏ tô lên không trung chữ ***X, Y*** hoa.

– GV cho HS quan sát mẫu chữ ***X, Y*** hoa cỡ nhỏ. HS nhận xét độ cao, độ rộng.

– HS đọc, quan sát từ ngữ ứng dụng: ***Xuân Mai, Phú Yên*** (trên bảng phụ). GV giải thích: ***Xuân Mai*** *là tên một thị trấn thuộc huyện Chương Mĩ của thủ đô Hà Nội;* ***Phú Yên*** *là tên một tỉnh ven biển thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ nước ta.*

– GV hướng dẫn HS nhận xét độ cao các chữ cái trong từ ***Xuân Mai, Phú Yên***, cách đặt dấu thanh, cách nối nét các chữ cái,...

Viết vào vở Tập viết

– HS viết vào vở *TV1/2*, tr.28: **X** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ), **Y** hoa (chữ cỡ vừa và nhỏ); **Xuân Mai, Phú Yên** (chữ cỡ nhỏ).

– GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi tô, viết hoặc tô, viết chưa đúng cách.

– GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

TẤM BIỂN TRONG VƯỜN

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Tấm biển trong vườn*.

– Biết được một ý tưởng hay để chăm sóc, bảo vệ chim chóc; tìm được chi tiết trong truyện; nhận xét được về đặc điểm nhân vật; MRVT về các loài chim; đặt và trả lời được câu hỏi về một loài chim.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***ong/ oong***, ***ch/ tr*** (hoặc ***ươc/ ươt***) vào chỗ trống.

– Kể được câu chuyện ngắn *Cô bé quàng khăn đỏ* bằng 4 – 5 câu; hiểu được ý nghĩa câu chuyện khuyên HS nên nghe lời bố mẹ.

– Bước đầu hình thành được ý thức chăm sóc, bảo vệ môi trường.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Bài hát *Con chim non* của nhạc sĩ Lý Trọng.

– Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Nói và nghe* trong SGK tr.154, một số tranh/ ảnh (sưu tầm) về các loài chim mà HS có thể biết.

– Tranh minh hoạ câu chuyện *Cô bé quàng khăn đỏ*.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS nghe bài hát *Con chim non* (Lý Trọng), trả lời câu hỏi của GV: *Trong bài hát, tình cảm của bạn nhỏ dành cho chú chim thế nào*? (*Yêu, mến*).

– GV: *Những chú chim hót ca đem niềm vui cho chúng ta. Hai bạn nhỏ trong bài đọc* ***Tấm biển trong vườn*** *không chỉ yêu mến mà còn có một ý tưởng rất thú vị để chăm sóc, bảo vệ những chú chim nữa đấy.* GV ghi tên bài lên bảng: **Tấm biển trong vườn**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Chú ý giọng hai bạn nhỏ trò chuyện tự nhiên.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *làm gì, vậy là, nào.*

+ MN: *tấm biển, thức ăn thừa, kiếm được, ý tưởng.*

– HS đọc các từ mới: *tấm biển* (thông báo đặt ở nơi công cộng); *ý tưởng* (suy nghĩ mới nảy ra trong đầu).

– HS cả lớp đọc tiếp nối từng câu văn trong mỗi đoạn (theo hàng dọc hoặc hàng ngang, theo tổ hoặc nhóm), mỗi HS đọc một câu đến hết bài.

– HS luyện đọc câu dài dưới sự hỗ trợ của GV. Ví dụ:

+ *Còn các chú chim/ nhiều khi không kiếm được thức ăn.//*

+ *Tấm biển/ sẽ nói với mọi người/ là hãy mang thức ăn thừa cho chim.//*

– HS đọc nối tiếp trong cặp, mỗi bạn đọc một câu lần lượt cho đến hết bài.

– HS thi đọc cả bài giữa các nhóm. GV tuỳ chọn hình thức đọc phù hợp:

+ Mỗi HS trong 1 nhóm đọc nối tiếp từng câu đến hết bài.

+ Thi đọc đóng vai: Mỗi nhóm gồm 3 HS phân vai: người dẫn chuyện, Bình, Minh. Nhóm nào đọc đúng, thể hiện được giọng điệu nhân vật; tập trung chú ý theo dõi người khác đọc để phối hợp nhịp nhàng thì thắng cuộc. Cả lớp làm giám khảo.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Bình và Minh làm tấm biển để làm gì?

– HS thảo luận theo nhóm, đọc thầm bài đọc để trả lời câu hỏi.

– 2 HS trả lời trước lớp:

+ *Để nói với mọi người là hãy mang thức ăn thừa cho chim.*

+ *Để nói với mọi người để thức ăn cho chim ở đó.*

2. Theo em, Bình là người thế nào?

– HS thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi.

– 2 HS trả lời trước lớp: *Bình là người yêu động vật/ yêu những chú chim/ tiết kiệm/ sáng tạo/ thông minh...*

3. Thi kể tên các loài chim.

HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi kể nhanh.** GV là quản trò. Mỗi nhóm lần lượt nêu tên một loài chim (*hồng hạc, sếu, vẹt, hải âu, bồ nông, chích choè, sáo sậu, quạ, bìm bịp, đại bàng, chim cắt, chim cu, chim cút, chim trĩ, chim ưng, chim cú mèo, chim mòng biển, chim yến, chim chìa vôi, chim sơn ca, chim gõ kiến, chim trả, chim chiền chiện, chim oanh, chim hoạ mi, chim bạc má, chim thiên đường, chim vàng anh, chim vành khuyên, chim sẻ, chim sâu,...*). Nhóm nào kể được nhiều tên các loài chim hơn thì thắng cuộc.

Nói và nghe

Đố – đáp về một loài chim (sử dụng các từ ngữ: Ở đâu? Lông màu gì? Ăn gì?...).

– 2 HS khá – giỏi thực hành theo mẫu, luân phiên đố – đáp về một loài chim. 1 HS nêu đặc điểm của con vật, 1 HS đoán tên con vật. Nếu chưa đoán được thì hỏi để có thêm thông tin. Sau đó, hai bạn đổi vai đố – đáp cho nhau.

Ví dụ:

+ HS1: *Chim gì có bộ lông sặc sỡ?*

+ HS2: *Nó có cái mỏ cong phải không?*

+ HS1: *Đúng.*

+ HS2: *Con vẹt.*

– Từng cặp HS đố – đáp trong nhóm, sau đó từng cặp HS bất kì đố – đáp trước lớp:

+ *Chim gì có mỏ rất cứng, xuyên thủng gỗ? Nó ăn kiến. (Chim gõ kiến)*

+ *Chim gì không biết bay, giỏi bắt cá, lặn và bơi giỏi? (Chim cánh cụt)*

+ *Con gì lông trắng muốt, cổ dài, kiếm tôm cá trên cánh đồng, thường xuất hiện trong bài hát ru? (Con cò)*

+ *Chim gì có chiếc túi da dưới cổ, đựng cá về cho con? (Chim bồ nông)*

+ *Chim gì có chiếc đuôi xoè như chiếc quạt, sặc sỡ nhiều màu? (Chim công)*

+ Chim gì mặt trông giống mèo, ban ngày ngủ lim dim, đêm rình bắt chuột? (Cú mèo)

+ Con gì nhỏ, chăm bắt sâu cho lá? (Chim sâu)

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– Về nhà, HS đố – đáp về một loài chim với bố mẹ, những người thân.

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần đoạn văn trong **bài 1** SGK tr.155.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *tấm biển, mọi người*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *ong* hay *oong*?

Đáp án: *Nam có chiếc xe đạp mới. Màu sơn bóng loáng. Tiếng chuông kêu kính coong.*

3. Chọn

Tuỳ đối tượng HS của các vùng miền khác nhau, GV chọn và hướng dẫn các em làm bài tập ***a*** hoặc ***b***.

***a. ch* hay *tr*?**

Đáp án: *Chị mái chăm một đàn con*

Chân bới, miệng gọi mắt tròn ngó trông.

***b. ươc* hay *ươt*?**

Đáp án: *rượt đuổi, rước kiệu.*

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE (KỂ CHUYỆN)

Nghe – kể: Cô bé quàng khăn đỏ

1. Khởi động – Giới thiệu

– HS quan sát tranh nhân vật cô bé (tranh đã được phóng to) và trả lời câu hỏi của GV: *Vì sao cô bé được gọi là cô bé quàng khăn đỏ?* (*Vì cô bé quàng chiếc khăn màu đỏ.*)

– GV: *Chúng ta sẽ gọi cô bé này là Khăn Đỏ. Cô bé là nhân vật chính trong câu chuyện mà chúng ta sẽ nghe sau đây.*

2. Nghe GV kể

– HS nghe GV kể 2 – 3 lần câu chuyện *Cô bé quàng khăn đỏ*. Văn bản như sau:

CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ

1. Một hôm, mẹ bảo Khăn Đỏ mang bánh đến biếu bà và dặn không la cà dọc đường.

2. Trên đường, Khăn Đỏ gặp một con sói. Sói định ăn thịt cả hai bà cháu, nên dỗ Khăn Đỏ:

– Trong rừng có muôn hoa rực rỡ, chim hót véo von, Khăn Đỏ ngắm cảnh đã.

Nghe lời sói, Khăn Đỏ mải mê hái hoa, bắt bướm.

3. Sói đến thẳng nhà bà, xộc vào nuốt chửng bà, rồi đội mũ của bà, nằm vào giường đắp chăn lại. Khi sực nhớ ra lời mẹ, Khăn Đỏ vội chạy đến nhà bà. Thấy bà lạ quá, Khăn Đỏ hỏi:

– Bà ơi! Sao hôm nay tai bà to thế?

– Tai bà to để nghe cháu nói được rõ hơn.

– Bà ơi! Sao tay bà to thế?

– Tay bà to để ôm cháu được chặt hơn!

– Bà ơi! Sao mồm bà to thế?

– Mồm bà to để ăn cháu được dễ hơn.

Sói nhảy phốc ra, nuốt chửng Khăn Đỏ, rồi lăn ra ngủ, ngáy ầm ĩ.

4. Một bác thợ săn đi qua nghe thấy tiếng ngáy lạ liền bước vào nhà. Bác lấy dao rạch bụng sói cứu hai bà cháu ra. Khăn Đỏ ân hận tự nhủ: Từ nay mình phải nhớ lời mẹ dặn.

Phỏng theo *Truyện cổ Pe-rôn*

– GV lưu ý kĩ thuật kể chuyện: Lời dẫn chuyện giọng khoan thai (đoạn 1, 2); giọng căng thẳng, gấp gáp (đoạn 3); giọng chậm rãi (đoạn 4). Phân biệt lời nhân vật: lời Khăn Đỏ ngây thơ; lời sói ngọt ngào, dụ dỗ (đoạn 2), ồm ồm rồi đầy hăm doạ (đoạn 3).

3. Kể từng đoạn truyện theo tranh

– HS quan sát bức tranh 1 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Mẹ giao cho Khăn Đỏ việc gì? (Mẹ giao cho Khăn Đỏ mang bánh biếu bà và dặn không la cà dọc đường.)*

– HS quan sát bức tranh 2 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Khăn Đỏ bị sói lừa như thế nào? (Khăn Đỏ bị sói lừa vào rừng chơi. Sói chạy đến nhà bà trước, xộc vào nuốt chửng bà.)*

– HS quan sát bức tranh 3 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Khi Khăn Đỏ tới nhà bà, chuyện gì xảy ra? (Khi Khăn Đỏ tới nhà bà, sói đóng giả bà nằm trên giường, rồi bất ngờ nuốt chửng Khăn Đỏ.)*

– HS quan sát bức tranh 4 đã được GV treo (hoặc chiếu) lên. 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Câu chuyện kết thúc như thế nào? (Một bác thợ săn đi qua liền rạch bụng sói cứu hai bà cháu.)*

– 2 HS trả lời câu hỏi: *Khăn Đỏ hiểu ra điều gì? (Khăn Đỏ hiểu ra rằng cần phải biết vâng lời mẹ.)*

4. Kể toàn bộ câu chuyện

4.1. Kể tiếp nối câu chuyện trong nhóm 4 (hoặc nhóm 5)

HS tạo thành 1 nhóm, hoạt động trong nhóm: HS1 – Kể tranh 1; HS2 – Kể tranh 2; HS3 – Kể tranh 3; HS4 – Kể tranh 4; HS5 – Nói về điều Khăn Đỏ nhận ra.

4.2. Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm

HS kể liền mạch nội dung của 4 tranh trước nhóm. Khi 1 bạn kể thì các bạn khác lắng nghe và góp ý. GV lưu ý hướng dẫn để HS dùng thêm các từ để liên kết các câu. Ví dụ:

+ Một hôm, mẹ bảo Khăn Đỏ mang bánh đến biếu bà và dặn không la cà dọc đường. Trên đường đi, Khăn Đỏ bị sói lừa vào rừng chơi. Sói chạy đến nhà bà trước, xộc vào nuốt chửng bà. Khi Khăn Đỏ tới nhà bà, sói đóng giả bà nằm trên giường, rồi bất ngờ nuốt chửng Khăn Đỏ. Sau khi no bụng, sói lăn ra ngủ ngáy vang. Một bác thợ săn đi qua nghe thấy, liền rạch bụng sói cứu hai bà cháu. Khăn Đỏ ân hận hiểu ra phải biết vâng lời mẹ. (7 câu)

+ Một hôm, mẹ bảo Khăn Đỏ mang bánh đến biếu bà và dặn: "Con đừng ham chơi, la cà dọc đường!". Trên đường đi, Khăn Đỏ gặp một con sói. Sói giả giọng ngọt ngào:

"Trong rừng có muôn hoa rực rỡ, chim hót véo von, Khăn Đỏ ngắm cảnh đã." Tin lời sói, Khăn Đỏ mải mê hái hoa bắt bướm. Sói bèn đến thẳng nhà bà, xộc vào nuốt chửng bà, rồi mặc quần áo, đội mũ của bà nằm trên giường. Khi tới nhà bà, Khăn Đỏ thấy rất lạ vì tai bà, tay bà, mồm bà đều to. Khăn Đỏ vừa hỏi: "Bà ơi, sao mồm bà to thế?" thì sói trả lời: "Mồm bà to để ăn thịt cháu". Rồi nó nhảy phốc ra, nuốt chửng Khăn Đỏ. Sau khi no bụng, sói lăn ra ngủ ngáy ầm ĩ. Một bác thợ săn đi qua nghe thấy, liền rạch bụng sói cứu hai bà cháu ra ngoài. Khăn Đỏ ân hận hiểu ra phải biết vâng lời mẹ. (12 câu)

4.3. Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp

– GV mời một số HS lên bảng vừa chỉ vào tranh vừa kể chuyện. Các bạn trong lớp lắng nghe, quan sát và cổ vũ bạn.

– GV có thể tổ chức thi kể chuyện đóng vai giữa các nhóm (kể toàn bộ hoặc kể đoạn 3). Phân vai: Người dẫn chuyện, sói, cô bé quàng khăn đỏ và bác thợ săn.

5. Mở rộng

GV: *Câu chuyện khuyên em điều gì?* (HS trả lời tự do theo nhận thức của mình: *Câu chuyện khuyên em phải biết nghe lời cha mẹ/ phải đi đến nơi về đến chốn/ không nên tin lời người lạ/ không nên la cà dọc đường, dễ gặp nguy hiểm, bị kẻ xấu lợi dụng,...)*

6. Tổng kết, đánh giá

GV tổng kết giờ học, tuyên dương ý thức học tập của các em học tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng để kể được câu chuyện hay.

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc một bài báo thiếu nhi.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

HS nhờ GV, những người trong gia đình hướng dẫn để tìm kiếm nguồn báo dành cho thiếu nhi. Lưu ý: cả báo và tạp chí – những loại xuất bản phẩm định kì – dành cho thiếu nhi đều có thể được chấp nhận. Một số nguồn tham khảo như: *Bác học nhí, Mặt trời nhỏ, Thiếu nhi, Nhi đồng, Bé ngoan, Chăm học, Văn tuổi thơ,...*

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ: Đọc câu chuyện *Quả trứng của ai* trong tạp chí *Văn tuổi thơ*

QUẢ TRỨNG CỦA AI?

Chị gà mái đang dạo chơi trong vườn thì vấp phải một quả trứng. Chị nghĩ đó là đứa con bé bỏng của mình. Đang phân vân không biết làm thế nào để mang quả trứng về ổ thì một cô vịt bầu chạy đến, la toáng lên:

– Trứng của tôi! Trứng của tôi!

Chị gà mái cũng kêu lên:

– Trứng của tôi! Của tôi chứ!

Hai bên lao vào giành nhau quả trứng. Ai cũng nghĩ đó là trứng của mình nên không ai nhường ai. Bỗng có một tiếng "póc… póc". Vỏ trứng từ từ vỡ ra. Một chú rắn khoang chui ra, kêu "khẹc khẹc". Chị gà và cô vịt hốt hoảng cong đuôi bỏ chạy.

Theo Tạp chí *Văn tuổi thơ* số 12/2011

Bài đọc có gì thú vị?

Đáp án: HS trả lời theo nhận thức. Ví dụ: *kết thúc câu chuyện bất ngờ, hoá ra quả trứng mà chị gà mái và cô vịt bầu tranh nhau lại là quả trứng rắn.*

TUẦN 35. ÔN TẬP

PHÒNG BỆNH

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Phòng bệnh*.

– Biết được cách phòng một số loại bệnh thường gặp; trả lời được câu hỏi về nội dung cơ bản và một số chi tiết trong bài đọc; đặt và trả lời được câu hỏi về những việc đã làm để cơ thể khoẻ mạnh; viết được câu về việc tiêm phòng.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng đoạn văn; điền đúng ***c/ k***, ***g/ gh***, ***ng/ ngh*** vào chỗ trống.

– Nâng cao ý thức giữ gìn sức khoẻ, tự chăm sóc bản thân.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Tranh minh hoạ dùng cho hoạt động *Nói và nghe* trong SGK tr.158.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS cả lớp chia nhóm, chơi trò chơi: **Thi tìm từ**. GV là quản trò. Cách chơi: Mỗi nhóm lần lượt tìm và nói nhanh những từ chỉ các loại bệnh *(bệnh ung thư, bệnh đau mắt, bệnh đậu mùa, bệnh sởi, bệnh cúm, bệnh tay chân miệng, bệnh đau ruột thừa, bệnh viêm họng...)*. Nhóm nào phải dừng vì không tìm được từ nữa là thua cuộc.

– GV: *Có rất nhiều loại bệnh. Chúng ta cùng đọc bài* ***Phòng bệnh*** *để biết cách phòng bệnh.* GV ghi tên bài lên bảng: **Phòng bệnh**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc chậm rãi, rành mạch, rõ ràng, chú ý ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng. Ví dụ:

+ MB: *nên.*

+ MN: *vi rút, nguyên nhân, cúm, sởi, tiêm phòng, khẩu trang.*

– HS đọc các từ mới: *vi rút* (một loại sinh vật vô cùng nhỏ, gây bệnh cho người); *tiêm phòng* (tiêm để phòng bệnh, GV có thể cho HS xem tranh có hình ảnh em bé đang đi tiêm phòng).

– HS cả lớp nghe GV hướng dẫn cách đọc: *Đọc các dòng, từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, kết hợp xem mỗi hình ảnh minh hoạ tương ứng.* GV chọn một số HS luyện đọc cá nhân. Ví dụ:

Vi rút/ là nguyên nhân gây ra một số bệnh thường gặp như:/ cúm,/ sởi,/ đau mắt đỏ,/ tay chân miệng.//

– HS đọc từng đoạn trong nhóm, HS thi đọc giữa các nhóm.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Bài đọc viết về việc gì?

– HS thảo luận theo nhóm.

+ GV có thể gợi ý HS bằng cách hướng dẫn HS đọc tiêu đề bài đọc (*Phòng bệnh*); đọc thầm câu mở đầu bài đọc (từ "*Vi rút là*" đến "*chúng mình nên:*") để trả lời câu hỏi.

+ GV cũng có thể đưa hai phương án hỗ trợ để HS chọn lựa đáp án phù hợp: "*Bài đọc viết về .....*"

a. *Cách phòng tránh một số bệnh thường gặp.*

b. *Cách chăm sóc người bệnh.*

– 2 HS trả lời trước lớp: *Cách phòng tránh một số bệnh thường gặp.*

2. Nói tiếp nối để trả lời: Để phòng tránh các bệnh thường gặp, ta phải làm gì?

– HS hoạt động cá nhân. GV hướng dẫn HS đọc thầm các mục 1, 2, 3, 4, 5 trong bài đọc. GV đặt câu hỏi: "*Để phòng tránh các bệnh thường gặp, ta phải làm gì?*", HS nói tiếp nối theo dãy dọc, dãy ngang,... để trả lời. Đáp án:

+ *Tiêm phòng đầy đủ.*

+ *Tập thể dục.*

+ *Ăn uống khoa học.*

+ *Giữ vệ sinh cá nhân.*

+ *Đeo khẩu trang khi gần người bệnh.*

– GV khen ngợi HS đã biết nói câu đầy đủ, ví dụ: *Ta phải tiêm phòng đầy đủ.*

– HS hoạt động theo nhóm, chơi trò chơi: **Nhớ nhanh, kể nhanh**. GV cho HS quan sát 5 bức tranh minh hoạ bài đọc trong SGK tr.157. Khi GV chỉ vào từng tranh bất kì, HS nhóm nào giơ tay nhanh thì được chỉ định quyền nói. HS cần nói đúng cách phòng bệnh tương ứng với tranh. Nhóm nào kể đủ 5 cách phòng bệnh nhanh hơn là nhóm thắng cuộc.

Nói và nghe

Bạn đã làm gì để cơ thể khoẻ mạnh?

– HS thảo luận theo nhóm, dựa vào 4 tranh gợi ý trong SGK tr.158 để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi: "*Bạn đã làm gì để cơ thể khoẻ mạnh?*" trước lớp.

+ *Mình đá bóng./ Mình tập thể thao.*

+ *Mình tắm sạch sẽ./ Mình giữ vệ sinh sạch sẽ.*

+ *Mình tập bơi.*

+ *Mình đi ngủ đúng giờ.*

– HS kể tự do những việc làm để cơ thể khoẻ mạnh ngoài SGK *(tập thể dục buổi sáng, ăn đủ bữa, không ăn nhiều dầu mỡ, không uống nước lạnh, mặc ấm vào mùa đông, tiêm phòng đầy đủ,...).*

Viết

Hoàn thành câu: Em đã tiêm phòng bệnh...

– HS đọc câu cần điền: *"Em đã tiêm phòng bệnh..."* trên bảng/ slide. GV hướng dẫn: *Câu có 1 chỗ trống. Ở vị trí chỗ trống, em cần điền tên một loại bệnh, ví dụ như: cúm, sởi, đau mắt đỏ, tay chân miệng.*

M: *Em đã tiêm phòng bệnh* ***sởi.***

– Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. GV nhắc HS đánh dấu chấm kết thúc câu.

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– 3 – 4 HS đọc câu văn vừa viết trước lớp.

– GV nhận xét, chấm và chữa nhanh một số bài làm của HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV dặn dò: *Về nhà, các em thực hiện những điều được nói đến trong bài để phòng bệnh.*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần đoạn văn trong **bài 1** SGK tr.158.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *hoạt bát, bầu trời.* GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn

a. c* hay *k?

Đáp án: *cá kình, cửa sông.*

b. g* hay *gh?

Đáp án: *gan dạ, thác ghềnh.*

c. ng* hay *ngh?

Đáp án: *nghề nông, bạt ngàn.*

GV lưu ý củng cố cho HS các quy tắc chính tả:

– *Chữ **k** kết hợp với **e, ê, i**; còn chữ **c** kết hợp với các chữ còn lại.*

– *Chữ **gh** (gờ kép) kết hợp với **e, ê, i**; còn chữ **g** (gờ đơn) kết hợp với các chữ còn lại.*

– *Chữ **ngh** (ngờ kép) kết hợp với **e, ê, i**; còn chữ **ng** (ngờ đơn) kết hợp với các chữ còn lại.*

GỬI LỜI CHÀO LỚP MỘT

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đọc đúng và rõ ràng bài *Gửi lời chào lớp Một.*

– Cảm nhận được niềm vui, tình cảm lưu luyến của bạn nhỏ với cô giáo và các đồ vật trong lớp trong ngày chia tay lớp Một; tìm được những hình ảnh xuất hiện trong bài thơ; tìm được lời hứa của bạn nhỏ; nói và đáp được lời chào tạm biệt; viết tiếp được một câu hứa.

– Viết (chính tả nghe – viết) đúng một đoạn văn, điền đúng ***d/ gi, iêu/ yêu*** vào chỗ trống.

– Bước đầu hình thành được tình yêu trường lớp.

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Tranh minh hoạ dùng cho các hoạt động trong SGK tr.160.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

TIẾT 1

KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ, trả lời câu hỏi của GV: *Cô giáo và các bạn nhỏ đang làm gì? (Chào tạm biệt).*

– GV: *Các bạn nhỏ đang chào tạm biệt cô giáo lớp Một để lên lớp Hai. Chúng ta cùng đọc bài* ***Gửi lời chào lớp Một*** *để hiểu thêm tình cảm của các bạn nhỏ khi kết thúc năm học.* GV ghi tên bài lên bảng: **Gửi lời chào lớp Một**.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Đọc thành tiếng

– HS đọc nhẩm bài đọc.

– HS nghe GV đọc mẫu toàn bài và đọc thầm theo. Giọng đọc toàn bài có chậm rãi, tha thiết, tình cảm.

– HS đọc các từ ngữ khó đọc (nếu có). GV chọn ghi 2 – 4 từ ngữ khó lên bảng.

Ví dụ: *năm trước, giờ phút, tiến bước, kính mến, chia tay.*

– HS đọc từ mới: *tiến bước* (ý nói các bạn nhỏ học xong lớp Một, tiếp tục lên lớp Hai).

– HS đọc tiếp nối từng câu thơ.

– HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp, mỗi HS đọc một khổ. GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp trong câu thơ, ngắt cuối câu thơ 5 chữ:

Lớp Một ơi!/ Lớp Một!//
Đón em vào năm trước//
Nay giờ phút chia tay//
Gửi lời chào tiến bước!//

– HS đọc từng khổ thơ trong nhóm. Lưu ý: HS đọc đầu tiên đọc cả tên bài.

– HS thi đọc giữa các nhóm (đoạn, bài). GV tuỳ chọn hình thức đọc phù hợp:

+ Mỗi HS đại diện nhóm đọc trơn một đoạn.

+ Mỗi HS trong 1 nhóm đọc nối tiếp từng đoạn.

+ Đại diện nhóm đọc cá nhân cả bài.

– HS đọc cả bài.

TIẾT 2

ĐỌC HIỂU, VIẾT, NÓI VÀ NGHE, KIẾN THỨC

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

1. Bạn nhỏ chào những gì?

– HS quan sát bốn bức tranh nhỏ (đặt tên theo thứ tự A, B, C, D từ trái sang phải). GV có thể đặt câu hỏi gợi ý:

+ *Tranh A vẽ gì?* (*bảng đen*)

+ *Tranh B vẽ gì?* (*cửa sổ*)

+ *Tranh C vẽ gì?* (*bàn ghế, chỗ ngồi của bạn*)

+ *Tranh D vẽ gì?* (*cây phượng trên sân*)

– GV: *Các em đọc khổ thơ thứ hai, chọn những bức tranh liên quan đến từ ngữ, chi tiết xuất hiện trong bài để trả lời.*

– HS thảo luận theo nhóm.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Bạn nhỏ chào bảng đen, cửa sổ và chỗ ngồi thân quen (Tranh A; Tranh B; Tranh C).*

2. Bạn nhỏ hứa điều gì với cô giáo?

– HS thảo luận theo cặp, đọc thầm khổ thơ thứ ba để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS trả lời trước lớp: *Bạn nhỏ hứa làm theo lời cô dạy để cô luôn ở bên.*

Nói và nghe

Nói hai câu chào tạm biệt phù hợp với mỗi tranh.

– HS và GV quan sát tranh A và câu mẫu. GV đặt câu hỏi gợi ý:

+ *Tranh A vẽ cảnh gì? (Bạn nhỏ chào tạm biệt mẹ để vào trường.)*

+ *Bạn nhỏ trong tranh chào tạm biệt mẹ thế nào? (Con chào mẹ! Con vào lớp ạ.)*

– HS thảo luận theo nhóm, quan sát hai bức tranh nhỏ B và C để nhận biết được tình huống giao tiếp và nói lời chào tạm biệt phù hợp:

Tranh B: *Chào cậu, tớ về nhé. Mai gặp lại.*

Tranh C: *Cháu chào ông bà, cháu về ạ. Hẹn gặp lại ông bà.*

– 2 – 3 HS nói trước lớp.

Viết

Viết tiếp câu trả lời ở bài tập 2 vào vở: Bạn nhỏ hứa sẽ...

– HS và GV cùng đọc câu cần điền: "*Bạn nhỏ hứa sẽ...*" trên bảng/ slide. GV hướng dẫn: *Câu có 1 chỗ trống. Ở vị trí chỗ trống, em điền điều bạn nhỏ đã hứa với cô giáo.*

– Từng HS viết vào *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập. GV nhắc HS đánh dấu chấm kết thúc câu.

+ *Bạn nhỏ hứa sẽ làm theo lời cô dạy để cô luôn ở bên.*

+ *Bạn nhỏ hứa sẽ làm theo lời cô dạy.*

– HS hoạt động theo cặp, đổi bài cho nhau để soát và sửa lỗi.

– 2 – 3 HS đọc câu văn vừa viết trước lớp.

– Từng cặp HS đổi bài cho nhau, soát và sửa chữa.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG, ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực.

– GV: *Hãy viết lời chào tạm biệt và lời hứa của em trên một tấm thiệp để gửi cho thầy, cô dạy lớp Một của em. Em có thể tự trang trí tấm thiệp của mình cho đẹp.*

TIẾT 3

VIẾT (CHÍNH TẢ)

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần đoạn văn trong **bài 1** SGK tr.161.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *dìu dắt, ghi nhớ*. GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Chọn *d* hay *gi*?

Đáp án: *đại dương, giương buồm.*

3. Chọn *iêu* hay *yêu*?

Đáp án: *Chiều chiều, bà đến trường đón bé. Bé yêu bà lắm.*

ĐỌC MỞ RỘNG

HS tìm đọc:

– Một vài bài ca dao hoặc một bài thơ về quê hương, đất nước.

– Một đoạn văn về cảnh thiên nhiên.

1. Tìm kiếm nguồn Đọc mở rộng

1.1. Tìm kiếm một vài bài ca dao hoặc một bài thơ về quê hương, đất nước

Một số nguồn sách tham khảo mà HS có thể tìm kiếm được một vài bài ca dao hoặc một bài thơ về quê hương, đất nước để đọc mở rộng:

– Lam Giang (tuyển chọn) (2016). *Tục ngữ – ca dao – dân ca Việt Nam về cảnh đẹp quê hương*, NXB Văn học.

– Nhiều tác giả (2012). *Tuyển chọn các bài thơ, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non theo chủ đề Quê hương – Đất nước*, NXB Giáo dục.

– Nhiều tác giả (2017). *Thơ cho thiếu nhi*, NXB Văn học.

1.2. Tìm kiếm một đoạn văn về cảnh thiên nhiên

Một số nguồn sách dành cho thiếu nhi mà HS có thể tìm kiếm được một đoạn văn về cảnh thiên nhiên để đọc mở rộng:

– Trần Quốc Toàn (tuyển chọn) (2012). *Biển vàng, đảo ngọc*, NXB Kim Đồng.

– Thân Phương Thu (2017). *Chuồn chuồn bay cao*, NXB Kim Đồng.

– Trần Đức Tiến (2018). *Xóm bờ giậu*, NXB Kim Đồng.

– Tô Hoài (2014). *Dế mèn phiêu lưu kí*, NXB Kim Đồng.

– Đồng Tâm, Minh Thuận (dịch) (2019). Bộ sách *Em yêu thiên nhiên*, NXB Mỹ thuật.

2. Trình bày kết quả Đọc mở rộng

(Đã chỉ dẫn ở phần chung)

Ví dụ 1: Đọc ba bài *Ca dao về cảnh đẹp quê hương, đất nước* sau:

CA DAO VỀ CẢNH ĐẸP QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

a. Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương
Mịt mờ khói toả ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

b. Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.

c. Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.

Em hãy sưu tầm thêm bài ca dao hoặc một bài thơ về quê hương, đất nước.

Ví dụ 2: Đọc đoạn văn *Những cánh chuồn chuồn*

NHỮNG CÁNH CHUỒN CHUỒN

Ngày hè đầy nắng, mảnh vườn nhỏ cạnh nhà bé rợp những cánh chuồn chuồn lấp lánh. Trong lùm cây chập chờn những cô chuồn hoa sặc sỡ. Trên cao tít chao liệng những anh chuồn chuồn chuối, áo vằn xanh vằn đen, trông như những chiếc tàu bay. Dưới bụi cỏ thấp thoáng vài chú chuồn kim xanh biếc tí tẹo. Bầy chuồn chuồn ớt đỏ chót, cánh mỏng dính trong suốt, cặp mắt to tròn như hai hạt thuỷ tinh trong veo. Ông bảo bé:

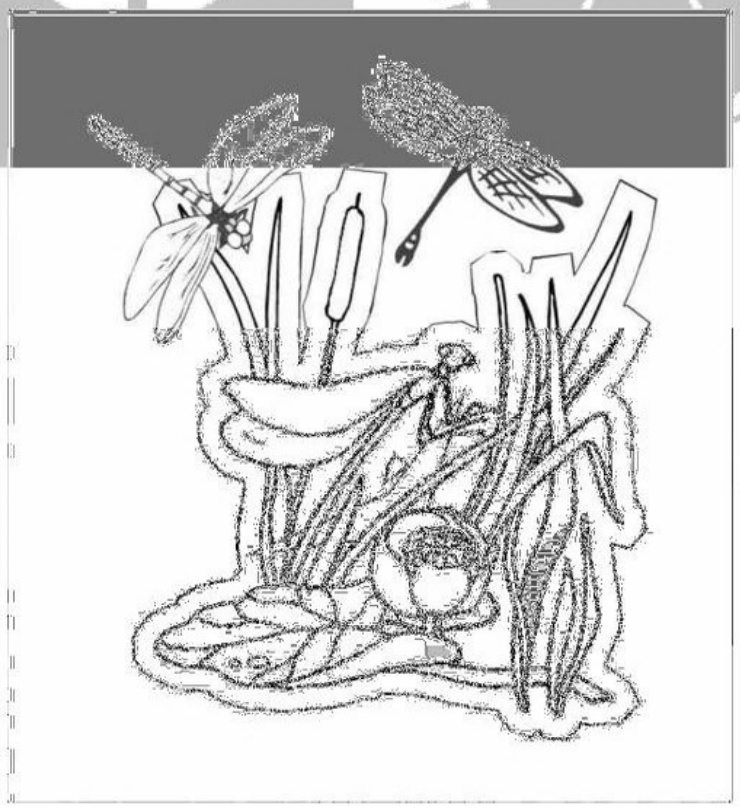
– Hôm nay chuồn chuồn bay cao, trời nắng to, cháu ạ. Cháu chớ đi dãi nắng kẻo bị cảm nhé.

Theo *Thân Phương Thu, Chuồn chuồn bay cao*

Tô màu bức tranh và giới thiệu 1 – 2 câu về bức tranh em vừa tô màu.

(HS dựa vào gợi ý về màu sắc chuồn chuồn)

M: *Bức tranh vẽ cảnh chuồn chuồn đậu trên những ngọn cỏ và hoa sen. Có ba chú chuồn chuồn. Chuồn chuồn ớt màu đỏ. Chuồn chuồn kim xanh biếc, bé tí tẹo.*



LUYỆN TẬP

CÁNH DIỀU VÀ THUYỀN GIẤY

A. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Luyện tập, kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng: đọc đúng và rõ ràng bài *Cánh diều và thuyền giấy*, biết ngắt hơi ở những chỗ có dấu phẩy, dấu chấm kết thúc câu.

– Luyện tập, kiểm tra kĩ năng đọc hiểu: trả lời được các câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh trong bài.

– Luyện tập, kiểm tra kĩ năng viết: viết được một lời chúc; viết được một câu về cô giáo; nghe – viết đúng chính tả hai khổ thơ 32 chữ; điền đúng ***g/ gh***, ***ng/ ngh*** vào chỗ trống; kết hợp được các từ phù hợp nhau về nghĩa.

– Góp phần hình thành năng lực tự học, phẩm chất chăm chỉ (chăm học).

B. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Slide trình chiếu nội dung bài Luyện tập.

– *VBT1/2* hoặc Phiếu bài tập ghi sẵn nội dung bài Luyện tập.

C. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Đọc thành tiếng

HS đọc cá nhân.

Đọc hiểu

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện bài tập

– HS làm bài tập cá nhân.

– Sau khi làm xong, HS trao đổi bài cho bạn trong nhóm để kiểm tra kết quả.

– GV đánh giá kết quả bài làm của HS trước toàn lớp.

Đáp án:

Câu 1: *B*; **Câu 2:** *A*; **Câu 3:** *B*; **Câu 4:** *A*.

Câu 5: Viết một lời chúc gửi cho bạn của em.

– Yêu cầu: HS viết câu đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ, viết hoa chữ cái đầu câu, cuối câu có sử dụng dấu chấm.

– Đáp án:

+ *Mình chúc bạn luôn vui vẻ.*

+ *Mình chúc bạn khoẻ mạnh.*

+ *Mình chúc bạn nhận được nhiều quà.*

+ *Mình chúc bạn nhận được nhiều lời khen.*

Viết

1. Nghe – viết

– GV đọc to một lần hai khổ thơ trong **bài 1** SGK tr.163.

– HS luyện viết chữ dễ viết sai chính tả: *thoắt, chiếc thuyền*. GV nhận xét, chữa lỗi cho HS.

– GV hướng dẫn HS cách trình bày vào vở.

– HS nghe – viết vào vở Chính tả.

– HS viết xong, GV đọc chậm cho HS soát bài.

– HS đổi vở, rà soát lỗi cho nhau, nhắc bạn sửa lỗi (nếu có).

– GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

2. Viết một câu về cô giáo của em.

– Yêu cầu: HS viết câu đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ, viết hoa chữ cái đầu câu, cuối câu có sử dụng dấu chấm.

– Đáp án:

+ *Cô giáo em tên là Hiền.*

+ *Cô giáo em rất xinh đẹp.*

+ *Cô giáo em rất thương yêu chúng em.*

+ *Cô giáo em dạy rất giỏi.*

+ *Cô giáo em dạy rất dễ hiểu.*

3. Chọn

a. g hay gh?

Đáp án: *gấu trúc, ghe thuyền.*

b. ng hay ngh?

Đáp án: *hoa ngọc lan, nghiên cứu.*

4. Từ nào có thể đứng sau mặt trời*?*

Đáp án: *rực rỡ.*

MỤC LỤC

VẦN (Tiếp theo)

TUẦN 19

Bài 91. iêu yêu ươu 3
Bài 92. oa oe 5
Bài 93. uê uy uya 8
Bài 94. oan oat 11
Bài 95. Ôn tập 13

TUẦN 20

Bài 96. oăn oăt 19
Bài 97. oen oet 21
Bài 98. uân uât 24
Bài 99. uyn uyt 27
Bài 100. Ôn tập 29

TUẦN 21

Bài 101. uyên uyêt 36
Bài 102. oam oăm oap 38
Bài 103. oang oac 41
Bài 104. oăng oăc 44
Bài 105. Ôn tập 47

TUẦN 22

Bài 106. oanh oach 52
Bài 107. uynh uych 55
Bài 108. oai oay uây 58
Bài 109. oong ooc ươ uênh uêch uâng uyp 60
Bài 110. Ôn tập 63

LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Phần một. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Mục tiêu 69
2. Cấu trúc 69
3. Các kiểu bài 69
4. Những điểm cần lưu ý khi tổ chức các hoạt động 71

Phần hai. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC CỤ THỂ

Chủ điểm. EM ĐÃ LỚN

TUẦN 23

Bé vào lớp Một 87
Bé Mai 92
Năm người bạn 97
Đọc mở rộng 103

TUẦN 24

Ai có tài? 105
Cánh cam lạc mẹ 108
Răng xinh đi đâu? 112
Đọc mở rộng 117

TUẦN 25

Mặt trăng tìm bạn 119
Lời chào đi trước 123
Sử dụng nhà vệ sinh 126
Đọc mở rộng 131

Chủ điểm. GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG

TUẦN 26

Bàn tay mẹ 133
Làm anh 136
Tiết kiệm nước 140
Đọc mở rộng 146

TUẦN 27

Món quà sinh nhật tuyệt vời 148
Giúp mẹ thật vui 151
Đọc mở rộng 158
Luyện tập: Tôi có em rồi! 160

TUẦN 28

Cô chủ không biết quý tình bạn 162
Ngôi nhà 166

Tháp dinh dưỡng 170
Đọc mở rộng 176

Chủ điểm. TRƯỜNG HỌC CỦA EM

TUẦN 29

Cuốn lịch của dê con 177
Khi trang sách mở ra 180
Nói thế nào? 184
Đọc mở rộng 190

TUẦN 30

Mèo con đi học 192
Những người bạn tốt 195
Quyển vở của em 199
Đọc mở rộng 205

TUẦN 31

Ai ngoan sẽ được thưởng 206
Chuyện ở lớp 209
Nội quy lớp học 213
Đọc mở rộng 218

Chủ điểm. THIÊN NHIÊN QUANH EM

TUẦN 32

Mặt trời thức giấc 220
Trong giấc mơ buổi sáng 223
Mồ hôi của mèo 227
Đọc mở rộng 233

TUẦN 33

Ca sĩ đẹp nhất rừng xanh 234
Mời vào (trích) 237
Chiếc gương kì diệu 241
Đọc mở rộng 246

TUẦN 34

Quà tặng 247
Thuyền lá 251
Tấm biển trong vườn 255
Đọc mở rộng 261

TUẦN 35. ÔN TẬP

Phòng bệnh 262
Gửi lời chào lớp Một 266
Đọc mở rộng 269
Luyện tập: Cánh diều và thuyền giấy . 272

EBD

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ HOÀ – ĐẶNG MINH THUÝ
Thiết kế sách: NGUYỄN HỌC THỨC – ĐỖ HỮU PHÚ
Trình bày bìa: PHẠM HOÀI THANH – DƯƠNG BẢO NGỌC
Sửa bản in: ĐẶNG MINH THUÝ
Chế bản: CÔNG TY CP PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

Bản quyền © (2020) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát hành Sách giáo dục.

TIẾNG VIỆT 1 – TẬP HAI – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:.....
In.....bản (QĐ…), khổ 19 x 26,5 cm
Đơn vị in:.....địa chỉ….
Cơ sở in:……địa chỉ……..
Số ĐKXB: ……..
Số QĐXB:…../ QĐ – GD ngày… tháng… năm 2020
In xong và nộp lưu chiểu tháng … năm 2020.
Mã ISBN: ……..